S. S. VAN DINE

Nhã Nhã, Tào Huỳnh *dịch*

Lần đầu tiên, một tác phẩm của S. S. Van Dine được dịch sang tiếng Việt và xuất bản tại Việt Nam



KỶ NIỆM **90 NĂM** XUẤT BẢN TÁC PHẨM
THE BISHOP MURDER CASE

VỤ ÁN MẠNG GIÁM MỤC

đường số 77

đường số 76

đường Riverside Drive

Dr.

Di.

đường số 75

Pa.



TRI NGUYÊN

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TÁC GIẢ

S. S. Van Dine là bút danh của Willard Hungtington Wright (15/10/1888 - 11/04/1939), một nhà phê bình nghệ thuật và cũng là một nhà văn người Mỹ. Ông tạo ra thám tử hư cấu rất nổi tiếng là Philo Vance, xuất hiện trong cuốn sách đầu tiên vào năm 1926, sau đó là trong các bộ phim và trên đài phát thanh.

Willard Hungtington Wright là con trai của Archibald Davenport Wright và Annie Van Vranken Wright. Ông sinh ngày 15 tháng Mười năm 1888, tại Charlottesville, Virginia. Em trai ông, Stanton Macdonald-Wright (1890 - 1973), một nghệ sĩ trừu tượng nổi tiếng của Mỹ, có vẽ một bức tranh chân dung ông bằng sơn dầu vào khoảng năm 1913 -1914.

Năm 1907, Wright kết hôn với Katharine Belle Boynton tại Seattle, Washington. Ông kết hôn lần thứ hai vào năm 1930 với Eleanor Rulapaugh, được biết đến dưới cái tên Claire De Lisle, một họa sĩ tranh chân dung.

Wright, một nhà văn chủ yếu tự học, đã theo học trường St. Vincent College, Pomona College và đại học Havard nhưng không hoàn tất. Ông cũng học nghệ thuật ở Munich và Paris, chính việc học ở đây đã dẫn dắt ông tới công việc liên quan đến văn học và phê bình nghệ thuật cho tờ *Los Angeles Times.* Wright là một người ủng hộ chủ nghĩa tự nhiên của Theodore Dreiser. Ông đã viết tiểu thuyết “The Man of Promise” và một số truyện ngắn theo thể loại này. Khi là biên tập viên cho tạp chí văn học *The Smart Set,* từ năm 1912 - 1914,

ông đã cho xuất bản một số tiểu thuyết hiện thực của các tác giả khác. Ông bị sa thải khỏi vị trí đó khi chủ sở hữu bảo thủ của tạp chí cảm thấy rằng Wright đã cố tình khiêu khích độc giả trung lưu của họ với sự hứng thú của ông về những tác phẩm hư cấu trái với thông lệ và bị cho là khiêu dâm. Trong thời gian hai năm đó, Wright đã xuất bản truyện ngắn của Gabriele D'Annunzio, Floyd Dell, Ford Madox Ford, D.H. Lawrence và George Moore; một vở kịch của Joseph Conrad; và những bài thơ của Ezra Pound và William Butler Yeats.

Ông xuất bản cuốn "What Nietzsche Taught" vào năm 1915. Trong cuốn sách này, ông cung cấp thông tin và những lời nhận xét trong các cuốn sách của Nietzsche, cũng như trích dẫn từ mỗi cuốn sách.

Năm 1917, ông đã xuất bản *Misinforming a Nation,* một lời phê bình gay gắt về sự thiếu chính xác và định kiến tiếng Anh của bách khoa toàn thư Britannica tái bản lần thứ 11.

Wright tiếp tục sự nghiệp trong vai trò một nhà phê bình và nhà báo cho đến năm 1923, khi sức khỏe ông trở nên yếu đi do làm việc quá sức, nhưng thật ra là do nghiện thuốc (theo "Tiểu sử bút danh S. S. Van Dine" của John Loughery). Bác sĩ đã khuyên ông nên nghỉ ngơi (được cho là do bệnh tim, nhưng thật ra là do nghiện cocaine, một loại ma túy chiết xuất từ lá coca) trong hơn hai năm. Thất vọng và chán nản, ông bắt đầu sưu tập và đọc hàng trăm tác phẩm về tội phạm và điều tra. Wright cũng quyết định thử sức mình với tiểu thuyết trinh thám và tham khảo ý kiến của Maxwell Perkins, biên tập viên Scribner nổi tiếng mà ông quen tại Đại học Harvard. Năm 1926, cuốn sách đầu tiên về Philo Vance, The Benson Murder Case, được xuất bản dưới bút danh "S. S. Van Dine". Wright lấy bút danh từ chữ viết tắt của từ "steamship" và cái tên Van Dine, mà theo ông nói là

một cái tên cổ trong gia đình. Tuy nhiên, theo như lời Loughery, “không ai có cái tên Van Dine trong cây gia phả”.

Ông tiếp tục viết thêm 11 tiểu thuyết trinh thám, và những quyển sách đầu tiên về vị thám tử nghiệp dư trong tầng lớp thượng lưu, Philo Vance (người có tình yêu về mỹ học giống Wright), trở nên nổi tiếng tới nỗi lần đâu tiên trong đời Wright trở nên giàu có, nhưng niềm vui không trọn vẹn. Số phận của ông đã được báo trước một cách kỳ lạ ở Stanford West, người anh hùng trong cuốn tiểu thuyết của ông, nổi tiếng do từ bỏ công việc không được ưa chuộng trong khi tìm kiếm “một nền móng vững chắc của văn minh và tầng lớp quý tộc” và trở thành một tiểu thuyết gia thành công. Tiêu đề của một bài báo ông viết ở đỉnh cao của sự nổi tiếng của mình, “Tôi từng là một nhà trí thức và bây giờ hãy nhìn tôi đi”, phản ánh cả niềm tin và sự hối tiếc của ông về việc ông không được coi trọng như là một nhà văn hàng đầu. Những cuốn sách sau này của ông đã ít nổi tiếng hơn vì sở thích của công chúng trong việc đọc các tiểu thuyết hư cấu bí ẩn đã thay đổi.

Wright, người có tính cách giống với Vance, là một người điệu bộ và ham mê nghệ thuật, hiểu biết về nghệ thuật, âm nhạc và phê bình. Ông sống trong một căn hộ đắt đỏ, với niềm yêu thích trang phục và thức ăn đắt tiền, và sưu tập các tác phẩm nghệ thuật.

Wright mất vào ngày 11 tháng Tư năm 1939, ở thành phố New York, một năm sau khi xuất bản cuốn tiểu thuyết “The Grade Allen Murder Case” và để lại một tiểu thuyết ngắn được dự định dựng thành phim cho Sonja Henje, và được xuất bản sau khi ông mất dưới tên “The Winter Murder Case”.

Series về thám tử Philo Vance gồm 12 tác phẩm:

The Benson Murder Case (1926)

The Canary Murder Case (1927)

The Greene Murder Case (1928)

The Bishop Murder Case (1928)

The Scarab Murder Case (1929)

The Kennel Murder Case (1933)

The Dragon Murder Case (1934)

The Casino Murder Case (1934)

The Garden Murder Case (1935)

The Kidnap Murder Case (1936)

The Grade Allen Murder Case (1938)

The Winter Murder Case (1939)

Cùng với sự thành công trong vai trò một nhà văn viết tiểu thuyết hư cấu, những dòng giới thiệu và ghi chú của Wright trong tuyển tập "The world's great detective stories" (Những truyện trinh thám hay trên thế giới - 1928) rất quan trọng trong lịch sử nghiên cứu phê bình về tiểu thuyết trinh thám. Ông cũng đã viết một bài báo có tựa đề "Twenty rules for writing detective stories" (Hai mươi quy tắc viết truyện trinh thám) vào năm 1928 được đăng trên tạp chí *The American.* Nó thường xuyên được tái bản và thường được đối chiếu với "Ten commandments of detective fiction" (Mười điều răn về truyện trinh thám - 1929) của Ronald Arbuthnott Knox (1888 - 1957), một linh mục, nhà thần học và tác giả truyện trinh thám người Anh.

Wright cũng viết một series truyện ngắn cho hãng phim Warner Brothers vào đầu thập niên 1930. Những câu chuyện này đã được sử

dụng trong một series gồm 12 phim ngắn, với độ dài khoảng 20 phút mỗi tập, được phát hành vào năm 1931 -1932:

The Clyde Mystery (tháng 09/1931)

The Wall Street Mystery (11/1931)

The Week End Mystery (12/1931)

The Symphony Murder Mystery (01/1932),

The Studio Murder Mystery (02/1932)

The Skull Murder Mystery (03/1932)

The Cole Case (The Cole Murder Case) (04/1932)

Murder in the Pullman (05/1932)

The Side Show Mystery (06/1932)

The Campus Mystery (07/1932)

The Crane Poison Case (07/1932)

The Trans-Atlantic Murder Mystery (08/1932)

Trong số đó, The Skull Murder Mystery cho thấy việc xây dựng tình tiết kịch bản mạnh mẽ của Wright. Nó cũng nổi tiếng về cách đối xử không phân biệt chủng tộc đối với những nhân vật người Trung Quốc, một điều khá bất thường vào thời điểm đó. Theo như được biết, không có kịch bản nào của ông được xuất bản thành sách và dường như không có bản thảo nào tồn tại đến ngày nay.

Những phim ngắn cực kỳ phổ biến vào thời điểm đó và Hollywood đã làm hàng trăm phim như thế trong thời kỳ đó. Tuy nhiên, trừ một số phim hài câm, hầu hết những bộ phim này đều bị lãng quên và không được liệt kê trong các cuốn sách tham khảo về phim ảnh.

NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM

Philo Vance: thám tử.

Currie: người hầu của Vance.

Van Dine: luật sư, người kể chuyện, đi cùng với Philo Vance trong các cuộc điều tra và sau đó kể lại cho độc giả.

John F.-X. Markham: công tố viên quận New York.

Swacker: thư ký của công tố viên quận.

Ernest Heath: trung sĩ của Cục Hình sự.

Giáo sư Bertrand Dillard: nhà vật lý nổi tiếng.

Belle Dillard: cháu gái giáo sư Bertrand Dillard.

Sigurd Arnesson: giáo sư toán học, con trai nuôi của giáo sư Bertrand Dillard.

Pyne: quản gia nhà Dillard.

Beedle: đâu bếp nhà Dillard.

Adolph Drukker: nhà khoa học và tác giả.

Bà Drukker: mẹ của Adolph Drukker.

Grete Menzel: đầu bếp nhà Drukker.

John Pardee: nhà toán học và chuyên gia cờ vua.

Joseph Cochrane Robin: nhà vô địch bắn cung.

Raymond Sperling: kỹ sư.

John E. sprigg: sinh viên đại học Columbia.

Whitney Barstead: bác sĩ, nhà thần kinh học xuất sắc.

Quinan: phóng viên của báo World.

Madeleine Moffat: cô bé hay đến chơi ở nhà Drukker.

O'Brien: chánh thanh tra của Sở Cảnh sát thành phố New York.

William M. Moran: sĩ quan chỉ huy của Cục Điều tra.

Pitts: đại úy của Cục Hình sự.

Guilfoyle: thám tử của Cục Hình sự.

Snitkin: thám tử của Cục Hình sự.

Hennessey: thám tử của Cục Hình sự.

Emery: thám tử của Cục Hình sự.

Burke: thám tử của Cục Hình sự.

Dubois: đại úy, chuyên gia về dấu vân tay.

Emanuel Doremus: bác sĩ, chuyên gia giám định pháp y.

CHƯƠNG 1

"AI GIẾT CHIM CỔ ĐỎ?"

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; trưa)

Trong tất cả vụ án hình sự mà Philo Vance tham gia với tư cách là một nhân viên điều tra không chính thức thì vụ án độc ác nhất, kỳ lạ nhất, có vẻ khó hiểu nhất và chắc chắn kinh khủng nhất phải là vụ án tiếp theo vụ giết những người nhà Greene*. Bữa tiệc khủng khiếp tại lâu đài cổ nhà Greene đi đến hồi kết gây kinh hoàng vào tháng Mười hai; và sau ngày lễ Giáng sinh, Vance bay đến Thụy Sĩ để xem Thế vận hội Mùa đông*. Về lại New York vào cuối tháng Hai, anh dấn thân ngay vào công việc văn chương mà anh đã ấp ủ từ lâu - bản dịch thô những đoạn tác phẩm chính của Menander* được tìm thấy trên giấy cói Ai Cập trong những năm đầu của thế kỷ này; và trong vòng hơn một tháng anh đã tận tụy với công việc thầm lặng đó.

Anh có hoàn thành bản dịch này không, hay thậm chí công sức của anh có bị gián đoạn không, tôi không biết rõ; bởi vì Vance là một con người có niềm say mê các nền văn hóa, trong người anh tinh thần nghiên cứu và phiêu lưu trí óc lúc nào cũng tương phản với sự vất vả cần thiết và sự sáng tạo trong học thuật. Tôi nhớ một năm trước đây khi anh bắt đầu viết về cuộc đời của sử gia Xenophon* - kết quả của lòng nhiệt huyết được thừa hưởng từ những ngày học đại học của anh khi lần đầu tiên đọc *Anabasis** và *Memorabilia** - và nhanh chóng mất hứng thú khi đọc đến cuộc hành quân lịch sử do Xenophon chỉ huy mười ngàn quân trở về biển. Tuy nhiên, sự thật là công trình dịch các tác phẩm của Menander mà Vance đang làm đã bị gián đoạn một

cách đột ngột vào đầu tháng Tư; và hàng tuần liền anh bị cuốn hút vào một vụ án hình sự bí ẩn khiến cả đất nước ở trong trạng thái bị kích động khủng khiếp.

Cuộc điều tra tội phạm mới này, trong đó anh giữ vai trò như một *amicus curiae** cho John F.-X. Markham, công tố viên quận New York, được biết đến với tên gọi là "Vụ án mạng Giám Mục" sau đó. Cái tên này - kết quả của xu hướng báo chí thích gắn tên gọi vào mỗi *cause célèbre** - theo một nghĩa nào đó, đã được đặt sai. Không hề có liên quan đến Giám mục nào trong tội ác ma quái khiến cho cả cộng đồng phải tìm đọc "Đồng dao Mẹ Ngỗng"* với sự sợ hãi khủng khiếp* ; và không có một vị Giám mục nào, theo tôi biết, có liên quan ở mức nhỏ nhất đến những sự kiện ghê gớm đó để có cách gọi như vậy. Nhưng, đồng thời, cái từ "Giám Mục" vẫn phù hợp, bởi vì nó là một bí danh được kẻ sát nhân sử dụng cho mục đích tàn bạo nhất. Chính cái tên này đã tình cờ dẫn dắt Vance đến sự thật gần như không thể tin nổi và kết thúc một trong những tội ác liên hoàn kinh khủng nhất trong lịch sử ngành cảnh sát.

Chuỗi sự kiện kỳ quái và có vẻ như không liên quan với nhau tạo nên vụ án mạng Giám Mục và đẩy lùi tất cả suy nghĩ về Menander và những bài thơ một câu của Hy Lạp ra khỏi tâm trí Vance, bắt đầu vào buổi sáng ngày 2 tháng Tư, chưa đầy năm tháng kể từ sau vụ xả súng kép giết chết Julia và Ada Greene. Hôm ấy là một trong những ngày xuân ấm áp hiếm hoi thỉnh thoảng New York có được vào đầu tháng Tư; và lúc ấy Vance đang ăn sáng trong khu vườn nhỏ nằm trên sân thượng căn hộ của mình ở đường số 38 Đông. Trời gần trưa - Vance làm việc và đọc sách đến rất khuya, và thức dậy muộn - mặt trời rọi nắng xuống bầu trời trong xanh, bao trùm thành phố với một vẻ ngoài thờ ơ. Vance nằm dài trên chiếc ghế bành, bữa sárig được đặt trên

chiếc bàn bên cạnh, ngắm nhìn xuống hàng cây cao ở sân sau với ánh mắt chua chát và hối tiếc.

Tôi biết anh đang nghĩ gì. Thói quen của anh vào mỗi mùa xuân chính là đi Pháp; và đã từ lâu anh nghĩ, cũng như George Moore*, rằng Paris và tháng Năm là một. Nhưng cuộc di cư ồ ạt hậu chiến tranh của những người Mỹ mới phất sang Paris đã làm hỏng niềm vui của anh trong chuyến du hành hàng năm này; và mới chỉ một ngày trước thôi, anh báo cho tôi biết rằng chúng tôi phải ở lại New York đến mùa hè.

Nhiều năm qua tôi đã là bạn và là cố vấn pháp luật của Vance - như một người hợp tác và quản lý sổ sách. Tôi đã bỏ việc ở văn phòng luật sư của cha tôi, Davis & Van Dine, để dồn hết tâm huyết cho niềm đam mê của anh - một vị trí mà tôi nhận ra thoải mái hơn hẳn việc làm luật sư bình thường trong một văn phòng ngột ngạt - và dù chỗ ở của tôi nằm trong một khách sạn ở West Side, tôi dành phần lớn thời gian của mình ở căn hộ của Vance.

Sáng hôm đó tôi đến sớm, trước cả lúc Vance thức dậy, và sau khi đã xem qua các sổ sách của tháng, tôi ngồi hút tẩu thuốc một cách lơ đãng trong khi anh dùng điểm tâm.

“Anh biết không, Van,” anh nói với tôi, bằng giọng lè nhè không cảm xúc; “cái viễn cảnh về mùa xuân và mùa thu ở New York đều không hào hứng hay lãng mạn gì cả. Nó sẽ cực kỳ buồn tẻ. Nhưng nó sẽ ít phiền phức hơn việc đi lại ở châu Âu với đám du khách tầm thường chen lấn nhau… Điều đó thật phiền não.”

Anh không tài nào ngờ được những tuần tiếp theo sau đó mang lại cho anh điều gì. Anh biết tôi ngờ vực cả cái viễn cảnh mùa xuân thời tiền chiến ở Paris sẽ mang anh đi; vì trí óc vô độ của anh chẳng khác gì một vấn đề phức tạp; thậm chí lúc anh nói với tôi vào sáng hôm đó

rằng các vị thần điều khiển số phận của anh đang chuẩn bị một câu đố kỳ lạ và quyến rũ cho anh - một câu đố làm khuấy động cả đất nước và thêm một chương mới tồi tệ vào biên niên sử của tội ác.

Vance vừa mới rót thêm cốc cà phê thứ hai thì Currie, ông quản gia người Anh già nua và cũng là người giúp việc, xuất hiện tại cánh cửa kiểu Pháp cùng với chiếc điện thoại.

“Là anh Markham, thưa anh,” ông ta nói một cách xin lỗi. “Vì nghe giọng anh ta có vẻ khá vội vã, nên tôi tự cho phép mình báo với anh ta rằng anh có ở nhà.” Ông ta cắm chiếc điện thoại vào đế, và đặt nó lên chiếc bàn ăn sáng.

“Làm đúng lắm, Currie,” Vance thì thầm, cầm điện thoại lên. “Bất cứ thứ gì để phá bỏ sự đơn điệu chán ngắt này.” Tiếp đó anh nói chuyện với Markham. “Này, ông bạn già, có bao giờ anh ngủ không? Tôi đang dùng *omelette aux fines herbes**. Anh có muốn ăn cùng không? Hay là anh chỉ đang muốn nghe giọng nói của tôi…?”

Bỗng nhiên anh ngừng lại, và vẻ đùa cợt trên gương mặt gầy guộc của anh biến mất. Vance là mẫu người Bắc Âu điển hình, với gương mặt dài và góc cạnh; cặp mắt xám, nằm xa nhau; chiếc mũi cao; và cằm thẳng hình trái xoan. Miệng anh rõ nét trên khuôn mặt nhưng nó lại mang vẻ chua cay độc địa, đậm chất Địa Trung Hải hơn Bắc Âu. Gương mặt anh cứng cáp và cuốn hút, cũng không hẳn là đẹp trai. Đó là một gương mặt của một người trầm tư và sống ẩn dật; và trông có vẻ mỉa mai - cẩn trọng và nội tâm - đóng vai trò như một tấm rào chắn ngăn cách anh và bạn bè của mình.

Dù anh có bản tính trầm tư và kiên trì rèn luyện bản thân để kiềm chế cảm xúc của mình, tôi để ý được, lúc anh lắng nghe Markham nói qua điện thoại vào sáng hôm đó, anh không thể hoàn toàn che giấu được niềm hứng thú của mình dành cho thứ anh được kể. Lông mày

hơi nhíu lại; và ánh mắt của anh cũng phản chiếu lại sự sửng sốt trong lòng. Thỉnh thoảng anh thốt lên “Kinh ngạc thật!” hay “Trời ạ!” hay “Cực kỳ khác thường!” - những câu chêm vào yêu thích nhất của anh - và sau vài phút anh nói với Markham, sự hào hứng tò mò biểu hiện trong cử chỉ của anh.

“Bằng mọi giá!” Anh nói. “Tôi không nên bỏ lỡ nó vì những vở hài kịch bị thất lạc của Menander… Nghe có vẻ điên rồ… Tôi sẽ đi thay đồ ngay lập tức… *Au revoi**.”

Đặt ống nghe xuống, anh gọi Currie.

“Bộ vét màu xám,” anh yêu cầu. “Cà vạt tối, và nón Homburg* màu đen của tôi.”

Rồi anh quay lại món trứng chiên với mối bận tâm.

Sau một lúc lâu anh nhìn tôi một cách thách đố.

“Anh biết gì về môn bắn cung, Van?” Anh hỏi.

Tôi không biết gì về môn này cả, chỉ biết là nó bao gồm việc bắn mũi tên vào mục tiêu, và tôi cũng thú nhận bấy nhiêu đó.

“Anh không thú vị gì cả, anh biết không?” Anh lười biếng châm lửa một điếu thuốc *Régie*. “Tuy nhiên, chúng ta có chút liên quan đến bắn cung, có vẻ như vậy. Bản thân tôi không dẫn đầu trong môn này, nhưng tôi cũng đã thử nghịch với cây cung ở Oxford. Nó không phải là thú tiêu khiển hào hứng cho lắm - chán hơn golf nhiều và rất phức tạp.” Anh mơ mộng hút thuốc. “Này, Van; lấy giúp tôi quyển sách về bắn cung của tiến sĩ Elmer ở thư phòng - có một chương khá hay.”*

Tôi mang quyển sách đến, và anh chìm đắm vào nó gần nửa tiếng đồng hồ, đọc đi đọc lại những chương liên quan đến bắn cung, các giải đấu và các trận thi đấu, và rà soát bảng phân loại điểm số cao nhất của Mỹ. Anh ngồi ngay ngắn trên ghế khá lâu. Hiển nhiên là anh đã tìm

ra thứ gì đó khiến anh chú ý và điều đó đã kích hoạt tâm trí nhạy cảm của anh phải hoạt động.

“Khá điên rồ đây, Van,” anh bình luận, ánh mắt nhìn vào hư không. “Một thảm kịch thời trung cổ ở thành phố New York hiện đại! Chúng ta không mang những đôi ủng và áo khoác da nữa, ấy vậy mà - trời ơi!” Anh đột nhiên ngồi thẳng dậy. “Không… không! Thật vô lý. Tôi đã để sự điên rồ từ tin tức của Markham ảnh hưởng đến mình…” Anh uống thêm cà phê, nhưng sắc mặt của anh nói cho tôi biết rằng anh không thể giải thoát bản thân mình ra khỏi cái ý tưởng đã chiếm lấy anh.

“Thêm một việc nữa, Van,” lúc lâu sau anh nói. “Lấy giúp tôi quyển từ điển tiếng Đức và tuyển tập ‘Home book of verse’ của Burton E. Stevenson* đi.”

Khi tôi đã đem số sách đến, anh tìm một từ trong từ điển xong đẩy quyển sách ra xa.

“Không may là chỉ có vậy, dù tôi đã biết rõ từ lâu.”

Sau đó anh quay sang phần tuyển tập khổng lồ của Stevenson bao gồm những bài hát ru và đồng dao. Vài phút sau anh cũng đóng cuốn sách đó lại và duỗi người trên ghế, nhả một làn khói thuốc dài ra mái hiên trên đầu.

“Không thể như vậy được,” anh phản đối, như thể phản đối chính mình. “Nó quá kỳ quái, quá hung bạo, quá méo mó. Một câu chuyện cổ tích đẫm máu, một thế giới kỳ dị, một sự sai trái của tất cả lý lẽ… Không thể tưởng tượng được, phi lý, như yêu thuật và những phép màu ma quái. Nó hết sức điên loạn.”

Anh liếc nhìn đồng hồ, đứng dậy, đi vào nhà, bỏ mặc tôi suy đoán mơ hồ về nguyên nhân gây ra sự xáo trộn hiếm thấy ở anh. Một quyển sách chuyên luận về bắn cung, một cuốn từ điển tiếng Đức, một tuyển tập đồng dao dành cho trẻ con, và những câu nói khó hiểu của Vance

về sự điên rồ và kỳ dị - những thứ này có thể có mối liên hệ khả thi gì đây? Tôi thử tìm ra một mẫu số chung nhỏ nhất, nhưng không chút thành công. Và việc tôi thất bại thì cũng chả có gì là đáng ngạc nhiên. Ngay cả sự thật, khi nó xuất hiện vài tuần sau với một loạt bằng chứng không thể chối cãi, dường như quá khó tin và quá xấu xa mà đầu óc của một người bình thường có thể chấp nhận được.

Vance nhanh chóng phá vỡ suy đoán vô ích của tôi. Anh ăn mặc để ra ngoài, và có vẻ sốt ruột với sự đến trễ của Markham.

"Anh biết không, tôi muốn thứ gì đó làm tôi hứng thú - một vụ án cực kỳ thú vị, ví dụ như vậy," anh bình luận; "nhưng - trời ạ! - tôi không hẳn mong chờ một cơn ác mộng. Nếu tôi không quen thân với Markham thì tôi sẽ nghĩ ngờ anh ta đang đùa cợt."

Khi Markham bước vào khu vườn trên sân thượng vài phút sau, quá rõ ràng rằng anh ta vô cùng nghiêm túc. Biểu cảm của anh ta vừa u sầu vừa lo âu, và lời chào thân mật thường thấy ở anh ta chỉ còn là câu chào xã giao ngắn gọn. Markham và Vance là bạn thân của nhau được 15 năm. Dù bản chất thì hoàn toàn tươmg phản - một người thì cứng rắn, cộc cằn, thẳng thắn và gần như nghiêm nghị đến chán ngắt; người kia thì lại thất thường, hoài nghi, hòa nhã và không quan tâm đến những chuyện vặt vãnh trong cuộc sống - họ vẫn tìm thấy sức hút từ sự bổ trợ nhau như là nền tảng của một tình bằng hữu bền bỉ và không thể tách rời.

Trong một năm bốn tháng Markham làm công tố viên quận New York, anh ta thường gặp Vance bàn bạc các vấn đề quan trọng, và mỗi lần như vậy Vance luôn chứng minh được sự tin tưởng dành cho anh là hoàn toàn đúng chỗ. Thật vậy, Vance đóng góp gần như toàn bộ công lao phá nhiều vụ án xảy ra trong khoảng bốn năm đương nhiệm của Markham. Kiến thức của anh về bản chất con người, những am

hiểu về văn hóa, tư duy logic sắc sảo và tài đánh hơi sự thật bị che giấu bên dưới những vẻ ngoài giả tạo, tất cả đều thích hợp để anh làm công việc của một thám tử điều tra tội phạm - một công việc mà anh làm không chính thức liên quan đến những vụ án do Markham đảm trách.

Vụ án đầu tiên của Vance, không thể quên được, là vụ án mạng Alvin Benson*, và nếu không có sự tham gia của anh vào vụ án đó thì tôi nghi rằng sự thật còn lâu mới được đưa ra ánh sáng. Tiếp theo là vụ án tai tiếng về việc bóp cổ Margaret Odell* - một vụ giết người bí ẩn mà phương pháp điều tra thông thường của cảnh sát chắc chắn sẽ thất bại. Và năm ngoái, vụ án mạng Greene kinh hoàng (mà tôi đã nhắc đến) không chắc gì sẽ thành công nếu Vance không ra tay phá hỏng ý định cuối cùng của chúng.

Vì thế không có gì đáng ngạc nhiên khi Markham tìm đến Vance ngay từ đầu vụ án mạng Giám Mục. Càng lúc tôi càng để ý thấy anh ta dựa dẫm vào sự giúp đỡ của người khác trong việc điều tra tội phạm của anh ta; và trong trường hợp hiện tại, đặc biệt thuận lợi khi anh ta tìm đến Vance, để thông qua kiến thức chuyên sâu của Vance về những biểu hiện tâm lý khác thường của đầu óc con người, có thể phát hiện ra những âm mưu điên rồ, xấu xa và tìm ra được thủ phạm.

“Toàn bộ chuyện này có thể là tình trạng lộn xộn rối beng,” Markham nói, mà không có sự quả quyết. “Nhưng tôi nghĩ có lẽ anh muốn đi cùng…”

“Ồ. Đúng đấy!” Vance mỉm cười chế nhạo Markham. “Ngồi xuống một lát và kể mạch lạc câu chuyện đi. Xác chết không chạy đi đâu được đâu. Và tốt nhất là nên sắp xếp các sự kiện của chúng ta theo thứ tự nào đó trước khi chúng ta xem xét hiện trường. - Chẳng hạn như, những người đầu tiên liên quan là ai? Và tại sao Văn phòng Công

tố quận lại đưa ra phán đoán rằng đây là một vụ giết người chỉ trong vòng một giờ sau khi nạn nhân chết? Những thứ mà anh kể cho tôi nghe từ đầu đến giờ quá đỗi vô lý.”

Markham phiền muộn ngồi xuống mép ghế và vân vê điếu xì gà.

“Thật chết tiệt, Vance! Đừng bắt đầu với thái độ ‘Những bí ẩn của Udolpho’*. Tội ác - nếu đây là một tội ác - có vẻ đủ rõ ràng rồi. Đây là phương thức giết người không bình thường, tôi công nhận; nhưng chắc chắn nó không vô lý. Gần đây môn bắn cung trở nên được yêu thích. Cung và tên đang được sử dụng hầu như khắp các thành phố và trường đại học ở Mỹ.”

“Cứ cho là vậy. Nhưng đã lâu lắm rồi chúng mới được dùng để giết người có tên là Robin.”

Markham nheo mắt lại, và anh ta nhìn Vance dò xét.

“Ý tưởng đó cũng nảy ra trong anh, phải không?”

“Nảy ra trong tôi ư? Nó nhảy vào đầu tôi ngay lúc anh nhắc đến tên của nạn nhân.” Vance hút bập bập điếu thuốc. “‘Ai giết Chim Cổ Đỏ?’* Và bằng một cây cung và mũi tên!… Kỳ lạ làm sao bài đồng dao biết lúc còn nhỏ cứ lởn vởn trong đầu tôi. - Nhân tiện, tên của anh Robin xấu số này là gì vậy?”

“Joseph, hình như vậy.”

“Không sáng sủa hơn và cũng không gợi ý được gì… Có tên đệm không?”

“Xem này, Vance!” Markham cáu kỉnh đứng dậy. “Tên đệm của người bị sát hại thì có liên quan gì đến vụ án chứ?”

“Tôi không say đâu. Chỉ là chúng ta đang phát điên thì tại sao không điên đến cùng luôn. Một chút tỉnh táo ở đây cũng không mang lại giá trị gì.”

Anh rung chuông gọi Currie và bảo ông ta đi lấy quyển danh bạ điện thoại. Markham phản đối, nhưng Vance giả vờ không nghe thấy; và khi quyển danh bạ được mang đến anh lật tìm trên các trang một lát.

"Có phải nạn nhân sống ở đường Riverside Drive* không?" Cuối cùng anh hỏi, giữ ngón tay trên một cái tên được tìm thấy.

"Tôi nghĩ là vậy."

"Chà, chà." Vance đóng quyển danh bạ lại, và dán đôi mắt giễu cợt mang vẻ đắc thắng vào vị công tố viên. "Markham," anh chậm rãi nói, "chỉ có một Joseph Robin được liệt kê trong cuốn danh bạ điện thoại. Anh ta sống ở đường Riverside Drive, và tên đệm của anh ta là… Cochrane!"

"Chuyện quái này là sao?" Giọng nói của Markham gần như dữ tợn. "Cứ cho tên anh ta *là* Cochrane đi: anh có nghiêm túc không khi gợi ý rằng thông tin này có liên quan đến việc anh ta bị giết?"

"Ôi trời ơi, ông bạn già, tôi không gợi ý gì cả." Vance hơi nhún vai. "Tôi chỉ đang ghi nhận, cứ coi như là, một vài sự kiện liên quan đến vụ án. Vấn đề hiện tại chính là: một anh Joseph Cochrane Robin - tức là: Chim Cổ Đỏ - đã bị giết bằng cung tên. - Ngay cả điều đó cũng không khiến bộ óc pháp luật của anh thấy quá đỗi lạ lùng sao?"

"Không!" Markham thốt ra lời phủ định. "Cái tên của người chết cũng chỉ bình thường thôi; và cũng ngạc nhiên là không có thêm người bị giết hoặc bị thương với trò bắn cung đang phổ biến trở lại trên khắp cả nước. Hơn nữa, hoàn toàn có khả năng cái chết của Robin là kết quả của một vụ tai nạn."

"Ôi trời ạ!" Vance lắc đầu trách móc. "Lập luận đó, cho dù có đúng đi nữa, thì cũng không giúp ích được cho tình huống này là bao nhiêu. Nó chỉ khiến vụ việc trở nên kỳ quặc hơn thôi. Trong số hàng ngàn cung thủ ở tiểu bang này, người có tên giống Chim Cổ Đỏ lại tình cờ bị

giết bởi một mũi tên! Giả thuyết như vậy sẽ dẫn chúng ta đến thuyết thông linh, quỷ thần học và tương tự. Dù sao đi nữa, anh có tin vào những loài ma quái, những thứ giở trò đùa ác quỷ lên loài người hay không?"

"Tôi phải là một nhà thần thoại học thì mới được công nhận sự ngẫu nhiên sao?" Markham cáu gắt hỏi lại.

"Ông bạn ơi! Cánh tay của sự ngẫu nhiên không vươn xa đến vô tận được đâu. Dù sao thì cũng có quy luật của xác suất, dựa trên các công thức toán học xác định. Sẽ khiến tôi buồn nếu nghĩ rằng những người như Laplace*, Czuber* và von Kries* đã sống một cách vô ích. - Tuy nhiên, tình huống hiện tại thậm chí còn phức tạp hơn anh nghĩ. Ví dụ như anh từng nói trên điện thoại rằng người cuối cùng được biết là đã ở cùng Robin trước khi anh ta chết có tên là Sperling."

"Và ý nghĩa bí mật gì nằm trong sự kiện đó?"

"Có lẽ anh biết *Sperling* trong tiếng Đức có nghĩa là gì," Vance nhẹ nhàng gợi ý.

"Tôi có học trung học," Markham vặn lại. Sau đó anh ta trợn mắt, và cả người anh ta trở nên căng thẳng.

Vance đẩy cuốn từ điển tiếng Đức về phía anh ta. "Dù sao thì cũng tra từ đó đi. Chúng ta nên kỹ lưỡng một chút. Bản thân tôi đã tra cứu rồi. Tôi sợ trí tưởng tượng đang đùa giỡn với mình, và tôi muốn được nhìn thấy từ đó trên giấy trắng mực đen."

Markham im lặng mở cuốn từ điển ra, và để con mắt của mình chạy dọc xuống trang giấy. Sau khi nhìn chằm chằm vào từ đó một lúc lâu anh ta cố gắng đứng dậy một cách gượng gạo, cứ như đang chống lại một câu thần chú. Khi anh ta lên tiếng, giọng của anh ta khá ngang ngược.

“Sperling có nghĩa là ‘chim sẻ.’ Cậu học sinh nào cũng biết. Vậy thì sao?”

“Ồ, chắc chắn rồi.” Vance uể oải châm một điếu thuốc khác. “Và bất cứ cậu học sinh nào cũng biết bài đồng dao cổ có tên ‘Cái chết và việc mai táng Chim Cổ Đỏ,’ như thế nào?” Anh giễu cợt nhìn Markham, đang đứng bất động nhìn những tia nắng mùa xuân. “Vì anh giả vờ không biết bài đồng dao tuổi thơ kinh điển đó nên cho phép tôi đọc đoạn đầu nhé.”

Một cơn ớn lạnh, như sự có mặt của ma quỷ vô hình nào đó, quét qua tôi khi Vance lặp lại những câu quen thuộc ngày xưa:

“Ai giết Chim Cổ Đỏ?

‘Chính ta,’ chim sẻ nói,

‘Bằng cung và tên thôi,

Ta giết Chim Cổ Đỏ.”’

CHƯƠNG 2

TRÊN BÃI TẬP BẮN CUNG

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 12.30 p.m.)

Markham chậm rãi đưa mắt về phía Vance.

“Điên rồ!” Anh ta nhận xét, giống như một người phải đối mặt cùng lúc với một thứ vừa đáng sợ vừa không thể giải thích được.

“Chà, chà!” Vance nhẹ nhàng xua tay. “Đó là việc đạo ý tưởng. Tôi đã nói về nó ngay từ đầu rồi.” (Anh đã cố gắng vượt qua những cảm giác lúng túng của mình bằng một phong thái nhanh nhẹn.) “Và giờ đây nên có một người tình để khóc thương vì sự ra đi của anh Robin. Anh nhớ lại đi, có lẽ, là đoạn thơ:

“Ai là chủ lễ tang?

‘Chính tôi,’ bồ câu nói,

Tiếc tình yêu mất rồi;

Tôi làm chủ lễ tang.’”

Markham hơi ngớ ra, và những ngón tay của anh ta gõ lên bàn theo một nhịp điệu kỳ lạ.

“Trời ơi, Vance! Có một cô gái trong vụ án này. Và có khả năng sự ghen tuông là nguyên nhân của chuyện này.”

“Bây giờ, cứ cho là như thế! Tôi nghĩ chuyện này sẽ phát triển thành một dạng *tableau-vivant** dành cho những đứa trẻ mẫu giáo, phải không? Nhưng điều đó

sẽ làm cho công việc của chúng ta dễ dàng hơn. Tất cả những gì chúng ta phải làm là tìm một con ruồi."

"Một con ruồi ư?"

*"Musca domestica**, nói một cách thông thái... Ông bạn Markham ơi, anh quên rồi sao?...

Ai thấy anh chết rồi?

Ruồi nói rằng 'chính tôi,

Với đôi mắt nhỏ nhoi;

Tôi thấy anh chết rồi.'"

"Hãy trở lại thực tế đi!" Markham gắt gỏng. "Đây không phải là trò chơi của trẻ con. Đây là việc vô cùng nghiêm túc."

Vance gật đầu một cách lơ đãng.

"Trò chơi trẻ con đôi khi lại trở thành một công việc nghiêm túc nhất trong đời." Lời nói của anh chứa đựng vẻ kỳ lạ, xa xăm. "Tôi không thích điều này - tôi hoàn toàn không thích nó. Có quá nhiều trẻ con trong đó - đứa trẻ được sinh ra già cỗi với tâm trí bệnh tật. Nó giống như một thứ ghê tởm nào đó." Anh hút một hơi dài từ điếu thuốc, và làm một điệu bộ tỏ vẻ ác cảm. "Cho tôi thông tin chi tiết đi. Hãy tìm ra nơi mà chúng ta đang đứng trong cái vùng đất hỗn loạn này."

Markham ngồi xuống ghế.

"Tôi không có nhiều thông tin lắm. Thực tế thì tôi đã nói với anh mọi thứ mà tôi biết về vụ này qua điện thoại rồi. Là giáo sư Dillard gọi cho tôi ngay trước khi tôi nói chuyện với anh..."

"Dillard? Có phải là giáo sư Bertrand Dillard không?"

"Ông ấy đấy. Thảm kịch xảy ra ngay tại nhà ông ấy. - Anh biết ông ấy sao?"

"Cũng chẳng phải chuyện riêng tư gì cả. Tôi biết ông ấy cũng như giới khoa học biết về ông ấy thôi - một trong những nhà vật lý toán vĩ đại nhất. Hầu hết sách của ông ấy tôi đều có. - Sao ông ấy lại gọi cho anh vậy?

"Tối quen biết ông ấy gần hai mươi năm. Tôi học toán với ông ấy ở Columbia, và sau đó làm một số công việc pháp lý cho ông. Khi thi thể của Robin được tìm thấy thì ông ấy gọi ngay cho tôi - khoảng 11 giờ rưỡi. Tôi đã gọi cho trung sĩ Heath ở Cục Hình sự và chuyển vụ này cho anh ta - và tôi đã nói với anh ta rằng tôi sẽ đến gặp anh ta sau. Rồi tôi gọi cho anh. Bây giờ trung sĩ và người của anh ta đang đợi tôi ở nhà của giáo sư Dillard."

"Tình hình trong nhà đó ra sao?"

"Giáo sư, như anh biết, đã xin thôi việc từ khoảng mười năm trước. Kể từ đó, ông sống ở đường số 75 Tây*, gần đường Drive*. Ông ấy mang theo đứa con của em trai mình - một cô bé mười lăm tuổi. Giờ cô ấy chắc được hai mươi lăm rồi. Kế đến là người được ông bảo trợ, Sigurd Arnesson, người bạn cùng lớp với tôi ở trường đại học. Giáo sư nhận anh ta làm con nuôi từ lúc nhỏ. Hiện giờ Arnesson khoảng bốn mươi, là giảng viên toán tại Columbia. Anh ta rời Na Uy tới đất nước này khi mới lên ba, và 5 năm sau anh ta thành trẻ mồ côi. Anh ta có tố chất của một thiên tài về toán học, và giáo sư Dillard rõ ràng đã thấy rằng có thể đào tạo anh ta thành nhà vật lý học vĩ đại và đã nhận nuôi anh ta."

"Tôi có nghe về Arnesson," Vance gật gù. "Gần đây anh ta đã công bố một số biến đổi của lý thuyết Mie* về điện động lực học của các vật di chuyển… Và chỉ có ba người này - giáo sư Dillard, Arnesson và cô cháu gái – sống ở đó à?"

“Với hai người hầu. Giáo sư Dillard dường như có thu nhập rất cao. Tuy nhiên, họ sống không biệt lập lắm đâu. Ngôi nhà như là một cung điện dành cho các nhà toán học, và có vẻ là một *cénacle** khá tuyệt vời. Ngoài ra, cô gái, người luôn tham gia các hoạt động thể thao ngoài trời, sở hữu cho riêng mình một xã hội nhỏ. Tôi đã ở ngôi nhà đó vài lần, và lúc nào nó cũng có khách - một sinh viên nghiêm túc hoặc hai nhà khoa học trừu tượng trong thư viện trên lầu, hoặc một vài người trẻ tuổi ồn ào ở phòng khách bên dưới.”

“Còn Robin thì sao?”

“Anh ta - một người đàn ông trung niên cởi mở có vài thành tích về bắn cung - thuộc về nhóm của Belle Dillard.”

“Tôi biết mà. Tôi chỉ cần tìm cái tên này trong quyển sách nói về bắn cung. Một anh J. C. Robin dường như có thành tích cao trong một vài giải vô địch gần đây. Và tôi cũng ghi chú lại nữa, một anh Sperling đã từng là á quân trong vài giải đấu bắn cung lớn. - Vậy cô Dillard cũng là một cung thủ à?”

“Đúng vậy, một người khá đam mê. Trong thực tế, cô ấy đã tổ chức câu lạc bộ bắn cung Riverside. Bãi tập luyện là ở nhà của Sperling tại Scarsdale; nhưng cô Dillard đã dựng một bãi tập bên cạnh sân nhà của vị giáo sư ở đường số 75. Đó là nơi Robin đã bị giết.”

“À! Và, như anh nói, người cuối cùng gặp anh ta là Sperling. Con chim sẻ của chúng ta giờ đang ở đâu?”

“Tôi không biết. Anh ta đã gặp Robin ngay trước khi thảm kịch xảy ra; nhưng khi cái xác được tìm thấy thì anh ta đã biến mất. Tôi nghĩ Heath sẽ có tin tức về điều đó.”

“Và đâu đó cũng có thể có động cơ về sự ghen tuông mà anh đề cập đến chứ?” Mí mắt Vance rũ xuống lờ đờ, và anh hút thuốc một

cách thong thả nhưng rõ ràng lại đang có sự cân nhắc - một dấu hiệu cho thấy sự quan tâm đặc biệt của anh về những điều được nghe kể.

“Giáo sư Dillard có đề cập đến chuyện giữa cháu gái ông ấy và Robin; và khi tôi hỏi ông ấy Sperling là ai và tình hình của anh ta lúc ở nhà Dillard, ông ấy tâm sự là Sperling đã cầu hôn cô cháu gái. Tôi không nói việc này qua điện thoại, nhưng tôi nhận thấy Robin và Sperling là tình địch, và Robin có vẻ có lợi thế hơn hẳn.

“Và vì thế chim sẻ đã giết Chim Cổ Đỏ.” Vance lắc đầu một cách ngờ vực. “Không thể nào. Chuyện này quá đơn giản; và điều đó không giải thích được cho vở kịch vô cùng hoàn hảo theo bài đồng dao Chim Cổ Đỏ. Phải là thứ gì đó thâm hiểm hơn - thứ gì đó đen tối và kinh khủng hơn - trong câu chuyện kỳ quặc này. - Nhân tiện, ai là người tìm thấy Robin?”

“Là giáo sư Dillard. Ông ấy đứng trên ban công nhỏ phía sau nhà, và thấy Robin nằm ở bãi tập, với một mũi tên ngay tim. Ông ấy chạy xuống nhà ngay lập tức - với một ông lão bị gout* thì chuyện đó có vẻ rất khó khăn - và nhìn thấy anh ta đã chết, ông ấy liền gọi cho tôi. - Đó là toàn bộ những thông tin trước đó mà tôi có.”

“Chưa có gì sáng tỏ cả, nhưng vẫn có một chút gợi ý.” Vance đứng lên. “Ông bạn Markham thân mến, hãy chuẩn bị cho một thứ khá kỳ lạ - và đáng ghê tởm. Chúng ta có thể loại trừ rằng đó là một tai nạn hay một sự trùng họp ngẫu nhiên. Trong khi sự thật là những mũi tên thông thường - được làm bằng gỗ mềm và gắn những cọc xiên nhỏ - có thể dễ dàng xuyên qua quần áo và đâm vào lồng ngực, ngay cả khi nó được bắn bởi một cây cung cỡ trung, sự thật là người có tên ‘Chim Sẻ’ có thể giết người có tên Cochrane Robin, bằng cây cung và mũi tên, loại trừ bất kỳ tình huống trùng hợp ngẫu nhiên nào. Thật vậy, sự kiện đáng kinh ngạc này đã chứng minh một cách chắc chắn rằng có

một mục đích xảo quyệt, độc ác ẩn sau vụ án.” Anh bước về phía cửa. “Đi thôi, hãy tìm thêm điều gì đó ở thứ mà cảnh sát Áo gọi là *situs criminis**.”

Chúng tôi rời khỏi nhà ngay lập tức và lái xe lên phố bằng xe của Markham. Đến Công viên Trung tâm* ở đại lộ 5, đi vào đường băng ngang công viên rồi đi sang đường số 72, và sau vài phút đi vào đại lộ West End rồi rẽ vào đường số 75. Nhà của giáo sư Dillard - số 391 - ở phía bên phải chúng tôi, phía xa là dãy nhà nhìn ra sông. Giữa nó và đường Drive, là tòa nhà chung cư lớn mười lăm tầng chiếm toàn bộ góc đường. Ngôi nhà của vị giáo sư dường như nép mình, như thể để chống đỡ vậy, trong cái bóng của cấu trúc khổng lồ kia.

Nhà của gia đình Dillard là ngôi nhà bằng đá màu xám hơi tối, và thuộc về thời kỳ mà nhà ở được xây dựng vì sự bền vững và tiện nghi. Khu đất có mặt tiền 35 foot*, và ngôi nhà rộng 25 foot*. 10 foot* còn lại của khu đất, tạo thành lối đi tách rời ngôi nhà với chung cư, được ngăn cách với đường bằng bức tường đá 10 foot với một cửa sắt lớn ở giữa.

Ngôi nhà theo lối kiến trúc thuộc địa cải biên. Vài bậc tam cấp dẫn từ ngoài đường vào hiên nhà hẹp lát gạch được trang hoàng với bốn cây cột trắng kiểu Corinthian*. Ở tầng hai là hàng loạt cửa sổ hai cánh, được gắn những tấm kính chữ nhật, chạy theo chiều rộng toàn ngôi nhà. (Những điều này, sau đó tôi được biết, là những cửa sổ của thư viện.) Có gì đó ở nơi này rất yên tĩnh và rất cổ xưa: nó xuất hiện giống như bao thứ khác nhưng lại là hiện trường của một tội ác khủng khiếp.

Hai xe cảnh sát đậu gần cửa ra vào khi chúng tôi đến, và có hàng tá người xem tò mò tụ tập trên đường. Một cảnh sát tuần tra uể oải tựa vào cột có những đường rãnh của hiên nhà, nhìn chằm chằm vào đám đông trước mặt anh ta với thái độ khinh khỉnh chán chường.

Ông lão quản gia tiếp chúng tôi và dẫn chúng tôi vào phòng khách bên trái sảnh, nơi chúng tôi thấy trung sĩ Ernest Heath và hai người khác đến từ Cục Hình sự. Viên trung sĩ, đang đứng bên cạnh bàn trà hút thuốc, ngón tay cái móc vào áo gile, tiến về phía chúng tôi và thân thiện bắt tay Markham.

“Tôi rất vui khi thấy anh ở đây,” anh ta nói; và cái nhìn lo lắng trong đôi mắt xanh lạnh lùng của anh ta dường như giảm đi chút ít. “Tôi đã chờ đợi anh. Có điều gì đó rất đáng ngờ về vụ này.”

Anh ta bắt gặp cái nhìn của Vance, người nãy giờ vẫn ở bên cạnh làm nền, và nét mặt thô bè của anh ta nở nụ cười thân thiện.

“Xin chào, anh Vance. Tôi đã có một ý nghĩ thầm kín là anh sẽ bị kéo vào vụ này. Anh đã làm gì trong suốt mấy tháng qua?” Tôi không thể so sánh biểu hiện thân thiện này của viên trung sĩ với thái độ thù hằn trong lần đầu tiên anh ta gặp Vance ở vụ Benson. Nhưng đó đã là quá khứ kể từ lần đầu họ chạm trán ở phòng khách trong vụ ám sát Alvin; giữa Heath và Vance đã có thêm sự gắn bó nhiệt tình, dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và sự ngưỡng mộ thẳng thắn dành cho nhau.

Vance đưa tay ra, và nở nụ cười ở khoé môi.

“Sự thật là, trung sĩ à, tôi đã nỗ lực để tìm lại những vinh quang trong quá khứ của một người Athens tên là Menander, một đối thủ về kịch nghệ của Philemon*. Thật ngớ ngẩn, phải không?”

Heath càu nhàu với vẻ khinh khỉnh.

“Được quá, dù sao đi nữa, nếu anh có thể làm tốt việc đó như việc tìm ra thủ phạm, chắc hẳn anh sẽ đạt được thành công.” Đó là lời khen ngợi đầu tiên mà tôi nghe được từ miệng anh ta, và nó không chỉ chứng minh cho việc ngưỡng mộ của anh ta dành cho Vance, mà còn cho thấy những rắc rối và suy nghĩ bấp bênh của chính viên trung sĩ.

Markham cảm nhận được sự bất an của viên trung sĩ, và hỏi một cách đột ngột: “Dường như có trở ngại trong vụ này?”

“Tôi không biết là có trở ngại gì, thưa anh”, Heath đáp. “Có vẻ như chúng ta có một người đàn ông đã chết là điều rõ ràng rồi. Nhưng tôi không cảm thấy hài lòng, và - ôi, trời! - anh Markham ạ… nó thật bất thường, nó chẳng gợi lên ý gì cả.”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu điều anh muốn nói.” Markham nhìn viên trung sĩ với vẻ dò xét. “Anh có nghĩ theo hướng Sperling có tội không?”

“Chắc chắn, anh ta có tội,” Heath quả quyết. “Nhưng đó không phải là điều làm tôi lo lắng. Để tôi nói cho anh biết sự thật, tôi không thích tên của gã sát nhân này - đặc biệt là khi hắn giết người bằng một cây cung và mũi tên…” Anh ta do dự, với chút ngại ngùng. “Anh không thấy kỳ quặc sao?”

Markham bối rối gật đầu.

“Tôi cũng hiểu điều anh nói, nhớ lại bài đồng dao xem,” anh ta nói và quay đi.

Vance nhìn Heath bằng ánh mắt hài hước.

“Bây giờ anh cứ xem anh Sperling như là một ‘con chim’, trung sĩ à. Cách gọi này là thích hợp nhất. Sperling, anh hiểu chứ, trong tiếng Đức có nghĩa là ‘chim sẻ’. Và đó là một con chim sẻ, anh hãy nhớ lại đi, kẻ đã giết Chim Cổ Đỏ bằng một mũi tên… Một tình huống hấp dẫn chứ - phải không?”

Mắt của viên trung sĩ mở to, và miệng thì há hốc. Anh ta nhìn Vance chằm chằm với vẻ hoang mang gần như lố bịch.

“Tôi đã nói là chuyện này thật đáng ngờ mà!”

“Tôi muốn nói, đúng hơn là, nó thuộc về loài chim, anh không biết đấy thôi.”

"Anh nói về những thứ mà không ai hiểu cả," Heath hung hăng vặn lại. Đó là thói hiếu chiến của anh ta khi đối mặt với những điều không thể giải thích được.

Markham đành phải xen vào.

"Hãy thu thập những chi tiết của vụ án này, trung sĩ. Tôi lấy chúng còn anh hãy hỏi cung những người trong nhà."

"Chỉ là việc thông thường thôi, thưa anh." Heath đặt chân vào góc bàn và châm lại điếu thuốc đã tắt. "Tôi đang đợi anh đến để anh quyết định. Tôi biết anh quen với quý ông cao tuổi ở tầng trên; nên tôi mới chỉ làm vài thủ tục nhỏ. Tôi đã để một người ở con hẻm trông chừng không cho ai chạm vào xác nạn nhân cho đến khi bác sĩ Doremus* đến, ông ấy sẽ đến ngay khi xong bữa trưa. Tôi đã gọi người đến lấy dấu vân tay trước khi rời khỏi văn phòng, và họ có thể bắt đầu công việc bất cứ lúc nào; mặc dù tôi không biết họ có giúp được gì không…"

"Vậy còn cây cung đã bắn mũi tên?" Vance xen vào.

"Đó là cái mà chúng ta phải đánh cuộc; nhưng ông lão Dillard nói rằng đã nhặt nó từ con hẻm và mang nó vào nhà. Ông ấy có lẽ đã chạm lên những dấu tay đã có."

"Anh có biết gì về Sperling không?" Markham hỏi.

"Tôi đã có địa chỉ - anh ta sống trong một căn nhà ở ngoại ô gần Westchester - và đã cử hai người đưa anh ta đến đây ngay khi họ gặp anh ta. Sau đó tôi cũng đã nói chuyện với hai người giúp việc - là ông lão đã đưa anh vào đây, và con gái của ông ta, một người phụ nữ trung niên phụ trách nấu ăn. Nhưng chẳng ai trong số họ biết về điều gì cả, hoặc là họ đang giả vờ. Sau đó tôi định hỏi chuyện quý cô trẻ tuổi trong nhà." Viên trung sĩ giơ tay lên trong điệu bộ cáu kỉnh thất vọng. "Nhưng cô ấy vừa mới bị tổn thương và đang khóc; nên tôi nghĩ tôi nên để vinh dự lấy lời khai của cô ấy cho các anh. Snitkin và Burke"

- anh ta chỉ tay về phía hai vị thám tử đang đứng trước cửa sổ - “đã xuống tầng hầm, con hẻm và sân sau thử xem có nhặt nhạnh được thứ gì không, nhưng chẳng được gì cả. Và đó là tất cả những gì tôi nắm được. Ngay khi Doremus và người lấy dấu vân tay đến, và sau khi tôi có cuộc trao đổi riêng với Sperling thì tôi sẽ làm trái bóng lăn* và xử lý công việc.

Vance thở dài.

“Anh lạc quan thật đấy, trung sĩ à! Đừng thất vọng khi trái bóng của anh lại là một khối hộp không thể lăn được. Có gì đó quá đỗi kỳ quặc về bài đồng dao này; và, trừ phi tất cả các dấu hiệu này lừa tôi, anh sẽ được chơi trò bịt mắt bắt dê trong thời gian dài sắp tới.”

“Thế sao?” Heath nhìn Vance bằng ánh mắt hoàn toàn chán nản. Đó là bằng chứng của việc anh ta không ít thì nhiều có cùng quan điểm đó.

“Đừng để Vance làm anh nản chí, trung sĩ à,” Markham trấn tĩnh anh ta. “Anh ta đã để trí tưởng tượng bay xa quá.” Sau đó với cử chỉ sốt ruột anh ta quay về phía cửa. “Hãy nhìn qua hiện trường trước khi những người khác đến. Lát nữa tôi sẽ nói chuyện với giáo sư Dillard và những người khác trong gia đình. Và, nhân tiện, trung sĩ, anh không nhắc đến anh Arnesson. Anh ta không có ở nhà sao?”

“Anh ta đang ở trường đại học; nhưng hy vọng anh ta về sớm.”

Markham gật đầu và đi theo viên trung sĩ vào sảnh chính. Khi chúng tôi đi qua lối đi có lót thảm đến phía sau, có tiếng ồn trên cầu thang, rõ ràng là giọng nói ngập ngừng của người phụ nữ phát ra từ khu vực hơi tối ở trên.

“Có phải anh không, anh Markham? Bác tôi nói nhận ra được giọng của anh. Bác ấy đang đợi anh ở thư viện.”

“Tôi sẽ gặp bác của cô trong lát nữa, cô Dillard.” Giọng của Markham ấm áp và đầy sự cảm thông. “Và hãy chờ cùng với ông ấy vì tôi cũng muốn được gặp cô.”

Bằng tiếng ưng thuận thì thầm, cô gái biến mất ở đầu cầu thang.

Chúng tôi đi đến cửa sau của sảnh. Phía xa là một hành lang hẹp có những bậc thang gỗ dẫn xuống tầng hầm. Chúng tôi bước vào một căn phòng rộng, trần thấp với cánh cửa dẫn thẳng tới khu vực phía tây của ngôi nhà. Cánh cửa khép hờ, và có một người từ Cục Hình sự được Heath phân công đang đứng canh cái xác.

Căn phòng vốn từng là tầng hầm chứa đồ; nhưng nó đã được sửa đổi và trang trí lại, và giờ được sử dụng như phòng cho câu lạc bộ. Sàn xi măng được phủ bởi thảm sợi, và một bên tường được vẽ toàn cảnh các cung thủ qua các thời kỳ. Trên tấm bảng chữ nhật bên trái là một bức ảnh lớn về bắn cung với dòng chữ “Ayme for Finsburie Archers - London 1594”, với Bloody House Ridge ở một góc, Westminster Hall ở giữa, và Welsh Hall ở cận cảnh. Có một cây đàn piano và một máy hát ở trong phòng, có rất nhiều ghế mây thoải mái, một ghế dài, một cái bàn trà lớn bằng mây để bừa bộn đủ loại tạp chí thể thao; và một tủ sách nhỏ với đầy những tác phẩm liên quan đến môn bắn cung. Một vài bia tập bắn nằm ở một góc, những đĩa vàng và những vòng tròn đồng tâm nhiều màu tạo nên những mảng màu sắc rực rỡ dưới ánh mặt trời chiếu vào từ hai cửa sổ phía sau. Mảng tường gần cánh cửa được treo rất nhiều cung với kích thước và trọng lượng đa dạng; gần chúng là một tủ lớn khá cũ kỹ đựng các dụng cụ. Ở trên là một tủ treo nhỏ, rải rác những thứ linh tinh khác nhau và những dụng cụ, như bao cổ tay, găng tay bắn tên, những cây cọc, tiêu điểm và dây cung. Một tấm bảng lớn bằng gỗ sồi giữa cửa ra vào và

cửa sổ phía tây trưng bày một trong những bộ sưu tập các mũi tên thú vị và đa dạng nhất mà tôi từng thấy.

Tấm bảng thu hút sự chú ý của Vance một cách đặc biệt, điều chỉnh kính một mắt cẩn thận, anh đi chầm chậm quanh nó.

“Những mũi tên săn bắn và chiến đấu,” Vance nhận xét. “Vô cùng hấp dẫn… A! Một trong những vật kỷ niệm đã biến mất. Bị lấy xuống một cách vội vàng. Chiếc đinh bằng đồng treo nó đã bị bẻ cong một cách tệ hại.”

Trên sàn nhà có vài ống tên chứa đầy mũi tên. Anh cúi xuống và rút từng cái một, đưa cho Markham.

“Những mũi tên yếu ớt này dường như không thể đâm xuyên ngực của con người được; nhưng những mũi tên kia hoàn toàn có thể bắn xuyên qua một con hươu cách đó tám mươi yard… Và tại sao mũi tên dùng để săn bắn không có trên bảng? Một điểm thú vị đây.”

Markham nhăn mặt và mím môi lại; và tôi nhận ra rằng anh ta đang cố bám lấy tia hy vọng cuối cùng rằng bi kịch này chỉ là một tai nạn. Anh ta quăng mũi tên lên ghế một cách vô vọng, và đi ra ngoài.

“Hãy đi xem xét thi thể và đầu đuôi vụ án,” anh ta nói một cách cộc cằn.

Khi chúng tôi ra khỏi ánh nắng ấm áp của mùa xuân thì đó cũng là lúc tôi cảm nhận được sự cô lập. Chỗ đường hẹp lát gạch mà chúng tôi đang đứng giống như hẻm núi giữa những bức tường dốc bằng đá. Nó ở dưới khoảng 4 đến 5 foot* so với mặt đường, có vài bậc thang đi lên đến cánh cổng ở bức tường. Một khoảng trống, bức tường phía sau không có cửa sổ của tòa nhà chung cư đối diện rộng đến 150 foot* ; và chính ngôi nhà của gia đình Dillard, mặc dù chỉ cao bốn tầng, đã tương đương sáu tầng lầu tiêu chuẩn trong kiến trúc ngày nay. Mặc dù chúng tôi đang đứng ở trung tâm của New York, không ai có thể trông

thấy chúng tôi trừ phi nhìn từ vài cửa sổ nhà Dillard và từ một cửa sổ lồi của căn nhà trên đường số 76, có sân sau tiếp giáp với đất của nhà Dillard.

Căn nhà kia, chúng tôi sớm biết được, thuộc quyền sở hữu của bà Drukker, nó đóng vai trò quan trọng và bi thảm trong việc tìm ra hung thủ giết Robin. Những cây liễu cao giống như chiếc mặt nạ cho những cánh cửa sổ đằng sau; và chỉ có cửa sổ lồi ở mặt bên của ngôi nhà là không bị cản tầm nhìn về đường hẻm mà chúng tôi đang đứng.

Tôi để ý rằng Vance đang nhìn lên cửa sổ lồi này, và khi anh nghiên cứu nó tôi thấy một tia hứng thú thoáng qua trên gương mặt anh. Phải đến buổi chiều tôi mới đoán được điều gì đã thu hút sự chú ý của anh.

Bãi tập bắn cung được kéo dài từ bức tường của nhà Dillard trên đường số 75 cho đến bức tường của nhà Drukker ở đường số 76, nơi mà một bia bắn làm bằng những kiện cỏ khô được dựng thẳng đứng trên nền cát cạn. Khoảng cách giữa hai bức tường là 200 foot*, như sau đó tôi được biết, để có thể tạo nên một sân tập sáu mươi yard*, như vậy cho phép luyện tập mục tiêu cho tất cả cuộc thi bắn cung tiêu chuẩn, trừ York Round* dành cho nam.

Lô đất cửa nhà Dillard sâu 135 foot*, độ sâu lô đất của nhà Drukker vì thế là 65 foot*. Một phần của hàng rào sắt cao chia sân sau làm hai đã được tháo dỡ, khoảng không được sử dụng làm bãi tập bắn cung. Tại nơi xa hơn của bãi tập, về phía tây của nhà Drukker, là một tòa nhà chung cư cao khác chiếm một góc của đường 76 và đường Riverside Drive. Ở giữa hai tòa nhà khổng lồ là một đường hẻm nhỏ, bãi tập kết thúc bằng một hàng rào gỗ cao với cửa nhỏ có khóa.

Vì mục đích rõ ràng là tôi đang kết hợp các ghi chép về sơ đồ toàn cảnh; sự sắp đặt các chi tiết địa hình và kiến trúc ảnh hưởng rất quan trọng đến kết cục của vụ án. Tôi chú ý vào những điểm đặc biệt sau: -

đầu tiên, câu chuyện về ban công tầng hai ở phía sau nhà Dillard, hướng ra bãi tập bắn cung; thứ hai, là cửa sổ lồi (ở tầng hai) của nhà Drukker, góc phía nam của nó nhìn được toàn cảnh bãi tập bắn cung phía đường số 75; và thứ ba, đường hẻm giữa hai tòa nhà chung cư, dẫn từ đường Riverside Drive đến sân sau nhà Dillard.

Thi thể của Robin nằm gần như ngay bên ngoài cửa của phòng bắn cung. Cái xác nằm ngửa, cánh tay duỗi thẳng, chân hơi co lên, đầu hướng về phía đường 76 cuối bãi tập bắn cung. Robin là một người đàn ông khoảng 35 tuổi, với chiều cao trung bình, và hơi mập mạp. Có một vết phồng trên mặt anh ta, được cạo nhẵn trụi trừ phần ria mép màu vàng hoe. Anh ta mặc bộ đồ thể thao bằng nỉ mỏng màu xám nhạt, áo sơ mi màu xanh nhạt, và giày Oxford* nâu vàng với đế cao su dày. Nón mềm bằng nỉ, màu ngọc trai nằm gần chân anh ta.

Cạnh cái xác là một vũng máu lớn đã đông lại có hình dạng như một bàn tay khổng lồ. Nhưng thứ giữ tất cả chúng tôi lại với sự mê hoặc đến kinh dị này là thân mũi tên đâm dọc từ bên ngực trái của người chết. Mũi tên nhô ra khoảng 20 inch*, và nơi mà nó đâm vào cơ thể là một vết xuất huyết lớn sẫm màu. Điều kỳ lạ của vụ án này càng phi lý hơn ở chỗ là những chiếc lông vũ đẹp đẽ được gắn trên mũi tên. Chúng được nhuộm bằng màu đỏ chói; và phần thân có hai sọc màu ngọc lam - giống như mũi tên trong những buổi lễ hội. Tôi có một cảm giác không thực về bi kịch này, giống như tôi vừa chứng kiến một cảnh trong vở kịch đồng quê dành cho trẻ con.

Vance đứng nhìn xuống cái xác với đôi mắt khép hờ, tay để trong túi áo. Mặc cho thái độ uể oải bên ngoài của anh, tôi có thể nói rằng anh đang trong tình trạng báo động, và trí não của anh đang bận rộn để sắp xếp lại những yếu tố trong cảnh tượng trước mắt.

“Dấu vết kỳ quặc của mũi tên,” anh nhận xét. “Được thiết kế cho một trận đấu lớn;… rõ ràng là thuộc về phòng trưng bày mà chúng ta vừa thấy. Và một phát bắn chuẩn - ngay vào điểm quan trọng, ở giữa xương sườn và không sai lệch chút nào. Thật phi thường!… Này, Markham à; với tài thiện xạ này thì đây không phải là con người nữa rồi. Một phát bắn may rủi có thể thực hiện được; nhưng kẻ sát nhân này không cho phép bất kỳ sự may rủi nào. Mũi tên dùng để săn bắn đầy uy lực này rõ ràng được lấy từ tấm bảng bên trong, cho thấy được âm mưu và sự sắp xếp…” Đột nhiên anh cúi xuống cái xác. “A! Thật thú vị. Khấc tên* đã bị hỏng, - tôi nghi ngờ việc nó đã giữ căng sợi dây cung.” Anh quay qua Heath. “Hãy cho tôi biết, trung sĩ: giáo sư Dillard tìm thấy cái cung ở đâu? - Không xa cửa sổ phòng câu lạc bộ, phải không?”

Heath tỏ vẻ ngạc nhiên.

“Ngay bên ngoài cửa sổ, thật vậy, anh Vance à. Hiện giờ, nó đang ở trên cây đàn piano, chờ người đến lấy dấu vân tay.”

“Họ sẽ chỉ tìm thấy dấu tay của giáo sư thôi, tôi e là thế.” Vance mở cặp và lấy một điếu thuốc khác. “Và tôi tin rằng mũi tên đó chẳng có dấu vân tay nào cả.”

Heath nhìn Vance một cách thắc mắc.

“Điều gì khiến anh nghĩ rằng cái cung được tìm thấy gần cửa sổ, anh Vance?” Anh ta hỏi.

“Đó có vẻ là nơi hợp lý, theo vị trí thi thể của anh Robin, anh biết đó.”

“Bắn từ cự ly gần, anh nghĩ thế sao?”

Vance lắc đầu.

“Không, trung sĩ à. Tôi đang đề cập đến thực tế là chân của người chết hướng về phía cánh cửa tầng hầm, và rằng, mặc dù tay anh ta duỗi thẳng, chân co lên. Đây là cái mà anh cho rằng một người bị ngã khi bị bắn xuyên qua tim sao?”

Heath cân nhắc vấn đề.

“Khô-ông,” anh ta thừa nhận. “Anh ta giống như ngã quỵ xuống hơn; hoặc, nếu anh ta có ngã về phía sau, chân anh ta phải thẳng và tay rút vào.”

“Đúng vậy. - Và hãy để ý cái nón của anh ta. Nếu anh ta ngã về phía sau thì nó sẽ ở đằng sau chứ không phải ở dưới chân.”

“Xem này, Vance,” Markham đột ngột đề nghị, “cái gì đang ở trong đầu anh vậy?”

“Chà, vô số thứ. Nhưng tất cả ý kiến hoàn toàn phi lý vì quý ông quá cố này không hề bị bắn bởi cung tên.”

“Vậy thì tại sao, lạy Chúa…”

“Đúng thế! Tại sao hiện trường được sắp đặt tỉ mỉ này lại hoàn toàn điên rồ? Ôi trời, Markham! Việc này thật rùng rợn.”

Khi Vance vừa nói xong thì cánh cửa tầng hầm mở ra, và bác sĩ Doremus, được hướng dẫn bởi thám tử Burke, vui vẻ bước vào. Ông ấy vui vẻ chào chúng tôi và vẫy tay. Sau đó ông ấy nhìn Heath bằng con mắt khó chịu.

“Trời ơi, trung sĩ!” Ông ta cằn nhằn, kéo nón xuống một cách ngang tàng. “Tôi chỉ dành ba tiếng để ăn; và anh luôn chọn ba tiếng này để làm phiền tôi với cái xác chết tiệt của anh. Anh đã làm hỏng việc tiêu hóa của tôi rồi.” Ông ta nhìn về phía viên trung sĩ một cách nóng nảy, và nhìn sang Robin, huýt sáo khẽ. “Trời ơi! Một sát nhân ưa thích cái đẹp mà anh đã chọn cho tôi đây sao!”

Ông ta quỳ gối xuống và bắt đầu lướt những ngón tay điêu luyện trên cái xác.

Markham đứng đó nhìn một lúc, nhưng rồi anh ta quay sang Heath.

“Trung sĩ, trong khi bác sĩ kiểm tra thì tôi sẽ lên lầu và trò chuyện với giáo sư Dillard.” Sau đó anh ta nói với Doremus. “Hãy gặp tôi trước khi ông rời khỏi đây, bác sĩ.”

“Ồ, chắc rồi.” Doremus không ngẩng đầu lên. Ông ta lật cái xác sang một bên, và xem xét bên ngoài hộp sọ.

CHƯƠNG 3

LỜI TIÊN TRI ỨNG NGHIỆM

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 1.30 p.m.)

Khi chúng tôi đến sảnh chính, đại úy Dubois và thanh tra Bellamy, các chuyên gia về dấu vân tay của trụ sở cũng vừa mới đến. Thanh tra Snitkin, người đang chờ họ, lập tức dẫn họ đến cầu thang xuống tầng hầm, còn Markham, Vance và tôi thì đi lên tầng hai.

Thư viện là một căn phòng rộng và sang trọng, ít nhất cũng sâu 20 foot*, chiếm hết bề rộng của ngôi nhà. Hai bên là những tủ sách lớn âm tường được xếp thành hàng cao đến trần nhà; và ở chính giữa bức tường phía tây nhô ra chiếc lò sưởi thời Napoleon I bằng đồng khổng lồ. Bên cạnh cửa là một cái tủ tinh tế thời Jacobean*, và đối diện, gần những cửa sổ nhìn ra đường số 75, là một chiếc bàn làm việc lớn được chạm khắc, ngổn ngang giấy tờ và sách vở. Có nhiều *objets - d'art** thú vị trong căn phòng; và hai bản vẽ của Dürer* nhìn xuống tấm thảm bên cạnh lò sưởi. Tất cả ghế đều rộng rãi và được bọc da màu tối.

Giáo sư Dillard ngồi trước bàn làm việc, một chân gác lên chiếc ghế nệm nhỏ; và ở bên góc gần cửa sổ, ngồi thu lu trên chiếc ghế bành, là cháu gái của ông ấy, một cô gái mạnh mẽ, trang phục nghiêm chỉnh với nét mặt nổi bật của một diễn viên cổ điển. Vị giáo sư già không đứng dậy chào chúng tôi, cũng không nói lời xin lỗi cho việc đó. Ông ấy có vẻ như đang lạm dụng sự hiểu biết của chúng tôi về căn bệnh của ông ấy. Màn giới thiệu cũng qua loa cho có lệ, dù Markham đã đưa ra lời giải thích ngắn gọn về sự có mặt của Vance và tôi ở đây.

“Tôi rất tiếc, Markham,” vị giáo sư nói, khi chúng tôi đã tự ngồi xuống, “rằng một thảm kịch lại trở thành nguyên nhân cho cuộc gặp gỡ này; nhưng rất vui khi được gặp anh. Tôi chắc là anh muốn thẩm vấn tôi và Belle. Vậy, cứ hỏi những gì anh thấy cần đi.”

Giáo sư Bertrand Dillard là một người đàn ông khoảng hơn sáu mươi tuổi, hơi khòm lưng vì cả đời dành cho nghiên cứu ít vận động: gương mặt nhẵn nhụi, có một cái đầu rộng và ngắn đặc trưng, điểm trên đó là mái tóc dày bạc trắng chải ngược. Đôi mắt ông ấy, tuy nhỏ, nhưng mãnh liệt và sắc sảo lạ thường; những nếp nhăn quanh miệng của ông ấy giữ lại biểu cảm nhăn nhó nghiêm trọng thường là do nhiều năm tập trung vào những vấn đề nan giải. Nét mặt ông là của người nghĩ ngợi xa xôi và nhà khoa học; và như thế giới đều biết, những giấc mơ điên rồ của người đàn ông này về không gian, thời gian và chuyển động đã được hiện thực hóa thành một nền tảng mới của giả thiết khoa học. Thậm chí bây giờ gương mặt của ông ấy vẫn phản chiếu lại sự trừu tượng nội tâm, cứ như cái chết của Robin chẳng khác gì một sự xâm phạm đến câu chuyện nội tâm của ông ấy.

Markham lưỡng lự một lúc trước khi đáp lại. Sau đó anh ta nói với vẻ tôn trọng:

“Có lẽ, thưa ông, ông cứ kể cho tôi những gì ông biết về thảm kịch này. Rồi tôi sẽ đặt ra những câu hỏi cần thiết.”

Giáo sư Dillard với lấy chiếc tẩu bằng đá bọt cũ nằm trên cái bàn bên cạnh. Khi ông ấy nhét thuốc và châm lửa xong, ông chỉnh lại ghế ngồi cho thoải mái hơn.

“Tôi đã kể cho anh nghe hầu như toàn bộ những gì tôi biết qua điện thoại rồi. Robin và Sperling đến đây vào khoảng 10 giờ sáng hôm nay để gặp Belle. Nhưng con bé đã đến sân chơi quần vợt, nên họ đợi ở phòng khách tầng dưới. Tôi nghe thấy họ nói chuyện với nhau ở đó

gần nửa tiếng trước khi họ đến phòng câu lạc bộ dưới tầng hầm. Tôi ở lại đây đọc sách có lẽ được một tiếng, rồi sau đó, vì thấy ánh nắng có vẻ dễ chịu nên tôi quyết định ra ban công sau nhà. Tôi ở đó khoảng 5 phút, tôi nghĩ thế, lúc tôi vô tình nhìn xuống bãi tập bắn cung; thì tôi cảm thấy kinh hoàng khi nhìn thấy Robin nằm ngửa mặt lên trời với phần thân của mũi tên nhô ra khỏi ngực anh ta. Tôi di chuyển xuống nhanh hết mức mà bệnh gout của tôi cho phép, nhưng ngay lúc đó tôi biết là chàng trai tội nghiệp ấy đã chết rồi; nên tôi lập tức gọi điện thoại cho anh. Lúc đó trong nhà không có ai ngoài lão Pyne - người quản gia - và tôi. Đầu bếp đã ra ngoài đi chợ; Arnesson đến trường đại học vào lúc 9 giờ sáng; và Belle vẫn còn ở sân quần vợt. Tôi bảo Pyne đi tìm Sperling, nhưng không thấy anh ta ở đâu cả; tôi quay lại thư viện để đợi anh đến. Khi người của anh đến thì Belle cũng vừa mới về, một lát sau đầu bếp cũng về đến. Arnesson sẽ về nhà sau 2 giờ chiều."

"Không có người nào khác ở đây sáng nay - không có người lạ hay khách khứa sao?"

Vị giáo sư lắc đầu.

"Có mỗi Drukker, - tôi nghĩ là anh có gặp anh ta ở đây một lần. Anh ta sống trong ngôi nhà đằng sau chúng tôi. Anh ta cũng thường ghé qua, tuy nhiên - chủ yếu là để gặp Arnesson: bọn họ có nhiều điểm chung. Anh ta có viết một quyển sách là 'Đường vũ trụ trong thể liên tục đa chiều.' Con người này cũng là một thiên tài theo cách của anh ta; có một bộ óc khoa học thật sự… Nhưng khi anh ta biết Arnesson đã ra ngoài, anh ta ngồi lại thảo luận với tôi một lát về chuyến thám hiểm Brazil của Hội thiên văn học Hoàng gia. Sau đó anh ta về nhà."

"Lúc đó là mấy giờ?"

"Khoảng 9 giờ rưỡi. Lúc Robin và Sperling đến Drukker đã đi rồi."

"Có gì bất thường không, giáo sư Dillard," Vance hỏi, "về việc anh Arnesson rời khỏi nhà vào sáng thứ Bảy?"

Vị giáo sư già bất ngờ nhìn lên, và có một chút lưỡng lự trước khi ông ấy trả lời.

"Cũng không hẳn bất thường; tuy nhiên nó thường ở nhà vào ngày thứ Bảy. Nhưng sáng nay nó có việc nghiên cứu quan trọng cần làm cho tôi ở thư viện khoa… Arnesson," ông ấy nói thêm, "đang làm việc với tôi để cho ra một quyển sách sắp tới."*

Mọi người im lặng trong chốc lát; sau đó Markham lên tiếng.

"Sáng nay ông có nói cả Robin và Sperling đều muốn cầu hôn cô Dillard…"

"Kìa bác!" Cô gái ngồi thẳng dậy trên chiếc ghế của mình và đưa ánh mắt giận dỗi, trách móc nhìn vị giáo sư già. "Không phải vậy đâu."

"Nhưng đó là sự thật cháu ạ." Giọng nói của ông ấy trở nên trìu mến rõ ràng.

"Thì đúng là thế - theo một cách nào đó," cô ấy thừa nhận. "Nhưng không cần thiết phải nhắc đến điều đó. Bác biết đấy, cháu xem trọng họ, cũng như họ đối với cháu. Bọn cháu là bạn tốt của nhau - chỉ vậy thôi. Mới tối hôm qua, khi họ ở đây cùng nhau, cháu đã nói với họ - khá rõ ràng - rằng cháu sẽ không nghe bất cứ lời cầu hôn ngớ ngẩn nào từ miệng của họ nữa. Họ chỉ là bạn của cháu thôi… và giờ đây một trong hai người họ đã mất rồi… Tội nghiệp Chim Cổ Đỏ!" Cô ấy cố gắng đè nén cảm xúc.

Vance nhướng mày lên và nghiêng mình về phía trước.

"'Chim Cổ Đỏ'?"

"À, tất cả chúng tôi đều gọi anh ấy như vậy. Chúng tôi làm vậy là để chọc ghẹo anh ấy, bởi vì anh ấy không thích biệt danh đó."

“Cái biệt danh quen thuộc,” Vance nhận xét một cách đồng tình. “Và biệt danh đó cũng khá hay, phải không nào. Chú Chim Cổ Đỏ trong nguyên bản được ‘mọi loài chim bay lượn’ yêu mến, và tất cả chúng đều thương tiếc cho cái chết của chú.” Anh vừa nói vừa nhìn cô gái một cách chăm chú.

“Tôi biết chứ,” cô ấy gật đầu. “ Tôi có kể cho anh ấy nghe điều đó một lần. Và mọi người cũng quý mến Joseph nữa. Anh không thể nào không quý mến anh ấy. Anh ấy rất… rất tốt bụng và tử tế.”

Vance ngồi lại vào ghế của mình; và Markham tiếp tục việc điều tra.

“Thưa giáo sư, ông có nói rằng ông đã nghe Robin và Sperling nói chuyện trong phòng khách. Ông có nghe được điều gì trong cuộc đối thoại của họ không?”

Ông lão nhìn lướt sang cô cháu gái.

“Câu hỏi đó có quan trọng không, Markham?” Ông ấy hỏi, sau một lúc lưỡng lự.

“Có thể rất cần thiết, liên quan đến vụ án”

“Có lẽ vậy.” Giáo sư trầm tư hút tẩu thuốc. “Mặt khác, nếu tôi trả lời thì tôi có thể gây ra ấn tượng sai lệch và gây ra sự bất công nghiêm trọng với người sống.”

“Ông không thể tin tưởng tôi trong việc phán xét điều đó sao?” Giọng của Markham ngay lập tức trở nên nghiêm trọng và nài nỉ.

Không gian lại chìm vào im lặng, nhưng bị cô gái phá vỡ.

“Sao bác không nói cho anh Markham những gì đã nghe được? Nó có hại gì đâu?”

“Bác chỉ nghĩ cho cháu thôi, Belle,” giáo sư nhẹ nhàng trả lời. “Nhưng có lẽ cháu nói đúng.” Ông ấy miễn cưỡng nhìn lên. “Markham, sự thật là Robin và Sperling đã cãi nhau về Belle. Tôi chỉ nghe thấy vài

câu, nhưng tôi đoán rằng người này nghĩ người kia cạnh tranh không công bằng - giở trò ngáng đường nhau…”

“Ôi! Họ không có ý đó đâu,” cô Dillard kịch liệt ngắt lời. “Họ lúc nào cũng chơi khăm nhau. Đúng là giữa họ có sự ganh tị; nhưng tôi không phải là nguyên nhân thật sự gây ra điều đó. Là thành tích bắn cung của họ mới đúng. Anh thấy đó, Raymond - anh Sperling - đã từng là một xạ thủ cừ hơn; nhưng đến năm ngoái Joseph đã đánh bại anh ấy ở vài buổi thi đấu, và vào giải đấu hàng năm mới đây của chúng tôi Joseph trở thành cung thủ vô địch của câu lạc bộ.”

“Và có lẽ Sperling nghĩ rằng,” Markham thêm vào, “sự đánh giá của cô dành cho anh ta đã thấp xuống.”

“Thật nực cười!” Cô gái vặn lại một cách nóng nảy.

“Cháu à, bác nghĩ chúng ta có thể tin tưởng giao lại vấn đề này cho Markham xử lý,” giáo sư Dillard xoa dịu. Rồi nói với Markham: “Anh còn muốn hỏi gì nữa không?”

“Tôi muốn biết tất cả những gì ông có thể nói cho tôi về Robin và Sperling - họ là ai; các mối quan hệ của họ; và ông quen biết họ đã bao lâu rồi.”

“Tôi nghĩ Belle có thể giải thích rõ ràng hơn tôi. Cả hai chàng trai quen thân với con bé. Tôi chỉ thỉnh thoảng gặp gỡ họ thôi.”

Markham quay sang nhìn cô gái mong đợi.

“Tôi quen biết họ nhiều năm rồi,” cô ấy trả lời ngay. “Joseph lớn hơn Raymond tám hoặc mười tuổi và sống ở Anh cho đến tận 5 năm trước, khi cha và mẹ của anh ấy đều qua đời. Anh ấy đến nước Mỹ và sống tại căn hộ riêng trên đường Drive. Anh ấy có một số tiền lớn và sống thảnh thơi, chú tâm vào sở thích câu cá, săn bắn và những hoạt động ngoài trời khác. Anh ấy có một vài mối giao thiệp và là một người bạn vui vẻ, thoải mái luôn luôn đến góp mặt vào các bữa tối hoặc làm

tay chơi bài bridge* thứ tư. Không có điểm gì thật sự nổi trội ở anh ấy cả - về mặt học thuật, anh biết đấy…"

Cô ấy ngừng lại, như thể lời nhận xét của cô ấy không phải với người chết theo cách nào đó, và Markham, nhận ra cảm xúc của cô, chỉ hỏi đơn giản:

"Còn Sperling?"

"Anh ấy là con trai của một nhà sản xuất giàu có - hiện giờ đã về hưu. Họ sống ở Scarsdale trong một tòa dinh thự xinh đẹp, - câu lạc bộ bắn cung của chúng tôi có một bãi tập bắn thường xuyên ở đó, - và Raymond là kỹ sư tư vấn cho một vài công ty ở trung tâm thành phố; nhưng tôi nghĩ anh ấy đi làm chỉ là để làm cha mình hài lòng, vì một tuần anh ấy chỉ đến văn phòng hai hoặc ba ngày thôi. Anh ấy tốt nghiệp trường Đại học Kỹ thuật Boston, và tôi gặp anh ấy lần đầu khi anh ấy đang là sinh viên năm hai, về nhà trong kỳ nghỉ hè. Raymond sẽ không bao giờ gây ra chuyện động trời đâu, anh Markham; anh ấy đúng là tuýp thanh niên Mỹ trẻ tuổi tốt bụng - chân thành, vui nhộn, hơi nhút nhát và hoàn toàn thẳng thắn."

Rất dễ dàng hình dung ra cả Robin và Sperling từ lời miêu tả ngắn gọn của cô gái; và cũng khó khăn như thế trong việc liên kết họ với thảm kịch xấu xa đã đưa chúng tôi đến với ngôi nhà này.

Markham ngồi nhíu mày suy nghĩ một lúc lâu. Cuối cùng anh ta ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào cô gái.

"Cô Dillard, hãy nói tôi nghe thử: cô có giả thuyết hoặc lời giải thích nào có thể, theo mọi mặt, lý giải cho cái chết của anh Robin không?"

"Không!" Một từ đơn giản bật ra khỏi miệng cô ấy. "Ai lại có thể muốn giết Chim Cổ Đỏ chứ? Anh ấy làm gì có kẻ thù. Toàn bộ chuyện này không thể tin được. Tôi không thể tin nó đã xảy ra cho đến khi tự

tôi đến và… và tận mắt nhìn thấy. Thậm chí chuyện đó cũng không có vẻ là thật nữa.”

“Tuy nhiên, cháu à,” giáo sư Dillard lên tiếng, “anh ta đã bị giết; cho nên phải có một chuyện gì đó trong đời anh ta mà cháu không biết hoặc không ngờ đến. Con người liên tục tìm ra được những ngôi sao mới mà các nhà thiên văn học thời xa xưa còn không tin là có tồn tại kia mà.”

“Cháu không thể tin là Joseph có kẻ thù,” cô ấy đáp. “Cháu sẽ không tin đâu. Điều đó hoàn toàn vô lý.”

“Cô nghĩ rằng,” Markham hỏi, “không chắc Sperling là người đã gây ra cái chết của Robin ư?”

“Không chắc ư?” Ánh mắt của cô gái lóe lên. “Không thể nào mới đúng!”

“Ấy vậy mà, cô biết đấy, cô Dillard,” - Vance nói bằng một giọng bình thường - *“Sperling* có nghĩa là ‘chim sẻ’.”

Cô gái ngồi im bất động. Gương mặt cô chuyển sang tái nhợt và hai bàn tay siết chặt tay vịn ghế. Rồi từ từ, và như thể vô vùng khó khăn, cô ấy gật đầu, và ngực cô bắt đầu phập phồng cùng với nhịp thở gấp. Bỗng nhiên cô rùng mình và áp khăn tay lên mặt.

“Tôi sợ lắm!” Cô thì thầm.

Vance đứng dậy và đi đến chỗ cô ấy, chạm vào vai cô một cách an ủi.

“Tại sao cô lại sợ?”

Cô ấy ngước nhìn lên và bắt gặp ánh mắt anh. Chúng có vẻ như đang trấn an cô, và cô nở một nụ cười gượng ép đáng thương.

“Mới ngày hôm kia thôi,” cô ấy nói, bằng giọng căng thẳng, “tất cả chúng tôi đều ở bãi tập bắn cung dưới nhà; và Raymond vừa đang

chuẩn bị bắn một lượt American Round*, thì Joseph mở cửa tầng hầm và đi ra bãi tập. Không có gì nguy hiểm cả, nhưng Sigurd - anh Arnesson, mọi người biết đó - đang ngồi trên ban công nhỏ sau nhà xem chúng tôi; và khi tôi kêu ‘Hi! Hi!’ chọc Joseph, Sigurd nhoài người ra và nói: ‘Anh không biết anh đang mạo hiểm như thế nào đâu, chàng trai ạ. Anh là một con Chim Cổ Đỏ và tay cung thủ kia là một con chim sẻ; và anh có nhớ chuyện gì đã xảy ra với con chim có cùng tên với anh khi một anh Chim Sẻ dùng cung và tên’ - hoặc đại loại như vậy. Lúc đó không ai để ý nhiều đến chuyện ấy. Nhưng giờ!…” Giọng cô ấy bỏ lửng thành tiếng lẩm bẩm sợ hãi.

“Thôi nào, Belle; đừng như vậy.” Giáo sư Dillard an ủi, nhưng không phải là không khó chịu. “Đó chỉ đơn thuần là một trong những câu nói đùa không đúng lúc của Sigurd mà thôi. Cháu biết nó luôn luôn nhạo báng và giễu cợt sự thật mà: đó chỉ là cách giải tỏa sự chuyên tâm liên tục vào những thứ trừu tượng của nó.”

“Cháu cũng nghĩ vậy,” cô gái trả lời. “Dĩ nhiên, đó chỉ là nói đùa thôi. Nhưng bây giờ nó có vẻ giống như lời tiên tri khủng khiếp. - Chỉ là,” cô nhanh chóng bổ sung, “Raymond *không thể* gây ra chuyện này.”

Vừa lúc cô nói xong thì cánh cửa thư viện đột nhiên mở ra và một thân hình cao và hốc hác xuất hiện tại ngưỡng cửa.

“Sigurd!” Tiếng kêu giật mình của Belle Dillard chứa đựng một sự khuây khỏa không thể chối cãi.

Sigurd Arnesson, người được giáo sư Dillard bảo trợ và nhận làm con nuôi, là một người đàn ông có vẻ ngoài nổi bật - cao hơn 6 foot*, tóc dày và thẳng, với cái đầu, mới nhìn vào, có vẻ quá khổ so với thân hình. Mái tóc gần như màu vàng của anh ta bù xù, như của một cậu học sinh; anh có mũi khoằm; hàm thì gầy và khỏe. Dù anh ta chưa ở độ tuổi trên bốn mươi, nhưng trên mặt anh ta lại có nhiều nếp nhăn.

Biểu cảm của anh ta nhăn nhó một cách mỉa mai; nhưng niềm say mê tri thức dữ dội thắp sáng đôi mắt xanh xám của anh ta đối chọi lại với bất cứ sự nông cạn nào của tạo hóa. Phản ứng ban đầu của tôi về nhân cách của anh ta là vừa thích vừa tôn trọng. Một người đàn ông có chiều sâu - những tiềm năng mạnh mẽ và những khả năng to lớn.

Lúc anh ta tiến vào căn phòng chiều hôm đó, ánh mắt tìm kiếm của anh ta ghi nhận tất cả chúng tôi bằng một cái liếc nhanh và dò hỏi. Anh ta gật đầu nhát gừng với cô Dillard và rồi nhìn thẳng vị giáo sư già bằng dáng vẻ thích thú.

"Làm ơn, chuyện gì đã xảy ra trong ngôi nhà ba chiều này vậy? Xe và người ở bên ngoài: một tên hộ vệ đứng ở cửa… và khi tôi cuối cùng cũng vượt qua được Cerberus* và được ông Pyne cho vào, hai người đàn ông mặc thường phục đẩy tôi đến đây mà không có chút lễ độ hoặc lời giải thích nào. Rất thú vị nhưng hỗn loạn… A! Có vẻ như tôi nhận ra ngài công tố viên đây. Chào buổi sáng - hay đúng hơn là, buổi chiều - anh Markham."

Trước khi Markham kịp đáp lại lời chào muộn màng này thì Belle Dillard đã lên tiếng.

"Sigurd, làm ơn nghiêm túc đi. - Anh Robin đã bị giết rồi."

"Ý cô là 'Chim Cổ Đỏ'. Chà, chà! Với cái tên như vậy thì anh chàng này còn trông đợi gì nữa?" Anh ta có vẻ hoàn toàn thản nhiên trước tin này. "Ai, hoặc cái gì, đã đưa anh ta trở về với cát bụi vậy?"

"Về phần ai đã làm thì chúng tôi không biết." Chính Markham là người trả lời, với giọng điệu trách móc sự không nghiêm túc của người kia. "Nhưng anh Robin đã bị giết bằng một mũi tên xuyên tim."

"Quá phù hợp." Arnesson ngồi xuống tay vịn của một chiếc ghế và duỗi thẳng cặp chân dài ra. "Còn gì thích hợp hơn việc Chim Cổ Đỏ phải chết dưới mũi tên bắn ra từ cây cung của…"

“Sigurd!” Belle Dillard cắt ngang lời anh ta. “Chẳng lẽ anh đùa chưa đủ về chuyện đó sao? Anh *biết* rõ rằng Raymond không làm điều đó.”

“Dĩ nhiên rồi, em gái.” Người đàn ông nhìn sang cô một cách bâng khuâng. “Tôi vừa nghĩ đến vị tổ tiên nghiên cứu về loài chim của anh Rọbin.” Anh ta chầm chậm quay sang Markham. “Vậy đây là một vụ giết người bí ẩn thật rồi, có phải là - có một xác chết, những manh mối và tất cả là những cái bẫy? Tôi có thể nghe câu chuyện được chứ?”

Markham kể sơ qua cho anh ta về tình hình, và anh ta lắng nghe với sự quan tâm chăm chú. Khi sự việc được kể xong, anh ta hỏi:

“Không một cây cung nào được tìm thấy ở bãi tập à?

“A!” Vance, lần đầu tiên kể từ lúc người đàn ông bước vào, thoát khỏi tình trạng thờ ơ của bản thân, và trả lời thay cho Markham. “Một câu hỏi thích hợp nhất đấy anh Arnesson. - Phải, một cây cung được tìm thấy ngay bên ngoài cửa sổ tầng hầm, cách cái xác chỉ 10 foot*.”

“Điều đó đương nhiên đơn giản hóa được vấn đề,” Arnesson nói, có hơi thất vọng. “Bây giờ chỉ còn là chuyện lấy dấu vân tay thôi.”

“Đáng tiếc là cây cung đã bị chạm qua,” Markham giải thích. “Giáo sư Dillard đã nhặt nó lên và đem vào trong nhà.”

Arnesson tò mò quay sang ông lão.

“Thưa thầy, động lực nào khiến thầy làm điều đó?”

“Động lực thúc đẩy ư? Sigurd yêu quý à, ta không giải thích được cảm xúc của mình. Nhưng lúc đó ta chỉ biết rằng cây cung là một vật chứng quan trọng, và ta đã đặt nó dưới tầng hầm để giữ nó chờ cảnh sát đến.”

Arnesson làm vẻ mặt nhăn nhó và nhướng một bên mắt lên một cách hài hước.

“Nghe có vẻ giống như những người bạn phân tâm học của chúng ta gọi là một lời giải thích được che đậy. Con tự hỏi rằng thầy đang nghĩ gì trong đầu…”

Có tiếng gõ cửa, và Burke ló đầu vào.

“Bác sĩ Doremus đang đợi anh ở dưới lầu, thưa sếp. Ông ta đã kiểm tra xong rồi.”

Markham đứng dậy và xin phép ra ngoài.

“Ngay bây giờ tôi không làm phiền mọi người thêm nữa. Có một vài việc thủ tục cần phải làm. Nhưng tôi đề nghị mọi người tạm thời ở yên trên lầu. Tôi sẽ gặp lại mọi người trước khi tôi đi.”

Doremus đang sốt ruột đung đưa trên những ngón chân của mình khi chúng tôi đến gặp ông ta trong phòng khách.

“Không có gì phức tạp về ca này cả,” ông ta lên tiếng trước cả khi Markham kịp nói điều gì. “Anh bạn yêu thích thể thao của chúng ta bị giết bởi một mũi tên cực kỳ sắc nhọn đâm thẳng vào tim, xuyên qua khe giữa xương sườn thứ tư. Lực đâm rất mạnh. Bên ngoài lẫn bên trong đều bị xuất huyết nhiều. Anh ta chết được khoảng hai tiếng đồng hồ, tôi cho là vậy, có nghĩa là thời gian tử vong vào khoảng 11 giờ rưỡi. Tuy nhiên đấy mới chỉ là phỏng đoán thôi. Không có dấu hiệu nào của sự chống trả - không có dấu vết nào trên quần áo hoặc vết trầy trên hai bàn tay của anh ta; Cái chết xảy đến bất thình lình mà anh ta không hề hay biết gì hết. Nhưng đầu anh ta bị u lên vì bị đập vào sàn xi măng gồ ghề khi ngã…”

“Cái này thú vị lắm đây.” Giọng kéo dài của Vance làm gián đoạn phần báo cáo nửa chừng của vị giám định pháp y. “Đụng mạnh đến cỡ nào vậy bác sĩ?”

Doremus chớp mắt và nhìn Vance với sự ngạc nhiên.

"Mạnh đến mức làm nứt cả hộp sọ. Tất nhiên tôi không thể cảm nhận được; nhưng có một điểm tụ máu lớn ở vùng chẩm, máu khô nằm trong mũi và hai tai, độ mở đồng tử không bằng nhau, cho thấy hộp sọ bị nứt. Tôi sẽ biết rõ hơn sau khi mổ khám nghiệm tử thi." Ông ta quay sang vị công tố viên. "Còn gì nữa không?"

"Tôi nghĩ là hết rồi, bác sĩ. Chỉ là hãy đưa cho chúng tôi bản báo cáo khám nghiệm tử thi càng sớm càng tốt."

"Tối nay tôi sẽ đưa. Trung sĩ đã gọi xe rồi." Bắt tay với tất cả chúng tôi xong, ông ta vội vã ra về.

Heath bực bội đứng ở phía sau.

"Điều đó chẳng giúp ích được gì cho chúng ta cả, thưa anh," anh ta phàn nàn, nhai điếu xì gà một cách hằn học.

"Đừng nản lòng, trung sĩ," Vance quở trách. "Cú va đập sau đầu cũng đáng giá cho sự quan tâm sâu sắc nhất của anh đấy. Theo quan điểm của tôi nó không hoàn toàn do việc té ngã đâu."

Viên trung sĩ không hề bị ấn tượng bởi nhận xét này.

"Hơn nữa, anh Markham à," anh ta tiếp tục, "không hề có bất cứ dấu vân tay nào trên cây cung hoặc mũi tên cả. Dubois nói chúng trông cứ như đã bị lau chùi sạch sẽ. Cỏ một vài vết ở cuối cây cung, chỗ quý ông cao tuổi nhặt nó lên; nhưng không có dấu vân tay nào khác."

Markham hút thuốc một lúc lâu trong sự im lặng ảm đạm.

"Thế còn tay cầm trên cánh cổng dẫn ra ngoài đường thì sao? Và cả trên tay nắm cửa đường hẻm giữa những tòa nhà chung cư nữa?"

"Không có gì hết!" Heath khịt mũi tỏ vẻ chán nản. "Cả hai đều bằng sắt xù xì bị hoen gỉ không dính được dấu vân tay."

"Này, Markham à," Vance nhận xét, "anh điều tra sai hướng rồi. Theo lẽ tự nhiên phải không có dấu vân tay mới đúng. Thật ra, anh biết

đấy, một người không thể cẩn thận dàn dựng ra một vở kịch để rồi sau đó bỏ hết tất cả đạo cụ sân khấu lên trước mặt cho khán giả xem. Điều chúng ta cần phải tìm hiểu chính là tại sao ông bầu đặc biệt này lại quyết định theo đuổi những buổi diễn vớ vẩn như vậy.”

“Không dễ như anh nói đâu, anh Vance,” Heath cay đắng cam chịu.

“Tôi có nói là dễ sao? Không đâu, trung sĩ; nó cực kỳ khó khăn. Và nó còn tệ hơn cả khó khăn nữa: nó xảo quyệt, mờ mịt và… tàn ác.”

CHƯƠNG 4

THÔNG ĐIỆP BÍ ẨN

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 2 p.m.)

Markham ngồi xuống trước bàn trà.

“Cứ tin như thế đi, trung sĩ, bây giờ chúng ta kiểm tra hai người hầu.”

Heath bước vào sảnh và lệnh cho người của anh ta đi. Vài phút sau, một người đàn ông cao và ủ rũ bước vào trong tư thế kính cẩn.

“Đây là người quản gia, thưa anh”, viên trung sĩ giải thích. “Tên ông ấy là Pyne.”

Markham chú ý đến vẻ ngoài của người đàn ông này. Ông ta có lẽ khoảng sáu mươi. Nét mặt của ông ta rõ ràng là bị bệnh to cực* ; và sự biến dạng này ảnh hưởng tới toàn bộ hình thể của ông ta. Hai bàn tay to, và những ngón chân thì thô kệch và dị dạng. Quần áo của ông ta, mặc dù thẳng thớm nhưng lại không hợp với ông ta cho lắm; và chiếc cổ áo của ông ta thì lại quá khổ. Đôi mắt ông ta có màu xám đậm, hàng lông mày dày, trông nhợt nhạt và bạc thếch, và miệng của ông ta chỉ là một khe hở trong cả gương mặt bị phù đầy ốm yếu. Mặc dù vẻ ngoài khiếm khuyết, tuy nhiên, ông ta tạo ấn tượng là một người có khả năng sắc sảo.

“Vậy ông là quản gia của nhà Dillard,” Markham mơ màng. “Ông đã ở với gia đình này được bao lâu rồi, ông Pyne?”

“Trên mười năm, thưa anh.”

“Ông đã đến làm ở đây sau khi giáo sư Dillard xin thôi việc ở trường đại học?”

“Tôi nghĩ là thế, thưa anh.” Giọng của ông ta trầm và ồm ồm.

“Ông có biết gì về thảm kịch đã xảy ra vào sáng nay không?” Mặc dù Markham bất ngờ đặt câu hỏi, với hy vọng, theo tôi nghĩ, có nhiều thú nhận gây bất ngờ, nhưng Pyne đón nhận nó vô cùng thản nhiên.

“Không có bất cứ điều gì, thưa anh. Tôi không biết bất cứ điều gì đã xảy ra cho đến khi giáo sư Dillard gọi tôi từ thư viện và yêu cầu tôi tìm anh Sperling.”

“Sau đó ông ấy có nói với ông về thảm kịch đó?”

“Ông ấy nói: ‘Robin đã bị giết rồi, và tôi muốn ông tìm Sperling cho tôi.’ - Đó là tất cả, thưa anh.”

“Ông có chắc là ông ấy đã nói ‘bị giết’ chứ, ông Pyne?” Vance xen vào.

Lúc đầu thì ông quản gia do dự, và một sự sắc sảo len lỏi trong ánh mắt của ông ta.

“Có, thưa anh. Tôi chắc chắn ông ấy đã nói thế. ‘Bị giết’ là những gì ông ấy đã nói.”

“Và ông đã thấy xác của anh Robin khi ông tìm kiếm?” Vance truy vấn, mắt anh vẫn đang lần theo thiết kế trên bức tường.

Lại một khoảnh khắc do dự.

“Vâng, thưa anh. Tôi mở cửa tầng hầm để tìm kiếm trong bãi tập bắn cung, và ở đó tôi thấy quý ông trẻ tuổi tội nghiệp…”

“Một cú sốc lớn cho ông nhỉ, Pyne,” Vance lạnh nhạt quan sát. “Có phải ông, tình cờ thôi, đã chạm vào cái xác của quý ông trẻ tuổi tội nghiệp đó? - Hoặc vào mũi tên, có lẽ thế? - Hoặc cây cung?”

Đôi mắt bạc thếch của Pyne sáng lên trong một khoảnh khắc. “Không… dĩ nhiên là không, thưa anh… Tại sao tôi lại làm thế, thưa anh?”

“Tại sao ư?” Vance thở dài chán nản. “Nhưng ông thấy mũi tên chứ?”

Người đàn ông nheo mắt lại, như để hình dung một cái gì đó.

“Tôi không thể nói, thưa anh. Có lẽ có; có lẽ không. Tôi không nhớ.”

Vance dường như đã mất hết hứng thú; và Markham tiếp tục thẩm vấn.

“Tôi biết, ông Pyne, là anh Drukker đã ghé qua đây vào sáng nay lúc 9 giờ rưỡi. Ông có thấy anh ta không?”

“Có, thưa anh. Anh ta luôn dùng cửa tầng hầm; và anh ta đã chào tôi khi anh ta đi qua phòng để thức ăn ở đầu cầu thang.”

“Anh ta ra về như cách anh ta đến chứ?”

“Tôi cho là như thế, thưa anh… mặc dù tôi ở trên lầu khi anh ta đi khỏi. Anh ta sống trong ngôi nhà ở phía sau… ”

“Tôi biết.” Markham ngả người về phía trước. “Tôi đoán là ông đã gặp Robin và Sperling vào sáng nay.”

“Vâng, thưa anh. Khoảng 10 giờ.”

“Ông có thấy họ lần nữa, hoặc nghe được bất kỳ bình luận nào của họ khi họ ngồi chờ ở phòng khách không?”

“Không, thưa anh. Phần lớn buổi sáng tôi bận trong phòng anh Arnesson.”

“À!” Vance đưa mắt nhìn người đàn ông. “Nó ở cuối tầng hai, đúng chứ? - Căn phòng có ban công?”

“Đúng, thưa anh.”

“Thú vị thật… Và đó là ban công mà giáo sư Dillard lần đầu nhìn thấy thi thể của anh Robin. - Làm thế nào mà ông ấy vào phòng mà ông không biết chứ? Ông đã nói, tôi nghĩ, rằng lần đầu tiên ông biết về thảm kịch này là khi giáo sư gọi ông từ thư viện và bảo ông đi tìm anh Sperling.”

Gương mặt của ông quản gia bỗng trắng bệch, và tôi để ý thấy những ngón tay của ông ta co lại một cách lo lắng.

“Tôi có lẽ đã rời khỏi phòng anh Arnesson trong chốc lát,” ông ta nỗ lực giải thích. “Vâng… rất có thể là như thế. Thật vậy, thưa anh, tôi nhớ tôi đến phòng để đồ vải…”

“Ồ, chắc là vậy.” Vance thờ ơ.

Markham hút thuốc một lát, ánh mắt anh ta tập trung vào mặt bàn.

“Còn có ai ghé nhà sáng nay không, ông Pyne?” Anh ta hỏi ngay sau đó.

“Không ai cả, thưa anh.”

“Và ông có đưa ra giả thuyết gì giải thích cho những việc đã xảy ra ở đây không?”

Người đàn ông lắc đầu một cách nặng nề, đôi mắt ngấn nước nhìn xa xăm.

“Không, thưa anh. Anh Robin dường như là một người đàn ông trẻ tuổi vui tính, dễ mến. Anh ta không phải loại người mà người khác muốn giết… Nếu ông hiểu những gì tôi nói.”

Vance dò xét.

“Tôi không thể nói rằng tôi, với tư cách cá nhân, hiểu chính xác những gì ông nói, Pyne. Làm thế nào mà ông biết đó không phải là một tai nạn?”

"Tôi không biết, thưa anh," ông ta bình thản trả lời. "Nhưng tôi biết một chút về bắn cung - nếu anh không phiền để tôi nói về nó - và tôi nhận ra ngay là anh Robin đã bị giết bằng một mũi tên dùng để đi săn."

"Ông rất tinh ý, Pyne," Vance gật đầu. "Và khá chính xác."

Rõ ràng là không có thông tin gì từ ông quản gia cả, và Markham cho ông ấy rời khỏi ngay, đồng thời lệnh cho Heath đưa người đầu bếp đến.

Khi cô ta bước vào tôi nhận ra ngay sự tương đồng giữa người cha và cô con gái. Một người phụ nữ nhếch nhác khoảng bốn mươi tuổi, cũng cao và gầy nhom, với khuôn mặt thon nhỏ và tay chân to lớn. Rõ ràng là hội chứng cường chức năng tuyến yên đã di truyền trong gia đình ông Pyne.

Một vài câu hỏi thông tin sơ bộ cho thấy cô ta là một goá phụ, tên là Beedle, chồng cô ta chết 5 năm trước, và cô ta được ông Pyne giới thiệu với giáo sư Dillard.

"Cô rời khỏi nhà vào lúc mấy giờ sáng nay, Beedle?" Markham hỏi cô ta.

"Ngay sau 10 giờ rưỡi." Cô ta có vẻ khó chịu và cảnh giác, và giọng nói thì như đang tự vệ.

"Và mấy giờ cô trở về nhà?"

"Khoảng 12 giờ rưỡi. Người đàn ông đó cho tôi vào" - cô ta nhìn Heath một cách ác cảm - "và đối xử với tôi giống như tôi là tội phạm vậy."

Heath cười nhăn nhở. "Thời gian thì chính xác, anh Markham. Cô ta chỉ tức tối vì tôi không cho cô ta đi xuống lầu."

Markham gật đầu không ý kiến.

"Cô có biết bất cứ điều gì đã xảy ra ở đây vào sáng nay không?" Anh ta tiếp tục đặt câu hỏi, vẫn quan sát người phụ nữ này một cách tỉ mỉ.

"Làm sao tôi biết được? Tôi đã ở chợ Jefferson."

"Cô có thấy anh Robin hay anh Sperling không?"

"Họ đã xuống lầu tới phòng bắn cung qua khỏi nhà bếp một chút trước khi tôi ra ngoài."

"Cô có nghe lỏm được họ đã nói gì không?"

"Tôi không nghe lén họ."

Markham nghiến răng một cách giận dữ và chuẩn bị đáp trả thì Vance nói chuyện với người phụ nữ này một cách khéo léo.

"Ngài công tố viên đây nghĩ rằng có lẽ là do cửa đã để mở, và cô có thể đã nghe được cuộc trò chuyện của họ mặc dù cô không cố tình muốn nghe."

"Cửa có thể đã để mở, nhưng tôi không nghe được bất kỳ điều gì cả," cô ta trả lời.

"Vậy cô không thể cho chúng tôi biết nếu có bất kỳ ai khác nữa trong phòng bắn cung rồi."

Beedle nheo mắt lại và nhìn Vance đầy toan tính.

"Có lẽ còn có ai khác nữa," cô ta nói một cách chậm chạp. "Thật ra, tôi nghĩ tôi nghe có tiếng anh Drukker." Giọng nói của cô ta pha lẫn sự cay độc, và nụ cười mỉa thoáng qua đôi môi mỏng của cô ta. "Anh ta ở đây để gặp anh Arnesson vào lúc sáng."

"Ồ, là anh ta, lúc đó?" Vance có vẻ ngạc nhiên với tin này. "Có lẽ cô đã thấy anh ta?".

"Tôi đã thấy anh ta vào nhà, nhưng tôi lại không thấy anh ta ra ngoài… dù sao thì, tôi không để ý lắm. Anh ta lẻn ra vào nhà bất cứ lúc

nào có thể.”

“Lẻn ư? Lạ thật!… Nhân tiện, cô đi ra chợ bằng cửa nào?

“Cửa trước. Kể từ khi cô Belle làm phòng cho câu lạc bộ ở tầng hầm, tôi luôn sử dụng cửa trước.”

“Vậy cô không vào phòng bắn cung sáng nay?”

“Không.”

Vance ngồi xuống ghế.

“Cám ơn sự giúp đỡ của cô, Beedle. Hiện giờ, chúng tôi không còn gì để hỏi cô nữa.

Khi người phụ nữ đi khỏi, Vance đứng lên đi tới cửa sổ.

“Chúng ta quá để tâm vào những chi tiết không liên quan, Markham à,” anh nói. “Chúng ta sẽ không thể tìm ra được thông tin gì từ những người hầu ranh mãnh này và từ việc hỏi cung các thành viên trong gia đình. Có một bức tường tâm lý cần phải được dỡ bỏ trước khi chúng ta công kích chiến hào của kẻ địch. Mọi người trong gia đình có những riêng tư sợ lộ ra ngoài. Mỗi người trong bọn họ cho đến nay đã nói chuyện với chúng ta ít nhiều về những gì họ biết. Nản thật, nhưng đúng là thế. Không điều gì chúng ta biết được khớp với bất kỳ cái gì khác; và khi các sự kiện theo thời gian không ăn khớp với nhau, anh có thể chắc rằng các răng của các đầu mối đã bị bóp méo một cách cố tình. Tôi không tìm thấy một sự liên kết hợp lý nào trong toàn bộ câu chuyện mà chúng ta được nghe.”

“Nhiều khả năng là các đầu mối bị giấu đi,” Markham lập luận; “và chúng ta sẽ không tìm ra chúng nếu chúng ta không tiếp tục hỏi cung họ.”

“Anh quá tự tin rồi đấy.” Vance bước lại phía bàn trà. “Càng hỏi nhiều thì chúng ta càng đi xa điều chúng ta muốn hướng tới. Ngay cả

giáo sư Dillard cũng không cung cấp cho chúng ta thông tin hoàn toàn trung thực. Ông ấy còn giữ lại một cái gì đó - điều mà ông ấy sẽ không nói. Tại sao ông ấy lại mang cây cung vào trong nhà? Arnesson đã thấy được điểm mấu chốt khi anh ta hỏi câu hỏi tương tự. Anh chàng khôn ngoan, Arnesson. - Kế đến là cô gái trẻ năng động của chúng ta. Cô ấy bị vướng vào một mớ lộn xộn, và đang nỗ lực để giải thoát chính mình và mọi người mà không làm tổn thương bất kỳ ai. Một mục đích đáng khen ngợi, nhưng không có lợi cho sự thật. - Ông Pyne cũng có ý như thế. Mặt nạ ủy mị của ông ta đã che khuất nhiều ý nghĩ. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ biết được đầu óc ông ta đang nghĩ gì bằng cách hỏi cung ông ta. Có những điều rất kỳ quặc, như về công việc buổi sáng của ông ta. Ông ta nói mình đã ở trong phòng của Arnesson cả buổi sáng; nhưng rõ ràng là ông ta không biết giáo sư đang phơi nắng ngoài ban công ở phòng của Arnesson. Và cái cớ về tủ đựng đồ vải - quá không hợp lý. - Hơn nữa, Markham à, hãy thả tâm trí của anh theo lời khai của goá phụ Beedle. Cô ta không thích anh Drukker quá thoải mái này; và khi cô ta nhìn thấy một khả năng khiến anh ta dính líu tới vụ án, cô ta đã làm thế. Cô ta 'nghĩ' mình đã nghe giọng nói của anh ta ở phòng bắn cung. Nhưng có đúng như thế không? Ai biết được? Thật ra, có lẽ anh ta đã gặp phải điều khó chịu trên đường về nhà vì gặp Robin và Sperling sau đó… Đúng thế, đó là điều chúng ta phải điều tra. Thực ra, một cuộc trò chuyện lịch sự với anh Drukker chắc chắn biết được…"

Có tiếng bước chân đi xuống cầu thang phía trước, và Arnesson xuất hiện ở lối đi của phòng khách.

"Vậy, ai đã giết Chim Cổ Đỏ?" Anh ta hỏi, với một nụ cười nhăn nhở.

Markham đứng dậy, bực mình, phản đối sự xâm phạm này; nhưng Arnesson giơ tay lên.

"Một chút thôi, làm ơn đi. Tôi ở đây là muốn giúp đỡ với thành ý của mình cho mục đích tốt đẹp vì công lý, công lý của thế gian, tôi muốn các anh hiểu điều đó. Theo triết học, dĩ nhiên, chẳng có thứ gọi là công lý. Nếu công lý có thật thì tất cả chúng ta chỉ như những viên đá cuội trong lúp lều vũ trụ khổng lồ." Anh ta ngồi xuống đối diện với Markham và cười giễu cợt. "Thật ra là, sự ra đi buồn bã và vội vàng của anh Robin thu hút được bản chất khoa học trong tôi. Nó tạo ra một vấn đề thú vị, có trật tự. Nó rõ ràng phảng phất hương vị của toán học - không có giới hạn không phân phối, anh hiểu mà; các hệ số đã biết với những ẩn số cần xác định. - À, tôi là thiên tài trong việc giải quyết nó đấy."

"Lời giải của anh là gì, Arnesson?" Markham biết và tôn trọng trí thông minh của người đàn ông này, và dường như đồng thời cảm nhận được mục đích nghiêm túc ẩn bên dưới thái độ giễu cợt khiếm nhã của anh ta.

"À! Cho tới bây giờ tôi vẫn chưa giải được phương trình này." Arnesson lấy ra một cái tẩu thuốc cũ và sờ nó một cách nhẹ nhàng. "Nhưng tôi luôn muốn làm một công việc điều tra nho nhỏ trong một chừng mực có thể - sự hiếu kỳ thái quá và tính tò mò tự nhiên của các nhà vật lý, anh biết đấy. Và từ lâu tôi đã có một giả thuyết rằng khoa học về toán có thể được ứng dụng vào những chuyện vặt vãnh trong cuộc sống của chúng ta trên hành tinh không mấy quan trọng này. Không có gì là không có quy luật trong vũ trụ này - trừ phi Eddington* nói đúng và không có quy luật nào cả - và tôi thấy không đủ lý do để cá tính và thái độ của tội phạm không thể được xác định như cách Le Verrier* tính toán khối lượng và lịch thiên văn của sao Hải Vương từ

việc quan sát độ lệch trong quỹ đạo của sao Thiên Vương. Anh hãy nhớ cách, sau khi tính toán, ông ấy đã nói với Galle*, nhà thiên văn học Berlin, để tìm một hành tinh theo một kinh độ xác định trong hoàng đạo."

Arnesson dừng lại và nhồi thuốc vào tẩu.

"Bây giờ, anh Markham à," anh ta tiếp tục; và tôi cố gắng xem xét có đúng là người đàn ông này đang nghiêm túc, "tôi muốn nhân cơ hội này áp dụng vào mớ hỗn độn lố bịch này phương pháp trung bình cộng thuần túy được dùng bởi Le Verrier trong việc khám phá sao Hải Vương. Nhưng tôi phải có dữ liệu về sự xáo trộn trong quỹ đạo của sao Thiên Vương, có thể nói - đó là, tôi phải biết tất cả các thông số trong phương trình. Tiện thể tôi đến đây để hỏi xem các anh có tin tưởng tôi và cho tôi biết tất cả sự việc. Một kiểu hợp tác trí tuệ. Tôi sẽ tính bài toán này giúp anh theo hướng khoa học. Sẽ là một trò cừ khôi; và tình cờ tôi muốn chứng minh giả thuyết của mình rằng toán học là nền tảng cho mọi sự thật dù có xa khỏi sự trừu tượng trong sách vở." Cuối cùng anh ta lấy tẩu thuốc và thả mình lên ghế. "Thỏa thuận như vậy chứ?"

"Tôi bằng lòng nói tất cả những gì mà chúng tôi biết, Arnesson," Markham trả lời sau một khoảng im lặng ngắn ngủi. "Nhưng tôi không thể hứa sẽ tiết lộ mọi thứ có thể phát sinh từ bây giờ trở đi. Nó có thể đi ngược lại với công lý và cản trở cuộc điều tra."

Vance đang ngồi với đôi mắt khép hờ, dường như chán ngán với lời yêu cầu lạ lùng của Arnesson; nhưng ngay lúc này anh quay sang Markham với sự hăng hái đáng kể.

"Theo tôi, anh biết đấy; không có lý do gì mà chúng ta không cho Arnesson một cơ hội để phiên dịch tội ác này sang ngôn ngữ của toán học ứng dụng. Tôi chắc rằng anh ta sẽ thận trọng và chỉ sử dụng

thông tin của chúng ta cho mục đích khoa học. Và - không một ai biết được, đúng không nào? - có thể chúng ta cần đến sự giúp đỡ chuyên gia của anh ta trước khi xong vụ này."

Markham hiểu Vance khá tỉnh táo để nhận ra rằng lời đề nghị của anh không hề thiếu suy nghĩ; và tôi không chút ngạc nhiên khi anh ta nhìn thẳng Arnesson và nói:

"Được thôi. Chúng tôi sẽ đưa cho anh dữ liệu mà anh cần để thực hành công thức toán học của mình. Có điều gì đặc biệt anh muốn biết ngay bây giờ không?"

"Ồ, không. Đến giờ tôi cũng đã biết những chi tiết giống như anh nói; và tôi sẽ ép Beedle và lão Pyne cộng tác khi các anh đi khỏi. Nhưng nếu tôi giải quyết vấn đề này và chỉ ra đúng kẻ phạm tội, đừng bỏ lơ sự phát hiện của tôi như Sir George Airy* đã làm với Adams* tội nghiệp khi Adams gởi những tính toán của mình về sao Hải Vương trước cả những công bố của Le Verrier…"

Ngay lúc này cửa trước mở ra, và viên cảnh sát mặc đồng phục canh ở hành lang đi vào với một người lạ mặt.

"Quý ông đây nói muốn gặp giáo sư," anh ta thông báo với vẻ nghi ngờ; và quay lại người đàn ông, anh ta ra dấu về phía Markham bằng đầu. "Đó là công tố viên quận. Hãy trình bày với ông ấy vấn đề của ông."

Người mới đến có vẻ ngại ngùng. Ông ta mảnh khảnh, ăn mặc bảnh bao với một khí chất tao nhã. Về tuổi, tôi dự đoán, khoảng năm mươi, mặc dù ông ta có khuôn mặt trẻ hơn thế. Tóc của ông ta mỏng và hoa râm, mũi cao, cằm nhỏ nhưng không hề yếu ớt. Đôi mắt, nổi bật hơn nhờ vầng trán cao, là điểm thu hút của ông ta. Chúng là đôi mắt của thất vọng và bị vỡ mộng - nửa buồn phiền, nửa phẫn uất,

giống như cuộc đời này đã lừa dối ông ta và để lại cho ông ta sự bất hạnh và cay đắng.

Ông ta định nói với Markham thì bắt gặp ánh mắt của Arnesson.

“Ồ, chào anh, Arnesson,” ông ta nói, sau một chút im lặng, với giọng hạ thấp. “Tôi mong rằng không có gì quá nghiêm trọng.”

“Chỉ là một cái chết đơn thuần thôi, Pardee”, người đàn ông trả lời một cách lơ đãng. “Tục ngữ có câu ‘chuyện bé xé ra to’.”

Markham thấy khó chịu khi bị xen ngang.

“Tôi có thể giúp gì cho ông?” Anh ta hỏi.

“Tôi mong rằng tôi đã không làm phiền.” người đàn ông xin lỗi. “Tôi là một người bạn của gia đình này, - tôi sống ở bên kia đường; và tôi thấy có gì đó bất thường đã xảy ra ở đây. Tôi có thể làm gì đó để giúp mọi người.”

Arnesson cười khoái trá. “Pardee thân mến! Tại sao ngụy trang sự tò mò bẩm sinh của ông trong lễ phục hoa mỹ như vậy?”

Pardee đỏ mặt.

“Tôi bảo đảm với anh, Arnesson…” ông ta bắt đầu; nhưng Vance ngắt lời.

“Ông Pardee, ông nói rằng mình sống ở đối diện. Có phải ông đã quan sát ngôi nhà này trong cả buổi sáng?

“Hầu như không phải vậy, thưa anh. Tuy nhiên, tôi làm việc và hướng xuống đường số 75, và đúng thực là tôi ngồi ở cửa sổ gần cả buổi sáng. Nhưng tôi lại bận viết lách. Khi tôi trở lại làm việc sau bữa trưa thì tôi chú ý đến đám đông và nhiều xe cảnh sát cũng như những cảnh sát mặc đồng phục đứng trước cửa.”

Vance nhìn vào khóe mắt ông ta.

"Vậy ông có tình cờ nhìn thấy ai ra vào ngôi nhà này sáng nay không, ông Pardee?" Anh hỏi.

Người đàn ông chậm rãi lắc đâu.

"Không ai đặc biệt. Tôi để ý thấy hai chàng trai trẻ - những người bạn của cô Dillard - ghé thăm lúc 10 giờ; và tôi thấy Beedle ra ngoài với giỏ đi chợ. Nhưng đó là tất cả những gì tôi nhớ được."

"Ông có nhìn thấy ai trong số họ rời khỏi không?"

"Tôi không nhớ." Pardee cau mày. "Và dường như có một người trong số họ ra về bằng cổng ở bãi tập. Nhưng chỉ có cảm giác vậy thôi."

"Lúc đó là mấy giờ?"

"Thực sự thì tôi cũng không chắc nữa. Có thế là một tiếng hoặc hơn kể từ khi anh ta đến. Tôi không thể nhớ cụ thể hơn."

"Ông nhớ rằng không có ai khác ra vào ngôi nhà này sáng nay sao?"

"Tôi thấy cô Dillard quay về từ sân quần vợt khoảng 12 giờ rưỡi, lúc tôi mới gọi bữa trưa. Thực ra, cô ta đã vẫy cái vợt với tôi."

"Và không ai khác nữa?"

"Tôi e là như vậy." Có một sự tiếc nuối rõ ràng trong câu trả lời của ông ta.

"Một trong những người thanh niên mà ông nhìn thấy đi vào đây đã bị sát hại," Vance nói với ông ta.

"Anh Robin - biệt danh Chim Cổ Đỏ," Arnesson bổ sung, với cái nhăn mặt hài hước khiến tôi khó chịu.

"Trời ơi! Thật là đáng buồn!" Pardee thực sự bị sốc. "Robin? Không phải anh ta là nhà vô địch bắn cung trong câu lạc bộ của Belle chứ?"

“Thành tích của anh ta sẽ được ghi nhớ. - Đó là một người bạn.”

“Tội nghiệp Belle!” Có gì đó trong tính cách của người đàn ông này khiến Vance để ý. “Tôi mong rằng cô ấy sẽ không suy sụp trước bi kịch này.”

“Cô ấy bi kịch hóa nó, cũng tự nhiên thôi,” Arnesson quay lại. “Cảnh sát cũng vậy, đối với chuyện đó. Nghiêm trọng hóa vấn đề lên. Trái đất này được bao phủ bởi ‘carbohydrate hỗn tạp nhỏ bay lơ lửng’ - giống như Robin trong toàn thể loài người vậy.”

Pardee cười với sự cảm thông buồn bã, - ông ta rõ ràng đã quá quen thuộc với những lời giễu cợt của Arnesson. Sau đó ông ta khẩn khoản hỏi Markham.

“Tôi có được phép gặp cô Dillard và bác của cô ấy không?”

“Tất nhiên là được rồi.” Vance đã trả lời trước khi Markham có thể đưa ra quyết định. “Ông sẽ tìm được họ ở thư viện, ông Pardee.” Người đàn ông rời khỏi phòng với tiếng thì thầm cảm ơn lịch sự.

“Một người bạn lạ lùng,” Arnesson nhận xét, khi mà Pardee không còn nghe thấy nữa. “Không phải lo chuyện tiền bạc. Sống một cuộc đời nhàn hạ. Niềm đam mê duy nhất của ông ta là tìm ra lời giải trong các ván cờ vua…”

“Cờ vua?” Vance ngước lên với vẻ hào hứng. “Liệu có phải ông ta là John Pardee, người phát minh ra thế cờ Pardee nổi tiếng?”

“Đúng là thế.” Mặt Arnesson nhăn lại một cách khôi hài. “Tốn hai mươi năm để phát triển một thế tấn công mà nó chỉ là một phần nhỏ trong trò chơi. Viết một cuốn sách về nó. Sau đó đi truyền bá nó như tham gia một cuộc thập tự chính trước cổng Damascus*. Ông ta luôn là người bảo trợ lớn cho các giải cờ vua, góp mặt trong các giải đấu, và chạy hối hả vòng quanh thế giới để tham dự các giải đấu cờ vua

khác nhau. Làm như vậy ông ta có thể thử thế cờ mới của mình. Nó đã khuấy động ở câu lạc bộ cờ vua Manhattan. Sau đó Pardee tội nghiệp đã tổ chức hàng loạt những trận đấu đỉnh cao. Tự trả tất cả các chi phí đắt đỏ. Nó tốn nhiều tiền bạc của ông ta. Và dĩ nhiên ông ta quy định rằng thế cờ Pardee được chơi độc quyền. Chà, chà, nó khá là buồn. Khi những người như tiến sĩ Lasker*, Capablanca*, Rubinstein* và Finn* tham gia để đánh bại nó, khiến nó đổ vỡ. Hầu như những người chơi sử dụng thế cờ đó đều thua. Nó bị loại bỏ - còn tệ hơn thế cờ Rice* xấu số. Đòn nặng nề cho Pardee. Điều này làm ông ta mất đi nhuệ khí. Khiến ông ta trở nên già nua. Ông ta trở nên tuyệt vọng."

"Tôi biết về lịch sử thế cờ này," Vance lẩm bẩm, mắt anh trầm tư nhìn lên trần nhà. "Tôi đã từng chơi. Edward Lasker* đã dạy cho tôi…"

Một cảnh sát mặc đồng phục lại xuất hiện ở cổng lối đi và vẫy tay ra hiệu với Heath. Viên trung sĩ đứng dậy với vẻ nhanh nhẹn - sự rẽ hướng sang cờ vua rõ ràng đã làm anh ta cảm thấy nhàm chán - và bước vào sảnh. Một lúc sau khi quay lại anh ta mang theo một tờ giấy nhỏ.

"Có một chuyện hài hước, thưa anh," anh ta nói, đưa nó cho Markham. "Mới đây, viên cảnh sát bên ngoài tình cờ thấy nó ló ra khỏi hộp thư, và có lẽ anh ta đã nhìn qua nó. Anh sẽ làm gì với nó, thưa anh?"

Markham xem xét nó với vẻ sửng sốt khó hiểu, không nói một lời nào và đưa nó cho Vance. Tôi đứng dậy và nhìn qua vai anh. Tờ giấy có kích thước thông thường dùng cho máy đánh chữ, và được xếp cho vừa với hộp thư. Nó gồm vài dòng được đánh bằng máy đánh chữ với những kỷ tự kiểu élite* và ruy băng màu lam nhạt.

Hàng đầu tiên viết:

Joseph Cochrane Robin đã chết.

Dòng thứ hai hỏi:.

Ai giết Chim Cổ Đỏ?

Bên dưới đánh máy:

Sperling có nghĩa là chim sẻ.

Và ở góc dưới bên phải - chỗ chữ ký - là hai từ, được viết hoa:

GIÁM MỤC.

CHƯƠNG 5

TIẾNG THÉT CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 2.30 p.m.)

Vance, sau khi nhìn sơ qua bức thông điệp kỳ lạ với chữ ký thậm chí còn kỳ lạ hơn, đưa tay lấy chiếc kính một mắt bằng sự đắn đo chậm chạp mà tôi biết đó là biểu hiện cho nỗi hứng thú đang bị đè nén. Điều chỉnh kính xong anh chăm chú săm soi mảnh giấy. Sau đó đưa nó cho Arnesson.

"Đây là hệ số đáng giá cho phương trình của anh." Đôi mắt anh giễu cợt nhìn người đàn ông.

Arnesson nhìn chằm chằm vào bức thông điệp, và đặt nó lên bàn với vẻ mặt nhăn nhó.

"Tôi tin là giới tăng lữ không liên quan đến vấn đề này. Họ nổi tiếng là phi khoa học. Không thể tấn công họ bằng toán học được. 'Giám Mục'…," anh ta ngẫm nghĩ. "Tôi không quen biết với bất kỳ vị nào trong giới tăng lữ cả. - Tôi nghĩ tôi sẽ loại bỏ câu khó hiểu này khi tính toán."

"Nếu anh làm vậy, anh Arnesson," Vance nghiêm túc đáp lại, "phương trình của anh, tôi e rằng, sẽ vỡ ra thành từng mảnh. Bức thư bí ẩn kia đối với tôi lại khá ý nghĩa. Quả thực - nếu anh không ngại nghe ý kiến không chuyên - tôi tin nó chính là thứ mang tính toán học nhất từng xuất hiện cho đến tận bây giờ trong vụ án. Nó giải phóng tình hình ra khỏi tất cả sự may rủi hoặc ngẫu nhiên. Đó chính là *g,* có

thể nói thế - hằng số hấp dẫn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ phương trình của chúng ta.”

Heath đứng nhìn mảnh giấy đánh máy với vẻ cực kỳ phẫn nộ.

“Tên quái gở nào đó đã viết cái này, anh Vance à,” anh ta tuyên bố.

“Rõ ràng là một tên quái gở rồi, trung sĩ,” Vance đồng ý. “Nhưng đừng bỏ qua sự thật rằng tên quái gở đặc biệt này chắc hẳn biết nhiều chi tiết thú vị và riêng tư - cụ thể như, rằng tên đệm của anh Robin là Cochrane; rằng anh chàng bị giết bằng cung tên; và rằng anh Sperling cũng ở gần đó lúc Robin chết. Hơn nữa, tên quái gở biết nhiều thông tin này hẳn phải biết nhiều về án mạng này; bởi vì bức thông điệp rõ ràng được đánh máy và đặt vào hộp thư trước khi anh và người của mình đến hiện trường.”

“Trừ phi,” Heath kiên quyết phản đối, “hắn là một trong số những kẻ đầu đường xó chợ, biết được chuyện đã xảy ra và nhét mảnh giấy này vào thùng thư khi cảnh sát không chú ý.”

“Sau khi chạy một mạch về nhà và cẩn thận đánh máy thông báo của hắn à?” Vance lắc đầu với nụ cười rầu rĩ. “Không đâu, trung sĩ à, tôi e là giả thuyết của anh không hợp lý.”

“Vậy thì nó có ý nghĩa quỷ quái gì chứ?” Heath hung hăng gặn hỏi.

“Tôi không biết.” Vance ngáp và đứng dậy. “Đi thôi, Markham, cùng đi nói chuyện một lát với anh Drukker mà Beedle ghét đi.”

“Drukker!” Arnesson thốt lên, với sự ngạc nhiên đáng kể. “Anh ta có liên quan gì?”

“Anh Drukker,” Markham giải thích, “đã đến đây sáng nay để gặp anh; và có khả năng anh ta đã gặp Robin và Sperling trước khi anh ta trở về nhà.” Anh ta lưỡng lự. “Anh có muốn đi cùng chúng tôi không?”

"Không, cám ơn." Arnesson gõ tàn thuốc trong tẩu và đứng lên. "Tôi còn một núi bài nộp trong lớp phải xem qua. - Tuy nhiên, có lẽ nên để Belle đi cùng. Quý bà Mae hơi dị thường một chút…"

"Quý bà Mae?"

"Tôi nhầm. Quên mất là các anh không biết bà ấy. Tất cả chúng tôi đều gọi bà ấy là quý bà Mae. Tên gọi lịch sự thôi. Làm vui lòng linh hồn già cỗi tội nghiệp ấy. Tôi đang nói đến mẹ của Drukker. Tính cách kỳ quặc." Anh ta liên tục vỗ trán mình. "Dễ xúc động. À, hoàn toàn vô hại. Vẫn còn minh mẫn lắm, nhưng mù quáng, như vốn dĩ. Nghĩ rằng Drukker là quan trọng nhất trên đời. Bảo bọc anh ta cứ như anh ta còn là một đứa bé sơ sinh. Tình cảnh đau buồn… Đúng, các anh nên dẫn Belle theo thì tốt hơn. Quý bà Mae thích Belle lắm."

"Một lời đề xuất hay đấy, anh Arnesson," Vance nói. "Anh sẽ đề nghị cô Dillard vui lòng đi cùng chúng tôi chứ?"

"Ồ, tất nhiên rồi." Arnesson nở một nụ cười tạm biệt đầy hàm ý - nụ cười có vẻ như vừa trịch thượng vừa châm biếm - và đi lên lầu. Một lúc sau cô Dillard đến gặp chúng tôi.

"Sigurd nói với tôi là các anh muốn gặp Adolph. Anh ta dĩ nhiên sẽ không phiền; nhưng quý bà Mae tội nghiệp rất dễ xúc động ngay cả những việc cỏn con nhất…"

"Chúng tôi sẽ không làm bà ấy xúc động đâu, tôi hy vọng vậy." Vance nói trấn an. "Nhưng anh Drukker đã ở đây sáng nay, cô thấy đó; và người đầu bếp nói cô ta nghĩ mình nghe thấy anh ta nói chuyện với anh Robin và anh Sperling ở phòng bắn cung. Anh ta có thể sẽ giúp được chúng tôi."

"Tôi chắc là anh ta sẽ giúp nếu có thể," cô gái trả lời với sự nhấn mạnh. "Nhưng xin hãy cẩn thận với quý bà Mae, được không?"

Có dấu hiệu của sự nài nỉ và che chở trong giọng nói của cô ấy, và Vance chú ý đến cô ấy một cách hiếu kỳ.

"Hãy kể cho chúng tôi điều gì đó về bà Drukker - hay quý bà Mae - trước khi chúng ta đến thăm bà ấy đi. Tại sao chúng tôi lại nên cẩn thận?"

"Bà ấy có một cuộc đời bi thảm lắm," cô gái giải thích. "Bà ấy từng là một ca sĩ xuất sắc – à, không phải là nghệ sĩ hạng hai đâu, mà là một giọng ca nữ chính trong các vở opera với sự nghiệp kỳ diệu trải ra trước mắt*. Bà kết hôn với một nhà phê bình hàng đầu của Vienna - Otto Drucker* - và bốn năm sau Adolph ra đời. Sau đó vào một ngày ở công viên giải trí Wiener Prater, khi đứa bé được hai tuổi, bà đã đánh rơi đứa bé; và từ đó về sau cuộc đời của bà hoàn toàn thay đổi. Xương sống của Adolph bị thương, và cậu bé trở thành người tàn tật. Quý bà Mae rất đau khổ. Bà ấy tự trách bản thân đã gây ra chấn thương của con trai, và từ bỏ sự nghiệp để dốc tâm chăm sóc cho cậu bé. Khi chồng bà mất một năm sau đó, bà mang Adolph đến Mỹ, nơi bà đã từng sống vào thời con gái, và mua ngôi nhà hiện giờ bà đang sống. Suốt cuộc đời của bà xoay quanh Adolph, anh ta lớn lên thành một người lưng gù. Bà đã hy sinh tất cả cho anh ta, và chăm sóc cho anh ta cứ như anh ta là một đứa bé…"

Một chút gợn lướt qua gương mặt cô ấy. "Đôi khi tôi nghĩ - tất cả chúng tôi đều nghĩ - rằng bà ấy vẫn nghĩ anh ta chỉ là một đứa trẻ. Bà ấy đã trở nên - à, bệnh hoạn về điều đó. Nhưng đấy là bệnh tật ngọt ngào, khủng khiếp của một tình mẫu tử vĩ đại - một loại điên rồ trìu mến, bác tôi đã gọi nó như vậy. Trong vài tháng qua bà ấy càng lúc càng rất kỳ lạ - và dị thường. Tôi hay bắt gặp bà ấy ngâm nga những bài hát ru tiếng Đức xưa và những bài hát mẫu giáo, với hai tay khoanh trước ngực, cứ như - ôi, nó trông linh thiêng và khủng khiếp

lắm! - cứ như bà ấy đang ẵm một đứa bé vậy… Và bà ấy trở nên vô cùng lo lắng cho Adolph. Bà ấy hận tất cả những người đàn ông khác. Mới tuần trước thôi, tôi có dẫn anh Sperling đến gặp bà ấy - chúng tôi thường ghé qua để thăm bà ẩy: bà ấy có vẻ rất cô đơn và bất hạnh - bà nhìn anh ấy chằm chằm và nói: ‘Sao anh cũng không phải là một người tàn tật vậy?’…”

Cô gái dừng lại và tìm kiếm phản ứng trên gương mặt chúng tôi.

“Giờ các anh đã hiểu tại sao tôi nhờ các anh phải cẩn thận chưa?… Quý bà Mae có thể sẽ nghĩ chúng ta đến để làm hại Adolph.”

“Chúng tôi không cần thiết gây thêm khổ sở cho bà ấy đâu,” Vance bảo đảm với cô ấy bằng sự đồng cảm. Sau đó, khi chúng tôi di chuyển đến sảnh, anh hỏi cô ấy một câu khiến tôi nhớ ra việc xem xét nhiệt tình của anh về ngôi nhà của gia đình Drukker vào trưa nay. “Phòng của bà Drukker ở đâu?”

Cô gái ném cho anh cái nhìn ngạc nhiên, nhưng nhanh chóng trả lời:

“Ở phía tây của ngôi nhà - cửa sổ lồi của căn phòng nhìn ra bãi tập bắn cung.”

“À!” Vance lấy hộp thuốc lá của mình ra, và cẩn thận chọn một điếu *Régie*. “Bà ấy có ngồi bên cửa sổ này nhiều không?”

“Nhiều lắm. Quý bà Mae luôn xem chúng tôi tập bắn cung - tại sao thì tôi không biết. Tôi chắc là nhìn thấy chúng tôi khiến bà đau lòng, bởi vì Adolph không đủ khỏe mạnh để bắn cung. Anh ấy đã thử vài lần, nhưng thấy mệt nên anh ấy đành phải từ bỏ.”

“Bà ấy có thể xem mọi người luyện tập chỉ với một lý do là để nó hành hạ bà ấy - một kiểu tự trừng phạt, cô biết đó. Những tình cảnh đó rất đáng buồn.” Vance nói gần như với sự trìu mến - điều đó, với những người không biết rõ bản chất thật của anh, nghe hơi là lạ. “Có

lẽ," anh nói thêm, khi chúng tôi tiến vào bãi tập bắn cung thông qua cánh cửa tầng hầm, "tốt nhất là đầu tiên chúng ta gặp bà Drukker một lát. Điều đó sẽ có khuynh hướng làm giảm bớt bất cứ mối lo sự nào mà cuộc viếng thăm của chúng ta có thể gây ra cho bà ấy. Chúng ta có thể đến phòng của bà ấy mà không để anh Drukker biết không?"

"Ồ, được chứ." Cô gái hài lòng về ý tưởng này. "Chúng ta có thể đi vào bằng lối cửa sau. Phòng làm việc của Adolph, nơi anh ta viết lách, nằm ở mặt trước của ngôi nhà."

Chúng tôi thấy bà Drukker đang ngồi bên cửa sổ lồi trên một chiếc ghế dài kiểu xưa, dựa lên gối. Cô Dillard chào hỏi bà ấy một cách kính yêu và cúi xuống với sự quan tâm dịu dàng, hôn lên trán bà ấy.

"Có chuyện khá tồi tệ đã xảy ra tại nhà của chúng cháu vào sáng nay, quý bà Mae ạ," cô ấy nói; "và những quý ông đây muốn gặp bà. Cháu tình nguyện đưa họ đến đây. Bà không phiền chứ?"

Gương mặt tái nhợt, bi thảm của bà Drukker quay ra cửa khi chúng tôi bước vào, nhưng giờ đây bà ấy nhìn chằm chằm chúng tôi với sự kinh hãi. Bà ấy là một người phụ nữ cao ráo, mảnh khảnh đến mức tiều tụy; và hai bàn tay của bà, đang để uốn cong hờ trên tay vịn của chiếc ghế, nổi gân và nhăn nheo như móng vuốt của người chim trong thần thoại. Gương mặt bà ấy, cũng gầy guộc và đầy vết hằn sâu; nhưng đó không phải là một gương mặt kém thu hút. Đôi mắt trong suốt và sống động, mũi thẳng và cao. Dù bà ấy chắc hẳn đã ngoài sáu mươi nhưng mái tóc thì vẫn còn dày và nâu.

Suốt vài phút bà ấy không hề động đậy hay nói năng gì cả. Rồi hai bàn tay của bà từ từ nắm lại và đôi môi hé mở.

"Các người muốn gì?" Bà ấy hỏi bằng giọng oang oang.

"Bà Drukker," - chính Vance là người trả lời - "như cô Dillard đã nói với bà, một thảm kịch đã xảy ra ở nhà bên vào sáng nay, và vì cửa sổ

của bà là cái duy nhất nhìn thấy được bãi tập bắn cung, chúng tôi nghĩ có thể bà đã nhìn thấy gì đó sẽ giúp được chúng tôi trong việc điều tra của mình."

Sự cảnh giác của người phụ nữ giảm đi rõ rệt, nhưng một lúc lâu sau bà ấy mới lên tiếng.

"Và chuyện gì đã xảy ra?"

"Một anh tên Robin đã bị giết. - Có lẽ bà biết anh ta?"

"Anh chàng bắn cung - cung thủ vô địch của Belle ư?… Đúng, tôi biết cậu ta. Một chàng trai khỏe mạnh có thể kéo căng dây cung mà không thấy mệt. - Ai đã giết cậu ta?"

"Chúng tôi không biết." Vance, mặc dù có vẻ lơ đãng, vẫn quan sát bà ấy một cách tinh tế. "Nhưng bởi vì anh ta bị giết ở bãi tập, trong tầm nhìn từ cửa sổ phòng bà, chúng tôi hy vọng bà có thể giúp được chúng tôi."

Mí mắt của bà Drukker chùng xuống một cách mưu mẹo, và bà ấy siết chặt hai bàn tay của mình theo kiểu cố ý hài lòng.

"Các người chắc chắn rằng cậu ta bị giết ở bãi tập ư?"

"Chúng tôi phát hiện ra anh ta ở bãi tập," Vance trả lời nước đôi.

"Tôi hiểu… Nhưng tôi có thể làm gì để giúp các người đây?" Bà ấy ngả lưng thư giãn.

"Bà có để ý đến người nào ở bãi tập sáng nay không?" Vance hỏi.

"Không!" Sự phủ nhận vừa nhanh vừa nhấn mạnh. "Tôi không thấy ai hết. Cả ngày hôm nay tôi không nhìn ra bãi tập."

Vance bắt gặp cái nhìn chằm chằm của người phụ nữ, và thở dài.

"Đáng tiếc thật," anh lẩm bẩm. "Nếu sáng nay bà có nhìn ra ngoài cửa sổ thì hoàn toàn có khả năng bà đã thấy thảm kịch rồi… Anh

Robin bị giết bằng cung tên, và dường như không có động cơ nào cho hành động này cả."

"Anh biết cậu ta bị giết bằng cung tên ư?" Bà ấy hỏi, chút khí sắc nổi lên trên đôi má tái nhợt của bà.

"Đó là báo cáo của bên giám định pháp y. Có một mũi tên đâm xuyên tim anh ta khi chúng tôi tìm thấy anh ta."

"Tất nhiên. Điều đó có vẻ hoàn toàn tự nhiên, phải không?... Một mũi tên xuyên qua tim Robin!" Bà ấy nói với thái độ mơ hồ, ánh mắt chứa đựng vẻ xa xăm, như bị thôi miên.

Một sự im lặng căng thẳng, và Vance đi đến cửa sổ.

"Bà có phiền nếu tôi nhìn ra ngoài không?"

Bằng sự khó nhọc, người phụ nữ kéo bản thân mình trở lại từ suy tư xa vời nào đó.

"Ồ, không đâu. Tuy nhiên, nó không nhìn được cảnh gì nhiều. Tôi có thể thấy hàng cây của đường số 76 về hướng bắc, và một phần sân nhà Dillard theo hướng nam. Nhưng bức tường gạch phía đối diện thật đáng chán. Trước khi tòa nhà chung cư này được xây lên thì tôi nhìn được cảnh đẹp của dòng sông."

Vance nhìn xuống bãi tập bắn cung một lúc.

"Phải," anh quan sát; "giá như bà ngồi ở cửa sổ vào sáng nay thì có lẽ bà đã thấy chuyện gì xảy ra rồi. Góc nhìn của bà xuống bãi tập và cửa tầng hầm nhà Dillard rất rõ ràng... Đáng tiếc quá." Anh liếc nhìn đồng hồ của mình. "Con trai của bà có ở nhà không, bà Drukker?"

"Con trai tôi! Đứa con yêu dấu của tôi! Các người muốn gì ở nó hả?" Giọng nói của bà ấy lên cao một cách đáng thương, và đôi mắt bà siết chặt lấy Vance với sự hận thù độc địa.

"Không có gì quan trọng đâu," anh nói trấn an. "Chỉ là, anh ta có thể đã nhìn thấy người nào đó ở bãi tập…"

"Nó không nhìn thấy ai hết! Nó không thể thấy người nào được, bởi vì nó không có ở đây. Sáng sớm hôm nay nó đã đi ra ngoài và giờ vẫn chưa về."

Vance nhìn người phụ nữ với sự thươmg hại.

"Anh ta ra ngoài cả buổi sáng? - Bà có biết anh ta ở đâu không?"

"Tôi luôn luôn biết nó ở đâu." Bà Drukker tự hào trả lời. "Chuyện gì nó cũng nói cho tôi biết."

"Và anh ta có nói cho bà biết sáng nay anh ta đi đâu chứ?" Vance nhẹ nhàng truy hỏi.

"Tất nhiên. Nhưng giờ tôi quên mất rồi. Để tôi nghĩ xem…" Những ngón tay thon dài của bà ấy gõ trên tay vịn của chiếc ghế, và cặp mắt của bà liếc ngang liếc dọc một cách bất an. "Tôi nhớ không ra. Nhưng tôi sẽ hỏi nó ngay khi nó về nhà."

Cô Dillard càng lúc càng bối rối đứng nhìn người phụ nữ.

"Nhưng quý bà Mae à, Adolph đã ở nhà của chúng cháu sáng nay. Anh ấy đến tìm Sigurd…"

Bà Drukker nhổm dậy.

"Không có chuyện đó!" Bà ấy ngắt lòi, gần như hằn học nhìn cô gái. "Adolph phải đi - xuống phố đâu đó. Nó không ở gần nhà của các người - tôi *biết* là không mà." Đôi mắt bà ấy lóe lên và bà khiêu khích liếc nhìn Vance.

Đó là một khoảnh khắc lúng túng; nhưng chuyện xảy đến tiếp theo thậm chí còn khó khăn hơn.

Cánh cửa nhẹ nhàng mở ra, và đột nhiên hai cánh tay của bà Drukker vươn ra.

"Con trai bé nhỏ của mẹ - con yêu!" Bà ấy kêu lên. "Đến đây nào, con yêu."

Nhưng người đàn ông ở cửa không hề tiến về phía trước. Anh ta đứng chớp cặp mắt nhỏ xíu nhìn chúng tôi, như một người thức dậy ở nơi xa lạ. Adolph Drukker cao khoảng 5 foot*. Anh ta có vẻ ngoài cục mịch điển hình của người gù. Hai chân anh ta mảnh khảnh, và thân mình lồi lên, biến dạng của anh ta có vẻ như bị phóng đại bởi cái đầu to lớn, giống như mái vòm. Nhưng có vẻ trí thức hiện trên gương mặt của người đàn ông này - một sức mạnh đam mê khủng khiếp gây chú ý đối với người khác. Giáo sư Dillard đã gọi anh ta là một thiên tài toán học; và không ai có thể nghi ngờ sự uyên bác đó*.

"Tất cả mọi chuyện này là sao đây?" Anh ta hỏi bằng một giọng the thé run rẩy, nhìn sang phía cô Dillard. "Đây là những người bạn của cô à, Belle?"

Cô gái định nói, nhưng Vance ra hiệu cho cô dừng lại.

"Sự thật là, thưa anh Drukker," anh buồn bã giải thích, "ở nhà bên đã xảy ra một thảm kịch. Đây là anh Markham, công tố viên quận, và trung sĩ Heath của Sở Cảnh sát; và theo lời thỉnh cầu của chúng tôi, cô Dillard đã dẫn chúng tôi đến đây, để chúng tôi có thể hỏi mẹ của anh rằng bà ấy có để ý thấy điều gì bất thường ở bãi tập bắn cung sáng nay hay không. Thảm kịch xảy ra ở ngay bên ngoài cánh cửa tầng hầm của nhà Dillard."

Drukker hất cằm về phía trước và nheo mắt lại.

"Một thảm kịch à? Là thảm kịch gì?"

"Một anh tên Robin đã bị giết - bằng cung tên."

Gương mặt của người đàn ông bắt đầu co giật ngắt quãng.

"Robin đã bị giết? *Bị giết* ư?... Mấy giờ?"

“Đâu đó giữa 11 và 12 giờ.”

“Giữa 11 và 12 giờ?” Ánh mắt của Drukker nhanh chóng chuyển sang mẹ anh ta. Anh ta có vẻ như càng lúc càng bị kích động, và những ngón tay to bè khổng lồ của anh ta vò lấy lai chiếc áo khoác màu khói của mình. “Mẹ đã nhìn thấy gì?” Mắt anh ta lóe lên lúc anh ta nhìn người phụ nữ.

“Ý con là gì hả con trai?” Câu đáp trả là một lời thì thầm hoang mang.

Gương mặt Drukker trở nên đanh lại, và vẻ méo mó trên môi anh ta.

“Ý con là vào khoảng giờ đó con có nghe một tiếng thét trong phòng này.”

“Không phải! Không… không!” Bà ấy hít một hơi, và lắc đầu một cách nhát gừng. “Con nhầm rồi con trai. Sáng nay mẹ đâu có thét.”

“Vậy thì ai đó đã thét.” Có một sự gay gắt lạnh lùng trong giọng nói của người đàn ông. Tiếp đó, sau một lúc dừng lại, anh ta nói thêm: “Sự thật là, con đã lên lầu sau khi nghe thấy tiếng thét, và lắng nghe ở cánh cửa này. Nhưng mẹ vừa đi vừa ngâm bài ‘Eia Popeia,’ nên con quay trở lại làm việc.”

Bà Drukker đưa khăn tay lên mặt mình, và đôi mắt của bà ấy nhắm lại trong chốc lát.

“Từ 11 đến 12 giờ con đang làm việc sao?” Giọng nói của bà ấy bây giờ reo lên với sự háo hức dịu dàng. “Nhưng mẹ đã gọi con mấy lần…”

“Con có nghe. Nhưng con không trả lời. Con bận quá.”

“Thì ra là vậy.” Bà ấy từ từ quay lại hướng cửa sổ. “Mẹ tưởng con đã đi ra ngoài. Không phải con đã nói vậy sao?”

“Con đã nói là con sẽ sang nhà Dillard. Nhưng Sigurd không có ở đó, và con về đây không lâu trước 11 giờ.”

“Mẹ không thấy con đi vào.” Sức lực của người phụ nữ đã cạn kiệt, và bà ấy bơ phờ nằm xuống, đôi mắt nhìn vào bức tường gạch trước mặt. “Và khi mẹ gọi mà con không trả lời nên mẹ tưởng con vẫn còn ở ngoài.”

“Con rời nhà Dillard bằng cánh cổng trước, và đi dạo một vòng trong công viên.” Giọng của Drukker cáu kỉnh. “Sau đó con vào nhà bằng cửa trước.”

“Và con nói là con đã nghe thấy mẹ thét… Nhưng sao mẹ lại thét hả con trai? Sáng nay lưng của mẹ đâu có đau.”

Drukker cau mày, và đôi mắt nhỏ bé của anh ta hết nhìn Vance lại nhìn sang Markham.

“Tôi nghe thấy ai đó thét - một người phụ nữ - trong căn phòng này,” anh ta cương quyết nhắc lại. “Khoảng 11 giờ rưỡi.” Sau đó anh ta ngồi thụp xuống ghế và đăm chiêu nhìn xuống sàn nhà.

Cuộc trao đổi bằng lời khó hiểu giữa người mẹ và con trai đã làm mê hoặc tất cả chúng tôi. Dù Vance đứng trước một ấn phẩm xưa từ thế kỷ 18 ở gần cánh cửa, xem xét nó với vẻ chăm chú, nhưng tôi biết rằng không một lời nói hoặc sự thay đổi tông giọng nào anh bỏ sót. Bây giờ anh quay người và ra hiệu cho Markham đừng can thiệp, rồi tiến lại gần bà Drukker.

“Chúng tôi rất xin lỗi, thưa bà, rằng chúng tôi đã làm phiền đến bà. Nếu được, mong bà hãy bỏ qua cho.”

Anh cúi chào và quay sang cô Dillard.

“Cô có phiền nếu dẫn chúng tôi về không? Hay chúng tôi tự tìm đường đi xuống?”

“Để tôi đi cùng mọi người,” cô gái nói; và đến chỗ bà Drukker, cô vòng hai tay mình quanh bà ấy. “Cháu thật sự xin lỗi, quý bà Mae.”

Lúc chúng tôi đi qua sảnh, Vance, cứ như mới đổi ý, dừng lại và ngoái đầu nhìn Drukker.

“Tốt hơn là anh nên đi cùng chúng tôi, thưa anh,” anh nói, bằng giọng bình thường nhưng có vẻ nài nỉ. “Anh biết anh Robin, và có thể anh nảy ra ý gì đó.”

“Đừng đi với họ, con ơi!” Bà Drukker kêu lên. Lúc này bà ấy đang nhổm dậy, gương mặt bà méo mó với nỗi thống khổ và sợ hãi. “Đừng đi! Họ là kẻ thù đấy. Họ muốn làm hại con…”

Drukker đứng lên.

“Sao con không nên đi với họ chứ?” Anh ta nóng nảy đáp lại. “Con muốn tìm ra vụ việc này. Có lẽ - như họ nói - con có thể giúp họ.” Và bằng cử chỉ nôn nóng, anh ta đi cùng chúng tôi.

CHƯƠNG 6

«'CHÍNH TA,' CHIM SẺ NÓI»

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 3 p.m.)

Khi chúng tôi quay lại phòng khách nhà Dillard và cô Dillard để chúng tôi ở lại với bác của cô trong thư viện, Vance, không vòng vo, mà đi thẳng vào vấn đề.

"Tôi không muốn làm mẹ anh lo lắng, anh Drukker à, bằng cách đặt câu hỏi về anh ở trước mặt bà ấy, nhưng bởi vì anh đã đến đây vào sáng nay vài phút trước khi Robin bị sát hại, điều đó là cần thiết - chỉ là thủ tục thông thường thôi - thứ mà chúng tôi đang tìm chính là thông tin anh có thể cung cấp."

Drukker ngồi gần lò sưởi. Bây giờ anh ta suy nghĩ một cách thận trọng, nhưng lại không trả lời.

"Anh đã tới đây," Vance tiếp tục nói, "vào khoảng 9 giờ rưỡi, tôi cho là thế, để gặp anh Arnesson."

"Đúng."

"Bằng cách đi vào bãi tập bắn cung và cửa tầng hầm?"

"Tôi luôn tới đây bằng cách đó. Tại sao phải đi bộ vòng qua khu đất chứ?"

"Nhưng sáng nay anh Arnesson đã ra ngoài."

Drukker gật đầu. "Anh ta ở trường đại học."

"Và, để tìm Arnesson, anh đã ngồi chờ trong thư viện một lúc với giáo sư Dillard, theo tôi hiểu, và thảo luận về cuộc thám hiểm thiên văn đến Nam Mỹ."

“Là cuộc thám hiểm của Hiệp hội thiên văn Hoàng gia tới Sobral để kiểm tra độ lệch về thuyết tương đối của Einstein*,” Drukker nhấn mạnh.

“Anh ở thư viện được bao lâu?”

“Chưa đầy nửa tiếng.”

“Sau đó thì sao?”

“Tôi xuống phòng bắn cung, và xem lướt qua một vài tạp chí. Có một thế cờ vua trong đó - thế tàn cuộc Zugszwang* được đặt ra gần đây giữa Shapiro và Marshall - tôi ngồi xuống và giải quyết nó…”

“Chờ một chút, anh Drukker.” Giọng nói hưng phấn bị cắt ngang bởi giọng của Vance. “Anh có hứng thú với cờ vua sao?”

“Ở mức độ nào đó thôi. Tuy nhiên, tôi không dành nhiều thời gian cho nó. Trò chơi này không thuần túy toán học; và nó không đủ lý luận để thu hút một đầu óc hoàn toàn khoa học.”

“Anh có tìm ra được điểm khó khăn trong thế cờ Shapiro - Marshall không?”

“Không quá khó khăn.” Drukker nhìn Vance một cách khôn ngoan. “Ngay sau khi tôi phát hiện ra việc di chuyển một quân tốt có vẻ vô dụng là chìa khóa cho thế bế tắc này, lời giải thật đơn giản.”

“Nó làm anh mất bao lâu?”

“Nửa tiếng hoặc hơn.”

“Cho tới khoảng 10 giờ rưỡi, theo tôi đoán?”

“Có lẽ đúng như thế.” Drukker ngồi dựa sâu trên ghế, nhưng vẻ cảnh giác anh ta đang che đậy không hề giảm bớt.

“Sau đó chắc hẳn là anh ở trong phòng bắn cung khi Robin và Sperling tới đây.”

Người đàn ông im lặng một lúc, và Vance, giả vờ như không nhận ra sự do dự của anh ta, tiếp tục nói: “Giáo sư Dillard nói rằng họ ghé nhà khoảng 10 giờ, và sau một lúc chờ ở phòng khách, họ đi xuống tầng hầm.”

“Nhân tiện, Sperling bây giờ ở đâu?” Đôi mắt đầy nghi ngờ của Drukker chuyển từ người này sang người khác trong chúng tôi.

“Chúng tôi mong anh ta ở đây từng giây từng phút,” Vance đáp. “Trung sĩ Heath đã cho hai cảnh sát đi tìm anh ta.”

Chân mày của anh gù dãn ra. “À! Vậy là Sperling bị buộc phải đến đây.” Anh ta xếp những ngón tay thành hình tam giác và đăm chiêu quan sát chúng. Sau đó anh ta từ từ ngước mắt nhìn Vance. “Anh đã hỏi là tôi có nhìn thấy Robin và Sperling trong phòng bắn cung không. - Có; họ đã xuống lầu ngay khi tôi rời khỏi.”

Vance ngả người ra sau và duỗi chân về phía trước.

“Anh có nhớ không, anh Drukker, rằng họ đã - theo cách nói hoa mỹ - có vài lời với nhau?”

Người đàn ông do dự với câu hỏi này.

“Giờ anh đề cập đến nó,” sau cùng anh ta nói, “tôi mới nhớ là hình như giữa họ có sự lạnh nhạt. Tuy nhiên, tôi không chắc lắm về điểm đó. Anh biết đấy, tôi rời khỏi phòng gần như ngay lập tức sau khi họ vào.”

“Anh đi ra cửa tầng hầm, tôi nghĩ anh đã nói thế, và từ đó qua cổng rào đường số 75. Đúng chứ?”

Trong một khắc Drukker dường như không muốn trả lời; nhưng anh ta vẫn trả lời với sự hờ hững.

“Đúng. Tôi nghĩ là tôi muốn đi dạo dọc theo con sông trước khi quay lại làm việc. Tôi đi đến đường Drive, rồi đi lên đường xe ngựa, và

rẽ vào công viên ở đường số 79.”

Heath, với thói quen nghi ngờ được tôi luyện để trở thành một cảnh sát, đặt câu hỏi kế tiếp.

“Anh có gặp bất kỳ ai mà anh biết không?”

Drukker quay lại một cách giận dữ, nhưng Vance đã nhanh chóng xen vào.

“Điều đó không quan trọng đâu, trung sĩ. Nếu sau này cần thiết để xác định điểm đó, chúng ta sẽ bàn đến vấn đề này lần nữa.” Sau đó quay sang Drukker: “Anh trở về sau khi đi dạo trước 11 giờ một chút, như anh đã nói, và vào nhà mình bằng cửa trước.”

“Đúng vậy.”

“Nhân tiện, anh không thấy có chút gì khác thường khi anh ở đây sáng nay?”

“Tôi không thấy gì ngoại trừ những gì tôi đã nói với anh.”

“Và anh chắc rằng đã nghe thấy tiếng mẹ anh thét lên vào khoảng 11 giờ rưỡi?”

Vance không xê dịch khi anh hỏi câu hỏi này; nhưng có nét hơi khác lạ len lỏi trong giọng nói của anh, và nó làm Drukker sửng sốt. Anh ta nhấc cả người mình ra khỏi ghế, đứng dậy nhìn Vance trừng trừng với vẻ đe doạ. Đôi mắt ti hí của anh ta lóe lên, và môi run rẩy. Đôi bàn tay, đung đưa trước anh ta, gập lại và mở ra giống như của một người đang trong cơn giận dữ.

“Anh đang lái câu hỏi đi đâu vậy?” Anh ta hỏi, giọng the thé một cách chói tai. “Tôi đã nói là tôi nghe tiếng bà ấy thét lên. Tôi không quan tâm về chuyện quái quỷ đó dù bà ấy có thừa nhận hay không. Hơn nữa, tôi nghe tiếng bước chân của bà ẩy trong phòng. *Bà ấy ở trong phòng của bà ấy,* hiểu chứ, và *tôi thì ở trong phòng của tôi,* giữa

11 và 12 giờ. Và anh không thể chứng minh điều gì khác nữa đâu. Vả lại, anh và những kẻ khác không có quyền chất vấn tôi về những gì tôi đã làm hay tôi đã ở đâu. Đó không phải là việc của anh - rõ chưa?…”

Vậy là vô tình cơn thịnh nộ của anh ta lại là điều tôi mong chờ khi thấy anh ta sấn vào Vance. Heath đứng dậy và bước tới, cảm thấy mối nguy hiểm tiềm tàng của người đàn ông này. Tuy nhiên, Vance lại không có phản ứng gì. Anh tiếp tục hút thuốc một cách uể oải, và khi cơn giận dữ của người đàn ông đã qua, anh tiếp tục nói mà không hề có một chút thái độ gì:

“Chúng tôi không có gì để hỏi anh nữa, anh Drukker. Và thật tình thì, anh biết đấy, không cần làm quá lên như thế đâu. Nó chỉ đơn thuần là tiếng thét của mẹ anh có thế xác nhận thời điểm chính xác của án mạng này.”

“Mẹ tôi thét thì có liên quan gì đến thời điểm Robin chết chứ? Chẳng phải bà ấy đã nói bà ấy không thấy gì sao?” Drukker có vẻ mệt mỏi, và dựa vào bàn một cách nặng nề.

Lúc này giáo sư Dillard xuất hiện ở lối đi. Phía sau ông ấy là Arnesson.

“Có vấn đề gì sao?” Vị giáo sư hỏi. “Tôi nghe có tiếng ồn ở đây, và đi vào.” Ông ấy lạnh lùng nhìn Drukker. “Không phải Belle đã chịu quá đủ cho ngày hôm nay bởi tính nóng nảy của anh rồi sao?”

Vance đứng dậy, nhưng trước khi anh nói thì Arnesson lại tiến đến và nhạo báng Drukker một cách mỉa mai.

“Anh nên học cách kiềm chế đi, Adolph. Anh làm như mọi thứ đều xấu xa nghiêm trọng vậy. Anh làm việc với các vì sao trong vũ trụ to lớn đủ lâu để hiểu biết thế nào là sự tương xứng rồi. Tại sao lại quan trọng hóa điều nhỏ nhặt trong cuộc sống trên trái đất này vậy?”

Drukker thở hổn hển.

“Những kẻ đáng ghét này…”, anh ta bắt đầu nói.

“Ôi, anh bạn Adolph thân mến!” Arnesson cắt ngang lời anh ta. “Toàn bộ nhân loại đều là những kẻ đáng ghét. Tại sao lại như vậy?… Đi thôi. Tôi sẽ đưa anh về nhà.” Và anh ta kiên quyết nắm lấy tay của Drukker và đưa xuống lầu.

“Chúng tôi rất lấy làm tiếc vì đã làm phiền ông, thưa giáo sư,” Markham xin lỗi giáo sư Dillard. “Người đàn ông này nổi nóng vì những lý do không đâu. Những cuộc điều tra không bao giờ là thứ dễ chịu trên thế giới này; nhưng chúng tôi hy vọng nó sẽ kết thúc nhanh thôi.”

“Được rồi, kết thúc nó càng nhanh càng tốt, Markham à. Và hãy hạn chế làm phiền Belle. - Hãy gặp tôi trước khi anh đi.”

Khi giáo sư Dillard lên lầu, Markham xoay người đi xuống phòng, lông mày anh ta nhăn lại, hai tay chắp sau lưng.

“Anh đã làm gì với Drukker vậy?” Anh ta lưỡng lự hỏi Vance.

“Rõ ràng đây không phải là một người dễ chịu. Bệnh tật về thể chất và tinh thần. Một kẻ nói dối bẩm sinh. Nhưng khôn ngoan - ồ, khôn ngoan quá đỗi. Một bộ não khác thường - anh thường tìm thấy nó trong sự khiếm khuyết của kiểu người như anh ta. Đôi khi nó vận hành những suy nghĩ thiên tài, giống như Steinmetz* ; nhưng quá thường xuyên biến nó trở thành một suy nghĩ thâm thúy đi kèm với tính phi thực tế, Drukker là như thế. Tuy nhiên, vài lời trao đổi qua lại của chúng ta không phải là không có thành quả gì. Anh ta đang che giấu điều gì đó mà tuy muốn nói nhưng không dám.”

“Tất nhiên, có thể như vậy,” Markham nói một cách nghi ngờ. “Anh ta nhạy cảm về việc từ 11 giờ đến giữa trưa. Và anh ta quan sát anh từ đầu đến cuối như một con mèo vậy.”

“Một con chồn,” Vance chỉnh lại. “Đúng vậy, tôi đã nhận ra sự quan sát kỹ lưỡng của anh ta.”

“Dù sao, tôi thấy anh ta không giúp được gì nhiều.”

“Không giúp được gì,” Vance đồng ý. “Chúng ta không tiến thêm được chút nào. Nhưng ít ra chúng ta cũng nhận được một vài món hàng. Nhà toán học dễ bị kích động của chúng ta đã mở ra vài hướng suy đoán thú vị. Và bà Drukker đã thẳng thắn một cách thừa thãi. Nếu chúng ta biết được chuyện hai người họ biết, chúng ta có thể tìm ra chìa khóa cho vấn đề ngớ ngẩn này.”

Heath ủ rũ trong vài giờ qua, và theo dõi diễn biến với sự chán nản. Nhưng bây giờ thì anh ta hăng hái đứng thẳng lên.

“Tôi ở đây để nói vói anh, anh Markham à, rằng chúng ta đang lãng phí thời gian. Lợi ích của những cuộc nói chuyện này là gì? Sperling là gã chúng ta muốn, và khi người của tôi mang hắn đến và tra hỏi hắn một chút, chúng ta sẽ có đủ thứ cần thiết cho một bản cáo trạng. Hắn ta có tình ý với cô gái nhà Dillard và ghen tị với Robin - không chỉ vì sự đánh giá của cô gái, mà còn vì Robin có thể bắn mấy mục tiêu màu đỏ chính xác hơn anh ta. Anh ta đã cãi cọ với Robin ngay tại căn phòng này - giáo sư nghe được họ cãi nhau; và ông ấy xuống lầu với Robin, theo như chứng cứ, một vài phút trước án mạng…”

“Và,” Vance thêm vào mệt cách mỉa mai, “tên anh ta có nghĩa là ‘chim sẻ’. *Quod erat demonstrandu**. Không đâu, trung sĩ; điều này quá dễ dàng. Nó hoạt động giống như một trò chơi Canfield với các lá bài được xếp chồng lên nhau; trong khi việc này đã được lên kế hoạch quá kỹ lưỡng để sự nghi ngờ chĩa thẳng vào người vô tội.”

“Tôi chẳng thấy có bất kỳ kế hoạch tỉ mỉ nào trong chuyện này cả,” Heath cố chấp. “Anh Sperling này tức giận, nhấc cây cung lên, chộp

mũi tên trên tường, đi theo Robin ra ngoài, bắn xuyên tim anh chàng này và bỏ trốn.”

Vance thở dài.

“Anh quá ngay thẳng trong cái thế giới xấu xa này, trung sĩ à. Nếu chỉ xảy ra những điều quá ngây thơ như vậy, thì cuộc sống sẽ rất đơn giản - và buồn chán. Nhưng đó không phải là cách làm trong vụ sát hại Robin. Đầu tiên, không cung thủ nào có thể bắn một mục tiêu là con người đang di chuyển và trúng ngay giữa các xương sườn vào điểm trí mạng ở tim. Thứ hai, có vết nứt ở xương sọ của Robin. Anh ta có thể bị khi té ngã, nhưng không giống vậy. Thứ ba, nón của anh ta nằm ở chân, nó không thể ở đó nếu anh ta ngã theo một cách tự nhiên. Thứ tư, khấc tên khá méo mó nên tôi nghi ngờ là có phải nó được gắn trên một tấm bảng. Thứ năm, Robin đã đối mặt với mũi tên, và nhìn theo cách bay và hướng mũi tên thì anh ta sẽ có thời gian kêu lên và né nó. Thứ sáu…”

Vance dừng nói để châm một điếu thuốc.

“Ôi trời, trung sĩ! Tôi đã bỏ qua điều gì rồi. Khi một người bị đâm vào tim thì chắc chắn ngay lập tức phải có máu chảy ra, đặc biệt là khi đuôi của vũ khí lớn hơn thân mũi tên và không đủ để bịt kín lỗ hổng đó. Tôi nghĩ thế! Rất có thể anh sẽ tìm thấy một vài vết máu trên sàn phòng bắn cung - nhiều khả năng là ở đâu đó gần cửa sổ.”

Heath do dự, nhưng chỉ trong giây lát. Kinh nghiệm nhiều năm cho anh ta biết gợi ý của Vance không nên xem xét qua loa; và với một tiếng càu nhàu hiền lành anh ta đứng dậy và biến mất phía sau nhà.

“Tôi nghĩ, Vance à, tôi bắt đầu hiểu được điều anh nói” Markham quan sát, với ánh mắt bối rối. “Nhưng, trời ơi! Nếu cái chết của Robin rõ ràng là với một cây cung và mũi tên chỉ là một sân khấu được sắp

đặt *ex - post - facto**, thì chúng ta đang đương đầu với một thứ gì đó hầu như quá hiểm ác so với dự tính."

"Đây là việc làm của một gã điên," Vance tuyên bố, với sự điềm tĩnh khác thường. "À, không phải gã điên nghĩ mình là Napoleon, mà là một gã điên với bộ não quá khổng lồ đến nỗi hắn ta vẫn cư xử đúng mực như một người ăn nói bình thường, qua *reductio ad absurdum** - biến thành một điểm, đó là, nơi mà sự hài hước trở thành công thức trong không gian bốn chiều."

Markham tiếp tục hút thuốc, chìm trong sự suy xét.

"Tôi mong là Heath không tìm ra bất kỳ cái gì," cuối cùng anh ta nói.

"Tại sao?" Vance quay lại. "Nếu không có chứng cứ nào chứng tỏ Robin chết ở phòng bắn cung, nó chỉ khiến vấn đề trở nên khó khăn hơn về mặt pháp lý."

Nhưng chứng cứ sắp được hé lộ. Trung sĩ quay lại sau vài phút, bỡ ngỡ nhưng hứng khởi.

"Chết tiệt thật, anh Vance à!" Anh ta thốt lên. "Anh đã đúng hoàn toàn." Anh ta không cố che giấu sự khâm phục lộ rõ. "Không hề có vết máu thực sự nào trên sàn nhà; nhưng có chỗ sẫm màu trên nền xi măng được ai đó lau chùi bằng miếng giẻ ướt vài lần ngày hôm nay. Nó vẫn chưa khô; và vị trí gần ngay cửa, nơi mà anh nói. Và điều khiến nó đáng ngờ là một trong những tấm thảm đã trải lên trên đó. - Nhưng đừng để hở Sperling." Anh ta sừng sộ. "Hắn ta có thể bắn Robin từ bên trong."

"Và sau đó lau sạch vết máu, chùi sạch cây cung và mũi tên, đặt cái xác và cây cung trên bãi tập, trước khi anh ta đi khỏi?… Tại sao?… Bắn cung, từ khi bắt đầu, không phải là môn thể thao trong nhà, trung sĩ à. Và Sperling thừa biết điều này khi cố gắng giết người bằng cung tên. Một đòn như thế để chấm dứt cuộc sống yên ổn của Robin là

thuần túy may rủi. Teucer cũng không thể tự mình làm được nó một cách chắc chắn - và, theo Homer*, Teucer là nhà vô địch bắn cung của Hy Lạp."

Khi anh nói thì Pardee đi xuống sảnh trên đường ra ngoài. Ông ta gần đến cửa trước thì Vance đột ngột đứng dậy và đi qua cổng vòm.

"Ô, này, ông Pardee. Làm ơn đợi một chút." Người đàn ông quay lại với dáng vẻ lịch lãm.

"Có một câu hỏi khác chúng tôi muốn hỏi ông," Vance nói. "Ông nói là đã nhìn thấy Sperling và Beedle rời khỏi đây sáng nay bằng cổng tường rào. Ông có chắc rằng không còn ai khác dùng cái cổng ấy chứ?"

"Khá chắc. Tôi không nhớ là còn ai khác nữa."

"Tôi đang nghĩ đến anh Drukker."

"Ồ, Drukker?" Pardee lắc đầu nhấn mạnh. "Không, tôi không nhớ là có anh ta. Nhưng anh cũng nhận thấy là có hàng tá người ra vào căn nhà này mà tôi thì không để ý lắm."

"Đúng - đúng," Vance thì thầm một cách thờ ơ. "Nhân tiện, anh Drukker có phải là người chơi cờ vua giỏi không?"

Pardee thoáng tỏ vẻ ngạc nhiên.

"Anh ta không thực sự là một người chơi đúng nghĩa," ông ta giải thích kỹ lưỡng. "Tuy nhiên, anh ta là một nhà phân tích xuất sắc, và hiểu lý thuyết của trò chơi này một cách đáng kinh ngạc. Nhung anh ta chỉ thực hành chút ít trên bàn cờ thực."

Khi Pardee rời khỏi, Heath hoan hỉ nhướng mắt về phía Vance.

"Tôi để ý thấy," anh ta nhận xét một cách tử tế, "rằng tôi không phải là người duy nhất muốn kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của anh gù."

“À, nhưng có sự khác biệt giữa việc kiểm tra chứng cứ ngoại phạm và yêu cầu người đó tự chứng minh nó.”

Đúng lúc đó cửa trước mở ra. Có tiếng chân nặng nề ở hành lang, và ba người đàn ông xuất hiện ở cổng vòm. Hai người rõ ràng là thám tử, và ở giữa họ là một người thanh niên cao ráo, sáng sủa chưa tới ba mươi tuổi.

“Chúng tôi đã bắt được anh ta, thưa trung sĩ,” một trong hai thám tử thông báo, với một nụ cười trông cực kỳ thỏa mãn. “Anh ta đi thẳng từ đây về nhà, và đang đóng gói mọi thứ khi chúng tôi bước vào.”

Đôi mắt của Sperling đảo quanh phòng với sự tức giận. Heath đứng như trời trồng trước người thanh niên, và nhìn lên nhìn xuống vẻ đắc thắng.

“Chà, anh bạn trẻ, anh nghĩ mình thoát khỏi chuyện này rồi, đúng không?” Điếu thuốc của viên trung sĩ nhấp lên nhấp xuống trên môi khi anh ta nói.

Đôi má của Sperling đỏ lên, và anh ta ngậm miệng một cách bướng bỉnh.

“Vậy! Anh không có gì để nói?” Heath bước đến, bóp hàm của anh ta một cách hung tợn.

“Anh không muốn nói, đúng không? Vậy thì chúng tôi sẽ khiến anh phải nói.” Anh ta quay về phía Markham. “Làm thế nào đây, thưa anh? Tôi có nên đưa anh ta về trụ sở không?”

“Có lẽ anh Sperling sẽ không từ chối trả lời vài câu hỏi ở đây đâu,” Markham nói một cách nhẹ nhàng.

Sperling chú ý đến vị công tố viên một lát; sau đó ánh mắt của anh ta chuyển về phía Vance, người gật đầu khích lệ anh ta.

“Trả lời về chuyện gì chứ?” Anh ta hỏi, với sự nỗ lực hết sức trong việc tự kiềm chế. “Tôi đang chuẩn bị chuyến đi cuối tuần khi những gã côn đồ này xông vào phòng tôi; và tôi bị đưa tới đây mà không được một lời giải thích hay thậm chí một cơ hội để nói với gia đình mình. Bây giờ anh nói đưa tôi đến trụ sở Cảnh sát.” Anh ta nhìn Heath thách thức. “Được thôi, cứ đưa tôi đến trụ sở Cảnh sát… thật là chết tiệt!”

“Sáng nay anh rời khỏi đây lúc mấy giờ, anh Sperling?” Giọng của Vance nhẹ nhàng và khéo léo, và làm yên lòng anh ta.

“Khoảng 11 giờ 15,” người thanh niên trả lời. “Vừa kịp lúc đón chuyến tàu 11 giờ 40 đi Scarsdale từ Grand Central.”

“Và Robin?”

“Tôi không biết mấy giờ Robin đi. Anh ta nói là anh ta đợi Belle - cô Dillard. Tôi để anh ta chờ ở phòng bắn cung.”

“Anh có thấy anh Drukker?”

“Có. Một lát. Anh ta ở phòng bắn cung khi Robin và tôi ở cuối cầu thang; nhưng anh ta rời khỏi ngay lập tức.”

“Qua cổng tường rào? Hay anh ta đi xuống bãi tập?”

“Tôi không nhớ… thực ra, tôi không để ý… Mà, xem này: tất cả chuyện này là sao?”

“Anh Robin bị giết sáng nay,” Vance nói, “- khoảng gần 11 giờ.”

Mắt Sperling dường như trợn ngược lên.

“Robin bị giết? Chúa ơi!… Ai… ai đã giết anh ta?” Môi của người thanh niên khô khốc, và anh ta liếm môi.

“Chúng tôi vẫn chưa biết,” Vance trả lời. “Anh ta bị bắn xuyên tim bởi mũi tên.”

Tin tức này khiến Sperling choáng váng. Anh ta đảo mắt một cách mơ hồ từ bên này sang bên kia, và mò mẫm điếu thuốc trong túi mình.

Heath đến gần anh ta, và kéo cằm anh ta ra.

“Có thể *anh* nói được ai là thủ phạm - *bằng cung tên!”*

“Tại sao… tại sao anh… nghĩ là tôi biết?” Sperling lắp bắp xoay xở.

“Thôi nào,” viên trung sĩ quay sang một cách tàn nhẫn, “anh ghen tị với Robin, đúng không? Anh tranh cãi gay gắt với anh ta về cô gái, ngay trong căn phòng này, đúng không? Và anh đã ở một mình với anh ta ngay trước khi anh ta chết, đúng không? Và anh cũng khá giỏi về bắn cung, đúng không? - Đó là lý do tôi nghĩ rằng anh biết điều gì đó.” Anh ta híp mắt và bặm môi. “Nói đi! Để rửa sạch nỗi oan. Không ai ngoài anh có thể làm chuyện đó. Anh đã mâu thuẫn với anh ta vì cô gái đó, và anh là người cuối cùng được nhìn thấy đã ở cùng anh ta - *chỉ vài phút trước khi anh ta bị giết.* Và còn ai khác có thể bắn anh ta bằng cung tên trừ cung thủ từng đoạt giải - hả?… Hãy làm nó dễ dàng cho chính anh, và phun hết mọi chuyện ra đi. Chúng tôi biết trò của anh rồi.”

Một tia sáng lạ thường hiện lên trong mắt Sperling, và cơ thể anh ta trở nên cứng đơ.

“Hãy cho tôi biết,” anh ta nói bằng giọng căng thẳng, không tự nhiên - “các người tìm thấy cây cung chưa?”

“Tất nhiên chúng tôi tìm thấy.” Heath cười khó ưa. “Ngay chỗ anh để nó - ở đường hẻm.”

“Đó là loại cung gì?” Ánh mắt Sperling cứ nhìn đăm đăm xa xôi.

“Đó là loại cung gì?” Heath nhắc lại. “Loại cung thông thường…”

Vance ngắt lời khi đã quan sát kỹ người thanh niên.

“Tôi nghĩ tôi hiểu câu hỏi, trung sĩ à. Đó là cung dành cho nữ, anh Sperling. Dài khoảng 5 foot 6 inch* và khá nhẹ - dưới 30 pound*, tôi có thể nói vậy.”

Sperling hít một hơi chậm và sâu, giống như một người đang cố chịu đựng một kết cục cay đắng. Sau đó môi anh ta nở một nụ cười mờ nhạt và dữ tợn.

“Có tác dụng gì chứ?” Anh ta hỏi một cách thờ ơ. “Tôi nghĩ mình đã có đủ thời gian để trốn… Phải, tôi đã giết anh ta.”

Heath càu nhàu với vẻ thỏa mãn, và thái độ hiếu chiến của anh ta biến mất ngay lập tức.

“Anh có ý thức tốt hơn là tôi nghĩ,” anh ta nói, trong một tông giọng trầm, gật đầu ra hiệu với hai thám tử. “Mang anh ta đi đi, các cậu. Dùng xe của tôi ấy - nó đang ở bên ngoài. Và nhốt anh ta lại mà không cần chờ. Tôi sẽ chịu trách nhiệm khi tôi đến văn phòng.”

“Đi cùng nào, anh bạn,” một thám tử đang quay về phía sảnh ra lệnh.

Nhưng Sperling không hề nghe lời ngay. Thay vào đó anh ta nhìn Vance một cách khẩn thiệt.

“Có thể tôi… có lẽ tôi…” anh ta bắt đầu.

Vance lắc đầu.

“Không, anh Sperling. Điều tốt nhất là anh không nên gặp cô Dillard. Không có tác dụng gì đối với nỗi đau của cô ấy hiện giờ. Chào anh.”

Người thanh niên quay đi mà không nói thêm lời nào và đi giữa hai kẻ bắt giữ.

CHƯƠNG 7

VANCE ĐI ĐẾN MỘT KẾT LUẬN.

(Thứ Bảy, 2 tháng Tư; 3.30 p.m.)

Khi chỉ còn chúng tôi trong phòng khách, Vance đứng dậy, vươn người, đi đến bên cửa sổ. Vở tuồng vừa diễn ra, với đoạn cao trào gây sửng sốt, đã khiến tất cả chúng tôi choáng váng. Tâm trí của chúng tôi bận rộn, tôi nghĩ là, với cùng một ý tưởng; và khi Vance nói, cứ như anh đang nói ra những suy nghĩ của chúng tôi.

"Chúng ta quay lại với bài đồng dao rồi, có vẻ vậy…

#

"'Chính ta,' chim sẻ nói,

'Bằng cung và tên thôi,

Ta giết Chim Cổ Đỏ."'…

#

Này, Markham; chuyện này trở nên khó khăn rồi."

Anh chầm chậm trở lại bàn trà và dập tắt điếu thuốc của mình. Anh nhìn Heath từ khóe mắt.

"Sao lại trầm tư thế, trung sĩ? Đáng lẽ anh nên hát bài hào hứng và vui sướng nhảy điệu tarantella* mới đúng chứ. Chẳng phải kẻ phản diện của anh đã thú nhận tội ác sao? Điều đó không làm anh vui khi biết thủ phạm sẽ sớm tàn lụi trong ngục tối à?"

"Thật ra mà nói, anh Vance," Heath buồn rầu công nhận, "tôi không thỏa mãn. Lời thú tội đó đến quá dễ dàng, và - tôi đã từng thấy rất

nhiều rồi, nhưng sao kẻ này lại không giống như hắn có tội cho lắm. Và đấy là sự thật, thưa anh."

"Bất luận thế nào," Markham hy vọng, "lời thú nhận phi lý của anh ta sẽ dập tắt sự tò mò của báo chí và rộng đường cho chúng ta tiếp tục cuộc điều tra. Vụ án này sẽ gây ra tiếng xấu; nhưng chừng nào các phóng viên còn nghĩ kẻ có tội đã bị giam giữ, thì họ sẽ không làm phiền chúng ta để lấy tin tức về 'sự tiến triển.'"

"Tôi không nói là hắn không có tội," Heath nóng nảy xác nhận, rõ ràng đang chống lại niềm tin của chính anh ta. "Chúng ta chắc chắn đã có được kết quả tốt ở hắn, và có thể hắn đã nhận ra và đầu thú, nghĩ rằng như vậy sẽ giảm nhẹ tội cho hắn ở phiên tòa. Có lẽ hắn không đến nỗi ngu lắm, sau những chuyện này."

"Không phải thế đâu, trung sĩ," Vance nói. "Đầu óc của anh chàng này cực kỳ đơn giản. Anh ta biết Robin đang đợi để gặp cô Dillard, và tối hôm qua anh ta cũng biết cô ấy sẽ không lấy anh kia. Rõ ràng Sperling không đánh giá cao Robin; và khi anh ta nghe được anh chàng kia chết dưới tay của ai đó đã dùng một cây cung ngắn và nhẹ, anh ta nhảy đến kết luận rằng Robin đã đi quá giới hạn cho phép trong chuyện tán tỉnh, và nhận một mũi tên thích đáng vào tim. Không còn gì để cho chú chim sẻ cao quý, ở giữa thời Nữ hoàng Victoria có thể làm ngoài việc vỗ bộ ngực nam tính của mình và tuyên bố rằng: *'Ecce homo!'** … Đó là chuyện đau buồn nhất."

"Dù thế nào đi nữa," Heath càu nhàu, "tôi cũng sẽ không thả hắn. Nếu anh Markham không muốn khởi tố, thì tùy anh ta."

Markham khoan dung nhìn viên trung sĩ. Anh ta nhận ra sự căng thẳng mà người đàn ông này phải chịu đựng, và chính vì thế mà anh ta không lấy làm tổn thương trước những lời của người kia.

"Tuy nhiên, có lẽ, trung sĩ à," anh ta nói một cách tử tế, "anh sẽ không phản đối việc tiếp tục điều tra cùng tôi, ngay cả khi tôi quyết định không khởi tố Sperling."

Heath ngay lập tức tỏ ra hối lỗi. Anh ta nhanh nhẹn đứng dậy, bước về phía Markham và chìa tay ra.

"Anh biết mà, thưa anh!"

Markham bắt lấy bàn tay đó và đứng dậy với một nụ cười nhã nhặn.

"Vậy thì tạm thời tôi sẽ giao việc lại cho anh. Tôi còn việc phải làm ở văn phòng, và tôi đã bảo Swacker đợi tôi."* Anh ta chán nản đi đến sảnh. "Tội sẽ giải thích tình hình cho cô Dillard và giáo sư trước khi tôi đi. - Có chuyện gì đặc biệt không, trung sĩ?"

"À, thưa anh, tôi nghĩ tôi sẽ tìm kiếm thật kỹ mảnh giẻ được dùng để lau sàn dưới lầu. Và nhân tiện tôi sẽ xem xét tỉ mỉ phòng bắn cung. Ngoài ra, tôi sẽ vặn hỏi người đầu bếp và người quản gia một lần nữa - đặc biệt là người đầu bếp. Cô ta nhất định đã ở gần đó khi việc xấu xa này diễn ra… Tiếp đó là những việc thủ tục thông thường - dò hỏi hàng xóm và chuyện đại loại thế"

"Hãy cho tôi biết kết quả. Tôi sẽ ở câu lạc bộ Stuyvesant vào ngày hôm nay và chiều mai."

Vance đi cùng Markham đến cổng vòm.

"Này, ông bạn già," anh nói, khi chúng tôi hướng đến cầu thang; "đừng giảm thiểu tầm quan trọng của bức thư bí ẩn trong hộp thư đó. Tôi có một sự nghi ngờ tâm linh rằng có thể chìa khóa là bài đồng dao đó. Tốt hơn là anh nên hỏi giáo sư Dillard và cháu gái của ông ấy xem 'Giám mục' có gây sự chú ý gì với họ không. Chữ ký liên quan đến tôn giáo đó có ý nghĩa đấy."

“Tôi không chắc đâu,” Markham trả lời ngờ vực. “Nó có vẻ hoàn toàn vô nghĩa với tôi. Nhưng tôi sẽ làm theo lời đề nghị của anh.”

Tuy nhiên, cả vị giáo sư lẫn cô Dillard không nhớ có mối liên hệ cá nhân nào với từ *Giám mục*; và vị giáo sư buộc phải đồng ý với Markham rằng bức thông điệp không mang bất kỳ ý nghĩa gì trong vụ án này.

“Tôi thấy,” ông ấy nói, “nó chỉ như một vở kịch tâm lý xã hội dành cho giới trẻ. Không có khả năng về chuyện kẻ giết Robin sẽ dùng một bí danh mơ hồ và viết thông điệp về tội ác của hắn. Tôi không rành về tội phạm, nhưng cách cư xử như thế theo tôi là không hợp lý.”

“Nhưng chính tội ác này đã phi lý rồi,” Vance thân thiện đưa ra ý kiến.

“Người ta không thể nói về điều phi lý, anh à,” vị giáo sư chua chát đáp lại, “khi người ta không biết về tiền đề tam đoạn luận.”

“Chính xác.” Giọng nói của Vance thật nhã nhặn. “Cho nên bản thân bức thông điệp có thể không phi lý.”

Markham khôn khéo chuyển đề tài.

“Chuyện tôi đặc biệt đến nói cho ông biết, thưa giáo sư, đó là anh Sperling vừa rồi đã đến đây không lâu và, sau khi được thông báo về cái chết của anh Robin, thú nhận rằng chính anh ta đã ra tay…”

“Raymond nhận tội!” Cô Dillard há hốc miệng.

Markham thương cảm nhìn cô gái.

“Xin nói thẳng, tôi không tin anh Sperling làm. Ý tưởng nhầm lẫn nào đó về lòng nghĩa hiệp chắc chắn đã khiến anh ta thừa nhận tộc ác.”

“‘Nghĩa hiệp’?” Cô ấy lặp lại, nghiêng về phía trước một cách căng thẳng. “Ý của anh là gì, anh Markham?”

Vance chính là người trả lời.

"Cây cung được tìm thấy ở bãi tập là cây cung của phụ nữ."

"Ôi!" Cô gái lấy hai bàn tay che mặt mình lại, và người cô run lên nức nở.

Giáo sư Dillard nhìn cô ấy một cách bất lực; và sự bất lực của ông ấy chuyển thành sự bực bội.

"Chuyện vớ vẩn gì đây, Markham?" Ông ấy hỏi. "Cung thủ nào cũng có thể bắn bằng một cây cung của phụ nữ… Chàng trai trẻ thật quá ngớ ngẩn! Sao cậu ta lại làm Belle khốn khổ vì lời thú tội vô lý của cậu ta vậy!… Markham, hãy làm những gì anh có thể cho chàng trai đó đi."

Markham trấn an ông ấy và đứng dậy chuẩn bị đi.

"Nhân tiện, giáo sư Dillard," Vance nói, dừng chân ngay trước cửa; "tôi tin là ông sẽ không hiểu lầm tôi, nhưng có một khả năng nhỏ rằng chính ai đó đến gần được ngôi nhà này, thích thú với trò đùa bằng việc đánh máy bức thông điệp đó. Liệu có một chiếc máy đánh chữ nào trong nhà này không?"

Rõ ràng vị giáo sư tức giận với câu hỏi của Vance, nhưng vẫn đủ lịch sự để trả lời.

"Không, - chưa bao giờ có cái nào cả theo tôi biết. Tôi vứt máy của mình mười năm trước khi tôi rời trường đại học. Một cơ sở nhận đánh máy những gì tôi cần."

"Còn anh Arnesson?"

"Nó không bao giờ dùng máy đánh chữ."

Khi chúng tôi đi xuống cầu thang, chúng tôi gặp Arnesson từ nhà của Drukker về.

"Tôi đã xoa dịu ngài Leipnitz* của chúng ta," anh ta thông báo, sau đó thở dài thườn thượt. "Adolph tội nghiệp! Thế giới này là quá sức

đối với anh ta. Khi anh ta đắm mình trong các công thức thuyết tương đối của Lorentz* và Einstein thì anh ta rất thanh thản. Nhưng khi anh ta bị kéo về thực tại thì anh ta liền tan rã."

"Có thể anh sẽ thích thú khi biết," Vance thờ ơ nói, "rằng Sperling vừa nhận tội giết người."

"Ha!" Arnesson cười khoái trá. "Khá phù hợp. 'Chính ta,' chim sẻ nói… Rất rõ ràng. Nhưng, tôi vẫn không biết điều đó sẽ giải như thế nào trong toán học."

"Và, vì chúng tôi đã đồng ý sẽ cập nhật thông tin cho anh," Vance nói tiếp, "điều đó có thể giúp cho tính toán của anh nếu biết chúng tôi có lý do để tin rằng Robin bị giết trong phòng bắn cung và được đặt ở bãi tập sau đó."

"Rất tốt khi biết được điều đó." Arnesson trở nên nghiêm túc trong chốc lát. "Đúng, điều đó có thể ảnh hưởng đến bài toán của tôi." Anh ta đi cùng chúng tôi ra cửa trước. "Nếu có cách nào đó tôi có thể giúp được các anh, cứ đến tìm tôi."

Vance dừng chân lại để châm điếu thuốc, nhưng tôi biết, qua ánh mắt uể oải của anh, rằng anh đang đưa ra một quyết định. Anh chậm rãi quay về phía Arnesson.

"Anh có biết anh Drukker hoặc ông Pardee có máy đánh chữ không?"

Arnesson hơi giật mình, và đôi mắt anh ta lấp lánh một cách thông minh.

"A ha! Bức thông điệp Giám Mục đó… Tôi hiểu rồi. Chỉ là vấn đề cẩn thận. Cũng đúng." Anh ta gật đầu với sự hài lòng. "Có, cả hai đều có máy đánh chữ. Drukker đánh máy không ngừng nghỉ - anh ta bảo là suy nghĩ với bàn phím. Và đống thư từ về cờ vua của Pardee thì to

tướng như người hùng trong các bộ phim. Ông ấy cũng tự mình đánh ra cả."

"Anh có thấy phiền không," Vance hỏi, "nếu đi lấy một mẫu chữ đánh máy của mỗi cái máy, và cả mẫu giấy hai quý ông này dùng?"

"Không phiền gì hết." Arnesson có vẻ hân hoan với công việc được nhờ vả. "Chiều nay sẽ có cho các anh. Các anh sẽ ở đâu?"

"Anh Markham sẽ ở câu lạc bộ Stuyvesant. Anh có thể gọi cho anh ta ở đấy và anh ta sẽ sắp xếp…"

"Tại sao phải phiền phức sắp xếp làm gì? Tôi sẽ tự mình đem kết quả đến cho anh Markham. Chỉ là vui quá thôi. Trò chơi làm thám tử này hấp dẫn quá."

Vance và tôi về nhà bằng xe của vị công tố viên, và Markham tiếp tục đến văn phòng. Vào 7 giờ tối hôm đó; cả ba chúng tôi gặp nhau tại câu lạc bộ Stuyvesant để ăn tối; và lúc 8 giờ rưỡi, chúng tôi ngồi ở góc yêu thích của Markham trong phòng chờ, hút thuốc và nhâm nhi cà phê.

Trong lúc dùng bữa, không một ai nhắc đến vụ án. Các ấn phẩm mới của những tờ báo chiều có viết ngắn gọn chuyện liên quan đến cái chết của Robin. Heath rõ ràng đã thành công trong việc hạn chế sự tò mò của cánh phóng viên và giảm bớt trí tưởng tượng của họ. Văn phòng Công tố quận đang đóng cửa, các nhà báo không thể tấn công Markham bằng những câu hỏi, vì vậy giới báo chí chậm chân không được cung cấp nhiều thông tin. Trung sĩ đã canh giữ nhà Dillard rất tốt, nên các phóng viên không thành công trong việc tiếp cận bất cứ thành viên nào trong gia đình họ.

Markham cầm tờ báo *Sun* mới trên đường đi từ phòng ăn, và vừa cẩn thận đọc qua nó vừa nhấp một ngụm cà phê.

“Đây là âm thanh yếu ớt đầu tiên,” anh ta buồn bã bình luận. “Tôi rùng mình khi nghĩ đến những bài báo buổi sáng sẽ chứa cái gì.”

“Không có cách nào khác ngoài chịu đựng nó,” Vance cười vô cảm. “Khi một tay nhà báo lanh lợi nào đó thức tỉnh trước tổ hợp chim cổ đỏ - chim sẻ - mũi tên thì những chủ bút của thành phố này sẽ hóa điên vì vui sướng, và mọi trang nhất của cả nước sẽ trông giống như những trang quảng cáo cho Mẹ Ngỗng.”

Markham chìm trong sự chán nản. Cuối cùng anh ta giận dữ đập lên tay vịn của chiếc ghế bằng nắm đấm của mình.

“Chết tiệt thật, Vance à! Tôi sẽ không để anh thổi bùng trí tưởng tượng của tôi với sự ngốc ngếch về bài đồng dao đâu.” Tiếp đó anh ta nói thêm, với sự hung tợn về điều không chắc chắn: “Chỉ là một sự trùng hợp, tôi nói cho anh biết. Đơn giản là không thể có bất kỳ cái gì trong đó cả.”

Vance thở dài. “Thuyết phục chính anh chống lại ý chí của anh đi; anh vẫn còn đồng tình - với giải thích của người quản gia.” Anh thò tay vào túi và móc ra một mảnh giấy. “Bỏ tất cả tác phẩm non nớt sang một bên *pro tempore** đi, đây là bảng sự kiện làm sáng tỏ mà tôi đã soạn ra trước bữa tối… ‘Làm sáng tỏ’ ư? Đúng, có thể như thế nếu ta biết cách giải nghĩa nó.”

Markham nghiên cứu mảnh giấy trong vài phút. Những gì Vance đã viết ra là thế này:

#

9.00 a.m. Arnesson ra khỏi nhà đến thư viện trường đại học.

9.15 a.m. Belle Dillard ra khỏi nhà để đến sân quần vợt.

9.30 a.m. Drukker ghé nhà để tìm Arnesson.

9.50 a.m. Drukker đi xuống dưới vào phòng bắn cung.

10.00 a.m. Robin và Sperling ghé nhà và ở lại trong phòng khách khoảng nửa tiếng.

10.30 a.m. Robin và Sperling đi xuống phòng bắn cung.

10.32 a.m. Drukker nói anh ta đi dạo, qua cổng tường rào.

10.35 a.m Beedle đi chợ.

10.55 a.m Drukker nói anh ta trở về nhà mình.

11.15 a.m Sperling ra về bằng cổng tường rào.

11.30 a.m. Drukker nói anh ta nghe có tiếng thét trong phòng của mẹ anh ta.

11.35 a.m Giáo sư Dillard đi ra ban công phòng Arnesson.

11.40 a.m. Giáo sư Dillard nhìn thấy xác của Robin ở bãi tập bắn cung.

11.45 a.m Giáo sư Dillard gọi điện thoại đến Văn phòng Công tố quận.

12.25 p.m. Belle Dillard đi chơi quần vợt về.

12.30 p.m. Cảnh sát đến nhà Dillard.

12.35 p.m Beedle đi chợ về.

2.00 p.m. Arnesson từ trường đại học về.

#

Do đó: Robin đã bị giết vào lúc nào đó giữa 11.15 (khi Sperling ra về) và 11.40 (khi giáo sư Dillard phát hiện ra thi thể).

#

Những người duy nhất được biết là đã ở nhà trong khoảng thời gian này là ông Pyne và giáo sư Dillard.

#

Cách sắp xếp của tất cả những người có liên quan theo cách nào đó đến vụ giết người như sau (theo lời khai và bằng chứng hiện có trong tay):

1. Arnesson ở thư viện trường đại học từ 9 a.m. đến 2 p.m.

2. Belle Dillard ở sân quần vợt từ 9.15 a.m. đến 12.25 p.m.

3. Drukker đi dạo trong công viên từ 10.32 a.m. đến 10.55 a.m.; và ở trong phòng làm việc từ 10.55 a.m trở đi.

4. Pardee ở trong nhà mình suốt buổi sáng.

5. Bà Drukker ở trong phòng mình suốt buổi sáng.

6. Beedle đi chợ từ 10.35 a.m. đến 12.35 p.m.

7. Sperling trên đường đi đến nhà ga Grand Central từ 11.15 a.m. đến 11.40 a.m., lúc đó anh ta đón tàu đi Scarsdale.

#

Kết luận: Trừ phi có ít nhất một trong bảy bằng chứng ngoại phạm này bị lung lay, toàn bộ gánh nặng nghi ngờ, và dĩ nhiên tội trạng thật sự, chắc hẳn đè lên ông Pyne hoặc giáo sư Dillard.

#

Khi Markham đọc xong mảnh giấy, anh ta tỏ vẻ bực tức.

"Toàn bộ lời ám chỉ của anh thật vô lý," anh ta cáu gắt; "và kết luận của anh là một *non – sequitur**. Trình tự thời gian giúp xác định thời điểm tử vong của Robin, nhưng giả định của anh rằng một trong những người chúng ta đã gặp hôm nay nhất thiết có tội, là hoàn toàn vô lý. Anh hoàn toàn bỏ qua khả năng rằng bất kỳ người ngoài nào cũng có thể gây ra tội ác này. Có ba cách để đi đến bãi tập và phòng bắn cung mà không cần phải đi vào trong nhà - cánh cổng rào ở đường số 75, cánh cổng rào khác ở đường số 76, và đường hẻm nằm giữa hai tòa nhà chung cư, dẫn ra đường Riverside Drive."

“Ồ, rất có khả năng là một trong ba lối ra vào này đã được sử dụng,” Vance đáp. “Nhưng đừng bỏ qua sự thật rằng lối vắng vẻ nhất, và vì thế thích hợp nhất trong ba cách thức ra vào - là đường hẻm, được bảo vệ bởi một cánh cửa khóa mà không ai có thể có chìa khóa ngoại trừ một thành viên nào đó trong gia đình Dillard. Tôi không thể tưởng tượng một kẻ giết người bước vào bãi tập từ hai cổng rào trên đường: hắn sẽ có quá nhiều nguy cơ bị bắt gặp.”

Vance nghiêm túc nghiêng người về phía trước.

“Và, Markham à, có những lý do khác giải thích tại sao chúng ta có thể loại bỏ người lạ hay kẻ vãng lai thông thường. Người đã đưa Robin đến cái chết nhất định phải biết được chính xác tình trạng trong nhà Dillard sáng nay từ 11 giờ 15 đến 12 giờ kém 20. Hắn biết ông Pyne và vị giáo sư già ở một mình trong nhà. Hắn biết rằng Belle Dillard không đi lang thang quanh ngôi nhà. Hắn biết rằng Beedle đã ra ngoài và cũng không thể nghe thấy hắn hoặc làm hắn bất ngờ. Hắn biết rằng Robin - nạn nhân của hắn - ở đó, và Sperling đã rời khỏi. Hơn nữa, hắn biết chút gì đó về địa thế của mảnh đất - vị trí của phòng bắn cung, chẳng hạn; quá rõ ràng là Robin bị giết trong căn phòng đó. Không ai không quen thuộc với tất cả những chi tiết này lại dám tiến vào trong và dựng ra một vụ giết người ngoạn mục. Tôi nói cho anh biết, Markham à, chính ai đó rất thân thiết với những người nhà Dillard - ai đó có thể biết được chính xác tình hình trong gia đình đó sáng nay.”

“Thế còn tiếng thét của bà Drukker thì sao?”

“À, thật ra đó là gì? Cửa sổ phòng bà Drukker có thể là một yếu tố mà hung thủ đã không để ý đến. Hoặc có lẽ hắn biết chuyện đó và quyết định chấp nhận nguy cơ bị bắt gặp. Mặt khác, chúng ta không biết bà ấy có thét hay không. Bà ấy nói không; Drukker nói có. Cả hai

đều có mục đích phía sau những gì họ đã rót vào đôi tai cả tin của chúng ta. Drukker có thể đã kể về tiếng thét để chứng minh anh ta ở nhà từ 11 đến 12 giờ; và bà Drukker có thể chối bỏ điều đó vì sợ rằng anh ta không có ở nhà. Cũng giống như *olla podrida**. Nhưng chuyện đó không quan trọng. Điểm mấu chốt tôi đang cố làm sáng tỏ chính là chỉ có một người thân quen với nhà Dillard mới có thể gây ra chuyện độc ác này."

"Chúng ta có quá ít giả thiết để bảo đảm kết luận đó," Markham xác nhận. "Ngẫu nhiên có thể góp phần vào…"

"Ô, này, ông bạn già! Ngẫu nhiên có thể có tác dụng với một số ít sự hoán vị, nhưng không đến hai mươi. - Và cả bức thông điệp bỏ trong hộp thư. Kẻ giết người còn biết cả tên đệm của Robin;"

"Giả sử, cứ cho là kẻ giết người đã viết bức thông điệp đi."

"Có phải anh cho rằng kẻ đùa cợt gàn dở nào đó phát hiện ra vụ giết người bằng thần giao cách cảm hoặc xem bói bằng quả cầu pha lê, lật đật đi tìm máy đánh chữ, soạn ra một bài thơ, vội vã trở lại căn nhà, không có lý do chính đáng, cực kỳ mạo hiểm nếu bị bắt gặp để nhét mảnh giấy vào hộp thư?"

Trước khi Markham kịp trả lời, Heath bước vào phòng và hấp tấp đi đến chỗ chúng tôi. Có thể thấy rõ là anh ta đang lo lắng và bất an. Nói vài lời chào hỏi xong anh ta đưa một bao thư đánh máy cho Markham.

"Báo *World* nhận được nó trong hộp thư vào chiều tối. Quinan, phóng viên cảnh sát của tờ *World,* đã đem nó đến chỗ tôi mới đây; và anh ta nói rằng báo *Times* và báo *Herald* cũng nhận được một bức. Thư được đóng dấu vào lúc 1 giờ ngày hôm nay, nên có lẽ chúng được gởi đi giữa 11 và 12 giờ. Hơn nữa, anh Markham, chúng được gởi từ khu phố nhà Dillard, vì chúng được đóng dấu Trạm Bưu Điện 'N' trên đường số 69 Tây."

Markham rút lá thư ra khỏi bao thư. Đột nhiên hai mắt anh ta mở to, và các cơ miệng của anh ta căng cứng. Không ngước nhìn, anh ta đưa lá thư cho Vance. Nó gồm một tờ giấy đánh máy duy nhất, và từ ngữ được in trên đó giống như của bức thông điệp được bỏ trong hộp thư nhà Dillard. Thật vậy, nội dung là bản sao y nguyên của cái kia: - "Joseph Cochrane Robin đã chết. Ai giết Chim Cổ Đỏ? Sperling có nghĩa là chim sẻ. - GIÁM MỤC."

Vance nhìn thoáng qua mảnh giấy.

"Đúng là giống nhau, các anh thấy đó," anh lạnh lùng nói. "Giám Mục sợ rằng công chúng sẽ bỏ lỡ điểm quan trọng trong trò đùa của hắn; nên hắn đã giải thích nó với báo chí."

"Anh nói là trò đùa sao, anh Vanee?" Heath chua chát hỏi. "Đây không phải loại trò đùa mà tôi quen. Vụ này ngày càng điên rồ hơn…"

"Chính xác, trung sĩ à. Một trò đùa điên rồ."

Một anh chàng mặc đồng phục bước đến bên vị công tố viên và cúi xuống vai anh ta một cách kín đáo, thì thầm điều gì đó.

"Lập tức dẫn anh ta đến đây," Markham ra lệnh. Sau đó nói với chúng tôi: "Là Arnesson. Có lẽ anh ta có những mẫu đánh máy." Một vết gợn trên gương mặt anh ta; và anh ta lại liếc nhìn bức thông điệp Heath đã mang đến. "Vance," anh ta nói khẽ, "tôi bắt đầu tin vụ án này có thể trở nên tồi tệ như anh nghĩ. Tôi tự hỏi nếu các bản đánh máy là phù hợp…"

Nhưng khi bức thư được đối chiếu với những mẫu đánh máy Arnesson mang đến, không có sự tương đồng rõ ràng nào. Không chỉ kiểu chữ đánh máy và mực in khác hẳn máy của Pardee và Drukker, mà cả loại giấy cũng không giống với bất kỳ mẫu giấy nào mà Arnesson đã lấy được.

MÀN HAI

(Thứ Hai, 11 tháng Tư; 11 a.m.)

Không cần phải nhắc lại sự cảnh giác trên khắp cả nước do vụ ám sát Robin gây ra. Mọi người đều nhớ cách mà thảm kịch gây sửng sốt này đã được mô tả trên báo chí cả nước. Nó đã được nhắc đến bằng nhiều tên gọi khác nhau. Một vài tờ báo gọi nó là án mạng Chim Cổ Đỏ. Những tờ báo khác, cũng lặp lại nhiều hơn nhưng kém chính xác hơn*, gọi nó là án mạng Mẹ Ngỗng. Nhưng chữ ký trên bức thông điệp được đánh máy lôi cuốn mạnh mẽ cảm giác bí ẩn của giới báo chí; và cuối cùng thì vụ ám sát Robin được biết đến dưới tên gọi là *vụ án mạng Giám Mục.* Sự kỳ dị và đáng sợ của nó được kết hợp bởi sự kinh dị và bài đông dao bí ẩn đã kích động trí tưởng tượng của công chúng; và những ẩn ý độc ác và điên rồ trong tình tiết của nó đã ảnh hưởng đến cả nước giống như bầu không khí của cơn ác mộng quái đản không thể giũ sạch.

Trong suốt tuần sau khi phát hiện ra thi thể của Robin, các thám tử của Cục Hình sự, cũng như các thám tử có quan hệ với Văn phòng Công tố quận, đều bận rộn ngày đêm để đẩy nhanh việc điều tra của họ.

Việc nhận được bản sao bức thông điệp Giám Mục của tờ *New York buổi sáng* đã làm tiêu tan bất kỳ ý nghĩ rằng Heath có thể giữ Sperling như là tội phạm; và mặc dù anh ta đã cự tuyệt sự phê chuẩn của đơn vị mình về sự vô tội của người thanh niên bị chính anh ta bắt, với sự khoái trá và cố chấp thường thấy, trong việc tìm kiếm thủ phạm

hợp lý hơn. Cuộc điều tra mà anh ta tổ chức và giám sát đã hoàn thành là vụ án mạng Greene. Không sự việc nào giữ được vài tia hy vọng về kết quả bị bỏ sót; và báo cáo mà anh ta viết ra đã làm hài lòng ngay cả những nhà tội phạm học kỹ lưỡng của Đại học Lausanne.

Vào buổi trưa ngày xảy ra án mạng, anh ta và người của mình đã tìm kiếm những mảnh vải được sử dụng để lau sạch vết máu trong phòng bắn cung; nhưng không có dấu vết nào được tìm thấy. Ngoài ra, một cuộc kiểm tra cẩn thận trong tầng hầm nhà Dillard được thực hiện với hy vọng tìm ra thêm các manh mối khác; mặc dù Heath đã nhờ các chuyên gia tham gia vào vụ này, nhưng kết quả vẫn không có gì. Chỉ có một điểm được đưa ra ánh sáng là tấm thảm gần cửa bị di chuyển để che đậy vết lau chùi trên nền xi măng. Tuy nhiên, sự thật này chỉ chứng minh cho những quan sát trước đó của viên trung sĩ.

Báo cáo *post-mortem** của bác sĩ Doremus cung cấp thêm bằng chứng chính thức cho đến giờ chấp nhận giả thiết rằng Robin đã bị giết trong phòng bắn cung và sau đó được đem ra bãi tập. Việc khám nghiệm tử thi cho thấy phía sau hộp sọ của anh ta bị đập rất mạnh bởi vật nặng tròn, kết quả là tạo ra các vết nứt sâu khác biệt với những vết nứt gây ra do bị đánh bởi vật có mặt phẳng. Một cuộc tìm kiếm hung khí gây án đã được tiến hành; nhưng không tìm ra được hung khí giống như vậy.

Mặc dù Beedle và Pyne đều bị Heath hỏi cung vài lần, nhưng không có thêm thông tin gì từ họ cả. Pyne đã khẳng định là toàn bộ buổi sáng ông ta đều ở trong phòng của Arnesson, trừ lúc đi đến tủ đựng đồ vải và cửa trước, và từ chối hoàn toàn việc đã đụng chạm vào một trong hai thứ là cái xác và cây cung khi giáo sư Dillard kêu ông ta đi tìm Sperling. Tuy nhiên, trung sĩ lại không hoàn toàn hài lòng với lời khai của người đàn ông này.

“Ông lão già cả mắt mờ này đang che giấu một cái gì đó,” anh ta nói với Markham bằng giọng chán ghét. “Nhưng sẽ có cách nào đó buộc ông ta phải khai ra.”

Một cuộc vận động lấy lời khai đối với tất cả các ngôi nhà ở đường số 75 giữa đại lộ West End và đường Riverside Drive được thực hiện với hy vọng sẽ tìm được người có để ý đến những ai đã ra vào hay xuất hiện ở cổng rào nhà Dillard trong suốt buổi sáng đó. Nhưng không thu được gì cả từ cuộc vận động chán ngắt này. Có vẻ như Pardee là cư dân duy nhất trong khu phố có quan sát đến nhà Dillard vào sáng hôm đó. Sự thật là, sau nhiều ngày điều tra khó khăn gian khổ theo con đường này, viên trung sĩ nhận ra rằng anh ta sẽ phải tiến hành công việc này mà không có bất kỳ sự giúp đỡ ngẫu nhiên hay từ bên ngoài.

Các chứng cứ ngoại phạm khác nhau của bảy người mà Vance đã trình bày trong bản giải thích của anh gởi cho Markham, trong hoàn cảnh này đều đã được chấp nhận. Rõ ràng, không thể kiểm tra họ một cách toàn diện, vì cái chính là, chúng chỉ dựa trên lời khai của các cá nhân có liên quan. Hơn nữa, cuộc điều tra đã được thực hiện với sự thận trọng tối đa để không gây ra sự ngờ vực. Kết quả điều tra như sau:

1. Arnesson đã ở thư viện trường đại học với sự chứng kiến của nhiều người, gồm có người trợ lý thư viện và hai sinh viên. Nhưng thời điểm trong những bằng chứng của họ không liên tục và cũng không rõ ràng về thời gian.

2. Belle Dillard đã chơi được vài hiệp tennis ở sân công cộng nằm trên đường số nọ và đường Riverside Drive, nhưng vì có hơn bốn người trong nhóm nên cô ấy đã hai lần nhường vị trí của mình cho

bạn; và không ai trong số những người chơi xác nhận được cô ấy có ở lại sân đấu trong suốt buổi chơi hay không.

3. Thời gian Drukker rời khỏi phòng bắn cung được xác nhận chắc chắn bởi Sperling; nhưng không ai nhìn thấy anh ta sau đó. Anh ta thừa nhận là không gặp người quen nào trong công viên, nhưng lại nhấn mạnh rằng anh ta đã dừng lại vài phút để chơi với một vài đứa trẻ xa lạ.

4. Pardee đã ở một mình trong phòng làm việc của ông ta. Người đầu bếp lớn tuổi và cô hầu người Nhật của ông ta ở phía sau căn nhà, và không nhìn thấy ông ta mãi cho tới giờ ăn trưa. Do vậy chứng cứ ngoại phạm của ông ta hoàn toàn không được xác thực.

5. Lời khai của bà Drukker xác nhận chỗ bà ấy đã ở vào sáng hôm đó, vì không ai thấy bà ấy từ 9 giờ 30, khi Drukker đi gặp Arnesson, đến 1 giờ, khi người đầu bếp mang bữa ăn trưa lên cho bà ấy.

6. Chứng cứ ngoại phạm của Beedle cũng đã được kiểm tra một cách đầy đủ và thỏa đáng. Pardee thấy cô ta rời nhà lúc 10.35; và vài người buôn bán nhớ ra cô ta đã ở chợ Jefferson giữa 11 và 12 giờ.

7. Sự việc Sperling đi chuyến tàu lúc 11.40 để tới Scarsdale đã được xác minh; vì thể anh ta phải rời khỏi nhà Dillard vào thời điểm anh ta đã nói - là 11.15. Tuy nhiên, việc xác định thời điểm này, chỉ đơn thuần là thủ tục thường lệ, vì thực tế anh ta đã được loại ra khỏi vụ này. Nhưng nếu, như Heath giải thích, phát hiện ra rằng anh ta không đi chuyển tàu 11.40, thì anh ta sẽ là thủ phạm tiềm năng quan trọng.

#

Để theo đuổi cuộc điều tra một cách tổng quát, viên trung sĩ bắt đầu từ những câu chuyện và những hội nhóm của những người có liên quan. Nhiệm vụ này cũng không khó khăn. Bọn họ đều nổi tiếng, và các thông tin liên quan đến họ đều có được dễ dàng; nhưng không tin

tức tìm được nào có thể coi như tia sáng lóe lên trong vụ ám sát Robin. Không có thông tin nào tiết lộ chút gợi ý về động cơ của tội ác này; và sau một tuần tập trung điều tra và suy đoán thì vụ án này dường như vẫn bị che giấu một cách bí ẩn bất khả xâm phạm.

Sperling vẫn chưa được thả ra. Chứng,cứ *prima facie** chống lại anh ta, kết hợp với lời thú tội vô lý của anh ta, đã gây khó khăn trong việc tiến thêm một bước tới kết luận chính xác. Tuy nhiên, Markham đã tổ chức một cuộc họp không chính thức với các luật sư được cha của Sperling thuê để giải quyết vụ án này, và một kiểu nào đó về "sự thỏa thuận của các quý ông", tôi nghĩ, đã đạt được; mặc dù chính quyền không có động thái gì về việc truy tố (dù thực tế Bồi thẩm đoàn cũng tham gia khi đó), các luật sư bào chữa đã không yêu cầu thực hiện *habeas corpus**. Tất cả các dấu hiệu này chỉ ra rằng cả Markham và luật sư của Sperling đều đang chờ thủ phạm thật sự bị bắt.

Markham đã có nhiều cuộc phỏng vấn những thành viên trong gia đình Dillard, trong một nỗ lực bền bỉ để tìm ra một vài đầu mối nhỏ có thể dẫn đến kết quả của cuộc điều tra; và Pardee đã được triệu tập đến Văn phòng Công tố quận để lấy lời khai về những gì ông ta quan sát được từ cửa sổ nhà mình vào buổi sáng xảy ra thảm kịch. Bà Drukker đã bị thẩm vấn lần nữa; nhưng bà ấy không chỉ dứt khoát phủ nhận việc đã nhìn ra cửa sổ phòng mình vào sáng hôm đó, mà bà ấy còn chế giễu ý kiến cho rằng bà ấy đã thét lên.

Drukker, khi bị hỏi cung một lần nữa, đã thay đổi phần nào lời khai trước đây của mình. Anh ta giải thích rằng mình có thể bị nhầm lẫn về nguồn gốc của tiếng thét, và ám chỉ rằng nó có thể xuất phát từ ngoài đường hoặc từ một trong các cửa sổ của tòa nhà chung cư. Thực tế, anh ta đã nói, rất khó xác nhận được mẹ anh ta đã phát ra tiếng thét đó, đến khi anh ta đi tới cửa phòng bà ấy sau đó thì nghe bà đang

ngâm nga bài hát tiếng Đức dành cho trẻ con của Humperdinck* là "Hänsel và Gretel." Markham, tin rằng không thể lấy được "bất kỳ thông tin gì từ Drukker và mẹ anh ta, cuối cùng đã tập trung vào nhà Dillard.

Arnesson đã tham dự các cuộc họp riêng ở văn phòng của Markham; nhưng vì khả năng quan sát bao quát và đầy hoài nghi, anh ta dường như cũng có nhiều bối rối như những người còn lại trong chúng tôi. Vance giễu cợt anh ta một cách thân thiện về công thức toán học dùng để giải vụ án này, nhưng Arnesson nhấn mạnh rằng công thức không thể hoàn tất cho tới khi có được tất cả hệ số của định lý. Dường như anh ta quan tâm đến toàn bộ vụ việc như kiểu sự châm biếm của Juvenal* ; và Markham đã nhiều lần tỏ ra bực bội. Anh ta trách Vance vì đã để Arnesson trở thành một đồng nghiệp không chính thức trong cuộc điều tra này, nhưng Vance đã bảo vệ chính mình rằng chẳng sớm thì muộn Arnesson cũng sẽ cung cấp những thông tin tuy có vẻ không liên quan gì nhưng cũng có thể dùng như là một *point de depart** thuận lợi.

"Lý thuyết tội phạm - toán học của anh ta thì hiển nhiên là nhảm nhí," Vance nói. "Tâm lý học - không phải là khoa học trừu tượng - cuối cùng sẽ làm giảm các yếu tố hóc búa trong bài toán. Nhưng chúng ta cần thông tin để tiếp tục, và Arnesson biết nội tình của nhà Dillard tốt hơn những gì chúng ta có thể biết. Anh ta biết về nhà Drukker, và quen biết Pardee; và chính điều đó chứ không phải là một người có một đống bằng khen về khoa học, sở hữu một trí tuệ cực kỳ sắc sảo. Miễn là anh ta vẫn để tâm và chú ý vào vụ án, vẫn còn cơ hội để anh ta tìm ra thứ có tầm quan trọng sống còn đối với chúng ta."

"Có thể anh đúng," Markham càu nhàu. "Nhưng cái thái độ đầy nhạo báng của anh ta khiến tôi bực mình."

“Hãy rộng lượng hơn,” Vance thuyết phục. “Hãy coi như sự mỉa mai của anh ta có liên quan đến những nghiên cứu khoa học của anh ta. Điều gì có thể tự nhiên hơn một người đàn ông tự lên kế hoạch cho bản thân một cách liên tục để vươn tới khoảng không của vũ trụ bao la, và có liên quan đến năm ánh sáng, vô cực và những chiều không gian khác thường, nên sẽ khụt khịt chế giễu đối với những vi phân của cuộc sống này?… Anh bạn kiên cường, Arnessson. Có lẽ không dễ gần và thoải mái, nhưng đầy thú vị.”

Bản thân Vance đã nhận ra vụ án này với sự nghiêm trọng khác thường. Bản dịch Menander của anh hoàn toàn bị gác sang một bên. Anh trở nên xấu tính và nóng nảy – dấu hiệu chắc chắn rằng tâm trí anh đang bận rộn với một vấn đề hấp dẫn. Sau bữa tối hằng đêm, anh vào thư phòng và đọc sách trong hàng giờ liền - không phải là những tác phẩm kinh điển và mỹ học mà anh thường dành thời gian cho chúng, mà là những cuốn sách như “Tâm lý học về sự điên rồ” của Bernard Hart*, “Der Witz und seine Beziehung zum Unbewussten* ” của Freud*, “Tâm lý học lệch chuẩn” và “Kiểm soát cảm xúc” của Coriat*, “Komik und Humor* * ” của Lipps*, “Vụ án mạng phức tạp” của Daniel A. Huebsch*, “Les Obsessions et la Psychasthènie* ” của Janet*, “Uber arithmomanie* ” của Donath*, “Khát vọng thành tựu và những câu chuyện thần tiên” của Riklin*, “Die forensische Bedeutung der Zwangsvorstellungen* ” của Leppman, “Uber den Witz* ” của Kuno Fischer*, “Kriminalpsychologie* ” của Erich Wulffen*, “Sự điên rồ của thiên tài” của Hollenden, và “Die Spiele des Menschen* ” của Groos*.

Anh dành hàng giờ cho báo cáo của cảnh sát. Anh đã hai lần ghé thăm nhà Dillard, và một lần đến thăm bà Drukker cùng với Belle Dillard. Anh đã có một đêm trò chuyện dài với Drukker và Arnesson về quan niệm của de Sitter* về không gian vật lý như một giả mặt cầu

Lobatchewskian, mục đích của anh, theo tôi phỏng đoán, là để làm quen với tâm tính của Drukker. Anh đọc sách của Drukker, "Đường vũ trụ trong thể liên tục đa chiều"; và dành gần cả ngày để nghiên cứu những phân tích của Janowski và Tarrasch về thế cờ Pardee.

Vào Chủ nhật - tám ngày sau khi Robin bị giết - anh nói với tôi:

"Trời ơi, Van! Vấn đề này quỷ quyệt không thể tin nổi. Không sự điều tra thông thường nào có thể điều tra được. Nó nằm trong một vùng lạ của bộ não; và sự trẻ con hời hợt của nó là khía cạnh khủng khiếp và trở ngại nhất. Cũng không phải là thủ phạm sẽ thực hiện một việc táo bạo đơn lẻ. Cái chết của Chim Cổ Đỏ không phải là mục đích cuối cùng. Trí tưởng tượng bệnh hoạn đã dựng lên tội ác kinh dị này là vô độ; và trừ phi chúng ta có thể vạch trần động cơ tâm lý bất thường đằng sau nó thì dám chắc rằng sẽ còn nhiều trò đùa tàn nhẫn hơn…"

Sáng hôm sau, sự tiên đoán của anh đã trở thành hiện thực. Chúng tôi đi đến văn phòng của Markham lúc 11 giờ để nghe báo cáo của Heath và thảo luận những hành động tiếp theo. Mặc dù đã chín ngày trôi qua kể từ khi Robin bị sát hại, vẫn không có sự tiến triển nào trong vụ này, và báo chí trở nên gay gắt hơn trong việc chỉ trích cảnh sát và Văn phòng Công tố quận. Vì thế, Markham chào đón chúng tôi trong buổi sáng thứ Hai đó với vẻ vô cùng chán nản. Heath chưa đến; nhưng khi anh ta đến một vài phút sau đó thì rõ ràng anh ta cũng rất nản lòng.

"Chúng ta đã đụng phải bức tường gạch, thưa anh, cho dù chúng ta quay phía nào," anh ta phàn nàn, khi tóm lược lại hoạt động mà những người của mình đã làm. "Không có dấu hiệu nào của động cơ, và ngoài Sperling thì không có ai trong trường hợp này mà chúng ta có thể bám vào. Tôi đi đến kết luận rằng có kẻ phá rối nào đó đã thong thả ở trong phòng bắn cung vào buổi sáng đó và phá hư mọi thứ."

“Tỉnh táo lên đi, trung sĩ à,” Vance phản đối, “anh thật thiếu trí tưởng tượng; và họ không có óc hài hước; trong khi gã đã kéo Robin trên một đoạn đường dài có cả trí tưởng tượng và óc hài hước. Hắn không chỉ có ý định giết Robin: hắn còn biến chuyện này thành một trò đùa điên loạn. Sau đó, sợ rằng công chúng không hiểu được vấn đề, hắn ta viết những lá thư giải thích cho cánh nhà báo. - Điều đó nghe giống như cách thức của một kẻ sát nhân lang thang sao?”

Heath buồn bã hút thuốc trong vài phút và không nói lời nào, và cuối cùng nhìn Markham cực kỳ thất vọng.

“Không có nghĩa lý gì khi phá hoại xung quanh khu phố này trong thời gian gần đây,” anh ta than phiền. “Mới sáng nay một anh chàng tên Sprigg bị bắn tại công viên Riverside, ngay gần đường số 84. Tiền trong túi cậu ta - không hề bị lấy. Chỉ bị bắn. Anh bạn trẻ này - là sinh viên trường Columbia. Sống với cha mẹ; không có kẻ thù nào. Ra ngoài đi dạo như thường lệ trước khi đến lớp. Được tìm thấy đã chết nửa tiếng sau bởi một người thợ hồ.” Viên trung sĩ cắn mạnh điếu xì gà. “Bây giờ chúng ta đã có một vụ giết người cần lo lắng; và chúng ta chắc chắn sẽ gặp điều chết tiệt từ báo chí nếu chúng ta không xử lý ngay. Và không chuyện gì - tuyệt đối không chuyện gì - được tiếp tục.”

“Tuy nhiên, trung sĩ à,” Vance nói một cách chắc chắn, “việc bắn một người là một sự kiện bình thường. Có rất nhiều lý do phổ biến cho loại tội ác đó. Đạo cụ sân khấu của kẻ giết Robin đã phá hủy tất cả quá trình suy luận của chúng ta. Ước gì nó không phải là chuyện trẻ con…”

Đột nhiên anh ngừng nói, và mí mắt hơi rũ xuống. Nghiêng về phía trước, anh thong thả nhai điếu thuốc.

“Trung sĩ, có phải anh nói rằng anh chàng này là Sprigg?”

Heath ủ rũ gật đâu.

“Và cho tôi hỏi,” - mặc dù Vance đã cố gắng kìm chế, vẫn có sự háo hức trong giọng nói của anh - “tên của cậu ta là gì?”

Heath nhìn Vance một cách ngạc nhiên đầy bối rối; nhưng sau một khoảng lặng anh ta đưa về phía trước cuốn sổ tay méo mó và lật nhanh các trang.

“John Sprigg,” anh ta trả lời. “John E. Sprigg.”

Vance lấy ra một điếu thuốc khác, và cẩn thận châm lửa.

“Và hãy nói cho tôi: có phải cậu ta bị bắn bằng súng lục?”

“Hả?” Mắt Heath đảo quanh, và cằm của anh ta hướng về trước. “Đúng, một khẩu súng lục…”

“Và cậu ta bị bắn vào đỉnh đầu?”

Viên trung sĩ nhảy dựng lên, và nhìn Vance chằm chằm với sự hoang mang lố bịch. Anh ta chậm rãi ngước đầu lên xuống. “Đúng vậy. - Nhưng bằng cách ma quỷ gì vậy, thưa anh?”

Vance giơ tay lên ra dấu im lặng. Tuy nhiên, nét mặt anh, còn hơn những cử chỉ của anh, đã loại bỏ các nghi vấn.

“Ôi, trời đất ơi!” Anh đứng lên sửng sốt và nhìn chằm chằm phía trước. Nếu tôi không biết rõ anh thì tôi đã nghĩ rằng anh đang sợ hãi. Sau khi đi đến cửa sổ cao đằng sau bàn của Markham, anh đứng nhìn xuống những bức tường đá xám của Tombs*.

“Tôi không thể tin điều đó,” anh thì thầm. “Nó quá rùng rợn… Nhưng tất nhiên nó là như thế!…”

Giọng nói sốt ruột của Markham vang lên.

“Tất cả những lời lầm bầm này là về cái gì vậy, Vance? Đừng có hết sức bí ẩn như vậy! Làm sao anh biết chuyện Sprigg bị bắn xuyên qua đỉnh đầu bằng súng lục? Dù thế nào đi nữa, vấn đề ở đây là gì vậy?”

Vance quay lại và bắt gặp ánh mắt của Markham.

“Anh không thấy sao?” Anh hỏi nhỏ. “Đây là màn hai của việc đạo ý tưởng độc ác này!… Anh đã quên ‘Mẹ Ngỗng’ rồi sao?” Và với một giọng trầm ấm mang lại một cảm giác kinh hoàng không thể tả trong văn phòng tối tăm cũ kỹ đó, anh đọc lại:

“’Người đàn ông nhỏ thó,

Có một khẩu súng nhỏ,

Với đạn làm bằng chì, chì, chì;

Hắn bắn Johnny Sprig

Qua giữa bộ tóc giả,

Và trúng ngay đỉnh đầu, đầu, đầu.’”

CHƯƠNG 9

CÔNG THỨC TENSOR*

(Thứ Hai, 11 tháng Tư; 11.30 a.m.)

#

Markham ngồi nhìn Vance giống như bị thôi miên. Heath đứng như trời trồng, miệng hé mở, điếu xì gà cách môi vài inch. Thái độ của viên trung sĩ trông khá hài hước, và tôi như muốn bật cười; nhưng lúc này máu huyết của tôi dường như đông lại, và tất cả cơ bắp trên người không thể hoạt động.

Markham là người đầu tiên lên tiếng. Ngửa đầu ra sau, anh ta đập mạnh tay xuống bàn.

"Trò điên rồ mới của anh là gì đây?" Anh ta đang tuyệt vọng chiến đấu chống lại lời gợi ý điếng người của Vance. "Tôi bắt đầu nghĩ vụ Robin đã ảnh hưởng đến đầu óc của anh rồi. Chẳng lẽ một người có cái tên phổ biến như Sprigg không thể bị bắn mà không bị anh cố biến thành trò lừa phỉnh lố bịch hay sao?"

"Tuy nhiên, anh vẫn phải công nhận, ông bạn già Markham ạ," Vance ôn hòa đáp lại, "anh chàng Sprigg đặc biệt này đã bị bắn bằng 'một khẩu súng nhỏ', xuyên qua 'giữa bộ tóc giả', phải nói như thế."

"Nếu vậy thì sao?" Một mảng xám xịt đã len lỏi trên gương mặt của Markham. "Đó có phải là lý do để anh lảm nhảm về bài đồng dao Mẹ Ngỗng?"

"Ồ, là tôi nói ra! Chứ tôi không hề lảm nhảm, anh biết đấy."

Vance ngồi xuống chiếc ghế đối diện với bàn làm việc của vị công tố viên. “Có thể tôi không phải là một diễn giả thú vị; nhưng ngay lúc này thì tôi không lảm nhảm.” Anh cười lấy lòng Heath. “Đúng không, trung sĩ?”

Nhưng Heath không biểu lộ gì. Anh ta vẫn giữ vẻ kinh ngạc của mình, dù đôi mắt anh ta giờ chỉ như khe hở trên gương mặt to lớn, nóng nảy.

“Anh đang nghiêm túc cho rằng…?” Markham bắt đầu nói; nhưng Vance ngắt lời anh ta.

“Phải! Tôi đang nghiêm túc cho rằng kẻ đã giết Chim Cổ Đỏ bằng mũi tên đã trút sự hài hước tàn nhẫn của hắn lên anh chàng Sprigg xui xẻo. Không thể là trùng hợp ngẫu nhiên. Sự lặp lại tương tự như vậy sẽ ném toàn bộ căn cứ ra khỏi tất cả sự sáng suốt và lý lẽ. Ôi, cái thế giới này điên quá rồi; nhưng sự điên rồ như thế sẽ làm tiêu tan tất cả những suy nghĩ khoa học và hợp lý. Cái chết của Sprigg quá ghê gớm, nhưng ta phải đối mặt với nó. Và dù anh có ép buộc mình phản đối lại những ẩn ý không thể tin được của nó thì cuối cùng anh vẫn phải chấp nhận chúng.”

Markham đứng dậy và lo lắng đi qua đi lại.

“Tôi thừa nhận có những yếu tố không giải thích được trong tội ác mới này.” Tính hiếu chiến của anh ta đã biến mất, và giọng nói trở nên ôn hòa. “Nhưng nếu chúng ta giả định, thậm chí không quả quyết, rằng một kẻ điên nào đó đang dựng lại bài đồng dao từ thời bé của hắn, tôi vẫn không thấy được điều đó sẽ giúp chúng ta như thế nào. Nó hầu như sẽ đóng tất cả các hướng điều tra thông thường.”

“Tôi không nói thế, anh biết đấy.” Vance trầm ngâm hút thuốc. “Tôi lại nghĩ rằng một giả định như vậy sẽ cung cấp cho chúng ta một sơ sở rõ ràng để điều tra.”

“Phải rồi!” Heath ngắt lời với sự châm biếm nặng nề. “Tất cả những gì chúng ta phải làm là đi ra ngoài tìm một con bọ trong sáu triệu người. Một điều chắc chắn thật!”

“Đừng để cơn nản chí chiến thắng anh, trung sĩ. Kẻ bày trò khó nắm bắt của chúng ta là một mẫu côn trùng khá đặc biệt. Vả lại, chúng ta có manh mối chắc chắn về nơi sống chính xác của hắn…”

Markham quay người lại. “Ý của anh là sao?”

“Chỉ là tội ác thứ hai này liên quan đến vụ thứ nhất không chỉ về tâm lý mà còn về địa lý. Cả hai vụ giết người được thực hiện cách nhau trong vòng vài dãy nhà, - con quỷ phá hoại của chúng ta ít nhất có một nhược điểm đó là vùng lân cận nơi nhà Dillard tọa lạc. Hơn nữa, chính những yếu tố của hai án mạng loại trừ khả năng hắn đến từ một nơi xa để thực hiện sự hài hước dị dạng của hắn trong môi trường xa lạ. Như tôi đã sáng suốt chỉ ra cho mọi người thấy, Robin đã bị đưa về thế giới bên kia bởi một người nào đó biết tất cả tình trạng hiện tại ở nhà Dillard vào chính xác thời điểm vở kịch rùng rợn đó được trình diễn; và chắc chắn hiển nhiên rằng tội ác thứ hai này cũng không thể được dựng lên gọn gàng như vậy nếu ông bầu của vở kịch không quen thuộc với ý định đi lại của Sprigg vào sáng nay. Thật vậy, toàn bộ cách thức của những vở kịch kỳ quái này chứng tỏ kẻ chủ mưu phải hiểu biết tường tận tất cả các tình huống xung quanh những nạn nhân của hắn.”

Heath phá tan bầu không khí im lặng nặng nề sau đó.

“Anh Vance, nếu anh nói đúng, vậy thì điều đó loại Sperling ra.” Viên trung sĩ dè dặt thú nhận một cách miễn cưỡng; nó cho thấy rằng lập luận của Vance không phải là không có ảnh hưởng đến anh ta. Anh ta tuyệt vọng quay sang vị công tố viên. “Anh nghĩ tốt hơn chúng ta nên làm gì, thưa anh?”

Markham vẫn đang đấu tranh chống lại việc chấp nhận giả thuyết của Vance, và anh ta không trả lời. Hiện giờ, anh ta ngồi ở bàn làm việc của mình và ngón tay gõ nhịp lên giấy thấm mực. Sau đó, anh ta hỏi mà không nhìn lên:

"Ai phụ trách vụ án Sprigg vậy, trung sĩ?"

"Đại úy Pitts. Lúc ban đầu, cảnh sát địa phương ở đồn cảnh sát trên đường số 68 phụ trách nó; nhưng khi tin tức chuyển đến Cục, Pitts và một vài người của chúng tôi ra đó để điều tra. Pitts mới về ngay trước khi tôi sang đây. Nói rằng vụ này bế tắc. Nhưng thanh tra Moran* bảo anh ta tiếp tục phụ trách."

Markham nhấn nút bên dưới mép bàn làm việc của mình, và Swacker, trợ lý trẻ tuổi của anh ta, xuất hiện ở cánh cửa mở dẫn đến phòng văn thư nằm giữa phòng riêng của vị công tố viên và phòng chờ.

"Nối điện thoại với thanh tra Moran cho tôi," anh ta ra lệnh.

Khi kết nối đã được thực hiện, anh ta kéo điện thoại về phía mình và nói chuyện trong vài phút.

Sau khi đặt ống nghe xuống, anh ta nở một nụ cười mệt mỏi với Heath.

"Giờ anh chính thức phụ trách vụ án Sprigg, trung sĩ à. Đại úy Pitts sẽ đích thân sang đây, và lúc đó chúng ta sẽ biết được mình đang ở đâu." Anh ta bắt đầu xem xét đống giấy tờ trước mặt. "Tôi đã bị thuyết phục," anh ta miễn cưỡng nói thêm, "rằng Sprigg và Robin bị giết bởi cùng một người."

Pitts, một người đàn ông thấp, vạm vỡ với khuôn mặt gầy, cứng rắn và bộ ria mép màu đen, đến sau mười phút. Ông ta, sau này tôi được biết, là một trong những người giỏi nhất của Ban Điều tra. Công việc

chính của ông ta là xử lý những việc liên quan đến các băng nhóm tội phạm. Ông ta bắt tay Markham và nhìn Heath một cách thân mật. Khi được giới thiệu với Vance và tôi, ông ta hướng ánh mắt nghi ngờ vào chúng tôi và miễn cưỡng cúi chào. Nhưng lúc ông ta chuẩn bị quay đi, biểu cảm của ông ta đột nhiên thay đổi.

"Anh Philo Vance phải không?" Ông ta hỏi.

"Ồ! Đúng rồi, đại úy," Vance thở dài.

Pitts toét miệng cười, bước lên phía trước và chìa bàn tay ra.

"Rất vui được gặp anh. Thường nghe trung sĩ kể về anh."

"Anh Vance đang giúp đỡ chúng tôi một cách không chính thức trong vụ án Robin, đại úy à," Markham giải thích; "và vì anh chàng Sprigg này đã bị giết trong cùng khu phố, nên chúng tôi muốn nghe bản báo cáo sơ bộ của ông về vụ việc." Anh ta lấy một hộp Corona *Perfectos**, và đẩy nó qua chiếc bàn.

"Anh không cần phải đưa ra lời yêu cầu như vậy đâu, thưa anh." Viên đại úy mỉm cười và chọn một điếu xì gà, đưa nó lên mũi với sự hài lòng đầy thích thú. "Viên thanh tra đã nói cho tôi biết anh có vài ý tưởng về vụ án mới này, và muốn đảm nhiệm nó. Nói thật với anh, tôi rất mừng tống khứ được nó đi." Ông ta ung dung ngồi xuống và châm lửa điếu xì gà. "Anh muốn biết gì, thưa anh?"

"Kể cho chúng tôi toàn bộ câu chuyện đi," Markham nói.

Pitts ngồi xuống một cách thoải mái.

"À, tôi tình cờ có mặt khi vụ án được trình báo - sau 8 giờ sáng nay một chút - và tôi mang vài anh em đến đó. Cảnh sát địa phương đang làm việc, và một trợ lý giám định pháp y đến cùng lúc với tôi…"

"Ông có nghe qua bản báo cáo chưa, đại úy?" Vance hỏi.

“Rồi. Sprigg bị bắn xuyên qua đỉnh đầu bằng một khẩu súng lục. Không có dấu hiệu giằng co - không có vết bầm hay gì khác. Không có gì đặc biệt. Chỉ là vụ giết người bằng súng.”

“Có phải cậu ta nằm ngửa khi được tìm thấy không?”

“Đúng vậy. Nằm duỗi người ra rất đẹp đẽ, ngay giữa đường đi.”

“Và không phải hộp sọ của cậu ta bị nứt lúc ngã xuống lòng đường chứ?” Câu hỏi được đặt ra một cách lơ đãng.

Pitts rút điếu xì gà ra khỏi miệng và nhìn Vance bằng ánh mắt ranh mãnh.

“Tôi đoán có lẽ mấy người các anh đây đã biết được gì đó về vụ này.” Ông ta lanh lợi gật đầu. “Đúng, phía sau xương sọ của anh chàng bị va đập mạnh. Cậu ta chắc đã ngã rất nặng. Nhưng tôi đoán cậu ta không cảm nhận được – nhất là khi với viên đạn đó nằm trong óc…”

“Nhân tiện nói về phát đạn, đại úy à, không có điều gì về nó khiến ông thấy lạ sao?”

“À… có,” Pitts công nhận, lăn điếu xì gà giữa ngón cái và ngón trỏ một cách trầm ngâm. “Đỉnh đầu của một người không phải là nơi tôi thường tìm lỗ đạn. Và cái nón của cậu ta vẫn còn nguyên, - nhất định đã bị rơi trước khi cậu ta bị bắn chết. Anh có thể gọi những sự kiện đó là kỳ lạ, anh Vance.”

“Đúng vậy, đại úy, chúng thật kỳ lạ… Và tôi đoán là khẩu súng được đặt từ cự ly gần.”

“Không xa hơn vài inch. Phần tóc quanh lỗ đạn bị cháy sém.” Ông ta làm một cử chỉ thờ ơ như không có gì hệ trọng. “Dù là vậy, anh chàng có thể đã thấy tên kia rút súng ra, và né về phía trước, làm rơi cái nón. Vậy mới lý giải cho việc cậu ta bị bắn vào đỉnh đầu ở cự ly gần.”

"Cũng đúng. Có điều, trong trường hợp đó, cậu ta sẽ không ngã ra đằng sau, mà ngã đập mặt về phía trước… Nhưng tiếp tục câu chuyện đi, đại úy."

Pitts nhìn Vance với vẻ tán thành ranh mãnh, và tiếp tục.

"Điều đầu tiên tôi làm là kiểm tra túi của anh chàng. Cậu ta có một chiếc đồng hồ vàng trên người và khoảng mười lăm đô la tiền giấy và đồng xu. Nên nó không giống một vụ cướp của - trừ phi kẻ bắn cậu ta hoảng sợ và chạy trốn mất. Nhưng điều đó có vẻ không thích hợp, bởi vì không có người đi tuần tra ở khu vực đó của công viên vào sáng sớm; và lối đi bộ ở đó thấp xuống bên dưới một dốc đá, nên quang cảnh ở đó bị che khuất. Gã này nhất định đã chọn một nơi lý tưởng để ra tay… Dù thế nào, tôi đã để vài người trông chừng cái xác cho đến khi xe tới mang đi, và đến nhà của Sprigg ở đường số 93, - tôi biết được tên và địa chỉ của cậu ta từ một vài lá thư nằm trong túi cậu ta. Tôi còn biết được cậu ta là sinh viên trường đại học Columbia, sống cùng cha mẹ, và có thói quen đi tản bộ trong công viên sau bữa sáng. Cậu ta rời nhà vào khoảng 7 giờ rưỡi sáng nay…"

"À! Thói quen của cậu ta là đi dạo trong công viên mỗi buổi sáng," Vance lẩm bẩm. "Thú vị thật."

"Dù là vậy, điều đó không đưa chúng ta đến đâu cả," Pitts đáp lại. "Rất nhiều anh chàng đi dạo vào sáng sớm. Và không có điều gì bất thường về Sprigg vào sáng nay. Người nhà cậu ta nói với tôi rằng cậu ta không lo lắng về chuyện gì cả; và khá vui vẻ khi tạm biệt họ. - Sau đó tôi chạy đến trường đại học và hỏi han xung quanh; nói chuyện với một số sinh viên quen biết cậu ta, và với cả một giáo viên nữa. Sprigg là một anh chàng trầm lặng. Không nhiều bạn bè và thu mình lại với thế giới. Con người nghiêm túc - lúc nào cũng chăm chỉ nghiên cứu. Đứng hạng cao trong các môn học, và chưa bao giờ bị bắt gặp hẹn hò

với bạn gái. Thật ra là không quan tâm nhiều đến phụ nữ. Không phải loại người thích xã giao. Từ tất cả báo cáo, cậu ta là loại người chẳng bao giờ dính líu đến bất kỳ loại rắc rối nào. Vậy nên tôi thấy có điều đặc biệt trong việc cậu ta bị bắn. Nhất định là một vụ tai nạn hay đại loại như thế. Có thể đã bị nhầm với một người nào khác."

"Và cậu ta được tìm thấy vào lúc mấy giờ?"

"Vào khoảng 8 giờ kém 15. Một thợ hồ trên bến tàu mới ở đường số 79 đang băng qua bờ kè hướng về phía đường ray xe lửa thì nhìn thấy cậu ta. Anh ta báo cho một trong những cảnh sát đứng chốt ở đường Drive, và người đó gọi điện thoại đến đồn cảnh sát địa phương."

"Và Sprigg ra khỏi nhà trên đường số 93 vào lúc 7 giờ rưỡi." Vance trầm ngâm nhìn lên trần nhà. "Cho nên cậu ta có đủ thời gian để đi đến địa điểm này trong công viên trước khi bị giết, cỏ vẻ như ai đó biết được thói quen của cậu ta đã đợi sẵn. Gọn gàng và mau lẹ, phải không?… Không có vẻ gì là ngẫu nhiên, đúng không Markham?"

Bỏ ngoài tai lời chế giễu, Markham nói với Pitts.

"Không tìm được thứ gì như là đầu mối hữu ích sao?"

"Không, thưa anh. Người của tôi đã kiểm tra hiện trường rất kỹ lưỡng, nhưng không tìm được gì cả."

"Còn trong túi của Sprigg - ngoài giấy tờ của cậu ta ra… ?"

"Không có gì hết. Tôi đang giữ tất cả đồ đạc ở Cục - một vài lá thư bình thường, một vài món đồ linh tinh bình thường khác…" Ông ta dừng lại như chợt nhớ ra điều gì, và lấy ra một quyển sổ bị quăn góc. "Có một vật này," ông ta nói một cách thờ ơ, đưa một mảnh giấy bị xé hình tam giác cho Markham. "Nó được tìm thấy bên dưới cái xác của cậu ta. Nó không có ý nghĩa gì cả, nhưng tôi nhét nó vào trong túi của mình - bệnh nghề nghiệp ấy mà."

Mảnh giấy không dài hơn 4 inch*, và có vẻ đã bị xé ra từ góc của một tờ giấy thông thường không kẻ hàng. Nó chứa đựng một phần công thức toán học được đánh máy, với ký hiệu lambda*, dấu bằng và ký hiệu vô cực được ghi bằng bút chì. Tôi chép lại mảnh giấy ở đây, bởi vì, mặc dù có vẻ không dính dáng, nó đóng một vai trò độc ác và đầy kinh ngạc trong việc điều tra cái chết của Sprigg.

Vance chỉ liếc qua tang vật một cách sơ sài, nhưng Markham cầm nó trong tay và nhíu mày nhìn nó trong một lúc lâu. Anh ta vừa định nói vài lời nhận xét thì bắt gặp ánh mắt của Vance; và, thay vào đó, anh ta ném mảnh giấy xuống bàn một cách hời hợt với cái nhún vai nhẹ.

"Đây là tất cả những gì ông tìm thấy ư?"

"Đó là tất cả, thưa anh?"

Markham đứng dậy.

"Chúng tôi cảm ơn ông, đại úy à. Tôi không biết chúng tôi sẽ tìm ra gì từ vụ án của Sprigg, nhưng chúng tôi sẽ điều tra." Anh ta chỉ vào cái hộp *Perfectos.* "Hãy bỏ túi vài điếu trước khi ông đi."

"Cảm ơn anh nhiều." Pitts chọn những điếu xì gà và nhẹ nhàng đặt vào trong túi áo gile của mình, bắt tay với tất cả chúng tôi.

Khi ông ta đi khỏi, Vance nhanh chóng đứng dậy và cúi người nhìn mảnh giấy nằm trên bàn của Markham.

"Trời ơi!" Anh lấy chiếc kính một mắt ra và xem xét những ký hiệu một lúc lâu. "Thật lôi cuốn. Gần đây tôi đã thấy công thức đó ở đâu rồi nhỉ?... A! Tensor Riemann* -Christoffel*, đúng rồi! Drukker sử dụng nó trong quyển sách của anh ta để xác định độ cong Gauss* của hình cầu và không gian phẳng... Nhưng Sprigg làm gì với thứ này vậy? Công thức này trên cả chương trình đại học..." Anh cầm mảnh giấy đưa lên

ánh sáng. “Cùng một loại giấy với bức thông điệp Giám Mục. Và mọi người có thể quan sát thấy kiểu chữ đánh máy cũng tương tự nhau.”

Heath bước về phía trước và săm soi mảnh giấy.

“Đúng là giống nhau.” Sự thật có vẻ khiến anh ta bối rối. “Dù gì đi nữa đó cũng là mắt xích liên kết hai tội ác.

Đôi mắt của Vance chuyển sang vẻ bối rối.

“Một mắt xích - phải. Nhưng sự hiện diện của công thức bên dưới thi thể của Spriggs có vẻ phi lý như chính án mạng này…”

Markham đi lại một cách lo lắng.

“Anh nói đây là công thức Drukker sử dụng trong quyển sách của anh ta phải không?”

“Phải. Nhưng sự thật không nhất thiết liên quan đến anh ta. Tất cả các nhà toán học cấp cao đều biết đến tensor này. Nó là một trong những biểu thức kỹ thuật được dùng trong hình học phi Euclid* ; và dù nó được Riemann khám phá ra trong mối tương quan với một vấn đề cụ thể trong vật lý*, hiện giờ nó đã trở nên phổ biến trong toán học về thuyết tương đối. Nó cực kỳ khoa học theo hướng trừu tượng, và có thể không có sự liên quan trực tiếp đến vụ án Sprigg.” Anh lại ngồi xuống. “Arnesson sẽ vui mừng với manh mối này. Anh ta có thể suy ra kết luận kinh ngạc nào đó từ nó.”

Hình học phi Euclid là bộ môn hình học dựa trên cơ sở phủ nhận ít nhất một trong số những tiên đề Euclid. Hình học phi Euclid là cơ sở toán học cho lý thuyết tương đối của Albert Einstein, thông qua việc đề cập đến độ cong hình học của không gian nhiều chiều.

“Tôi thấy không có lý do nào,” Markham phản đối, “để thông báo cho Arnesson vụ án mới này. Tôi muốn giữ để càng ít người biết càng tốt.”

"Giám Mục sẽ không để anh làm thế đâu, tôi e là vậy," Vance đáp lại.

Markham nghiến chặt hàm.

"Trời ơi là trời!" Anh ta la ầm lên. "Cái quái quỷ gì là thứ mà chúng ta đang đương đầu vậy? Tôi mong chờ từng phút sẽ thức dậy và phát hiện ra mình đang sống trong một cơn ác mộng."

"Không may mắn như vậy đâu, thưa anh," Heath làu bàu. Anh ta hít một hơi quả quyết như một người chuẩn bị chiến đấu. "Có thể là gì chứ? Chúng ta sẽ đi đến đâu? Tôi cần phải hành động."

Markham gọi Vance.

"Có vẻ anh có ý tưởng nào đó về chuyện này. Ý kiến của anh là gì? Tôi thẳng thắn công nhận rằng tôi đang vùng vẫy trong một đống hỗn loạn đen tối."

Vance kéo một hơi thuốc dài. Tiếp đó anh nghiêng về phía trước như để nhấn mạnh lời nói của mình.

"Ông bạn Markham à, chỉ có duy nhất một kết luận được rút ra. Hai vụ giết người này được cùng một bộ não sắp đặt: cả hai đều nhảy ra từ cùng một động lực thúc đẩy kỳ quái; và do vụ đầu tiên được gây ra bởi ai đó quen thuộc tường tận với những hoàn cảnh bên trong nhà Dillard, tiếp theo đó chúng ta bây giờ phải tìm kiếm một người, ngoài hiểu biết đó, còn biết được thông tin chính xác rằng một người tên John Sprigg có thói quen đi dạo mỗi buổi sáng ở một khu vực nhất định trong công viên Riverside. Tìm thấy một người như vậy, chúng ta phải kiểm tra thời gian, địa điểm, cơ hội và động cơ gây án khả thi. Có mối tương quan nào đó giữa Sprigg và nhà Dillard. Là gì thì tôi không biết. Nhưng hành động đầu tiên của chúng ta nên là tìm kiếm. Còn khởi điểm nào tốt hơn chính nhà Dillard chứ?"

“Chúng ta sẽ ăn trưa trước,” Markham uể oải nói. “Rồi chúng ta sẽ chạy ra đó.”

CHƯƠNG 10

LỜI NHỜ VẢ BỊ TỪ CHỐI

(Thứ Hai, 11 tháng Tư; 2p.m.)

Sau 2 giờ chiều một chút, chúng tôi tới nhà Dillard. Pyne đã trả lời tiếng bấm chuông của chúng tôi; và nếu cuộc viếng thăm của chúng tôi đã gây ra bất kỳ sự ngạc nhiên nào thì ông ta đã thành công một cách đáng khâm phục trong việc che giấu cảm xúc. Tuy nhiên, trong cách ông ta nhìn Heath, tôi nhận ra sự bực bội nhất định; nhưng khi ông ta nói, giọng vẫn mềm mỏng, nhẹ nhàng của một quản gia chuyên nghiệp.

“Anh Arnesson vẫn chưa trở về từ trường đại học,” ông ta nói với chúng tôi.

“Đọc ý nghĩ của người khác, theo tôi thấy,” Vance nói, “không phải là sở trường của ông, Pyne à. Chúng tôi ghé để gặp ông và giáo sư Dillard.”

Người đàn ông có vẻ không thoải mái; nhưng trước khi ông ta trả lời thì cô Dillard đã xuất hiện ở cổng vòm của phòng khách.

“Tôi nghĩ mình nhận ra giọng nói của anh, anh Vance.” Cô ấy chào đón chúng tôi bằng một nụ cười buồn bã. “Xin mời vào… Quý bà Mae đã ghé qua đây được một vài phút, - chúng tôi tính cùng nhau đạp xe vào chiều nay,” cô ấy giải thích, khi chúng tôi bước vào phòng.

Bà Drukker đứng cạnh cái bàn trà, bàn tay gầy guộc đặt trên lưng chiếc ghế mà bà mới đứng lên. Đôi mắt đầy sợ hãi nhìn chúng tôi chằm chằm; và nét mặt gầy gò của bà ấy dường như trở nên méo mó.

Bà ấy không có ý muốn nói chuyện, mà đứng chôn chân như thể đang chờ đợi lời tuyên bố đáng sợ nào đó, giống như một tù nhân bị kết án phải nhận lời phán quyết khi đứng trước vành móng ngựa.

Giọng nói trìu mến của Belle Dillard làm giảm sự căng thẳng của tình huống này.

"Tôi sẽ đi nói với bác là các anh đang ở đây."

Cô ấy vừa rời khỏi phòng không bao lâu thì bà Drukker cúi xuống bàn và nói với Markham bằng lời thì thầm tang tóc đầy đáng sợ: "Tôi biết tại sao các người đến đây! Chính là vì chàng trai trẻ dễ mến bị bắn ở công viên sáng nay."

Những điều bà ấy nói quá đỗi kinh ngạc và bất ngờ đến nỗi Markham không thể trả lời ngay lập tức; do vậy Vance là người lên tiếng.

"Vậy bà đã nghe về thảm kịch ấy à, bà Drukker? Làm sao bà biết chuyện này sớm thế?"

Cái nhìn khôn ngoan biểu hiện trên nét mặt của người phụ nữ này, làm vẻ mặt của bà ấy giống như một mụ phù thủy già độc ác vậy.

"Mọi người trong khu vực này đều đang bàn tán về nó," bà ấy trả lời một cách lảng tránh.

"Thế à? Đó là điều rất đáng tiếc. Nhưng sao bà lại cho rằng chúng tôi tới đây để điều tra về nó?"

"Không phải tên chàng trai trẻ ấy là Johnny Sprig sao?" một nụ cười nhạt nhẽo, khủng khiếp đi kèm với câu hỏi.

"Đúng là thế. John E. Sprigg. Tuy nhiên, vẫn không giải thích được mối liên hệ của cậu ta với nhà Dillard."

"À, là như vậy!" Bà ta gật gù với sự hài lòng kinh tởm. "Đó là một trò chơi - một trò chơi trẻ con. Đầu tiên là Chim Cổ Đỏ… rồi tới Johnny

Sprig. Trẻ con thì phải được chơi đùa - tất cả những đứa trẻ khỏe mạnh đều muốn được chơi đùa.” Tâm trạng của bà ấy đột ngột thay đổi. Sự dịu dàng lan tỏa trên gương mặt, và đôi mắt bà ấy đượm buồn.

“Đó là một trò chơi khá hiểm ác, bà không nghĩ thế sao, bà Drukker?”

“Sao lại không? Không phải chính cuộc sống cũng hiểm ác sao?”

“Đối với vài người trong chúng ta - đúng thế.” Sự đồng cảm lạ kỳ trong giọng nói của Vance khi anh nhìn chăm chú vào con người bi thương kỳ lạ trước mặt chúng tôi. “Hãy nói với tôi,” anh nhanh chóng tiếp tục, với sự thay đổi trong giọng điệu; “bà có biết Giám Mục là ai không?”

“Giám Mục ư?” Bà ấy bối rối cau mày. “Không, tôi không biết hắn. Có phải đó là một trò chơi trẻ con khác không?”

“Đại loại là thế, tôi nghĩ vậy. Ở mức độ nào đó, Giám Mục khá hứng thú về Chim Cổ Đỏ và Johnny Sprig. Thật ra, hắn có thể là người đã tạo ra những trò chơi quái dị này. Và chúng tôi đang tìm hắn, bà Drukker à. Chúng tôi hy vọng được biết sự thật về hắn.”

Người phụ nữ lắc đầu một cách lơ đãng. “Tôi không biết hắn.” Sau đó, bà ấy trừng mắt đầy thù hận về Markham. “Nhưng nó sẽ không có ích gì cho anh trong việc cố gắng tìm ra kẻ đã giết Chim Cổ Đỏ và bắn Johnny Sprig xuyên qua giữa bộ tóc giả của cậu ta. Anh sẽ không bao giờ biết - không bao giờ - *không bao giờ…*” Giọng của bà ấy cao lên một cách xúc động, và cơn run rẩy xâm chiếm bà ấy.

Lúc này Belle Dillard đã trở lại phòng, và nhanh chóng đặt tay mình lên người bà ấy.

“Đi thôi,” cô ấy dịu dàng nói; “chúng ta sẽ có một chuyến đi dài về đồng quê, quý bà Mae ạ.” Cô ấy quay qua Markham đầy trách móc, và

lạnh lùng nói: “Bác tôi muốn anh đến thư viện.” Rồi cô dẫn bà Drukker rời khỏi phòng đi xuống sảnh.

“Điều này thật kỳ lạ, thưa anh,” Heath nhận xét sau khi đã đứng nhìn với sự sửng sốt đến ngơ ngác. “Bà ấy biết được mọi chuyện về Johnny Sprig!”

Vance gật đầu.

“Và sự xuất hiện của chúng ta ở đây làm bà ấy sợ hãi. Tuy nhiên, tâm trí của bà ấy thì bệnh hoạn và nhạy cảm, trung sĩ à; và việc bà ấy cứ lặp lại về sự dị dạng của con trai mình và những ngày thơ ấu khi anh ta cũng như những đứa trẻ khác, có khả năng là bà ấy chỉ tình cờ tìm ra ý nghĩa trong Mẹ Ngỗng về cái chết của Robin và Sprigg… Tôi thật ngạc nhiên.” Anh nhìn về phía Markham. “Có nhiều bí ẩn quái dị trong vụ này - nhiều ẩn ý bất thường và kinh tởm. Giống như bị lạc vào hang động ma quái trong tác phẩm ‘Peer Gynt’* của Ibsen* vậy, nơi chỉ có những sự kỳ dị và quái vật tồn tại ở đó.” Anh nhún vai, dù tôi biết rằng anh không thể thoát khỏi tấm màn ghê rợn do lời nói của bà Drukker đang bao trùm lên chúng tôi. “Có lẽ chúng ta có thể tìm được một ít tin cậy ở giáo sư Dillard.”

Vị giáo sư tiếp chúng tôi không nhiệt tình và kém thân thiện. Bàn của ông đầy giấy tờ, và rõ ràng là chúng tôi đã quấy rầy trong khi ông ấy đang làm việc.

“Tại sao lại có chuyến viếng thăm bất ngờ này, Markham?” Ông ấy hỏi, sau khi chúng tôi tự ngồi xuống ghế. “Anh có điều gì cần thông báo về cái chết của Robin à?” Ông ấy đánh dấu một trang trong cuốn “Không gian, thời gian và vật chất” của Weyl* và miễn cưỡng để sang một bên, nhìn chúng tôi với sự khó chịu. “Tôi đang rất bận về vấn đề cơ học của Mach*…”

"Thành thật xin lỗi," Markham nói, "tôi không có thêm thông tin gì trong vụ Robin cả. Nhưng hôm nay có một án mạng khác ở nơi gần đây, và chúng tôi có lý do tin rằng nó có mối liên quan với cái chết của Robin. Tôi đặc biệt muốn hỏi ông, thưa giáo sư, phải chăng cái tên John E. Sprigg quen thuộc với ông?"

Biểu hiện khó chịu của giáo sư Dillard thay đổi nhanh chóng.

"Có phải đó là tên người bị giết?" Không còn sự thiếu quan tâm trong thái độ của ông ấy nữa.

"Đúng thế. Một anh chàng tên là John E. Sprigg bị bắn ở công viên Riverside, gần đường số 84, không lâu sau 7 giờ rưỡi sáng nay."

Đôi mắt của vị giáo sư nhìn vu vơ về phía lò sưởi, ông ấy im lặng một lúc lâu. Dường như trong thâm tâm ông ấy đang cân nhắc một vài vấn đề làm ông bối rối.

"Đúng vậy," cuối cùng ông ấy nói, "Tôi - chúng tôi - có biết về chàng trai mang cái tên đó - mặc dù tôi không chắc là cùng một người."

"Cậu ta là ai vậy?" Giọng Markham nài nỉ tha thiết.

Một lần nữa vị giáo sư lại do dự.

"Chàng trai mà tôi biết là sinh viên toán ngoại hạng - cách người ta gọi sinh viên có điểm cao nhất kỳ thi toán ở đại học Cambridge - của Arnesson."

"Làm thế nào mà ông biết cậu ta, thưa ông?"

"Arnesson mời cậu ta đến nhà này nhiều lần. Muốn tôi gặp và nói chuyện với cậu ta. Arnesson khá tự hào về thằng bé; và tôi phải thừa nhận cậu ta là một nhân tài khác thường."

"Vậy tất cả các thành viên trong gia đình đều biết cậu ta?"

"Đúng vậy. Belle đã gặp cậu ta, tôi nghĩ thế. Và nếu từ 'gia đình' của anh bao gồm cả Pyne và Beedle, tôi muốn nói là cái tên này có lẽ

cũng quen thuộc với họ nữa.”

Vance hỏi câu tiếp theo.

“Gia đình Drukker có biết Sprigg không, thưa giáo sư Dillard?”

“Có thể lắm chứ. Arnesson và Drukker gặp nhau rất nhiều… Nghĩ đến điều đó, tôi cho rằng có một tối Drukker đã ở đây khi Sprigg ghé qua.”

“Và Pardee: ông ta cũng biết Sprigg chứ?”

“Điều đó thì tôi không thể nói được.” Giáo sư sốt ruột gõ nhẹ vào thành ghế, và quay sang Markham. “Xem nào” - giọng của ông ấy trở nên nóng nảy, lo lắng - “vấn đề của những câu hỏi này là gì? Những gì chúng tôi biết về một sinh viên tên Sprigg thì có liên quan gì đến việc sáng nay sao? Chắc anh không định nói với tôi rằng người bị giết là học trò của Arnesson.”

“Tôi e rằng đó là sự thật,” Markham nói.

Có một sự lo lắng - gần như là sợ hãi, tôi nghĩ vậy - trong giọng nói của vị giáo sư khi ông ấy nói tiếp.

“Cho dù là vậy, chúng tôi có thể làm gì với sự thật đó? Và làm sao các anh có thể liên hệ cái chết của cậu ấy với cái chết của Robin?”

“Tôi thừa nhận rằng chúng tôi không rõ chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo,” Markham nói với ông ấy. “Nhưng việc không có mục đích trong cả hai án mạng - hoàn toàn không có bất kỳ động cơ nào trong cả hai vụ - dường như cho chúng ta thấy một vẻ ngoài đồng nhất kỳ lạ.”

“Tất nhiên, ý của anh là anh không tìm ra được động cơ. Nhưng nếu tất cả các tội ác không có động cơ rõ ràng được cho rằng có liên quan…”

“Ngoài ra còn có yếu tố về thời gian và vị trí gần nhau của hai vụ này,” Markham nhấn mạnh.

“Đó có phải là cơ sở trong giả thuyết của anh không?” Cách cư xử của giáo sư tỏ ra coi thường. “Anh chưa bao giờ là một nhà toán học giỏi, Markham à, nhưng ít nhất anh nên biết rằng không có giả thuyết nào có thể được xây dựng trên cái tiền đề hời hợt như vậy.

“Cả hai cái tên”, Vance xen vào, “- Chim Cổ Đỏ và Johnny Sprig - là những nhân vật trong các bài đồng dao nổi tiếng.”

Ông lão nhìn chằm chằm vào anh với vẻ ngạc nhiên không hề giấu giếm; và dần dần vẻ tức giận tràn ngập trên gương mặt ông ấy.

“Sự hài hước của anh, thưa anh, đã sai chỗ rồi.”

“Đó không phải là sự hài hước *của tôi*, trời ạ!” Vance nói một cách buồn bã. “Trò đùa là của Giám Mục.”

“Giám Mục?” Giáo sư Dillard cố gắng kiềm chế sự tức giận của mình. “Nghe này, Markham; tôi sẽ không chơi trò này nữa. Đây là lần thứ hai các anh đề cập đến gã Giám Mục bí ẩn trong căn phòng này; và tôi muốn biết ý nghĩa của nó. Cho dù một tên quái gở đã viết một bức thư điên khùng cho báo chí về việc liên quan đến cái chết của Robin, vậy thì gã Giám Mục này đã làm gì Sprigg?”

“Một tờ giấy được tìm thấy bên dưới thi thể của Sprigg chứa đựng công thức toán học được đánh bằng chiếc máy giống như bức thông điệp của Giám Mục.”

“Thật quái lạ!” Giáo sư chồm người về phía trước. “Anh nói là cùng một máy đánh chữ? Và một công thức toán học?… Công thức đó là gì?”

Markham mở cuốn sổ bỏ túi, và lấy ra mảnh giấy hình tam giác mà Pitts đã đưa cho anh ta.

“Tensor Riemann-Christoffel…” Giáo sư Dillard ngồi nhìn chăm chú vào tờ giấy rất lâu; rồi ông ấy trả lại nó cho Markham. Ông ấy dường

như trở nên già hơn; và một ánh nhìn mệt mỏi hiện lên trong mắt ông ấy khi đưa lại cho chúng tôi. “Tôi chẳng thấy chút ánh sáng nào trong vấn đề này cả.” Ông ấy nói với sự từ bỏ đầy thất vọng. “Nhưng có lẽ các anh đã đúng khi đi theo hướng hiện tại. - Các anh muốn gì ở tôi?”

Markham rõ ràng bối rối trước sự thay đổi thái độ của ông ấy.

“Tôi đến gặp ông chủ yếu muốn xác nhận liệu có mối liên hệ nào giữa Sprigg và ngôi nhà này; nhưng, thành thật mà nói, tôi không thấy được cách mà mối liên hệ đó, bây giờ tôi đã biết, khớp với chuỗi sự kiện. Tuy nhiên, tôi muốn ông cho phép hỏi cung ông Pyne và Beedle theo cách mà tôi nghĩ là thích hợp.”

“Hãy hỏi họ bất kỳ điều gì anh muốn, Markham. Anh không bao giờ có thể kết tội tôi vì đã cản đường anh.” Ông ấy nhìn lên đây xúc động. “Nhưng anh hãy, tôi hy vọng, báo cho tôi trước khi anh đưa ra bất kỳ bước đi quan trọng nào.”

“Điều này tôi có thể hứa với ông, thưa giáo sư.” Markham đứng dậy. “Nhưng tôi e rằng hiện chúng ta còn cách khu vực quan trọng một chặng đường dài.” Anh ta đưa tay ra, và cử chỉ của anh ta rõ ràng cho thấy anh ta cảm nhận được mối lo âu nào đó ẩn giấu bên trong ông lão và muốn bày tỏ sự thông cảm của mình mà không cần phải nói ra.

Vị giáo sư đi với chúng tôi ra cửa.

“Tôi không thể hiểu về tensor được đánh máy đó,” ông ấy lẩm bẩm và lắc đầu. “Nhưng nếu có chuyện gì tôi có thể làm…”

“Có chuyện, ông có thể giúp chúng tôi, thưa giáo sư Dillard,” Vance nói, dừng lại ở cửa. “Vào buổi sáng Robin bị giết thì chúng tôi đã thẩm vấn bà Drukker…”

“À!”

“Và mặc dù bà ấy phủ nhận việc ngồi ở cửa sổ yào buổi sáng thì cũng có khả năng bà ấy thấy chuyện gì đó xảy ra ở bãi tập bắn cung giữa 11 và 12 giờ.”

“Bà ấy khiến anh có ấn tượng đó à?” Có sự hạ thấp giọng vì kiềm chế mối quan tâm trong câu hỏi của vị giáo sư.

“Chỉ có chút đỉnh thôi. Đó là lời khai của Drukker rằng anh ta đã nghe thấy tiếng thét của mẹ mình, và sự phủ nhận của bà ấy về việc đã thét lên, điều đó làm tôi tin rằng bà ấy đã nhìn thấy gì đó mà bà ấy muốn giữ kín với chúng tôi. Và tôi chợt nảy ra ý tưởng là ông có thể có ảnh hưởng đến bà ấy hơn những người khác, do đó, nếu quả thực bà ấy đã chứng kiến điều gì, ông có thể thuyết phục bà ấy nói ra.”

“Không!” Giáo sư Dillard nói gần như cay nghiệt; nhưng ngay lập tức ông ấy đặt tay mình lên cánh tay của Markham, và giọng của ông ấy thay đổi. “Có một vài chuyện các anh không thể yêu cầu tôi giúp được. Nếu người phụ nữ tội nghiệp bị làm phiền này thấy bất kỳ điều gì từ cửa sổ của mình vào buổi sáng đó, chính các anh phải tìm ra nó. Tôi sẽ không góp phần vào việc hành hạ bà ấy đâu; và tôi chân thành hy vọng các anh sẽ không làm phiền bà ấy nữa. Có cách khác để tìm ra thứ các anh muốn.” Ông ấy nhìn thẳng vào mắt của Markham. “Bà ấy không phải là người nói cho anh biết. Bản thân anh nên xin lỗi sau này.”

“Chúng tôi phải tìm ra những gì có thể,” Markham trả lời một cách kiên quyết nhưng với sự dễ chịu. “Có một con quỷ đang tung hoành trong thành phố này, và tôi không thể để bất cứ ai chịu sự đau khổ này - tuy nhiên thảm kịch đau buồn đó vẫn xảy ra. Nhưng tôi bảo đảm với ông rằng tôi sẽ không hành hạ bất kỳ ai một cách không cần thiết.”

“Anh có nghĩ,” giáo sư Dillard hỏi một cách nhẹ nhàng, “rằng sự thật mà anh tìm kiếm có thể còn khủng khiếp hon chính những tội ác

đó?”

“Tôi sẽ chấp nhận rủi ro này. Nhưng nếu tôi biết đó là sự thật, thì sẽ không thể ngăn cản tôi bằng bất cứ giá nào.”

“Tất nhiên là không rồi. Nhưng, Markham à, tôi lớn tuổi hon anh nhiều. Tôi đã có tóc bạc khi anh còn là anh chàng đang vật lộn với logarit và đối logarit; và khi con người ta già đi thì họ sẽ hiểu biết về tỷ lệ chân thật của thế giới này. Tất cả tỷ số này đều thay đổi. Sự ước lượng mà chúng ta đặt vào mọi vật sẽ bỏ qua ý nghĩa của chúng. Đó là lý do tại sao người lớn tuổi khoan dung hon: họ biết rằng giá trị nhân tạo không quan trọng chút nào.”

“Nhưng miễn là chúng ta vẫn phải sống bằng giá trị của loài người,” Markham phản bác, “thì nhiệm vụ của tôi là duy trì chúng. Và tôi không thể, vì mối thông cảm riêng tư nào, từ chối bất kỳ con đường nào dẫn đến sự thật.”

“Có thể anh đúng,” vị giáo sư thở dài. “Nhưng anh không được yêu cầu tôi giúp anh trong trường hợp này. Nếu anh hiểu về sự thật, hãy khoan dung. Hãy chắc rằng thủ phạm phải chịu trách nhiệm trước khi anh yêu cầu cho hắn lên ghế điện. Có những tâm hồn bệnh hoạn cũng như những thể xác bệnh hoạn; và cả hai thường đi chung với nhau.”

Khi chúng tôi trở lại phòng khách thì Vance châm một điếu thuốc với nhiều lo lắng hơn bình thường.

“Giáo sư,” anh nói, “không vui về cái chết của Sprigg; và, mặc dù ông ấy không thừa nhận, công thức tensor khiến ông ấy tin rằng Sprigg và Robin thuộc cùng một phương trình. Nhưng ông ấy bị thuyết phục quá dễ dàng. Lúc đó, tại sao? - Hơn nữa, ông ấy không để ý đến việc những người quanh đây có biết Sprigg hay không. Tôi không nói ông ấy có sự ngờ vực, nhưng ông ấy có nỗi sợ… Hơi là lạ, về thái độ của ông ấy. Ông ấy hình như không muốn cản trở công lý, điều mà

ông ấy ủng hộ với sự nhiệt tình đầy cảm động, Markham à; nhưng ông ấy nhất quyết không muốn giúp đỡ anh đối với việc có liên quan đến nhà Drukker. Tôi tự hỏi điều gì đã khiến ông ấy chú trọng đến bà Drukker. Tôi không nên nói, quá tự nhiên, rằng bản chất giáo sư là một người sống tình cảm. - Và tình cảm thông thường đối với một tâm hồn bệnh hoạn và một thể xác bệnh hoạn đó là gì? Nghe có vẻ như một bài giới thiệu cho lớp học giáo dục thể chất vậy?… Đáng tiếc thật! Hãy đặt vài câu hỏi cho ông Pyne và người nhà vậy."

Markham ngồi hút thuốc đăm chiêu. Tôi ít khi nào thấy anh ta nản lòng như vậy.

"Tôi không thấy chúng ta có thể hy vọng gì ở họ," anh ta nhận xét.

"Tuy nhiên, trung sĩ, hãy đưa ông Pyne đến đây." Khi Heath bước ra ngoài Vance nhìn Markham bằng ánh mắt trêu đùa.

"Thật ra, anh biết đấy, anh không nên phàn nàn như thế. Hãy để Terence an ủi anh: - *Nil tam difficile est, quin quaerendo investigari possit**. Và, ôi trời, đây đúng là một vấn đề khó khăn…" Anh đột nhiên trở nên tỉnh táo. "Chúng ta đang đối phó với quá nhiều ẩn số ở đây. Chúng ta đang chống lại lực lượng quái lạ và khác thường nào đó không hoạt động theo quy định của pháp luật. Nó thật xảo quyệt - ôi, vô cùng xảo quyệt - và dị thường. Nhưng ít nhất chúng ta biết rằng nó xuất phát từ nơi nào đó ở xung quanh ngôi nhà xưa cũ này; và chúng ta phải điều tra ở mọi ngóc ngách thuộc về tâm lý. Đâu đó trong chúng ta ẩn giấu một con quỷ. Nên đừng bị sốc ở những câu hỏi tôi đặt ra cho ông Pyne. Chúng ta phải nhìn vào những nơi khác thường nhất…"

Có tiếng bước chân tiến đến cổng vòm, và một lát sau Heath đi vào cùng với ông lão quản gia.

CHƯƠNG 11

KHẨU SÚNG LỤC BỊ ĐÁNH CẮP

(Thứ Hai, 11 tháng Tư; 3 p.m.)

"Mời ngồi, ông Pyne," Vance nói, với sự tử tế cần thiết. "Chúng tôi được giáo sư Dillard cho phép thẩm vấn ông; và chúng tôi mong nhận được câu trả lời cho tất cả câu hỏi của mình."

"Tất nhiên rồi, thưa anh," người đàn ông trả lòi. "Tôi chắc chắn giáo sư Dillard không có lý do gì để giấu giếm."

"Tốt quá." Vance uể oải tựa người ra sau. "Vậy thì trước tiên; bữa điểm tâm được dọn ra vào lúc mấy giờ sáng nay?"

"8 giờ rưỡi, thưa anh - giống như mọi khi."

"Tất cả thành viên trong gia đình đều có mặt chứ?"

"Ồ, đúng vậy, thưa anh."

"Ai gọi mọi người vào sáng nay? Và lúc mấy giờ?"

"Là tôi gọi - vào lúc 7 giờ rưỡi. Tôi đến gõ cửa từng phòng…"

"Và đợi tiếng trả lời à?"

"Đúng, thưa anh - luôn luôn là vậy."

"Giờ ông nghĩ xem, Pyne: sáng nay mọi người đều trả lời ông chứ?"

Người đàn ông gật đâu dứt khoát. "Đúng, thưa anh."

"Và không ai đển ăn sáng trễ à?"

"Mọi người đều đứng giờ - như bình thường, thưa anh."

Vance cúi xuống và gạt tàn thuốc.

"Ông có tình cờ nhìn thấy người nào ra khỏi nhà hay trở về nhà sáng nay trước bữa điểm tâm không?"

Câu hỏi vô tình được đặt ra, nhưng tôi nhận thấy một sự run rẩy ngạc nhiên nho nhỏ trong mí mắt mỏng rũ xuống của người quản gia.

"Không, thưa anh."

"Cho dù ông không nhìn thấy ai," Vance truy hỏi tiếp, "nhưng chẳng lẽ thành viên trong gia đình đi ra ngoài và trở về mà ông không biết sao?"

Lần đầu tiên trong cuộc thẩm vấn Pyne tỏ vẻ miễn cưỡng khi trả lời.

"À, thưa anh, sự thật là," ông ta nói một cách bất an, "sáng nay ai đó có thể đã sử dụng cửa trước mà tôi không biết, trong lúc tôi đang sửa soạn bàn ăn. Và, vì như vậy, ai đó có thể đã sử dụng cửa phòng bắn cung, do con gái tôi thường đóng cửa nhà bếp trong khi đang chuẩn bị bữa sáng."

Vance trầm ngâm hút thuốc một lúc. Sau đó, anh hỏi với giọng bình thường: "Có người nào trong nhà sở hữu một khẩu súng lục không?"

Đôi mắt người đàn ông trợn tròn.

"Không có ai, theo tôi biết, thưa anh," ông ta ngập ngừng trả lời.

"Có từng nghe đến Giám mục không, ông Pyne?"

"Ồ, không, thưa anh!" Mặt ông ta tái mét. "Ý của anh là người đã viết những bức thư gởi cho báo chí?"

"Tôi chỉ muốn nói đến Giám mục thôi," Vance lơ đãng nói. "Nhưng hãy nói cho tôi biết: ông có nghe gì về một người bị giết ở công viên Riverside sáng nay không?"

"Có, thưa anh. Người lao công ở bên cạnh có kể cho tôi nghe."

"Ông biết anh chàng Sprigg, đúng không?"

“Tôi từng thấy cậu ta ở nhà này một hai lần, thưa anh.”

“Gần đây cậu ta có đến không?”

“Tuần trước, thưa anh. Tôi nghĩ là hôm thứ Năm.”

“Lúc đó còn ai khác ở đây không?”

Pyne nhíu mày như đang cố nhớ ra.

“Anh Drukker, thưa anh,” một hồi sau ông ta nói. “Và, theo tôi nhớ, ông Pardee cũng có đến. Họ nói chuyện với nhau trong phòng anh Arnesson đến tận khuya.”

“Trong phòng anh Arnesson sao? Anh Arnesson thường tiếp khách trong phòng mình à?”

“Không, thưa anh,” Pyne giải thích; “nhưng lúc đó giáo sư đang làm việc trong thư viện, và cô Dillard đang ở cùng bà Drukker trong phòng khách này.”

Vance im lặng một lúc lâu.

“Như vậy là đủ rồi, ông Pyne,” rất lâu sau anh nói. “Nhưng hãy gọi ngay Beedle dùm chúng tôi.”

Beedle đến và đứng trước mặt chúng tôi với nỗi bực tức khó chịu. Vance thẩm vấn cô ta giống như cách anh đã làm với Pyne. Câu trả lời của cô ta, phần lớn là đơn âm, không bổ sung thêm được gì vào những điều đã biết. Nhưng vào cuối cuộc thẩm vấn ngắn, Vance hỏi cô ta có phải sáng nay cô ta có tình cờ nhìn ra ngoài cửa sổ nhà bếp trước bữa điểm tâm hay không.

“Tôi có nhìn ra một hai lần,” cô ta bướng bỉnh trả lời. “Tại sao tôi không nên nhìn ra ngoài?”

“Cô có thấy người nào ở bãi tập bắn cung hay ở sân sau không?”

“Không có ai ngoài giáo sư và bà Drukker cả.”

“Không có người lạ sao?” Vance cố làm ra vẻ rằng việc có mặt của giáo sư Dillard và bà Drukker ở sân sau vào sáng nay là không quan trọng; nhưng, nhờ vào cách cố tình chậm chạp khi anh thò tay vào túi để lấy hộp thuốc lá, mà tôi biết được thông tin này làm anh quan tâm sâu sắc.

“Không,” người phụ nữ trả lời cộc lốc.

“Cô để ý thấy giáo sư và bà Drukker lúc mấy giờ?”

“8 giờ gì đó.”

“Họ đang nói chuyện với nhau ư?”

“Đúng. Đại khái thế,” cô ta sửa lại, “họ đi qua lại chỗ mấy cái cây.”

“Họ có thói quen đi dạo trong sân trước bữa sáng à?”

“Bà Drukker thường ra ngoài sớm và đi dạo gần mấy luống hoa. Và tôi đoán giáo sư có quyền đi dạo trong sân nhà mình bất cứ lúc nào ông ấy muốn.”

“Tôi không hỏi về quyền của ông ấy trong chuyện này, Beedle à,” Vance ôn hòa nói. “Tôi chỉ thắc mắc rằng ông ấy có thói quen tập thể dục vào sáng sớm như vậy hay không thôi.”

“Đấy, ông ấy có tập thể dục sáng nay.”

Vance cho người phụ nữ rời khỏi và đứng dậy đi đến cửa sổ phía trước. Anh rõ ràng đang bối rối, và đứng nhìn xuống con đường hướng ra dòng sông trong vài phút.

“Chà, chà,” anh lẩm bẩm. “Thật là một ngày đẹp trời để đàm luận cùng thiên nhiên. Vào 8 giờ sáng nay chắc chắn con chim chiền chiện đã cất cánh bay, và - ai biết được? - có thể có một con ốc sên trong bụi gai. Nhưng - trời ơi! - cả thế giới đang đảo lộn.”

Markham nhận ra dấu hiệu lúng túng của Vance.

“Anh nghĩ sao?” anh ta hỏi. “Tôi định sẽ phớt lờ thông tin của Beedle.”

“Vấn đề là, Markham à, chúng ta không thể phớt lờ bất kỳ điều gì trong vụ án này.” Vance nhẹ nhàng nói, không hề quay lại. “Mặc dù, tôi thừa nhận rằng ngay lúc này sự tiết lộ của Beedle là vô nghĩa. Chúng ta chỉ biết được rằng hai trong số các diễn viên của vở kịch tâm lý xã hội đã xuất hiện ở quanh đây vào sáng nay không lâu sau khi Sprigg bị giết. Cuộc gặp gỡ ngoài trời giữa vị giáo sư và bà Drukker, tất nhiên, có thể chỉ là một trong những sự trùng hợp ngẫu nhiên. Mặt khác, nó có thể có liên quan gì đó đến thái độ đa cảm của quý ông cao tuổi đó dành cho quý bà kia… Tôi nghĩ chúng ta sẽ phải bí mật hỏi thăm ông ấy một chút về cuộc gặp gỡ trước bữa ăn, gì thế kia?…”

Anh đột nhiên nhoài người về hướng cửa sổ.

“A! Arnesson về rồi. Trông có vẻ khá kích động.”

Một lát sau có tiếng chìa khóa mở cửa trước, và Arnesson sải bước qua sảnh. Khi thấy chúng tôi, anh ta nhanh chóng bước vào phòng khách và, không hề chào hỏi, bật nói ngay:

“Chuyện tôi nghe Sprigg bị bắn là sao?” Ánh mắt nôn nóng của anh ta chuyển từ người này sang người khác trong chúng tôi. “Tôi đoán mọi người ở đây để hỏi tôi về cậu ta. Vậy bắt đầu đi.” Anh ta ném cái cặp to lớn xuống bàn trà và ngồi ngay xuống chiếc ghế bên cạnh. “Có một thám tử đến trường đại học vào sáng nay hỏi những câu ngu ngốc và hành động giống như một anh hề thám tử trong một vở opera hài. Rất bí ẩn… Án mạng - một án mạng khủng khiếp! Chúng tôi biết gì về John E. Sprigg? Vân vân… Làm một vài sinh viên năm nhất sợ đến quên hết bài vở của cả học kỳ, và khiến một giảng viên tiếng Anh trẻ tuổi không liên quan bị khủng hoảng tinh thần. Tôi không phải là Dogberry đâu* - vì tôi đang đứng lớp lúc đó. Nhưng hắn đã táo tợn hỏi

rằng Sprigg thường hẹn hò với những người phụ nữ nào. Sprigg và phụ nữ! Chàng trai đó không có suy nghĩ nào khác trong đầu ngoài việc học của mình. Chàng trai sáng dạ nhất môn toán cao cấp. Không bao giờ vắng mặt. Khi cậu ta không trả lời điểm danh sáng nay thì tôi biết đã có chuyện nghiêm trọng nào đó rồi. Lúc ăn trưa, mọi người đều xôn xao về án mạng đó… Câu trả lời là gì vậy?"

"Chúng tôi không có câu trả lời, anh Arnesson." Vance chăm chú quan sát anh ta. "Tuy nhiên, chúng tôi có định thức khác cho công thức của anh đây. Sáng nay Johnny Sprig đã bị bắn bằng một khẩu súng nhỏ xuyên qua giữa bộ tóc giả của cậu ta."

Arnesson trừng mắt nhìn Vance một lúc lâu mà không động đậy. Sau đó anh ta ngửa đầu ra sau và cất tiếng cười chế nhạo.

"Thêm mấy thứ quái đản nữa ư? - như cái chết của Chim Cổ Đỏ vậy… Hãy cho tôi biết về bí ẩn này đi."

Vance thuật lại ngắn gọn những chi tiết của vụ án.

"Đó là tất cả những gì hiện tại chúng tôi biết," anh kết luận. "Anh Arnesson, anh có thể bổ sung thêm chi tiết gợi ý nào không?"

"Trời ơi, không!" Người đàn ông tỏ vẻ kinh ngạc thật sự. "Không thể như thế. Sprigg… một trong những sinh viên xuất sắc nhất tôi từng dạy. Gần như một thiên tài, trời ơi! Đáng tiếc là cha mẹ của cậu ta đặt tên cho cậu ta là John - thiếu gì tên khác chứ. Nó dường như đã định đoạt số phận của cậu ta; khiến cậu ta bị một tên điên bắn thủng đầu. Rõ ràng cùng một tên hề đã kết liễu Robin bằng một mũi tên." Anh ta xoa hai tay vào nhau, nhà khoa học trừu tượng trong anh ta trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. "Một vấn đề hay. Anh đã kể cho tôi mọi thứ rồi à? Tôi sẽ cần toàn bộ hệ số đã biết. Có lẽ tôi sẽ gặp phải một phương pháp xử lý mới trong toán học - như Kepler* vậy." Anh ta cười thầm tính tự phụ của mình. "Có nhớ 'Doliometrie'* của Kepler không?

Nó trở thành nền tảng của phép tính vi phân. Ông ấy nghĩ ra nó khi đang cố tạo ra một thùng tô nô chứa rượu cho bản thân - một thùng tô nô được làm với lượng gỗ nhỏ nhất và dung tích chứa lớn nhất. Có thể những công thức tôi nghĩ ra để phá án sẽ mở ra những lĩnh vực nghiên cứu khoa học mới. Ha ha! Robin và Sprigg lúc đó sẽ trở thành những người chết vì khoa học."

Sự hóm hỉnh của người đàn ông, ngay cả khi đã xem xét tới niềm đam mê cả đời anh ta đã dành cho những thứ trừu tượng, vẫn khiến tôi thấy cực kỳ bực mình. Nhưng Vance dường như không để tâm đến lời giễu cợt máu lạnh của anh ta.

"Có một vật," anh nói, "mà tôi quên nhắc đến." Quay sang Markham, anh đòi mảnh giấy có ghi công thức, và đưa nó cho Arnesson. "Thứ này được tìm thấy bên dưới xác của Sprigg."

Nhà toán học kiêu ngạo soi mói nó.

"Tôi thấy Giám Mục lại dính dáng đến. Cùng loại giấy và kiểu chữ như bức thông điệp trước… Nhưng hắn lấy tensor Riemann-Christoffel đó ở đâu? Nếu nó là tensor nào khác - như G-sigma-tau, chẳng hạn - thì những ai có hứng thú với vật lý ứng dụng đều có thể biết về nó. Nhưng cái này không thông dụng; và giá trị của nó thì tùy ý và bất thường. Những điều kiện nào đó đã bị bỏ đi… Ôi trời! Mới tối hôm kia tôi còn nói về chuyện này với Sprigg. Cậu ta còn ghi nó lại nữa."

"Ông Pyne có nói qua rằng Sprigg đã đến đây vào tối thứ Năm," Vance nói thêm.

"Ồ, ông ta đã nói thế, phải không?… Thứ Năm - đúng rồi. Pardee cũng ở đây nữa. Và cả Drukker. Chúng tôi đã có một cuộc thảo luận về tọa độ Gauss. Tensor này được nêu lên - Drukker nhắc đến nó đầu

tiên thì phải. Và Pardee có suy nghĩ điên rồ nào đó khi định áp dụng toán cao cấp vào cờ vua…”

“Tiện thể, anh có chơi cờ vua không?” Vance hỏi.

“Đã từng. Nhưng giờ thì không. Một môn chơi tốt - nếu không là tại người chơi. Những kẻ kỳ quặc, những kỳ thủ.”

“Anh có bao giờ nghiên cứu thế cờ Pardee không?” (Vào lúc đó tôi không thể hiểu những câu hỏi dường như không liên quan của Vance; và tôi để ý rằng cả Markham cũng đang bắt đầu bộc lộ những dấu hiệu mất kiên nhẫn.)

“Tội nghiệp lão Pardee!” Arnesson mỉm cười vô cảm. “Một nhà toán học cơ bản không tệ. Đáng lẽ phải làm thầy giáo trường trung học. Tuy nhiên, có nhiều tiền quá. Đam mê cờ vua. Tôi đã bảo thế cờ của ông ta phản khoa học. Thậm chí còn cho ông ta thấy nó có thể bị phá như thế nào. Nhưng ông ta không chịu sáng mắt ra. Thế rồi Capablanca, Vidman và Tartakower xuất hiện và phá tan tành. Y như những gì tôi đã nói với ông ta rằng họ sẽ làm. Hủy hoại cuộc đời ông ta. Ông ta đã loay hoay với một thế cờ khác mấy năm nay rồi, nhưng không thể làm cho nó chặt chẽ được. Đọc Weyl, Silberstein*, Eddington và Mach với hy vọng là sẽ tìm được nguồn cảm hứng.”

“Đúng là thú vị thật.” Vance chìa hộp diêm cho Arnesson khi anh vừa nhồi tẩu thuốc của mình vừa nói. “Pardee có quen biết với Sprigg không?”

“Ồ, không. Gặp cậu ta ở đây hai lần - vậy thôi. Tuy nhiên, Pardee quen biết Drukker hơn. Luôn hỏi anh ta về thế vị, vô hướng và vector. Hy vọng sẽ chạm phải thứ gì đó có thể cách mạng hóa cờ vua.”

“Ông ta có hứng thú với tensor Riemann-Christoffel khi các anh bàn về nó vào tối hôm đó không?”

“Không thể nói là có. Một chút ngoài lĩnh vực của ông ta. Ta không thể gắn độ cong của không-thời gian vào một bàn cờ được.”

“Anh nghĩ sao về việc công thức này được tìm thấy ở chỗ Sprigg?”

“Không nghĩ được gì cả. Nếu nó là chữ viết tay của Sprigg thì tôi sẽ nói nó rơi ra từ túi của cậu ta. Nhưng ai lại đi tốn công sức đánh máy một công thức toán học chứ?”

“Hình như là Giám Mục.”

Arnesson đưa tẩu thuốc ra khỏi miệng và toét miệng cười.

“Giám Mục X. Ta sẽ phải tìm hắn. Hắn đầy bất thường. Nghiệm kỳ dị.”

“Hiển nhiên rồi.” Vance uể oải nói. “Và, tiện thể, suýt nữa tôi quên hỏi anh: trong nhà Dillard có khẩu súng lục nào không?”

“Ô hô!” Arnesson cười khoái trá với sự thích thú không kiềm chế. “Có phải như thế không?… Xin lỗi đã làm quý vị thất vọng. Không có súng lục. Không có cửa lùa. Không có cầu thang bí mật. Tất cả đều công khai và được phơi bày ra hết.”

Vance thở dài một cách không tự nhiên.

“Buồn… buồn thật! Và tôi có một giả thuyết an ủi như thế.”

Belle Dillard im lặng đi xuống sảnh, và giờ đang đứng ở lối vòm. Cô ấy rõ ràng đã nghe thấy câu hỏi của Vance và câu trả lời của Arnesson.

“Nhưng *có* hai khẩu súng lục trong nhà mà Sigurd,” cô ấy bày tỏ. “Anh không nhớ những khẩu súng lục cũ tôi đã dùng để tập bắn mục tiêu ở dưới quê sao?”

“Tưởng cô đã ném chúng đi từ lầu rồi.” Arnesson đứng dậy và kéo một cái ghế cho cô ấy. “Tôi đã bảo cô lúc chúng ta trở về từ Hopatcong

vào mùa hè đó rằng chỉ có tên trộm và kẻ cướp mới được phép sở hữu súng ở tiểu bang nhân từ này…”

“Nhưng tôi không tin anh,” cô gái phản đối. “Tôi không bao giờ biết được lúc nào thì anh đùa giỡn và lúc nào thì anh nghiêm túc.”

“Và cô đã giữ chúng lại, phải không cô Dillard?” Giọng nói của Vance cất lên.

“Sao - đúng vậy.” Cô ta lo sợ liếc nhìn Heath. “Tôi không nên làm thế à?”

“Tôi tin điều đó về lý là phạm pháp. Tuy nhiên” - Vance mỉm cười trấn an - “tôi không nghĩ trung sĩ sẽ nhắc đến luật Sullivan* để buộc tội cô đâu. Bây giờ chúng đang ở đâu?”

“Ở dưới lầu - trong phòng bắn cung. Chúng nằm ở một trong những ngăn kéo tủ đựng dụng cụ.”

Vance đứng lên.

“Cô Dillard, cô có thể vui lòng chỉ cho chúng tôi nơi cất chúng được không? Sự tò mò đang dày vò tôi vì muốn nhìn thấy chúng, cô biết đấy.”

Cô gái lưỡng lự và nhìn sang Arnesson để hỏi ý. Khi anh ta gật đầu, cô ấy quay đi mà không nói gì thêm và dẫn đường đên phòng bắn cung.

“Chúng ở trong cái tủ cạnh cửa sổ,” cô ấy nói.

Tiến về phía nó, cô ấy kéo một ngăn nhỏ ở ngoài bìa ra. Nằm ở phía sau, bên dưới một đống vật dụng linh tinh, là một khẩu súng tự động Colt.38.

“Sao lại thế!” Cô ấy kêu lên. “Chỉ có một khẩu ở đây thôi. Khẩu kia biến mất rồi.”

“Là một khẩu súng ngắn nhỏ hơn, phải không?” Vance hỏi.

“Phải…”

“Một khẩu súng lục loại.32* ?”

Cô gái gật đầu và đưa cặp mắt ngơ ngác nhìn Arnesson.

“Chà, nó đã biến mất, Belle à,” anh ta nói với cô ấy, với một cái nhún vai. “Đành chịu thôi. Chắc một trong những cung thủ trẻ của cô đã lấy nó bắn vỡ óc cậu ta sau khi hắn thất bại trong việc bắn tên ở đường hẻm.”

“Nghiêm túc đi, Sigurd,” cô ta cầu xin, có chút sự hãi. “Nó có thể biến đi đâu được chứ?”

“Ha! Lại một bí ẩn đen tối khác,” Arnesson nhạo báng. “Sự mất tích kỳ lạ của một khẩu súng lục không còn sử dụng đến.”

Nhìn thấy tình trạng lo âu của cô gái, Vance đổi chủ đề.

“Có lẽ, cô Dillard à, cô vui lòng dẫn chúng tôi đến gặp bà Drukker. Có một hai vấn đề chúng tôi muốn nói với bà ấy; và tôi phỏng đoán, với sự hiện diện của cô ở đây, rằng chuyến đi về đồng quê đã bị hoãn lại.”

Một bóng đen phiền muộn lướt qua gương mặt cô gái.

“Ôi, hôm nay các anh không được làm phiền bà ấy.” Giọng cô ấy buồn bã van lơn. “Quý bà Mae bệnh rất nặng. Tôi không thể hiểu được - bà ấy có vẻ còn khỏe lắm khi tôi nói chuyện với bà ở trên lầu. Nhưng sau khi bà ấy gặp anh và anh Markham, bà ấy đã thay đổi: bà trở nên yếu ớt và… ôi, thứ gì đó kinh khủng dường như đang dày vò tâm trí bà ấy. Sau khi tôi đưa bà ấy về giường, bà ấy cứ lặp lại lời thì thầm đáng sợ: ‘Johnny Sprig, Johnny Sprig.’… Tôi đã gọi cho bác sĩ của bà và ông ấy sẽ đến ngay. Ông ấy bảo bà cần phải được tịnh dưỡng…”

“Cũng không phải chuyện gì quan trọng,” Vance trấn an cô ấy. “Tất nhiên chúng tôi sẽ đợi. - Bác sĩ của bà ấy là ai vậy, cô Dillard?”

“Whitney Barstead. Ông ấy đã chăm sóc bà lâu rồi theo những gì tôi nhớ.”

“Một người giỏi giang,” Vance gật đầu. “Không có nhà thần kinh học trong nước nào giỏi hơn. Chúng tôi sẽ không làm gì nếu không có sự cho phép của ông ấy.”

Cô Dillard nhìn anh với vẻ biết ơn. Sau đó cô xin phép rời khỏi.

Khi còn lại chúng tôi trong phòng khách, Arnesson đứng trước lò sưởi và quan sát Vance một cách châm biếm.

“‘Johnny Sprig, Johnny Sprig.’ Ha! Quý bà Mae nhận ra ngay lập tức. Bà ấy có thể điên điên khùng khùng, nhưng vài thùy não của bà ấy quá nhanh nhạy. Thứ máy móc khó hiểu, bộ não con người. Một vài máy tính biết suy nghĩ hàng đầu của châu Âu chỉ toàn là lũ khờ. Và tôi biết vài kỳ thủ bậc thầy cần đến y tá giúp họ mặc quần áo và đút cho họ ăn.”

Vance tỏ vẻ như không nghe thấy. Anh đứng trước một chiếc tủ nhỏ gần cổng vòm và có vẻ như đang chăm chú vào một bộ chạm khắc cẩm thạch nguồn gốc Trung Hoa thời cổ đại.

“Con voi không thuộc về chỗ đó,” anh lơ đãng nhận xét, chỉ vào một vật nhỏ xíu trong bộ sưu tập. “Đây là *bunjinga** - kém chất lượng, anh biết không. Khéo léo đấy, nhưng không phải là đồ thật. Chắc là bản sao của một vật thời Mãn Châu.” Anh che miệng ngáp và quay sang Markham. “Này, ông bạn già, không còn gì ta có thể làm nữa. Có lẽ chúng ta nên cuốn gói đi. Dù vậy, chúng ta cũng nên nói vài lời với giáo sư trước khi đi… Có phiền anh đợi chúng tôi ở đây không, anh Arnesson?”

Arnesson nhướng mày theo kiểu hơi ngạc nhiên, nhưng ngay lập tức nhăn mặt lại thành một nụ cười khinh khỉnh.

"Ồ, không. Cứ đi đi." Và anh ta bắt đầu nhồi lại thuốc vào trong tẩu của mình.

Giáo sư Dillard rất khó chịu trước sự xâm nhập lần thứ hai của chúng tôi.

"Chúng tôi vừa biết được," Markham nói, "rằng sáng nay ông đã nói chuyện với bà Drukker trước bữa điểm tâm…"

Các cơ bắp trên gò má của giáo sư Dillard lộ vẻ giận dữ.

"Tôi nói chuyện với một người hàng xóm trong khu vườn của mình thì có liên quan gì đến Văn phòng Công tố quận?"

"Tất nhiên là không, thưa ông. Nhưng tôi đang trong một cuộc điều tra có liên quan nghiêm trọng đến nhà của ông, và tôi cho rằng mình có đặc quyền được tìm kiếm sự giúp đỡ từ ông."

Ông lão ấp úng trong giây lát.

"Được thôi," ông ấy bằng lòng một cách cáu kỉnh. "Tôi không gặp ai khác ngoại trừ bà Drukker – nếu như đó là những gì các anh muốn tìm hiểu."

Vance góp vào cuộc đối thoại. "Đó không phải là lý do chúng tôi đến gặp ông, thưa giáo sư Dillard. Chúng tôi chỉ muốn hỏi ông rằng sáng nay bà Drukker có làm gì khiến ông nghĩ rằng bà ấy có nghi ngờ chuyện đã xảy ra trước đó ở công viên Riverside không."

Vị giáo sư vừa định đáp trả bằng một câu gay gắt, nhưng đã tự kiềm chế. Sau một lát ông nói đơn giản:

"Không, bà ấy không khiến tôi nghĩ thế."

"Bà ấy có tỏ ra bất an hoặc, chẳng hạn, kích động không?"

"Bà ấy không như thế!" Giáo sư Dillard đứng lên và đối diện với Markham. "Tôi hoàn toàn hiểu rõ các anh đang ám chỉ điều gì và tôi sẽ không đồng ý đâu. Tôi đã nói với anh rồi Markham, rằng tôi sẽ không

tham gia vào việc do thám hoặc mách lẻo chuyện có liên quan đến người phụ nữ bất hạnh đó. Tôi chỉ muốn nói với các anh bấy nhiêu đó thôi.” Ông ấy quay lại bàn làm việc. “Rất tiếc, hôm nay tôi bận lắm.”

Chúng tôi đi xuống tầng trệt và nói lời chào tạm biệt với Arnesson. Anh ta vẫy tay thân mật chào chúng tôi khi chúng tôi đi ra ngoài; nhưng nụ cười của anh ta mang chút gì đó của vẻ kẻ cả khinh khỉnh, cứ như anh ta đã chứng kiến và đang hả hê trước sự cự tuyệt mà chúng tôi vừa gặp phải.

Khi chúng tôi đi trên vỉa hè, Vance ngừng lại để châm điếu thuốc mới.

“Giờ thì hãy có *causerie** ngắn với ông Pardee buồn bã và lịch lãm. Tôi không biết ông ta có thể kể cho chúng ta điều gì, nhưng tôi có một nỗi khao khát muốn nói chuyện với ông ta.”

Tuy nhiên, Pardee không có ở nhà. Người giúp việc gốc Nhật của ông ta báo với chúng tôi rằng ông chủ của mình có nhiều khả năng đang ở câu lạc bộ cờ vua Manhattan.

“Ngày mai sẽ còn đủ thời gian.” Vance nói với Markham, khi chúng tôi đi khỏi ngôi nhà. “Tôi sẽ liên lạc với bác sĩ Barstead vào buổi sáng và cố gắng sắp xếp để gặp bà Drukker. Chúng ta cũng sẽ gặp Pardee trong chuyến đi đó.”

“Tôi hy vọng,” Heath càu nhàu, “rằng ngày mai chúng ta sẽ biết được nhiều hơn hôm nay.”

“Anh bỏ qua một hai giải an ủi rồi, trung sĩ,” Vance đáp lại. “Chúng ta đã biết được rằng những người liên quan đến nhà Dillard đều quen biết Sprigg và có thể dễ dàng biết được những chuyến tản bộ sáng sớm của cậu ta dọc theo sông Hudson. Chúng ta cũng biết được rằng giáo sư và bà Drukker đã đi dạo trong vườn lúc 8 giờ sáng nay. Và chúng ta phát hiện ra một khẩu súng lục đã biến mất khỏi phòng bắn

cung. - Không phải là quá phong phú, nhưng cũng được chút ít - ồ, rõ ràng được chút gì đó."

Khi chúng tôi lái xe xuống khu trung tâm, Markham đánh thức bản thân mình ra khỏi sự trừu tượng u ám, và nhìn Vance lo ngại.

"Tôi gần như sợ phải tiếp tục vụ án này. Nó dần trở nên quá độc ác. Và nếu báo chí biết được bài đồng dao Johnny Sprig đó và kết nối hai án mạng lại, tôi ghét phải nghĩ đến những tin giật gân rẻ tiền tiếp theo sau đó."

"Tôi e rằng anh phải chịu đựng thôi, ông bạn già ạ," Vance thở dài. "Tôi không phải là nhà ngoại cảm - cũng chưa từng có giấc mơ nào biến thành sự thật, và cũng không biết lên đồng có cảm giác như thế nào - nhưng thứ gì đó mách bảo tôi rằng Giám Mục sẽ tiết lộ với báo giới mấy câu thơ Mẹ Ngỗng đó. Vấn đề trong trò đùa mới của hắn thậm chí còn đen tối hơn vở hài kịch Chim Cổ Đỏ của hắn nữa. Hắn sẽ lo liệu để không ai bỏ lỡ nó. Thậm chí một kẻ khôi hài tàn nhẫn dùng xác chết để làm lục lạc cho gã hề cũng cần phải có khán giả. Ở đó chứa đựng một nhược điểm trong những tội ác ghê tởm của hắn. Đó là niềm hy vọng duy nhất của chúng ta, Markham à."

"Tôi sẽ gọi cho Quinan một cú điện thoại," Heath nói, "và tìm hiểu xem có điều gì được phát hiện hay không."

Nhưng viên trung sĩ không cần phải tốn công nữa. Phóng viên báo *World* đang đợi chúng tôi ở Văn phòng Công tố quận, và Swacker dẫn anh ta vào ngay lập tức.

"Chào anh, Markham." Có một sự hồ hởi quá đà trong cử chỉ của Quinan, nhưng đồng thời anh ta để lộ dấu hiệu của sự phấn khích mạnh mẽ. "Tôi có thứ này dành cho trung sĩ Heath đây. Họ nói với tôi ở trụ sở rằng anh ta phụ trách vụ Sprigg, và nói anh ta đang thương lượng với anh. Cho nên tôi sang đây."

Anh ta thò tay vào trong túi và, lấy ra một tờ giấy, đưa nó cho Heath. “Tôi đang cảm thấy thật cao cả, tốt bụng và hào phóng với anh, trung sĩ à, và tôi mong đợi một chút thông tin bên trong làm quà đáp lại… Nhìn vào tài liệu đó đi. Vừa mới nhận được từ nhật báo gia đình hàng đầu nước Mỹ đấy.”

Đó là một mảnh giấy đánh máy bình thường, và nó chứa đựng vần thơ Mẹ Ngỗng về Johnny Sprig, được đánh máy bằng những ký tự kiểu élite với ruy băng màu lam nhạt. Bên dưới góc phải là chữ ký viết hoa: GIÁM MỤC.

“Và đây là bao thư, thưa trung sĩ.” Quinan lại lục tìm trong túi mình.

Dấu bưu điện mang thời gian 9 giờ sáng, và, cũng như bức thông điệp đầu tiên, nó được gởi từ trong quận này ở Trạm Bưu Điện “N.”

CHƯƠNG 12

CHUYẾN VIẾNG THĂM LÚC NỬA ĐÊM

(Thứ Ba, 12 tháng Tư; 10 a.m.)

Sáng hôm sau hàng loạt trang nhất của các tờ báo đô thị đều đưa tin giật gân vượt quá điều lo sợ tồi tệ nhất của Markham. Bên cạnh báo *World,* hai tờ báo buổi sáng hàng đầu khác đã nhận được những bức thông điệp giống như cái mà Quinan cho chúng tôi xem; vạ sự kích động được tạo ra bởi công bố của chúng thật dữ dội. Toàn thành phố chìm ngập trong nỗi lo âu và sự hãi; và mặc dù những nỗ lực nửa vời được thực hiện ở nhiều nơi để xóa bỏ khía cạnh điên cuồng của tội ác do sự trùng hợp, và để thanh minh rằng những bức thông điệp của Giám Mục chỉ là trò chơi khăm, tất cả các tờ báo và đa số công chúng đều hết mực tin rằng một kiểu sát nhân mới và khủng khiếp đang rình rập trong cộng đồng*.

Markham và Heath bị bao vây bởi cánh phóng viên, nhưng bức màn bí mật vẫn được bảo vệ một cách kiên trì. Không gợi ý nào được cho là có bất kỳ lý do gì để tin rằng việc giải quyết vấn đề nằm ở nhà Dillard; và cũng không có đề cập nào đến việc biến mất của khẩu súng lục. Tình trạng của Sperling nhận được sự đối xử thông cảm từ báo chí. Hiện tại, công chúng cho rằng chàng trai trẻ này là nạn nhân không may trong vụ này; và tất cả những lời chỉ trích sự chần chừ của Markham trong việc tố tụng ngay lập tức giảm xuống.

Vào ngày Sprigg bị bắn, Markham họp tại câu lạc bộ Stuyvesant. Cả thanh tra Moran của Cục Điều tra và chánh thanh tra O'Brien* đều tham dự. Hai vụ án mạng được xem xét một cách kỹ lưỡng, và Vance

đã nêu ra lý do cho việc anh tin rằng câu trả lời cho vấn đề này cuối cùng sẽ được tìm thấy hoặc ở nhà Dillard hoặc khu nhà nào đó có liên quan trực tiếp với nó.

"Bây giờ chúng ta vẫn giữ liên lạc," anh kết thúc, "với tất cả những người có đủ sự am hiểu về tình hình xung quanh hai nạn nhân để thực hiện thành công những tội ác này; và chỉ có cách là tập trung vào những người đó."

Thanh tra Moran gật đầu đồng ý. "Ngoại trừ," ông ta dè dặt, "rằng không ai trong số *dramatis personae** mà anh đề cập gây cho tôi cảm giác về một tên điên khát máu."

"Kẻ sát nhân này không phải là một tên điên theo nghĩa thông thường," Vance đáp lại. "Hắn hầu như bình thường ở tất cả các mặt khác. Bộ não của hắn, thực tế, có thể rất thông minh ngoại trừ một tổn thương - quá phi thường, tôi nên nói thế. Hắn đã mất tất cả các giác quan về sự cân đối chỉ vì sự suy xét cao hứng."

"Nhưng ngay cả một gã siêu nhân biến thái thích thú với trò chơi ghê tởm như thế mà không có động cơ sao?" viên thanh tra hỏi.

"À, có động cơ đấy. Một vài động lực mạnh mẽ ở phía sau khái niệm tàn ác của những tên sát nhân này - động lực này có tác dụng lên kết quả của nó, là từ sự hài hước của quỷ dữ."

O'Brien không tham gia vào cuộc thảo luận này. Mặc dù ấn tượng bởi ẩn ý mơ hồ của nó, anh ta trở nên kích động bởi đặc điểm phi thực tế của nó.

"Kiểu tin đồn đó," anh ta ồn ào nói, "là tất cả quyền lực của những bài báo xã luận, nhưng nó không khả thi." Anh ta lắc điếu xì gà to đen của mình về phía Markham. "Những gì chúng ta phải làm là bắt kịp mọi tình huống và nắm được vài bằng chứng xác thực."

Quyết định cuối cùng rằng những bức thông điệp của Giám Mục sẽ được chuyển giao cho một chuyên gia phân tích, một nỗ lực để lần theo dấu vết cả máy đánh chữ và đồ dùng văn phòng. Một hệ thống tìm kiếm được thiết lập dành cho các nhân chứng có thể đã nhìn thấy ai đó ở công viên Riverside giữa 7 và 8 giờ sáng hôm đó. Các thói quen và những mối liên hệ của Sprigg đều là đối tượng được tường trình cẩn thận; và một người đàn ông được lấy lời khai chi tiết là người đưa thư của quận với hy vọng rằng, khi lấy thư từ những hộp thư khác nhau, anh ta chú ý về địa chỉ trên thư và có thể nói được chúng thật sự được gởi từ đâu.

Nhiều hoạt động thường lệ khác cũng được đưa ra; và Moran đề nghị rằng nên có cùng lúc ba người canh gác ngày và đêm ở vùng lân cận nơi xảy ra án mạng để theo dõi sự tiến triển có thể xảy ra hoặc những hành động đáng ngờ của những người có liên quan. Sở Cảnh sát và Văn phòng Công tố quận cùng làm việc hết mình với nhau. Dĩ nhiên, Markham, trong thỏa thuận ngầm với Heath, nắm quyền chủ động.

“Tôi đã lấy lời khai của các thành viên nhà Dillard và nhà Drukker trong mối liên quan với án mạng của Robin,” Markham giải thích với Moran và O’Brien: “và tôi đã nói về vụ án của Sprigg với giáo sư Dillard và Arnesson. Ngày mai tôi sẽ gặp Pardee và gia đình Drukker.”

Sáng hôm sau Markham, cùng với Heath, gặp Vance một chút trước 10 giờ.

“Điều này không thể tiếp diễn,” anh ta tuyên bố, sau những lời chào sơ sài. “Nếu bất kỳ ai biết được điều gì, chúng ta phải tìm ra nó. Tôi sẽ gây sức ép - và chấp nhận hậu quả tồi tệ!”

“Bằng mọi cách, phải đuổi bắt chúng.” Chính Vance tỏ vẻ chán nản. “Tôi nghi ngờ việc có ích của nó. Không có phương thức thông

thường nào giải được câu đố này. Tuy nhiên, tôi vừa gọi cho Barstead. Ông ấy nói chúng ta có thể nói chuyện với bà Drukker vào sáng nay. Nhưng tôi đã sắp xếp để gặp ông ấy trước. Tôi có một khao khát muốn biết thêm về bệnh tật của nhà Drukker. Chứng gù lưng, anh biết đó, thường không phải là do té ngã."

Ngay lập tức, chúng tôi lái xe đến nhà vị bác sĩ và gặp được ông ấy mà không hề có sự trì hoãn nào. Bác sĩ Barstead là một người đàn ông rất dễ chịu, sự vui tính trong cử chỉ của ông ấy gây ấn tượng với tôi như là kết quả của sự nỗ lực bài bản.

Vance đi thẳng vào vấn đề.

"Thưa bác sĩ, chúng tôi có lý do để tin rằng bà Drukker và có lẽ con trai bà ấy có liên quan gián tiếp đến cái chết gần đây của anh Robin ở nhà Dillard; và trước khi chúng tôi hỏi nhiều hơn về họ thì chúng tôi muốn ông nói cho chúng tôi biết - theo quy ước nghề nghiệp cho phép - một chút gì đó về trạng thái thần kinh mà chúng tôi đang đối mặt."

"Xin hãy nói rõ ràng hơn, thưa anh." Bác sĩ Barstead nói với thái độ đề phòng.

"Tôi được biết," Vance tiếp tục, "rằng Bà Drukker tự chịu trách nhiệm về tật gù lưng của con trai bà ấy; nhưng theo sự hiểu biết của tôi thì dị tật ấy của anh ta không phải là kết quả thông thường chỉ do chấn thương thể chất."

Bác sĩ Barstead gật đầu một cách chậm rãi.

"Chính xác là như thế. Chứng liệt hai chi do chèn ép tủy sống có thể dẫn đến trật khớp hoặc tổn thương, nhưng kết quả tổn thương như thế là của kiểu cơ ngang trung tâm. Viêm xương hoặc mục xương sống - thứ mà chúng ta thường gọi là bệnh Pott - thường có nguồn gốc từ bệnh lao; và lao cột sống hầu hết xảy ra ở trẻ em. Thường là từ lúc mới sinh. Đúng vậy, một tổn thương có thể đứng trước sự tấn

công khi đang là vị trí lây nhiễm hoặc sự kích thích ổ bệnh tiềm ẩn; và sự thật không nghi ngờ này dẫn đến niềm tin rằng chính tổn thương tạo nên căn bệnh này. Nhưng cả Schmaus và Horsley đã đưa ra giải phẫu bệnh lý thực sự của viêm lao đốt sống. Dị dạng của Drukker chắc chắn là do bệnh lao. Ngay cả độ cong vẹo xương sống của anh ta rõ ràng là loại cong tròn, chứng tỏ sự nới rộng của đốt sống; và không có bất cứ dấu hiệu gì về chứng vẹo xương sống. Hơn nữa, anh ta có tất cả các triệu chứng của viêm xương."

"Dĩ nhiên rồi, vậy ông hãy giải thích về tình trạng của bà Drukker."

"Đã xem xét nhiều lần. Nhưng tôi vẫn chưa thành công. Sự thật là, một bản năng khủng khiếp của sự nỗ lực đày đọa bản thân làm bà ấy cứ bám chặt lấy ý nghĩ rằng bà ấy phải chịu trách nhiệm với tình trạng của con trai mình. Ý nghĩ sai lầm ấy trở thành *idée fixe** với bà ấy. Nó tạo thành toàn bộ quan điểm tinh thần của bà ấy, và mang lại ý nghĩ về cuộc sống hầu hạ và hy sinh mà bà ấy đã sống trong bốn mươi năm."

"Ở mức độ nào đó," Vance hỏi, "có phải ông muốn nói hội chứng loạn thần kinh chức năng đã ảnh hưởng đến tâm trí của bà ấy?"

"Thật khó để nói như thế; và đó không phải là vấn đề tôi muốn nói đến. Tuy nhiên, tôi có thể nói điều này: bà ấy chắc chắn có bệnh; và tâm trí của bà ấy đã trở nên méo mó. Đôi khi - tôi nói điều này vì hoàn toàn tin tưởng ở các anh - có dấu hiệu rõ rệt của chứng loạn ảo về việc canh giữ con trai bà ấy. Sự an toàn của anh ta đã trở thành nỗi ám ảnh đối với bà ấy. Thực tế là không có gì mà bà ấy sẽ không làm cho anh ta."

"Chúng tôi cảm kích sự tin tưởng của ông, thưa bác sĩ… Và không được hợp lý khi giả định rằng tình trạng khó chịu của bà ấy ngày hôm qua là kết quả của sự lo sợ hay cú sốc có liên quan đến sự an toàn của anh ta phải không?"

“Chắc chắn là như thế. Bà ấy không có đời sống cảm xúc hay tinh thần nào ngoài anh ta cả. Nhưng cho dù sự suy sụp tạm thời của bà ấy là do nỗi sợ hãi có thực hay tưởng tượng, không biết được. Bà ấy đã sống quá lâu ở ranh giới giữa hiện thực và ảo tưởng.”

Có một khoảng lặng ngắn,và sau đó Vance hỏi:

“Còn với bản thân Drukker: ông có nghĩ rằng anh ta có trách nhiệm với tất cả các hành động của mình không?”

“Vì anh ta là bệnh nhân của tôi,” bác sĩ Barstead đáp, với lời trách cứ lạnh lùng, “và vì tôi không có cách nào để cô lập anh ta, tôi nghĩ câu hỏi của anh rất vô lý.”

Markham cúi người và nói quả quyết.

“Chúng ta không có thời gian né tránh đâu, thưa bác sĩ. Chúng tôi đang điều tra một vụ giết người hàng loạt tàn bạo. Anh Drukker có liên quan đến những án mạng này - đến mức độ nào thì chúng tôi không biết. Nhưng nhiệm vụ của chúng tôi là phải tìm ra chúng.”

Phản ứng đầu tiên của vị bác sĩ là chống đối Markham; nhưng rõ ràng ông ấy đã bỏ qua, vì khi ông ấy trả lời, giọng nói khoan dung thật sự.

“Tôi không có lý do gì, thưa anh, để từ chối cung cấp thông tin cho các anh. Nhưng câu hỏi về trách nhiệm của Drukker là đổ lỗi cho sự sơ suất của tôi trong vấn đề an toàn cộng đồng. Tuy nhiên, có lẽ tôi đã hiểu lầm câu hỏi của quý ông đây.” Ông ấy nhìn Vance chốc lát. “Dĩ nhiên, có nhiều mức độ trách nhiệm,” ông ấy tiếp tục, trong cách nói của một chuyên gia. “Tâm trí của Drukker đã phát triển quá mức, thường như trường hợp của các bệnh nhân gù. Trong trường họp đó, tất cả các quá trình về tinh thần đều hướng nội; và thiếu các phản ứng tự nhiên thông thường có xu hướng tạo ra sự ức chế và khác thường. Nhưng tôi lưu ý là các dấu hiệu về tình trạng này không có ở anh

Drukker. Anh ta dễ bị kích động; chỉ là, sau đó, hành động trong trạng thái bị kích động là một thứ kèm theo phổ biến ở bệnh tình của anh ta."

"Thú tiêu khiển của anh ta là gì?" Vance bất chợt hỏi một cách nhã nhặn.

Bác sĩ Barstead suy nghĩ một lúc.

"Những trò chơi trẻ con, tôi nên nói thế. Thú tiêu khiển như thế không có gì là bất thường với người tàn tật. Ở trường hợp của anh Drukker đó là những gì chúng ta có thể gọi là sự đáp ứng thức tỉnh những mong ước. Có tuổi thơ bất thường, anh ta nắm lấy bất cứ thứ gì có thể làm cho anh ta có cảm giác về sự khôi phục lại tuổi thơ. Các hành động trẻ con của anh ta có xu hướng cân bằng sự đơn điệu trong cuộc sống hoàn toàn dựa vào tinh thần của anh ta."

"Thái độ của bà Drukker hướng cho anh ta chơi gì?"

"Bà ấy đúng là rất khuyến khích chuyện đó. Tôi thường thấy bà ấy nghiêng người nhìn qua tường phía trên sân chơi trong công viên Riverside để coi chừng anh ta. Và bà ấy luôn chủ trì các bữa tiệc của lũ trẻ và các bữa ăn mà anh ta hay tổ chức ở nhà mình."

Chúng tôi rời khỏi một vài phút sau đó. Khi chúng tôi rẽ vào đường số 76, Heath, như bị đánh thức khỏi một giấc mơ tồi tệ, hít một hơi thật sâu và ngồi thẳng lưng trong xe.

"Anh có nhận ra trò chơi trẻ con đó không?" anh ta hỏi, bằng giọng đầy lo lắng. "Chúa ơi, anh Vance! Vụ này sẽ trở thành cái gì đây?"

Một nỗi buồn kỳ lạ trong mắt Vance khi anh nhìn chăm chú về trước hướng về phía những vách đá Jersey mù sương nhô ra sông.

Chúng tôi bấm chuông nhà Drukker và được trả lời bởi một người phụ nữ Đức mập mạp, đứng trơ ra lạnh lùng nhìn chúng tôi và thông báo đáng ngờ rằng Drukker quá bận rộn không thể gặp bất kỳ ai.

“Dù thế nào đi nữa, bà nên nói với anh ta” Vance nói, “rằng công tố viên quận muốn nói chuyện với anh ta ngay lập tức.”

Lời nói của anh tạo ra phản ứng kỳ lạ đối với người phụ nữ. Tay bà ta đưa lên mặt, và bộ ngực phập phồng dữ dội. Sau đó, như thể hoảng sợ, bà ta quay người và đi lên lầu. Chúng tôi nghe thấy tiếng bà ta gõ cữa; có tiếng nói phát ra; và một lát sau bà ta trở lại thông báo với chúng tôi rằng Drukker sẽ gặp chúng tôi trong phòng làm việc của anh ta.

Khi chúng tôi đi ngang qua người phụ nữ thì đột nhiên Vance quay người và, nhìn chằm chằm bà ta một cách lo ngại, hỏi:

“Sáng hôm qua anh Drukker thức dậy lúc mấy giờ?”

“Tôi - không biết,” bà ta lắp bắp, hết sức sợ hãi. “À, à, tôi biết. Lúc 9 giờ - như mọi khi.”

Vance gật đầu và đi vào.

Drukker tiếp chúng tôi khi đang đứng cạnh một cái bàn lớn đầy những cuốn sách và những tờ bản thảo. Anh ta chào một cách ủ rũ, nhưng không mời chúng tôi ngồi.

Vance xem xét anh ta một lúc như thể cố gắng đọc bí mật nằm phía sau đôi mắt bồn chồn, trống rỗng của anh ta.

“Anh Drukker,” anh bắt đầu, “không phải chúng tôi muốn gây cho anh rắc rối không càn thiết; nhưng chúng tôi được biết anh có quen với cậu John Sprigg, người, như anh có lẽ đã biết, bị bắn gần nơi đây vào sáng hôm qua. Bây giờ, anh có nghĩ ra bất kỳ lý do gì làm cho một người nào đó có thể giết cậu ta không?”

Drukker đứng ngay đơ. Mặc dù anh ta cố giữ bình tĩnh, giọng nói của anh ta hơi run khi trả lời.

“Tôi biết cậu Sprigg sơ sơ. Tôi không nghĩ ra được điều gì liên quan đến cái chết của cậu ta…”

“Tìm thấy trên xác cậu ta một mảnh giấy về tensor Riemann-Christoffel mà anh giới thiệu trong cuốn sách của mình ở chương về tính hữu hạn của không gian vật lý.” Khi Vance nói, anh kéo một trong những mẩu giấy đánh máy trên bàn về phía mình, và liếc nhìn nó một cách ngẫu nhiên.

Drukker dường như không quan tâm đến hành động này. Thông tin chứa đựng trong lời nói của Vance thu hút sự chú ý của anh ta.

“Tôi không thể hiểu được,” anh ta lơ đãng nói. “Tôi có thể xem ký hiệu đó không?”

Markham làm theo yêu cầu của anh ta. Sau khi nghiên cứu tờ giấy được một lúc Drukker đưa lại; và đôi mắt ti hí nheo lại một cách ác ý.

“Anh đã hỏi Arnesson về việc này chưa? Anh ta đã bàn với Sprigg đúng chủ đề này vào tuần rồi.”

“Ồ, phải,” Vance nói với anh ta một cách lơ đãng. “Anh Arnesson có nhớ lại việc đó, nhưng không thể tìm ra bất kỳ tia sáng nào trong đó. Chúng tôi tưởng anh có thể thành công khi anh ta thất bại.”

“Tiếc là tôi không thể giúp đỡ các anh.” Có sự gợi ý mỉa mai trong lời đáp lại của Drukker. “Bất cứ ai cũng có thể dùng tensor đó. Công trình của Weyl và Einstein đầy thứ này. Nó không phải độc quyền…” Anh ta cúi xuống kệ sách xoay và lấy ra một cuốn sách nhỏ mỏng khổ tám*. Đây là ‘Relativitatsprinzip’* của Minkowski*, chỉ với những ký hiệu khác nhau - T với B, chẳng hạn; và những chữ cái Hy Lạp được biểu thị.” Anh ta với lấy cuốn sách khác. “Poincaré* cũng dùng nó trong ‘Hypotheses Cosmogoniques’* của ông ấy, cùng với những ký hiệu tương tự.” Anh ta quăng cuốn sách lên bàn một cách khinh khỉnh. “Tại sao lại đến tìm tôi về thứ này?”

“Không phải một mình công thức tensor đã dẫn bước chúng tôi lang thang đến chỗ anh,” Vance nói một cách nhẹ nhàng. “Chẳng hạn, chúng tôi có lý do để tin rằng cái chết của Sprigg có liên quan đến án mạng của Robin…”

Bàn tay dài của Drukker nắm lấy mép bàn, và anh ta chồm người ra trước, đôi mắt lóe lên một cách đầy kích động.

“Có liên hệ - Sprigg và Robin? Anh không tin vào lời nói của cánh nhà báo, phải không?… Đó là những lời nói dối chết tiệt!” Khuôn mặt anh ta bắt đầu co giật, và giọng nói của anh ta rít lên. “Đó là điều điên khùng vô nghĩa… Không có chứng cớ, tôi nói với anh - không một chút chứng cớ nào cả!”

“Chim Cổ Đỏ và Johnny Sprig, anh biết đó,” giọng nói nhẹ nhàng mà kiên định của Vance vang lên.

“Thật vớ vẩn! Thật vớ vẩn điên khùng! - Ôi, trời ơi! Thế giới này điên rồi!…” Anh ta lắc lư qua lại và đập tay lên bàn, khiến những tờ giấy bay tứ tung.

Vance nhìn anh ta với vẻ hơi ngạc nhiên.

“Không phải anh quen với Giám Mục sao, anh Drukker?”

Anh ta dừng lắc lư và, cố giữ bình tĩnh, nhìn chằm chằm vào Vance với sự dữ dội khủng khiếp. Miệng của anh ta giật giật ở khóe môi, giống như nụ cười gằn của bệnh loạn dưỡng cơ tiến triển*.

“Cả các người, nữa! Các người điên rồi!” Anh ta quét mắt về phía chúng tôi. “Các người thật chết tiệt, ngu xuẩn không thể tả! Không có người nào là Giám Mục! Không có người nào là Chim Cổ Đỏ hay Johnny Sprig cả. Và các người ở đây - những người đàn ông trưởng thành - cố gắng hù dọa tôi - *tôi,* một nhà toán học - với những câu chuyện trẻ con!…” Anh ta bắt đầu cười một cách điên dại.

Vance đi nhanh đến chỗ anh ta, và cầm lấy cánh tay dẫn anh ta ngồi vào ghế. Tiếng cười của anh ta từ từ dừng lại và anh ta buông tay một cách mệt mỏi.

"Thật tệ khi Robin và Sprigg đều bị sát hại." Giọng của anh ta nặng nề và thiếu sức sống. "Nhưng trẻ con chỉ là những người mà vấn đề này… Anh có thể tìm được hung thủ. Nếu anh không làm, tôi có thể sẽ giúp anh. Nhưng đừng để trí tưởng tượng dẫn anh đi. Giữ lấy sự thật… sự thật…"

Người đàn ông mệt lử, và chúng tôi đành rời khỏi.

"Anh ta sợ, Markham à - quá đỗi sợ hãi," Vance nhận xét, khi chúng tôi trở lại sảnh. "Tôi có thể chịu được khi biết điều gì được giấu trong đầu óc sắc sảo nhưng lệch lạc của anh ta."

Anh dẫn đường từ sảnh đến cửa phòng bà Drukker.

"Cách thức thăm hỏi một quý bà như thế này không phù hợp với tập quán xã hội tốt nhất. Thực ra, anh biết đấy, Markham, tôi không được sinh ra để làm cảnh sát. Tôi ghét phải rình mò."

Trả lời tiếng gõ cửa của chúng tôi là giọng nói yếu ớt. Bà Drukker, tái nhựt hơn bình thường, đang nằm trên chiếc ghế dài bên cửa sổ. Đôi tay trắng nhợt của bà ấy nắm dọc theo tay ghế, được uốn cong nhẹ; và hơn bao giờ hết bà ấy khiến tôi nhớ lại những bức tranh mà tôi đã từng xem qua là những con quái điểu Harpy đói khát đã giày vò Phineus* trong câu chuyện về Argonauts*.

Trước khi chúng tôi có thể lên tiếng thì bà ấy nói bằng giọng căng thẳng, đầy sợ hãi: "Tôi biết các người sẽ tới - tôi biết các người sẽ không tra tấn tôi…"

"Bà Drukker à, tra tấn bà," Vance quay lại nhẹ nhàng, "là việc xa vời nhất nằm ngoài suy nghĩ của chúng tôi. Chúng tôi chỉ muốn bà giúp

đỡ."

Cách xử sự của Vance làm giảm bớt sự kinh hãi của bà ấy một chút, và bà ấy xem xét anh một cách thận trọng.

"Ước gì tôi có thể giúp các anh!" Bà ấy thì thầm. "Nhưng không được gì cả - không gì cả…"

"Bà có thể nói cho chúng tôi biết bà đã thấy được gì từ cửa sổ vào ngày anh Robin chết," Vance đề nghị một cách tử tế.

"Không - không!" Đôi mắt bà ấy nhìn chằm chằm một cách khủng khiếp. "Tôi không thấy gì cả - tôi không ở gần cửa sổ vào sáng hôm đó. Các người có thể giết tôi, nhưng lời trăn trối của tôi sẽ là không - không - không!"

Vance chưa vội đi vào trọng tâm.

"Beedle nói với chúng tôi," anh tiếp tục, "rằng bà thường dậy sớm và đi bộ trong vườn."

"À, đúng." Lời nói được thốt ra với một tiếng thở dài nhẹ nhõm. "Tôi không ngủ ngon vào buổi sáng. Tôi thường dậy với những con đau âm ỉ ở cột sống, và các cơ ở lưng cảm thấy cứng và đau đớn. Vậy nên tôi thức dậy và đi bộ trong sân mỗi khi thời tiết ấm áp."

"Beedle đã thấy bà trong vườn vào sáng hôm qua."

Người phụ nữ gật đầu một cách lơ đãng.

"Và cô ta cũng thấy giáo sư Dillard cùng với bà."

Bà ấy gật đầu lần nữa, nhưng ngay sau đó bà ấy liếc mắt về phía Vance đầy kích thích.

"Ông ấy đôi khi đi cùng tôi," bà ấy vội vàng giải thích. "Ông ấy cảm thấy tiếc cho tôi, và ông ấy ngưỡng mộ Adolph; ông ấy nghĩ nó là một thiên tài tuyệt đỉnh. Và nó là một thiên tài! Nó sẽ là một người vĩ đại - vĩ đại như giáo sư Dillard vậy – nếu nó không bị bệnh… Và tất cả đều

là lỗi của tôi. Tôi đã để nó ngã khi còn là một đứa trẻ…” Một tiếng nấc khô khan làm lay động cơ thể gầy gò của bà ấy, và những ngón tay của bà co giật.

Sau một lúc Vance hỏi: “Bà và giáo sư Dillard nói chuyện gì trong vườn vào hôm qua?”

Sự xảo quyệt đột nhiên len lỏi trong cử chỉ của người phụ nữ này.

“Chủ yếu là về Adolph,” bà ấy nói, với vẻ cố tình hờ hững.

“Bà có thấy ai khác trong sân hay ở bãi tập bắn cung không?” Đôi mắt lơ đãng của Vance hướng về người phụ nữ.

“Không!” Một lần nữa cảm giác sợ hãi tràn ngập trong bà ấy. “Nhưng có người khác ở đó, phải không? - Ai đó không muốn bị nhìn thấy.” Bà ấy gật đầu một cách háo hức. “Có! Có người khác ở đó - và họ nghĩ tôi thấy họ… Nhưng tôi không thấy! Ôi, Chúa nhân từ, tôi không thấy!…” Bà ấy che mặt bằng đôi tay của mình, và toàn thân bà ấy run bần bật. “Phải chi tôi thấy được họ! Phải chi tôi biết! Nhưng đó không phải là Adolph - không phải con trai bé bỏng của tôi. Nó đang ngủ - cảm ơn Chúa, nó đang ngủ!”

Vance đến gần người phụ nữ.

“Tại sao bà lại cảm ơn Chúa rằng đó không phải con trai bà?” Anh nhẹ nhàng hỏi.

Bà ấy nhìn lên với vẻ ngạc nhiên.

“Tại sao, anh không nhớ à? Một người đàn ông nhỏ thó đã bắn Johnny Sprig bằng khẩu súng nhỏ sáng hôm qua - cũng giống với kẻ nhỏ thó đã giết Chim Cổ Đỏ bằng cung tên. Tất cả đó là một trò chơi kinh hoàng - và tôi *sợ…* Nhưng tôi không được nói - tôi *không thể* nói. Kẻ nhỏ thó đó có thể làm gì đó khủng khiếp. Có lẽ” - giọng bà ấy trở

nên nặng nề với sự rùng rợn - “có lẽ hắn có ý tưởng điên khùng rằng tôi là *một bà già sống trong chiếc giày!…”**

“Thôi nào, thôi nào, bà Drukker.” Vance gượng cười an ủi. “Những câu chuyện này thật vô nghĩa. Bà đã để những vấn đề này lẩn quẩn trong đầu mình. Có một lời giải thích hoàn toàn hợp lý cho mọi thứ. Và tôi có cảm giác rằng chính bà có thể giúp chúng tôi tìm được lời giải đó.”

“Không - không! Tôi không thể - tôi không được phép! Chính tôi cũng không thể hiểu được.” Bà ấy hít một hơi thật sâu đầy cương quyết, và mím môi lại.

“Tại sao bà không thể nói cho chúng tôi?” Vance kiên trì.

“Bởi vì tôi không biết,” bà ấy kêu lên. “Ước gì tôi biết được! Tôi chỉ biết là điều gì đó khủng khiếp đang xảy ra ở đây - rằng lời nguyền rủa kinh khủng nào đó đang treo lơ lửng trên ngôi nhà này…”

“Làm sao bà biết được?”

Người phụ nữ bắt đầu run rẩy dữ dội, và đôi mắt bà ấy đảo khắp phòng một cách điên cuồng.

“Bởi vì” - giọng của bà ấy chỉ vừa đủ nghe - “bởi vì kẻ nhỏ thó đó đã đến đây tối qua!”

Một cơn ớn lạnh chạy dọc theo xương sống của tôi khi nghe câu này, và tôi còn nghe được tiếng thở mạnh của viên trung sĩ. Sau đó là giọng nói điềm tĩnh của Vance vang lên.

“Sao bà biết hắn đã ở đây, bà Drukker? Bà đã thấy hắn sao?”

“Không, tôi không thấy hắn; nhưng hắn đã cố vào phòng này - bằng cánh cửa đó.” Bà ấy run rẩy chỉ về phía lối đi ở lành lang mà chúng tôi vừa đi vào.

“Bà phải nói với chúng tôi điều đó,” Vance nói; “hoặc chúng tôi sẽ đi đến kết luận rằng bà đã bịa ra câu chuyện này.”

“Ôi, nhưng tôi không hề bịa ra nó - có Chúa chứng giám!” Không có gì phải nghi ngờ về sự chân thật ở người phụ nữ này. Có điều gì đó đã diễn ra khiến bà ấy sợ chết khiếp. “Tôi đang nằm trên giường, vẫn còn thức. Cái đồng hồ nhỏ trên lò sưởi vừa điểm nửa đêm; và tôi nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ ở ngoài hành lang. Tôi quay đầu về phía cửa - có một cái đèn ngủ sáng lờ mờ trên bàn ở đây… và sau đó tôi thấy tay nắm cửa xoay chầm chậm - một cách âm thầm - giống như ai đó cố gắng vào phòng mà không làm tôi thức giấc -”

“Đợi một chút, bà Drukker,” Vance cắt ngang. “Có phải bà luôn khóa cửa vào buổi tối không?”

“Tôi không hề khóa cửa đến tận gần đây - sau khi anh Robin chết. Tôi cảm thấy bất an từ đó - tôi không thể giải thích tại sao…”

“Tôi hơi hiểu rồi. Hãy tiếp tục câu chuyện. Bà nói bà thấy tay nắm cửa di chuyển. Và sau đó?”

“Phải - phải. Nó di chuyển nhẹ nhàng - quay qua quay lại. Tôi nằm trên giường, bất động vì sợ hãi. Nhưng sau một lát tôi kêu lên - tôi không biết là lớn đến thế nào; nhưng đột nhiên tay nắm cửa ngừng xoay, và tôi nghe tiếng bước chân đi khỏi một cách nhanh chóng - xuống sảnh… Sau đó tôi cố gắng ngồi dậy. Tôi đi đến cửa và nghe ngóng. Tôi lo sợ - lo sợ cho Adolph. Và tôi có thể nghe được những tiếng bước chân nhẹ nhàng đi xuống cầu thang - ”

“Cầu thang nào?”

“Ở phía sau - dẫn ra nhà bếp… Sau đó cánh cửa hiên lưới đóng lại, và tất cả trở lại im ắng… Tôi quỳ gối xuống, đưa tai vào lỗ khóa trong một thời gian dài, lắng nghe, chờ đợi. Nhưng không có gì xảy ra, và cuối cùng tôi đứng lên… Có cái gì đó dường như bảo tôi rằng tôi phải

mở cửa. Tôi ở trong trạng thái quá đỗi kinh hãi - tuy vậy tôi biết tôi phải mở cửa…”

Một cái rùng mình chạy dọc theo cơ thể bà ấy. “Tôi xoay chìa khóa một cách nhẹ nhàng, và giữ tay nắm cửa. Khi tôi kéo cửa từ từ vào trong, một vật nhỏ để trên tay nắm cửa bên ngoài rớt xuống sàn kêu lách cách. Có một ánh đèn ở hành lang - tôi luôn để một ngọn đèn vào ban đêm, - và tôi cố gắng không nhìn xuống. Tôi đã cố - tôi *đã cố…* nhưng tôi không thể giữ mắt mình không nhìn xuống sàn. Và ở dưới chân tôi - ôi, Chúa ơi! - có *cái gì đó* nằm đấy!…”

Bà ấy không thể tiếp tục. Sự kinh hãi dường như đã làm lưỡi của bà ấy tê liệt. Giọng Vance bình tĩnh, không xúc động, tuy nhiên, trấn an bà ấy.

“Cái gì nằm trên sàn, bà Drukker?”

Người phụ nữ đứng dậy một cách khó khăn và tựa mình một lúc ở chân giường, đi đến bàn trang điểm. Kéo cái ngăn kéo nhỏ ra, bà ấy đưa tay vào và dò dẫm bên trong. Rồi bà ấy mở tay cho chúng tôi xem. Trong lòng bàn tay có một quân cờ nhỏ - bằng gỗ mun đen nổi bật trên làn da trắng bệch của bà ấy. Đó là quân cờ giám mục* !

CHƯƠNG 13

BÓNG ĐÁNG CỦA GIÁM MỤC

(Thứ Ba, 12 tháng Tư; 11 a.m.)

Vance cầm lấy quân cờ giám mục từ bà Drukker và bỏ nó vào trong túi áo khoác.

"Sẽ nguy hiểm lắm, thưa bà," anh nói, với sự nghiêm trang ấn tượng, "nếu chuyện xảy ra ở đây vào tối hôm qua có người khác biết. Nếu người đã thực hiện trò đùa này với bà mà biết được bà đã thông báo cho cảnh sát, những cố gắng khác khiến bà sợ hãi sẽ được thực hiện. Cho nên, không một lời nào về chuyện bà vừa kể cho chúng tôi được phép rời khỏi môi bà.

"Cả Adolph tôi cũng không được nói sao?" Người phụ nữ bối rối hỏi.

"Không ai hết! Bà phải hoàn toàn giữ im lặng, ngay cả trước mặt con trai bà."

Tôi không thể hiểu sự nhấn mạnh của Vance lên điểm này; nhưng trước khi nhiều ngày trôi qua thì tất cả mới trở nên quá rõ ràng với tôi. Lý do cho lời khuyên của anh được tiết lộ với một ảnh hưởng bi thảm; và tôi nhận ra rằng thậm chí ngay vào lúc tiết lộ của bà Drukker, bộ óc sắc sảo của anh đã tìm ra một suy luận chính xác kỳ lạ, và dự đoán trước những khả năng mà tất cả chúng tôi không ngờ đến.

Chúng tôi rời khỏi một lát sau đó, và xuống cầu thang phía sau. Cầu thang rẽ gắt sang bên phải xuống một chiếu nghỉ cách tám đến mười bậc bên dưới tầng hai, và dẫn ra một hành lang nhỏ tối tăm có hai

cánh cửa - một cái bên trái, mở vào nhà bếp, và cái kia, nằm xéo đối diện, dẫn ra hiên nhà.

Ngay lập tức, chúng tôi bước ra ngoài hiên nhà, lúc này đang ngập nắng, và im lặng đứng đó cố gắng rũ bỏ cái không khí bao trùm lên chúng tôi bởi trải nghiệm đáng sợ của bà Drukker.

Markham là người đầu tiên lên tiếng.

"Vance, anh có tin rằng người đã mang quân cờ đó đến đây vào tối qua là kẻ đã giết Robin và Sprigg không?"

"Không còn nghi ngờ gì nữa. Mục đích cho chuyến viếng thăm lúc nửa đêm của hắn đã rõ ràng một cách gớm ghiếc rồi. Nó hoàn toàn phù hợp với những gì đã được phơi bày."

"Với tôi đó chỉ là một trò đùa tàn nhẫn," Markham đáp, "hành động của một con quỷ say xỉn."

Vance lắc đầu.

"Đó là điều duy nhất trong toàn bộ cơn ác mộng này không thích hợp là một phần của sự hài hước điên loạn. Đó là một chuyến du ngoạn nghiêm túc chết chóc. Chính bản thân ác quỷ không bao giờ nghiêm trang đến vậy khi che đậy dấu vết của hắn. Bàn tay của con quỷ đặc biệt của chúng ta đã bị ép buộc, và hắn đã đi một nước táo bạo. Ôi trời, tôi suýt nữa đã thích tâm trạng vui vẻ của hắn hơn cái đã xúi giục hắn đột nhập vào đây tối hôm qua. Tuy nhiên, giờ đây chúng ta đã có một thứ rõ ràng để tiếp tục."

Heath, mất kiên nhẫn với tất cả lập luận, nhanh chóng vớ ngay lời nhận xét cuối cùng này.

"Và đó có thể là gì, thưa anh?"

*"Imprimis**, chúng ta có thể giả định rằng kẻ hát rong chơi cờ vua của chúng ta hết sức quen thuộc với cách bố trí của căn nhà này. Đèn

ngủ ở hành lang trên có thể đã chiếu sáng xuống cầu thang sau xa đến chiếu nghỉ, nhưng phần còn lại hẳn là chìm trong bóng tối. Hơn nữa, sự sắp xếp phía sau của căn nhà hơi phức tạp. Vậy nên, trừ phi hắn biết cách bố trí, hắn không thể nào không gây ra tiếng động khi tìm đường trong bóng tối. Rõ ràng, kẻ viếng thăm cũng biết bà Drukker ngủ ở phòng nào. Ngoài ra, hắn phải biết tối hôm qua Drukker đi ngủ vào lúc mấy giờ, bởi vì hắn không thể mạo hiểm vào đây trừ phi hắn đã cảm thấy chắc chắn không có gì trở ngại."

"Điều đó không giúp ích cho chúng ta nhiều lắm," Heath càu nhàu. "Chúng ta cứ luôn nói về giả thuyết rằng hung thủ biết rõ mọi chuyện có liên quan đến hai ngôi nhà này."

"Đúng. Nhưng một người có thể khá thân thiết với một gia đình và vẫn không biết từng thành viên trong nhà đi ngủ lúc mấy giờ vào một đêm nào đó, hoặc cách để bí mật đột nhập vào ngôi nhà. Hơn nữa, trung sĩ à, kẻ viếng thăm lúc nửa đêm của chúng ta là ai đó biết rằng bà Drukker có thói quen để cửa phòng không khóa vào ban đêm; vì hắn có ý định đi vào trong phòng bà ấy. Mục đích của hắn không chỉ là để lại một vật nho nhỏ bên ngoài và rồi bỏ đi. Cái cách hắn im lặng lén lút thử tay nắm cửa chứng tỏ điều đó."

"Có thể hắn chỉ đơn giản muốn đánh thức bà Drukker dậy để bà ấy phát hiện ra nó ngay lập tức." Markham gợi ý.

"Vậy tại sao hắn lại xoay tay nắm cửa quá cẩn thận - cứ như cố gắng *không* đánh thức bất kỳ ai? Một tiếng lạch cạch của tay nắm cửa, hay là gõ nhẹ, hay thậm chí ném quân cờ vào cửa, có thể hoàn thành được mục đích đó tốt hơn nhiều… Không, Markham à; hắn có một mục đích trong đầu xấu xa hơn nhiều; nhưng khi bản thân hắn phát hiện bị cánh cửa khóa cản trở và nghe thấy tiếng kêu sợ hãi của bà

Drukker, hắn mới đặt quân giám mục ở nơi bà ấy sẽ tìm thấy nó, và bỏ đi.”

“Nhưng mà, thưa anh,” Heath tranh luận, “bất cứ ai cũng có thể biết bà ấy để cửa không khóa vào ban đêm; và bất cứ ai cũng có thể biết được cách bố trí của ngôi nhà để lần mò đường trong bóng tối.”

“Nhưng, trung sĩ à, ai có chìa khóa mở cửa sau? Và ai có thể đã sử dụng nó lúc nửa đêm hôm qua?”

“Cánh cửa có thể đã không khóa,” Heath phản đối; “và khi chúng ta kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của mọi người, chúng ta có thể lấy được đầu mối.”

Vance thở dài.

“Có lẽ anh sẽ tìm ra hai ba người không hề có chứng cứ ngoại phạm nào. Và nếu chuyến viếng thăm đến đây vào đêm qua đã được tính toán, một bằng chứng ngoại phạm thuyết phục có thể đã được chuẩn bị rồi. Chúng ta không phải đang đối phó với một kẻ khờ đâu, trung sĩ à. Chúng ta đang chơi một trò chơi sinh tử với một tên giết người xảo quyệt và đầy thủ đoạn, hắn có thể suy nghĩ nhanh như chúng ta, và hắn đã được đào tạo lâu năm bằng sự quỷ quyệt đầy logic…”

Như thể có sự thôi thúc bất ngờ, anh quay lại và đi vào cửa, ra hiệu cho chúng tôi đi theo. Anh đi thẳng vào nhà bếp nơi người phụ nữ Đức đã mở cửa cho chúng tôi vào trước đó đang ngồi bên cạnh cái bàn chuẩn bị cho bữa ăn trưa. Bà ta đứng dậy khi chúng tôi bước vào và lùi xa khỏi chúng tôi. Vance, khó hiểu trước cách cư xử của bà ta, quan sát bà ta một lúc mà không nói gì. Rồi cặp mắt của anh hướng về phía cái bàn nơi một quả cà tím lớn được xẻ dọc làm đôi và được múc ra.

“A!” anh reo lên, liếc nhìn phần nguyên liệu của các món ăn khác nhau nằm rải rác. *“Aubergines à la Turque** sao? Một món ăn tuyệt vời. Nhưng tôi sẽ thái thịt cừu mỏng hơn một chút nữa, nếu tôi là bà. Và không bỏ quá nhiều phô mai: nó làm giảm đi vị nước chấm Tây Ban Nha mà tôi thấy bà đang chuẩn bị kia.” Anh nhìn lên với một nụ cười dễ chịu. “Nhân tiện, bà tên gì vậy?”

Cách cư xử của anh khiến người phụ nữ rất đỗi ngạc nhiên, nhưng nó cũng có hiệu quả làm giảm bớt nỗi sợ hãi của bà ta.

“Menzel,” bà ta trả lời bằng giọng nói đơn điệu. “Grete Menzel.”

“Và bà đã làm cho nhà Drukker bao lâu rồi?”

“Hơn 25 năm.”

“Khá lâu,” Vance trầm tư nhận xét. “Hãy cho tôi biết: tại sao bà hoảng sợ khi chúng tôi đến đây sáng nay?”

Người phụ nữ trở nên ủ rũ, và hai bàn tay to lớn của bà ta nắm chặt lại.

“Tôi không hoảng sợ. Nhưng anh Drukker đang bận…”

“Bà tưởng có lẽ chúng tôi đến bắt anh ta,” Vance chen vào.

Mắt bà ta mở to, nhưng bà ta không trả lời.

“Sáng hôm qua anh Drukker thức dậy lúc mấy giờ?” Vance tiếp tục.

“Tôi đã nói rồi… 9 giờ - như mọi khi.”

“Anh Drukker thức dậy lúc mấy giờ?” Giọng nói nhấn mạnh, từng tiếng một của anh còn đáng ngại hon bất cứ âm điệu kịch tính nào.

“Tôi đã nói với anh…”

*“Die Wahrheit, Frau Menzel! Um wie viel Uhr ist er aufgestanden?”**

Hiệu ứng tâm lý của sự lặp lại câu hỏi bằng tiếng Đức ngay lập tức có tác dụng. Hai bàn tay của người phụ nữ ôm lấy mặt, và một tiếng

kêu kìm nén, như của một con thú bị sập bẫy, thoát ra từ bà ta.

“Tôi không… biết,” bà ta rên rỉ. “Tôi gọi anh ta lúc 8 giờ rưỡi, nhưng anh ta không trả lời, và tôi thử mở cửa… Nó không khóa và - *Du lieber Gott!** - anh ta đi mất rồi.”

“Tiếp theo bà thấy anh ta khi nào?” Vance nhẹ nhàng hỏi.

“Lúc 9 giờ. Tôi lên trên lầu một lần nữa để nói với anh ta rằng bữa sáng đã sẵn sàng. Anh ta ở trong phòng làm việc - ngay tại bàn - làm việc như điên, và hào hứng lắm. Anh ta bảo tôi đi đi.”

“Anh ta có xuống ăn sáng không?”

*“Ja… ja.** Anh ta có xuống - nửa tiếng sau đó.”

Người phụ nữ nặng nhọc tựa vào khay úp ráo nước của bồn rửa chén dĩa, và Vance kéo một chiếc ghế cho bà ta.

“Ngồi xuống đi, bà Menzel,” anh tốt bụng nói. Khi bà ta đã làm theo, anh hỏi: “Tại sao sáng nay bà lại nói với tôi rằng anh Drukker thức dậy lúc 9 giờ?”

“Tôi phải nói như vậy… tôi được bảo phải nói như vậy.” Sức chống cự của bà ta đã biến mất, và bà ta hít thở nặng nhọc như một người bị kiệt sức. “Khi bà Drukker trở về từ nhà cô Dillard vào chiều hôm qua, bà ấy nói với tôi rằng nếu bất kỳ ai hỏi tôi câu đó về anh Drukker, tôi phải trả lời *‘9* giờ.’ Bà ấy bắt tôi thề phải nói như vậy…” Giọng nói của bà ta tắt lịm, và cặp mắt của bà ta đờ đẫn nhìn trân trân. “Tôi sợ không dám nói gì khác.”

Vance vẫn có vẻ bối rối. Sau khi hút vài hơi thuốc lá anh nói:

“Những điều bà nói với chúng tôi không ảnh hưởng gì đến bà đâu. Cũng không phải là bất thường khi một người phụ nữ bệnh tật như bà Drukker thực hiện một biện pháp kỳ quái như thế để bảo vệ con trai bà ấy khỏi sự nghi ngờ có thể, khi một vụ giết người đã làm liên lụy đến

những người xung quanh. Bà chắc chắn đã ở cùng với bà ấy đủ lâu để nhận ra bà ấy có thể đã cường điệu hóa mọi khả năng nhỏ nhất có liên quan đến con trai bà ấy. Thật ra, tôi bất ngờ là bà lại xem nó quá nghiêm trọng… Bà có lý do nào khác để liên kết anh Drukker với tội ác này không?"

"Không… không!" Người phụ nữ bối rối lắc đầu.

Vance bước đến cửa sổ phía sau, nhíu mày. Đột nhiên anh xoay người lại. Anh trở nên nghiêm nghị và cứng rắn.

"Bà đã ở đâu, bà Menzel, vào buổi sáng anh Robin bị giết?"

Một sự thay đổi đáng kinh ngạc diễn ra ở người phụ nữ. Gương mặt bà ta tái nhợt; đôi môi run rẩy; và bà ta nắm chặt hai bàn tay với cử chỉ co giật. Bà ta cố gắng tránh nhìn Vance, nhưng có gì đó trong ánh nhìn của anh đã giữ bà ta lại.

"Bà đã ở đâu, bà Menzel?" Câu hỏi được lặp lại một cách sắc bén.

"Tôi đã ở… đây…" bà ta bắt đầu nói; sau đó đột ngột dừng lại và liếc mắt lo lắng nhìn Heath, người đang nhìn bà ta chằm chằm.

"Bà đã ở trong bếp?"

Bà ta gật đầu. Năng lực ngôn ngữ có vẻ đã từ bỏ bà ta.

"Và bà thấy anh Drukker trở về từ nhà Dillard?"

Bà ta lại gật đầu.

"Chính xác," Vance nói. "Và anh ta đi vào bằng lối sau, qua hiên lưới, và đi lên lầu… Và anh ta không biết bà đã nhìn thấy anh ta qua cánh cửa nhà bếp… Và sau đó anh ta hỏi chuyện bà đã ở đâu vào lúc đó… Và khi bà nói với anh ta rằng bà đã ở trong nhà bếp thì anh ta cảnh báo bà phải im lặng về chuyện đó… Và rồi bà nghe tin về cái chết của Robin vài phút trước khi bà nhìn thấy anh ta đi vào đây… Và hôm qua, khi bà Drukker dặn bà phải nói anh ta đến 9 giờ mới thức dậy, và

bà nghe nói rằng có người nào khác đã bị giết gần nơi đây, bà trở nên nghi ngờ và sợ hãi… Đúng như vậy không, bà Menzel?”

Người phụ nữ đang khóc nức nở thành tiếng trong tạp dề của mình. Không cần bà ta phải đáp lại, vì quá hiển nhiên rằng Vance đã đoán đúng.

Heath lấy điếu xì gà ra khỏi miệng và hung dữ quắc mắt nhìn bà ta.

“Thế đấy! Bà đã giấu tôi,” anh ta gầm lên, hất hàm về phía trước. “Bà nói dối với tôi khi tôi hỏi bà vào ngày hôm đó. Cản trở công lý, phải không?”

Bà ta nhìn Vance bằng ánh mắt van lơn sợ hãi.

“Trung sĩ à, bà Menzel,” anh nói, “không hề có ý định cản trở công lý. Và giờ đây bà ấy đã kể cho chúng ta nghe sự thật, tôi nghĩ chúng ta có thể bỏ qua sự lừa dối hoàn toàn tự nhiên của bà ấy trong trường hợp này.” Rồi trước khi Heath có thời gian để trả lời, anh quay sang người phụ nữ và hỏi bằng giọng bình thường: “Mỗi tối bà có khóa cửa dẫn ra hiên lưới không?”

“Ja… hằng đêm.” Bà ta nói một cách bơ phờ: phản ứng từ nỗi sợ của bà ta đã khiến bà ta hờ hững.

“Bà có chắc mình đã khóa nó vào đêm qua không?”

“Lúc 9 giờ rưỡi - khi tôi đi ngủ.”

Vance bước ngang lối đi nhỏ và kiểm tra cái khóa.

“Đây là loại khóa bấm,” anh quan sát, rồi quay trở lại. “Ai có chìa khóa mở cửa này?”

“Tôi có một chìa. Và bà Drukker… bà ấy cũng có một chìa.”

“Bà chắc là không còn ai khác có chìa khóa không?”

“Không còn ai nữa trừ cô Dillard…”

“Cô Dillard?” Giọng nói của Vance đột nhiên dội lại với sự thích thú. “Sao cô ấy lại có một chiếc?”

“Cô ấy đã có nó từ nhiều năm rồi. Cô ấy giống như một thành viên trong gia đình vậy - một ngày sang đây hai ba lần. Khi tôi ra ngoài tôi khóa cửa sau; và việc cô ấy có chìa khóa giúp bà Drukker đỡ phải đi xuống và mở cửa cho cô ấy vào.”

“Khá hợp lý,” Vance lẩm bẩm. Rồi nói tiếp: “Chúng tôi sẽ không làm phiền bà thêm nữa, bà Menzel à.” Anh bước ra ngoài hiên nhỏ sau nhà.

Khi cánh cửa đã được đóng lại sau lưng chúng tôi, anh chỉ vào cánh cửa lưới mở ra sân.

“Mọi người để ý tấm lưới thép này đã bị mở ra khỏi khung, cho phép một người thò tay vào trong và mở chốt cửa. Hoặc chìa khóa của bà Drukker hoặc của cô Dillard - có lẽ là cái sau - đã được sử dụng để mở cửa vào nhà.”

Heath gật đầu: khía cạnh hữu hình này của vụ án thu hút anh ta. Nhưng Markham không chú tâm đến. Anh ta đứng ở phía sau hút thuốc với sự giận dữ. Giờ đây anh ta cương quyết quay lại và vừa định bước lại vào căn nhà thì Vance chộp lấy cánh tay anh ta.

“Không… không, Markham! Đó sẽ là một phương pháp tồi tệ. Nén cơn giận của anh lại đi. Anh quá hấp tấp, anh biết đấy.”

“Nhưng, khốn kiếp thật, Vance à!” Markham hất tay anh ra. “Drukker đã nói dối chúng ta về việc ra khỏi cổng nhà Dillard trước khi xảy ra cái chết của Robin…”

“Tất nhiên anh ta đã nói dối. Tôi đã nghi ngờ từ lâu rằng lời giải thích mà anh ta nói với chúng ta về hành tung của mình sáng hôm đó chỉ là tưởng tượng. Nhưng giờ có đi lên trên đó và hăm dọa anh ta về

chuyện đó cũng vô dụng. Anh ta sẽ đơn giản nói rằng người đầu bếp đã nhầm lẫn."

Markham cảm thấy không thuyết phục.

"Nhưng còn sáng hôm qua thì sao? Tôi muốn biết anh ta đang ở đâu khi người đầu bếp gọi anh ta vào 8 giờ rưỡi. Tại sao bà Drukker lại quá lo lắng muốn chúng ta tin rằng lúc đó anh ta đang ngủ?"

"Bà ấy, có lẽ cũng đã đến phòng anh ta và thấy rằng anh ta đã biến mất. Rồi khi bà ấy nghe đến cái chết của Sprigg, trí tưởng tượng sốt sắng của bà ấy trở nên quá tải, và bà ấy quyết định tạo ra một bằng chứng ngoại phạm cho anh ta. Nhưng anh chỉ thêm rắc rối khi anh định công kích anh ta về sự mâu thuẫn trong câu chuyện của anh ta mà thôi."

"Tôi không chắc đâu." Markham nói với sự nghiêm trọng. "Tôi có thể mời gọi một giải pháp cho vụ việc ghê tởm này."

Vance không trả lời ngay. Anh đứng nhìn xuống những cái bóng đung đưa trải dài trên bãi cỏ từ hàng cây liễu. Cuối cùng, anh trầm giọng nói:

"Chúng ta không thể mạo hiểm điều đó đước. Nếu điều anh đang nghĩ có thể được chứng minh là đúng, và anh phải tiết lộ thông tin anh mới nhận được, kẻ nhỏ thó đã đến đây vào tối qua có thể thập thò ở hành lang trên lầu lần nữa. Và lần này có thể hắn sẽ không thỏa mãn với việc chỉ để lại quân cờ của hắn *ngoài cửa!"*

Một cái nhìn khủng khiếp xuất hiện trong đôi mắt của Markham.

"Anh nghĩ tôi có thể gây nguy hiểm cho người đầu bếp nếu tôi dùng bằng chứng của bà ta chống lại anh ta vào lúc này ư?"

"Điều kinh khủng của sự việc này chính là, cho đến khi chúng ta biết được sự thật, chúng ta phải đối mặt với nguy hiểm mọi lúc." Giọng nói

của Vance nặng trĩu với sự chán nản. “Chúng ta không thể mạo hiểm để lộ bất kỳ ai…”

Cánh cửa dẫn ra hiên mở ra, và Drukker xuất hiện ở ngưỡng cửa, cặp mắt ti hí của anh ta chớp chóp trong ánh nắng. Ánh mắt của anh ta dừng lại ở Markham, và một nụ cười xảo trá lạnh lùng trên môi anh ta.

“Tôi tin là tôi không làm phiện mọi người,” anh ta xin lỗi, với một cái nheo mắt đe dọa; “nhưng người đầu bếp vừa mới báo cho tôi rằng bà ta đã kể cho các anh là bà ta thấy tôi vào đây bằng cửa sau vào buổi sáng xảy ra cái chết đáng tiếc của anh Robin.”

“Ôi, trời ơi!” Vance lầm bầm, quay người đi và ra vẻ bận bịu với việc chọn một điếu thuốc lá mới. “Vậy là quá lắm rồi.”

Drukker ném cho anh một cái nhìn tọc mạch, và đứng thẳng người lên với vẻ cay độc.

“Vậy thì sao, anh Drukker?” Markham hỏi.

“Tôi chỉ muốn khẳng định với anh,” người đàn ông trả lời, “rằng người đầu bếp đã nhầm lẫn. Rõ ràng bà ta đã nhớ nhầm ngày… Anh thấy đó, tôi thường đi đi về về bằng cửa sau này. Vào sáng ngày anh Robin chết, như tôi đã giải thích với anh, tôi rời bãi tập bằng cổng ở đường số 75 và, sau một chuyến tản bộ ngắn trong công viên, trở về nhà bằng lối cửa trước. Tôi đã thuyết phục được Grete rằng bà ta đã nhầm lẫn.”

Vance đã chăm chú lắng nghe anh ta. Giờ đây anh quay lại và bắt gặp nụ cười của người kia với vẻ ngây thơ nhạt nhẽo.

“Anh có tình cờ thuyết phục bà ta bằng một quân cờ không?”

Drukker giật mạnh đầu về phía trước và hít thở mạnh. Thân hình vặn vẹo của anh ta trở nên căng cứng; các cơ bắp quanh mắt và miệng của anh ta bắt đầu co giật; và gân cổ của anh ta nổi lằn lên.

Trong một lúc tôi tưởng anh ta sẽ mất tự chủ; nhưng với sự nỗ lực hết sức anh ta đã giữ vững được bản thân.

“Tôi không hiểu ý của anh, thưa anh.” Có sự rung mạnh của một cơn thịnh nộ trong lời nói của anh ta. “Một quân cờ có liên quan gì đến chuyện đó?”

“Các quân cờ có nhiều tên khác nhau,” Vance nhẹ nhàng gợi ý.

“Anh đang nói về cờ vua với *tôi* sao?” Một sự khinh thường nham hiểm biểu lộ trong cách cư xử của Drukker, nhưng anh ta đã chuyển sang cười nhăn nhở. “Nhiều cái tên khác nhau, tất nhiên. Có quân vua và quân hậu, quân xe, quân mã…” Anh ta bỏ lửng. *“Quân giám mục!… ”* Anh ta tựa đầu lên khung cửa và bắt đầu cười mỉa mai. “Hóa ra! Ý của anh là vậy sao? *Quân giám mục!…* Các người là một đám con nít khờ dại đang chơi một trò chơi vớ vẩn.”

“Chúng tôi hoàn toàn có lý do để tin tưởng,” Vance nói, với sự bình tĩnh ấn tượng, “rằng trò chơi được một người nào đó chơi - với quân cờ giám mục là biểu tượng chính.”

Drukker bình tĩnh lại.

“Đừng xem tính thất thường của mẹ tôi quá nghiêm trọng,” anh ta nhắc nhở. “Trí tưởng tượng của bà ấy thường đánh lừa bà.”

“À! Tại sao anh nhắc đến mẹ của anh trong chuyện này?”

“Các anh vừa mới nói chuyện với bà ấy chứ gì? Và những lời bình luận của anh, tôi phải nói là, nghe có vẻ rất giống vài ảo tưởng vô hại của bà ấy lắm.”

“Mặt khác,” Vance nhẹ nhàng đáp, “mẹ của anh có thể có căn cứ rất tốt cho những niềm tin của bà ấy.”

Mắt Drukker nheo lại, và anh ta nhìn ngay sang Markham.

“Thật vớ vẩn!”

“À, thì,” Vance thở dài; “chúng ta sẽ không tranh luận vấn đề này nữa.” Rồi bằng một giọng điệu thay đổi anh bổ sung thêm: “Có thể sẽ giúp được chúng tôi đấy, anh Drukker, nếu chúng tôi biết anh đã ở đâu sáng hôm qua từ 8 đến 9 giờ.”

Người đàn ông hơi mở miệng ra cứ như định nói, nhưng đôi môi của anh ta nhanh chóng khép lại, và anh ta đứng nhìn Vance một cách thận trọng. Sau cùng, anh ta trả lời bằng giọng nhấn mạnh the thé.

“Tôi đang làm việc - trong phòng làm việc của mình - từ 6 giờ cho đến 9 giờ rưỡi.” Anh ta dừng lại, nhưng rõ ràng cảm thấy cần phải giải thích thêm. “Qua vài tháng nay, tôi đang làm công việc điều chỉnh lý thuyết dây ether để giải thích cho sự giao thoa ánh sáng, điều mà thuyết lượng tử không thể giải thích được. Giáo sư Dillard nói với tôi rằng tôi không thể làm được điều đó”; - một tia sáng say mê xuất hiện trong mắt anh ta - “nhưng sáng sớm hôm qua tôi đã thức giấc với một vài yếu tố của vấn đề được làm sáng tỏ; và tôi đã thức dậy và sang phòng làm việc của mình…”

“Như vậy anh đã ở đó.” Vance lơ đãng nói. “Không còn gì quan trọng nữa. Chúng tôi xin lỗi đã quấy rầy anh hôm nay.” Anh gật đầu ra dấu cho Markham, và di chuyển khỏi cánh cửa lưới. Lúc chúng tôi bước ra bãi tập, anh quay lại và, mỉm cười, nói khá êm ái: “Bà Menzel đang được chúng tôi bảo vệ. Chúng tôi sẽ cực kỳ đau lòng nếu có chuyện gì xảy ra với bà ấy.”

Drukker nhìn theo chúng tôi như bị thôi miên.

Ngay lúc chúng tôi đã ra khỏi tầm nghe, Vance di chuyển đến bên cạnh Heath.

“Trung sĩ,” anh nói bằng một giọng lo lắng, *“hausfrau** thẳng thắn người Đức đó có thể đã vô tình đưa đầu mình vào tròng. Và - trời ạ! - tôi lo lắm. Tốt hơn là anh nên cho một người giỏi giang đến để theo dõi

nhà Drukker tối nay - từ phía sau nhà, dưới hàng cây liễu đó. Và bảo anh ta xông vào khi có tiếng thét hoặc tiếng kêu cứu đầu tiên… Tôi sẽ ngủ ngon hơn nếu tôi biết có một thiên sứ mặc thường phục canh giữ giấc ngủ của bà Menzel."

"Tôi hiểu rồi, thưa anh." Gương mặt của Heath dữ tợn. "Sẽ không có tay kỳ thủ nào làm bà ta lo lắng đêm nay đâu."

CHƯƠNG 14

BÀN CỜ VUA

(Thứ Ba, 12 tháng Tư; 11.30 a.m.)

Khi chúng tôi chậm rãi bước về phía nhà Dillard thì quyết định điều tra ngay lập tức được đưa ra là nên được thực hiện tại nơi mà đêm trước tất cả mọi người đều có liên quan với thảm kịch ghê rợn này.

"Chúng ta phải cẩn thận, tuy nhiên, không được để lộ ra bất kỳ chuyện gì đã xảy ra với bà Drukker," Vance căn dặn. "Kẻ mang quân giám mục tới lúc nửa đêm của chúng ta không nghĩ là chúng ta đã biết được chuyến viếng thăm của hắn. Hắn tin rằng quý bà tội nghiệp ấy đã quá sợ hãi không dám nói cho chúng ta nghe."

"Tôi nghĩ," Markham phản đối, "rằng anh đang trói buộc quá nhiều thứ quan trọng vào tình tiết."

"Ồ, ông bạn ơi!" Vance dừng lại một lúc và đặt cả hai tay lên vai người kia. "Anh quá mệt mỏi rồi - đó là thiếu sót lớn của anh. Anh không cảm thấy - anh không còn bản chất của trẻ con. Sự thi vị trong tâm hồn anh đã trở nên chán ngắt rồi. Mặt khác, bây giờ tôi lại để trí tưởng tượng của mình dẫn dắt hết thảy mọi việc; và tôi nói cho anh biết rằng việc để lại quân giám mục đó ngay cửa phòng bà Drukker không phải là một trò đùa ngày Halloween, mà là hành động liều lĩnh của gã liều mạng đó. Điều đó có nghĩa như một lời cảnh báo."

"Anh nghĩ bà ấy biết điều gì đó phải không?"

"Tôi nghĩ bà ấy đã thấy xác của Robin được đặt ở bãi tập. Và tôi nghĩ bà ấy đã thấy gì đó khác nữa - một thứ gì đó mà bà ấy không nên

nhìn thấy.”

Chúng tôi di chuyển trong im lặng. Ý định của chúng tôi là băng qua cổng rào ra đường số 75 và đến cửa trước nhà Dillard; nhưng khi chúng tôi đi qua phòng bắn cung thì cửa tầng hầm đang mở, và Belle Dillard đứng trước mặt chúng tôi một cách lo lắng.

“Tôi thấy các anh xuống bãi tập,” cô ấy nói, với sự nôn nóng và lo lắng, chú tâm đến Markham. “Trong hơn một giờ tôi đã chờ đợi để có thể liên lạc được với anh - bằng cách gọi đến văn phòng của anh…” Cử chỉ của cô ấy trở nên bối rối. “Có gì đó kỳ lạ đã xảy ra. Ôi, nó không có nghĩa gì cả… nhưng khi tôi đi qua phòng bắn cung tại đây vào sáng nay, để gặp quý bà Mae, có gì đó thúc đẩy tôi đi đến tủ dụng cụ và nhìn vào ngăn kéo, nó dường như rất… rất kỳ quặc vì khẩu súng lục nhỏ bị đánh cắp… Và nó nằm trong đó - rõ như ban ngày vậy - bên cạnh khẩu súng kia!” Cô ấy lấy hơi. “Anh Markham, ai đó đã đặt nó trở lại đây vào đêm qua!”

Thông tin này làm Heath bị kích động.

“Cô chạm vào nó chưa?” Anh ta hỏi một cách xúc động.

“Sao… không…”

Anh ta đẩy cô ấy qua một bên khá thô lỗ và, đi đến tủ dụng cụ, kéo mạnh ngăn kéo ra. Ở đó, bên cạnh khẩu súng tự động lớn hơn mà chúng tôi thấy vào ngày hôm trước, khẩu súng lục nhỏ nằm ngay đó. Đôi mắt của viên trung sĩ sáng lên khi anh ta thọt cây viết chì xuyên qua vòng cản và nâng nó lên một cách cẩn thận. Anh ta đưa nó ra trước ánh sáng và ngửi ở cuối nòng súng.

“Ổ đạn trống rỗng,” anh ta tuyên bố, với sự hài lòng. “Và nó được bắn ra gần đây… Điều này hẳn sẽ đưa chúng ta đến nơi nào đó.” Anh ta nhẹ nhàng bọc khẩu súng lại trong khăn tay và đặt nó vào túi áo

khoác. “Tôi sẽ đưa nó cho Dubois để nhận diện dấu vân tay; và tôi sẽ đưa cho đại úy Hagedorn* kiểm tra những viên đạn.”

“Thật sự bây giờ, trung sĩ à,” Vance đùa cợt nói; “anh có nghĩ rằng quý ông mà chúng ta đang tìm kiếm đã xóa sạch dấu vết trên cây cung và mũi tên và sau đó để lại dấu vân tay của hắn trên khẩu súng không?”

“Tôi không có được trí tưởng tượng của anh, anh Vance,” Heath cáu kỉnh đáp lại. “Vì vậy tôi sẽ tích cực làm những điều nên làm.”

“Anh hoàn toàn đúng.” Vance mỉm cười khâm phục về tính vô cùng kỹ lưỡng của người kia. “Hãy bỏ qua cho tôi về việc cố làm anh cụt hứng.”

Anh ta quay sang Belle Dillard.

“Chúng tôi đến đây chủ yếu để gặp giáo sư và anh Arnesson. Nhưng cũng có một vấn đề chúng tôi muốn nói với cô. - Chúng tôi biết cô có chìa khóa cửa sau nhà Drukker.”

Cô ấy bối rối gật đầu với anh.

“Đúng thế; tôi có nó nhiều năm rồi. Tôi qua lại rất nhiều; và việc này bớt làm phiền quý bà Mae…”

“Điều chúng tôi quan tâm đến chiếc chìa khóa này là nó có thể đã được sử dụng bởi người nào đó không có quyền dùng nó.”

“Nhưng điều đó là không thể. Tôi chưa bao giờ cho ai mượn cả. Và tôi luôn để nó trong túi xách của tôi.”

“Thường có ai biết cô có chìa khóa nhà Drukker không?”

“Tại sao… tôi nghĩ rằng.” Cô ấy lúng túng thấy rõ. “Tôi chưa bao giờ bí mật về điều đó. Gia đình tôi tất nhiên biết việc này.”

“Và có thể cô đã đề cập hoặc để lộ việc này khi có người ngoài hiện diện?”

“Có thể - mặc dù tôi không nhớ ra trong trường hợp cụ thể nào.”

“Lúc này cô có chắc còn giữ chìa khóa chứ?”

Cô ấy giật mình nhìn Vance, và không nói một lời vớ lấy cái túi da cá sấu đang nằm trên cái bàn bằng liễu gai. Mở nó ra, cô ấy ngay lập tức cảm giác được nó nằm bên trong một ngăn của cái túi.

“Có!” Cô ấy thông báo, với sự nhẹ nhõm. “Đây là nơi tôi luôn giữ nó… Sao anh lại hỏi tôi về nó?”

“Điều quan trọng là chúng tôi biết ai có quyền ra vào nhà Drukker,” Vance nói với cô ấy. Sau đó, trước khi cô ấy có thể thắc mắc nhiều hơn, anh hỏi:

“Có khi nào chìa khóa có thể đã rời khỏi cô vào tối qua? Nghĩa là, có thể nó đã bị lấy ra khỏi túi xách của cô mà cô không biết?

Gương mặt của cô ấy có nét sợ hãi.

“Ôi, chuyện gì đã xảy ra?” Cô ấy bắt đầu; nhưng Vance đã ngắt lời.

“Làm ơn, cô Dillard! Không có gì để cô phải lo lắng cả. Chúng tôi chỉ cố gắng loại bỏ một số khả năng mơ hồ trong mối liên hệ với cuộc điều tra của chúng tôi. - Hãy cho tôi biết: có thể có người nào đó đã lấy chìa khóa của cô vào tối qua không?”

“Không ai cả,” cô ấy trả lời một cách khó khăn. “Tôi đi xem kịch lúc 8 giờ tối, và toàn bộ thời gian đó tôi đã mang theo túi xách của mình.”

“Lần cuối cô dùng chìa khóa đó là khi nào?”

“Sau bữa ăn tối hôm qua. Tôi chạy qua xem quý bà Mae như thế nào và nói chúc ngủ ngon với bà ấy.”

Vance hơi cau mày. Tôi có thể thấy được thông tin này không khớp với giả thuyết mà anh nghĩ ra.

“Cô đã sử dụng chìa khóa sau bữa ăn tối,” anh tóm tắt lại, “và giữ nó trong túi xách của cô suốt buổi tối còn lại, không hề rời khỏi tầm mắt

của cô. - Đúng chứ, cô Dillard?”

Cô gái gật đầu.

“Tôi thậm chí còn giữ cái túi bên mình suốt vở kịch,” cô ấy nhấn mạnh.

Vance trầm ngâm nhìn cái túi xách.

“Được rồi,” anh nhẹ nhàng nói, “vậy đây là kết thúc câu chuyện về chiếc chìa khóa. Và bây giờ chúng tôi sẽ làm phiền bác của cô một lần nữa. Cô có nghĩ rằng tốt hơn cô sẽ là *avant – courier** của chúng tôi; hay chúng tôi nên xông vào mà không báo trước?”

“Bác tôi ra ngoài rồi,” cô ấy cho chúng tôi biết. “Ông ấy đi bộ theo đường Drive.”

“Còn anh Arnesson, tôi đoán là, vẫn chưa trở về từ trường đại học.”

“Chưa; nhưng anh ấy sẽ ở đây vào bữa ăn trưa. Anh ấy không có lớp vào chiều thứ Ba.”

“Vậy, trong lúc chờ đợi, chúng tôi sẽ trao đổi với Beedle và ông Pyne. - Và tôi muốn gợi ý rằng cô nên sang thăm bà Drukker thì tốt hơn.”

Với nụ cười phiền muộn và cái gật đầu nhẹ, cô gái đi qua cửa tầng hầm.

Heath ngay lập tức tìm Beedle và Pyne rồi đưa họ đến phòng khách, nơi Vance sẽ hỏi họ về đêm hôm trước. Tuy nhiên không có thông tin gì thu được từ họ. Cả hai đều đi ngủ lúc 10 giờ. Phòng của họ nằm ở tầng bốn phía bên sườn của ngôi nhà; và họ thậm chí không nghe thấy cô Dillard khi cô ấy trở về từ nhà hát kịch. Vance hỏi họ về tiếng động trong bãi tập, và cho hay rằng cửa hiên lưới nhà Drukker có thể bị đóng sầm lại lúc khoảng nửa đêm. Nhưng dường như cả hai

đều ngủ vào giờ đó. Cuối cùng họ được cho đi với lời cảnh báo rằng không được kể lại bất kỳ câu hỏi nào mà họ vừa được hỏi.

Năm phút sau giáo sư Dillard bước vào. Mặc dù ngạc nhiên khi thấy chúng tôi, ông ấy vẫn hòa nhã chào chúng tôi.

"Chỉ mỗi lần này, Markham à, anh chọn thời điểm ghé thăm khi tôi không đang làm việc. Có nhiều câu hỏi, tôi nghĩ thế. Được, tới thư viện để thẩm vấn nào. Ở đó thoải mái hơn nhiều." Ông ấy dẫn đường lên cầu thang, và khi chúng tôi ngồi xuống ông ấy nhất định mời chúng tôi cùng thưởng thức rượu vang do chính ông ấy phục vụ từ tủ búp phê.

"Drukker nên ở đây," ông ấy nhấn mạnh. "Anh ta thích rượu vang port* '96,' mặc dù anh ta chỉ uống nó trong những dịp đặc biệt. Tôi đã nói anh ta nên uống nhiều hơn; nhưng anh ta nghĩ rằng nó không tốt cho mình, và chỉ vào bệnh gout của tôi. Nhưng không có liên quan gì giữa bệnh gout và rượu port - khái niệm này chỉ là mê tín. Rượu port là loại rượu vang tốt cho sức khỏe. Bệnh gout không được biết đến ở Oporto*. Một ít kích thích vật lý đúng cách sẽ tốt cho Drukker… Tội nghiệp anh ta. Tâm trí của anh ta như cái lò nung đốt nóng cơ thể anh ta lên. Một người đàn ông tài giỏi, Markham à. Nếu anh ta có đủ năng lượng cho cơ thể để bắt kịp với bộ não của mình, anh ta có thể là một trong những nhà vật lý vĩ đại của thế giới."

"Anh ta nói với tôi," Vance bình luận, "rằng ông chê trách anh ta vì không thể tìm ra sự biến đổi của thuyết lượng tử trong giao thoa ánh sáng."

Ông lão cười một cách buồn bã.

"Đúng thế. Tôi biết một lời phê bình như vậy sẽ thúc đẩy anh ta nỗ lực tối đa. Sự thật là, Drukker đang trên con đường của một cuộc cách mạng. Anh ta đã tìm ra vài định lý thú vị… Nhưng tôi chắc rằng đây

không phải là điều mà quý ông như anh đến đây để bàn luận. Tôi có thể làm gì cho anh, Markham? Hoặc, có lẽ anh mang đến đây cho tôi vài tin tức."

"Không may là chúng tôi không có tin tức gì cả. Chúng tôi đến để tìm sự giúp đỡ lần nữa…" Markham ngập ngừng như không biết làm sao để bắt đầu; và Vance đảm nhận vai trò là người hỏi.

"Tình hình đã thay đổi phần nào kể từ khi chúng tôi ở đây ngày hôm qua. Một hai vấn đề đã nảy sinh, và có một khả năng rằng cuộc điều tra của chúng tôi sẽ được thuận lợi nếu chúng tôi biết hành động chính xác của các thành viên trong gia đình ông tối qua. Những hành động này, thực tế, có thể đã ảnh hưởng đến những yếu tố nào đó trong trường hợp này."

Giáo sư ngẩng đầu lên trong sự ngạc nhiên, nhưng không có bình luận gì.

Ông ấy chỉ nói: "Thông tin đó rất dễ cung cấp. Anh muốn hỏi người nào?"

"Không có thành viên cụ thể nào," Vance vội vàng quả quyết với ông ấy.

"Được, để tôi xem…" Ông ấy lấy tẩu thuốc cũ ra và bắt đầu nhồi thuốc vào. "Belle, Sigurd và tôi có bữa tối vào lúc 6 giờ. Lúc 7 giờ rưỡi Drukker ghé qua, và vài phút sau Pardee đến. Sau đó, lúc 8 giờ Sigurd và Belle đến nhà hát, và lúc 10 giờ rưỡi Drukker và Pardee đi khỏi. Tôi đi ngủ sau 11 giờ một chút, sau khi khóa cửa nhà - tôi đã để Pyne và Beedle đi ngủ sớm. - Và đó là tất cả những gì tôi có thể nói với anh."

"Không biết tôi hiểu là cô Dillard và anh Arnesson đi đến nhà hát cùng nhau thì có đúng không?"

"Đúng. Sigurd hiếm khi lui tới nhà hát, ngoại trừ mỗi khi nó đưa Belle đi. Nó có mặt ở các vở kịch của Ibsen, phần lớn vở kịch. Dù sao

thì, nó là môn đồ sùng đạo của các vở kịch Ibsen. Nền giáo dục Mỹ của nó không hề có thứ nào làm giảm nhiệt tình của nó dành cho những thứ thuộc về Na Uy. Trong thâm tâm, nó khá trung thành với đất nước mình. Nó là kho tàng về văn học Na Uy như một giáo sư ở đại học Oslo; và loại âm nhạc duy nhất nó thực sự quan tâm đến là của Grieg*. Khi nó đến các buổi hòa nhạc hoặc nhà hát chắc chắn nó sẽ tìm các chương trình về Na Uy."

"Vậy, đó là vở kịch nào của Ibsen mà anh ta đã xem tối qua?"

"Vở 'Rosmersholm,'* tôi nghĩ vậy. Đây là sự hồi sinh những vở kịch của Ibsen ở New York hiện tại."

Vance gật đầu. "Walter Hampden* đang thực hiện chúng. - Ông có thấy anh Arnesson hoặc cô Dillard sau khi họ từ nhà hát trở về không?"

"Không; chúng về khá trễ, tôi nghĩ vậy. Sáng nay Belle nói với tôi rằng chúng đến Plaza ăn tối sau vở kịch. Tuy nhiên, Sigurd sẽ đến đây vài phút nữa, và anh có thể tìm hiểu chi tiết từ nó." Mặc dù vị giáo sư nói chuyện với thái độ kiên nhẫn, rõ ràng ông ấy thấy khó chịu bởi những việc dường như không liên quan của cuộc thẩm vấn.

"Thưa giáo sư, không biết ông có vui lòng," Vance tiếp tục nói, "kể cho chúng tôi tình huống có liên quan đến chuyến ghé thăm của anh Drukker và ông Pardee ở đây sau bữa tối?"

"Chẳng có gì bất thường về việc họ ghé thăm cả. Họ thường hay ghé vào buổi tối. Mục đích ghé qua của Drukker là bàn luận với tôi về công trình anh ta đã làm về sự biến đổi của thuyết lượng tử; nhưng khi Pardee xuất hiện, cuộc bàn luận bị bỏ ngang. Pardee là một nhà toán học giỏi, nhưng vật lý cao cấp vượt quá sự hiểu biết của anh ta."

"Có phải Drukker hay Pardee thấy cô Dillard trước khi cô ấy đến nhà hát không?"

Giáo sư Dillard lấy cái tẩu một cách chậm rãi ra khỏi miệng, và biểu hiện của ông ấy trở nên tức giận.

“Tôi phải nói rằng,” ông ấy trả lời gắt gỏng, “tôi thấy chẳng có mục đích phù hợp nào trong việc trả lời những câu hỏi như thế. - Tuy nhiên,” ông ấy bổ sung, bằng giọng dịu hơn, “nếu mấy chuyện linh tinh trong gia đình tôi có thể giúp ích cho các anh, dĩ nhiên tôi sẽ rất vui lòng kể chi tiết.” Ông ấy nhìn Vance một lúc. “Đúng thế, cả Drukker và Pardee đã thấy Belle tối qua. Tất cả chúng tôi, kể cả Sigurd, đã cùng ở trong căn phòng này khoảng nửa tiếng trước giờ nhà hát diễn. Đó là cuộc bàn luận bình thường về tài năng của Ibsen, trong đó Drukker rất khó chịu với Sigurd bằng cách bảo vệ ý kiến về sự xuất sắc vượt trội của Hauptmann*.”

“Sau đó đến 8 giờ, theo tôi được biết, anh Arnesson và cô Dillard đã rời khỏi, còn lại ông, ông Pardee và anh Drukker ở đây.”

“Chính xác.”

“Và lúc 10 giờ rưỡi, tôi nghĩ ông đã nói, anh Drukker và ông Pardee đi khỏi. Họ có đi chung không?”

“Họ đi xuống cầu thang cùng nhau,” vị giáo sư trả lời, và gợi ý thêm. “Drukker, tôi nghĩ rằng, đi về nhà; còn Pardee có một buổi hẹn ở câu lạc bộ cờ vua Manhattan.”

“Dường như là khá sớm để Drukker về nhà,” Vance trầm ngâm, “đặc biệt khi anh ta đến để bàn về một vấn đề quan trọng với ông và không có cơ hội thích hợp nào để trình bày cho đến lúc anh ta rời khỏi.”

“Drukker không được khỏe.” Giọng của giáo sư một lần nữa tỏ ra thận trọng, điềm tĩnh. “Như tôi đã nói với anh, anh ta dễ mệt mỏi. Và tối qua anh ta mệt mỏi một cách bất thường. Thực ra, anh ta có than phiền với tôi về sự mệt mỏi của mình và nói anh ta cần đi nghỉ ngay.”

“Đúng… khá là thích hợp,” Vance thì thầm. “Vài phút trước đây, anh ta có nói với chúng tôi rằng anh ta dậy làm việc lúc 6 giờ sáng hôm qua.”

“Tôi không ngạc nhiên. Một khi có vấn đề được đặt ra trong đầu, anh ta sẽ làm việc không ngừng nghỉ. Tiếc thay anh ta không có phản ứng bình thường nào để cân bằng niềm đam mê cháy bỏng của mình dành cho toán học. Đã nhiều lần tôi lo sợ cho sự ổn định thần kinh của anh ta.”

Vance, vì lý do nào đó, rõ ràng đã lái sang vấn đề này.

“Ông nói về cuộc hẹn của ông Pardee ở câu lạc bộ cờ vua tối qua,” anh nói, khi đang cẩn thận châm một điếu thuốc mới. “Ông ta có đề cập đến nội dung của nó với ông không?”

Giáo sư Dillard cười với vẻ bề trên một cách khoan dung.

“Anh ta nói về điều đó cả tiếng đồng hồ. Một quý ông tên Rubinstein xuất hiện - thiên tài cờ vua của thế giới, theo tôi hiểu, người mà giờ đang thăm thú đất nước này - đã đọ sức với anh ta trong ba trận đấu. Trận cuối cùng là vào hôm qua. Nó bắt đầu lúc 2 giờ, và bị hoãn lại đến 6 giờ. Nó sẽ được đấu lại lúc 8 giờ, nhưng Rubinstein được mời dự bữa tiệc nào đó ở trung tâm thành phố; nên thời gian tổ chức đấu lại là 11 giờ, Pardee lo sốt vó, vì anh ta thua ở trận đầu và hòa ở trận thứ hai; và nếu anh ta có thể thắng trận tối hôm qua thì anh ta sẽ hòa với Rubinstein. Dường như anh ta nghĩ mình có *cơ* hội tuyệt vời nếu trận đấu diễn ra lúc 6 giờ; mặc dù Drukker không đồng ý với anh ta… Chắc hẳn anh ta đã đi thẳng từ đây đên câu lạc bộ, đó là lúc 10.30 khi anh ta và Drukker đi khỏi.”

“Rubinstein là một người chơi giỏi,” Vance nhận xét. Một lưu ý đáng quan tâm mới, cái mà anh cố gắng để che giấu, đã hiện lên trong giọng nói của anh. “Ông ta là một trong những bậc thầy của trò chơi này.

Ông ta đánh bại Capablanca ở San Sebastian năm 1911, và từ 1907 đến 1912 được coi là đối thủ nặng ký cho danh hiệu thế giới được nắm giữ bởi tiến sĩ Lasker*… Đúng thế, đó sẽ là niềm tự hào to lớn của Pardee nếu đánh bại được ông ta. Thật vậy, đó không phải là lời khen ngợi nhỏ bé dành cho ông ta khi thi đấu với Rubinstein. Pardee, mặc dù nổi tiếng về thế cờ của mình, chưa bao giờ là một bậc thầy. - Nhân tiện, ông có nghe gì về kết quả của trận đấu tối qua chưa?"

Một lần nữa tôi để ý thấy một nụ cười khoan dung thoáng qua ở khóe miệng của vị giáo sư. Có cảm giác rằng ông ấy đang nhân từ nhìn xuống những trò chơi ngốc nghếch của trẻ con từ độ cao trí tuệ nào đó.

"Không," ông ấy trả lời; "tôi không hỏi thăm. Nhưng phỏng đoán của tôi là Pardee thua; vì khi Drukker chỉ ra nhược điểm trong vị trí lúc hoãn lại, anh ta quả quyết hơn bình thường. Bản chất của Drukker là thận trọng, và anh ta ít khi bày tỏ một quan điểm rõ ràng về một vấn đề mà không có căn cứ vững chắc."

Vance nhướng mày ngạc nhiên.

"Ý của ông muốn nói là Pardee đã phân tích trận đấu dở dang của mình với Drukker và thảo luận những khả năng kết thúc? Không chỉ là không đúng nội quy, mà bất kỳ người chơi nào cũng sẽ bị loại nếu làm như vậy."

"Tôi không biết chi tiết về cờ vua," giáo sư Dillard quay lại một cách gay gắt; "nhưng tôi chắc rằng Pardee sẽ không vi phạm nội quy trong vấn đề này. Và, như thực tế, tôi nhớ rằng khi anh ta đối mặt với những quân cờ ở trên bàn bên kia và Drukker bước lên để xem, Pardee yêu cầu anh ta đừng cho lời khuyên. Việc bàn luận về hướng đi được diễn ra vào thời gian sau đó, và được tuân thủ hoàn toàn theo quy định

chung. Tôi không tin là có một đề cập về bất cứ nước đi cụ thể nào của trận đấu.”

Vance từ từ chồm người ra phía trước và dập tắt điếu thuốc của mình với sự căng thẳng, thận trọng mà tôi nhận ra như một dấu hiệu của việc kiềm chế sự kích thích. Sau đó anh vội vàng đứng dậy và di chuyển tới bàn cờ trong góc. Anh đứng đó, một tay thả lỏng trên hoa văn bằng gỗ tinh tế của những ô vuông xen kẽ.

“Ông nói rằng ông Pardee dã phân tích thế cờ của mình trên bàn cờ này khi anh Drukker gặp ông ta?”

“Phải, đúng thế.” Giáo sư Dillard nói với vẻ lịch sự gượng gạo. “Drukker ngồi xuống đối mặt với anh ta và nghiên cứu cách bố trí. Anh ta bắt đầu đưa ra một vài lời nhận xét, và Pardee yêu cầu anh ta đừng nói gì cả. Mười lăm phút sau hoặc lâu hơn thì Pardee di chuyển các quân cờ đỏ; và sau đó Drukker nói với anh ta rằng anh ta đã thua - rằng anh ta đã từng ở trong vị thế mà tưởng chừng là thuận lợi, nhưng về cơ bản là bất lợi.”

Vance di chuyển những ngón tay qua bàn cờ một cách vu vơ; và anh lấy hai ba quân cờ từ hộp và quăng trở lại, như đang chơi với chúng.

“Ông có nhớ Drukker nói gì không?” Anh nói mà không nhìn lên.

“Tôi không chú ý lắm – vấn đề này không hẳn là một trong những khoảnh khắc đáng nhớ với tôi.” Có dấu hiệu châm biếm không thể tránh khỏi trong câu trả lời. “Nhưng, như tôi nhớ, Drukker nói Pardee có thể thắng với điều kiện đó là trận đấu nhanh, nhưng Rubinstein là kỳ thủ nổi tiếng với lối chơi chậm mà chắc và chắc chắn sẽ thấy được nhược điểm trong thế cờ của Pardee.”

“Pardee có tức tối vì lời bình phẩm này không?” Vance đi trở lại ghế và chọn một điếu thuốc khác trong hộp; nhưng anh không ngồi xuống.

“Có chứ - rất nhiều. Không may là Drukker có tính cách trái ngược. Và Pardee lại quá nhạy cảm về chủ đề cờ vua. Sự thật là, anh ta tái mặt tức giận khi bị Drukker chỉ trích. Nhưng cá nhân tôi đã thay đổi chủ đề; và khi họ đi khỏi thì sự cố ấy dường như bị lãng quên.

Chúng tôi vẫn còn vài phút nữa. Markham đã nhiều lần nói lời xin lỗi của mình với vị giáo sư và tìm cách sửa chữa những phiền toái mà chuyến viếng thăm của chúng tôi gây ra cho ông ấy. Ông ấy không hài lòng về Vance trong việc nài nỉ kể chi tiết trận đấu cờ vua của Pardee, và khi chúng tôi đi xuống phòng khách thì ông ấy nói ra sự phật lòng của mình.

“Tôi có thể hiểu câu hỏi của anh có liên quan đến những người có trong ngôi nhà này tối qua, nhưng tôi không thấy có lý do gì để anh nhai đi nhai lại sự bất đồng trong ván cờ vua của Pardee và Drukker. Chúng ta có nhiều thứ khác để làm hơn là nói chuyện tầm phào.”

“Sự căm ghét cách nói chuyện tầm phào cũng như Isabel trong suốt cuộc sống êm đềm của bà trong tác phẩm của Tennyson*,” Vance quay lại một cách tinh nghịch. “Nhưng - ôi trời, Markham à! - cuộc sống của chúng ta không như của Isabel. Ăn nói một cách cẩn trọng, đỏ là phương pháp trong cách nói chuyện của tôi. Tôi nói chuyện phiếm - và tôi đã biết được.”

“Anh biết được cái gì?” Markham gặng hỏi gay gắt.

Cẩn thận liếc mắt về phía hành lang, Vance rướn người về phía trước và hạ thấp giọng.

“Tôi biết được, ông bạn thân mến ạ, rằng một quân giám mục màu đen bị thiếu trong bộ cờ vua ở thư viện, và quân cờ bị bỏ lại ở cửa phòng bà Drukker là cùng bộ với những quân cờ còn lại trên lầu!”

CHƯƠNG 15

CUỘC PHỎNG VẤN PARDEE

(Thứ Ba, 12 tháng Tư; 12.30 p.m.)

Thông tin này có ảnh hưởng sâu sắc đến Markham. Như thói quen khi bị kích động, anh ta đứng dậy và bắt đầu đi qua đi lại, hai tay chắp sau lưng. Cả Heath nữa, dù chậm hiểu ý nghĩa việc tiết lộ của Vance hơn, hút bập bập điếu xì gà - một biểu hiện nói rằng trí não của anh ta đang bận rộn với sự khó khăn trong việc sắp xếp các sự kiện.

Trước khi cả hai kịp đưa ra lời bình luận nào thì cánh cửa sau của hành lang mở ra và những bước chân nhẹ nhàng tiến gần đến phòng khách. Belle Dillard, trở về từ bên nhà bà Drukker, xuất hiện ở cổng vòm. Gương mặt cô ấy lộ vẻ lo lắng, và đôi mắt cô dừng lại nơi Markham, cô ấy hỏi:

"Anh đã nói gì với Adolph sáng nay? Anh ấy đang trong tình trạng sợ hãi khủng khiếp. Anh ấy đi khắp nơi kiểm tra tất cả khóa cửa và chốt cửa sổ cứ như sợ ăn trộm; và anh ấy làm Grete tội nghiệp hoảng sợ vì bảo bà ấy phải chốt cửa phòng cẩn thận vào buổi tối."

"A! Anh ta đã cảnh báo bà Menzel, phải không?" Vance ngạc nhiên. "Thú vị lắm."

Ánh nhìn của cô gái nhanh chóng chuyển sang anh.

"Đúng vậy; nhưng anh ấy không chịu giải thích cho tôi biết. Anh ấy bị kích động và khó hiểu. Và điều kỳ lạ nhất về thái độ của anh ấy chính là anh ấy không chịu đến gần mẹ của anh ấy… Điều đó có

nghĩa gì vậy, anh Vance? Tôi có cảm giác như chuyện kinh khủng nào đó sắp xảy ra.”

“Tôi không biết nó có ý nghĩa gì.” Vance nói bằng giọng trầm buồn. “Và thậm chí tôi sợ phải cố gắng lý giải nó. Nếu tôi sai…” Anh trở nên im lặng một lát. “Chúng ta phải chờ xem. Có lẽ tối nay chúng ta sẽ biết. - Nhưng không có lý do nào khiến cô phải sợ hãi đâu, cô Dillard.” Anh mỉm cười an ủi. “Cô thấy bà Drukker thế nào?”

“Bà ấy có vẻ đỡ hơn nhiều. Nhưng vẫn còn chuyện gì đó khiến bà ấy lo lắng; và tôi nghĩ điều đó có liên quan đến Adolph, bởi vì bà ấy cứ nói về anh ta suốt thời gian tôi ở bên cạnh, và cứ hỏi tôi có để ý thấy điều gì bất thường trong cách cư xử của anh ta gần đây không.”

“Trường hợp này cũng khá tự nhiên,” Vance đáp lại. “Nhưng cô không được để thái độ bệnh tật của bà ấy ảnh hưởng đến cô. - Và giờ, để chuyển chủ đề: tôi biết rằng tối hôm qua cô đã ở trong thư viện khoảng nửa tiếng gì đó trước khi cô đến nhà hát. Hãy cho tôi biết, cô Dillard: trong khoảng thời gian đó túi xách của cô ở đâu?”

Câu hỏi làm cô ấy giật mình; nhưng sau một thoáng ấp úng cô ấy trả lời: “Khi tôi đi vào trong thư viện, tôi để nó với khăn choàng của mình trên cái bàn nhỏ ở cạnh cửa.”

“Chính là cái túi xách da cá sấu đựng chiếc chìa khóa?”

“Đúng vậy. Sigurd rất ghét quần áo dạ hội, và khi chúng tôi cùng nhau ra ngoài thì tôi luôn mặc quần áo ban ngày của mình.”

“Nên cô đã để túi xách trên bàn trong khoảng nửa tiếng đó, và sau đó giữ nó bên người suốt buổi tối còn lại. - Vậy còn sáng nay thì sao?”

“Tôi ra ngoài tản bộ trước bữa sáng và mang nó theo bên mình. Sau đó tôi treo nó lên giá treo nón trong sảnh khoảng một tiếng đồng hồ gì đó; nhưng khi tôi chuẩn bị đến nhà quý bà Mae vào khoảng 10 giờ thì tôi mang nó theo. Sau đó tôi phát hiện ra khẩu súng lục nhỏ đã

được trả về, và tôi hoãn việc đi thăm lại. Tôi để túi xách ở dưới nhà trong phòng bắn cung cho đến khi anh và anh Markham đến; và tôi giữ nó bên mình suốt đến giờ.

Vance cảm ơn cô ấy một cách kỳ lạ.

"Và giờ chuyến du ngoạn của cái túi xách đã được kỹ lưỡng lần ra, xin hãy cố quên hết tất cả đi." Cô ấy sắp sửa hỏi một câu, nhưng anh đã đoán trước được sự thắc mắc của cô và nói luôn: "Đêm hôm qua cô đã đến Plaza để ăn tối, bác của cô đã nói với chúng tôi. Cô nhất định phải về nhà rất muộn."

"Tôi không bao giờ ở lại trễ khi tôi đi bất kỳ chỗ nào cùng với Sigurd," cô ấy trả lời, bằng giọng điệu phàn nàn. "Anh ấy có ác cảm với đời sống về đêm. Tôi năn nỉ anh ấy ở lại lâu thêm, nhưng trông anh ấy khổ sở quá nên tôi không đành lòng ở lại. Thực sự, chúng tôi về nhà lúc 12 giờ rưỡi."

Vance đứng dậy với một nụ cười lịch sự.

"Cô thật tốt khi đã kiên nhẫn chịu đựng những câu hỏi ngốc nghếch của chúng tôi đến vậy… Giờ chúng tôi sẽ ghé qua ông Pardee và xem ông ta có những gợi ý sáng tỏ nào muốn đưa ra không. Tôi nghĩ ông ta thường ở nhà vào giờ này."

"Tôi chắc hiện giờ ông ta có ở nhà đó." Cô gái tiễn chúng tôi ra sảnh. "Ông ta đã đên đây một lát trước khi mọi người đến, và ông ta nói phải về nhà để lo vài chuyện thư từ."

Chúng tôi chuẩn bị đi ra thì Vance dừng lại.

"À, này, cô Dillard; còn một chuyện mà tôi quên hỏi cô. Tối qua lúc cô về nhà cùng anh Arnesson, làm thế nào mà cô biết là mới 12 giờ rưỡi vậy? Tôi thấy cô không đeo đồng hồ."

“Sigurd nói với tôi,” cô ấy giải thích. “Tôi đã khá khó chịu với anh ấy vì đưa tôi về nhà sớm như vậy, và lúc chúng tôi bước vào sảnh này thì tôi hằn học hỏi anh ấy mấy giờ rồi. Anh ấy nhìn đồng hồ và nói đã 12 giờ rưỡi rồi…”

Vào ngay lúc đó, cửa trước mở ra và Arnesson bước vào. Anh ta nhìn chúng tôi bằng vẻ ngạc nhiên chế nhạo; sau đó anh ta bắt gặp cái nhìn của Belle Dillard.

“Xin chào, em gái,” anh ta vui vẻ gọi cô ấy. “Thì ra đang ở trong tay của *gendarmerie**.” Anh ta ném cho chúng tôi cái nhìn trào phúng. “Sao lại họp kín vậy? Căn nhà này sắp biến thành đồn cảnh sát rồi. Săn tìm manh mối của kẻ đã giết Sprigg sao? Ha! Chàng trai sáng dạ bị khử bởi giảng viên ganh ghét cậu ta, và kiểu như vậy ư?… Hy vọng các người không cáo buộc Nữ thần săn bắn Diana tội giết người cấp độ ba.”

“Không hề có chuyện như vậy,” cô gái lên tiếng. “Họ rất tử tế. Và tôi đã kể cho họ nghe rằng anh là người cổ hủ như thế nào - đưa tôi về nhà lúc 12 giờ rưỡi.”

“Tôi nghĩ tôi rất dễ tính,” Arnesson nhe răng cười. “Quá khuya cho một người trẻ như em ở ngoài phố.”

“Nhất định làm một người già cả và… và đam mê toán học phải khủng khiếp lắm,” cô ấy trả đũa với chút giận dỗi, và chạy lên lầu.

Arnesson nhún vai và nhìn theo cho đến khi cô ấy biến mất. Sau đó anh ta nhìn Markham với con mắt hoài nghi.

“Chà, điều tốt lành anh mang đến là gì vậy? Có tin tức gì về nạn nhân mới nhất không?” Anh ta dẫn đường quay lại phòng khách. “Anh biết không, tôi nhớ cậu bé đó. Cậu ta sẽ còn tiến xa nữa. Đáng tiếc là cậu ta phải mang cái tên Johnny Sprig. Thậm chí ‘Peter Piper’* còn an

toàn hơn. Không có chuyện gì xảy ra với Peter Piper ngoài đoạn nhặt ớt; và người ta không thể biến điều đó thành một vụ giết người…”

“Chúng tôi không có gì để thông báo cả, Arnesson.” Markham chen vào, khó chịu vì thói suồng sã của người đàn ông kia. “Tình hình vẫn không thay đổi.”

“Tôi đoán chỉ ghé thăm xã giao thôi. Có ở lại ăn trưa không?”

“Chúng tôi có quyền,” Markham lạnh lùng nói, “điều tra vụ án bằng bất cứ cách nào chúng tôi thấy phù hợp. Cũng như chúng tôi không có trách nhiệm phải giải thích với anh về những hành động của chúng tôi.”

“Ra là thế! Đúng là có chuyện gì đó *đã* xảy ra làm anh khó chịu.” Arnesson nói với sự mỉa mai. “Tôi tưởng mình đã được chấp nhận làm phụ tá rồi; nhưng tôi thấy là mình bị chuyển thẳng vào trong bóng tối.” Anh ta thở dài thườn thượt và lấy tẩu thuốc ra. “Dropping the Pilot* ! – Bismarck* và tôi. Than ôi!”

Vance đang mơ màng hút thuốc gần cổng vòm, có vẻ như không chú ý đến lời phàn nàn của Arnesson. Giờ đây anh bước vào trong phòng.

“Thật ra, anh biết không Markham, anh Arnesson nói đúng. Chúng ta đã đồng ý cập nhật tin tức cho anh ta; và nếu anh ta muốn giúp được gì cho chúng ta thì anh ta phải biết hết tất cả sự việc.”

“Chính anh,” Markham phản đối, “là người đã chỉ ra sự nguy hiểm có thể có khi nhắc đến chuyện xảy ra đêm qua…”

“Đúng. Nhưng lúc đó tôi quên mất lời hứa của chúng ta với anh Arnesson. Và tôi chắc sự thận trọng của anh ta có thể tin cậy được.” Sau đó Vance kể lại chi tiết trải nghiệm của bà Drukker vào đêm hôm trước.

Arnesson chú ý lắng nghe. Tôi để ý thấy biểu cảm mỉa mai của anh ta dần biến mất, và thay vào đó là cái nhìn thận trọng và buồn bã. Anh ta ngồi đó vài phút trong sự im lặng trầm tư, tẩu thuốc ở trong tay anh ta.

“Đó chắc chắn là một yếu tố quan trọng trong vấn đề này,” rất lâu sau anh ta nhận xét. “Nó thay đổi hằng số của chúng ta. Tôi có thể thấy rằng chuyện này phải được tính toán từ một góc độ mới. Giám Mục, đã xuất hiện, ở giữa chúng ta. Nhưng tại sao hắn lại đến ám quý bà Mae chứ?”

“Bà ấy bị đồn đại rằng đã thét lên gần như đúng lúc Robin chết.”

“A ha!” Arnesson ngồi thẳng dậy. “Tôi hiểu hàm ý của anh rồi. Bà ấy nhìn thấy Giám Mục từ cửa sổ của mình sáng ngày Chim Cổ Đỏ bị giết, và sau đó hắn quay lại và đặt trên tay nắm cửa của bà ấy như một lời cảnh cáo bà ấy phải giữ im lặng.”

“Có lẽ chuyện đại loại là vậy… Giờ anh đã có đủ các hệ số để tính toán công thức của mình chưa?”

“Tôi muốn nhìn qua quân giám mục đen này. Nó ở đâu vậy?”

Vance thò tay vào túi, và lấy quân cờ ra. Arnesson háo hức cầm lấy nó. Đôi mắt của anh ta sáng lên trong một lát. Anh ta lật quân cờ lại trong tay mình, và rồi trả nó lại.

“Anh có vẻ nhận ra quân giám mục đặc biệt này,” Vance nói nhẹ nhàng. “Anh đoán đúng. Nó được mượn từ bộ cờ của anh trong thư viện.”

Arnesson chậm rãi gật đầu xác nhận.

“Tôi tin là vậy.” Đột nhiên anh ta quay sang Markham, và một cái nhìn mỉa mai hiện lên trên khuôn mặt gầy gò của anh ta. “Có phải vì vậy mà tôi không được phép biết gì cả hay không? Tôi đang bị nghi

ngờ, đúng không? Vong hồn của Pythagoras* ơi! Hình phạt gắn với tội ác xấu xa của việc xuất hiện quân cờ của mình ở nhà hàng xóm là gì vậy?"

Markham đứng dậy và bước về phía sảnh.

"Anh không bị nghi ngờ, Arnesson," anh ta trả lời, không cố che giấu sự nóng nảy của mình. "Quân giám mục được bỏ ở nhà bà Drukker vào đúng nửa đêm."

"Và tôi trễ tới nửa tiếng để có thể thực hiện. Xin lỗi đã làm anh thất vọng."

"Hãy cho chúng tôi biết nếu công thức của anh thành công," Vance nói, lúc chúng tôi bước qua cửa trước. "Giờ chúng tôi có chuyến thăm hỏi ngắn dành cho ông Pardee."

"Pardee? Ô hô! Gặp một chuyên gia cờ vua về chủ đề quân giám mục à? Tôi hiểu lập luận của anh rồi - ít ra nó có tác dụng đơn giản và trực tiếp…"

Anh ta đứng trên hiên nhỏ và quan sát chúng tôi, như một pho tượng mỉa mai, lúc chúng tôi băng qua đường.

Pardee đón tiếp chúng tôi bằng phong cách lịch sự quen thuộc của ông ta. Vẻ mặt buồn bã, thất vọng là một phần biểu cảm thường xuyên của ông ta thậm chí giờ còn rõ ràng hơn bình thường; và khi ông ta kéo ghế mời chúng tôi ngồi trong phòng làm việc của ông ta, cách cư xử của ông ta là của một người đã mất niềm hứng thú với cuộc đời, và chỉ sống như một cái máy.

"Chúng tôi đến đây, ông Pardee à," Vance bắt đầu nói, "là để tìm hiểu những gì chúng tôi có thế biết thêm về vụ sát hại Sprigg ở công viên Riverside sáng hôm qua. Chúng tôi có những lý do xác đáng cho mỗi câu hỏi mà chúng tôi sắp hỏi ông."

Pardee gật đầu bằng lòng.

"Tôi sẽ không bị tổn thương trước bất kỳ câu hỏi nào anh đặt ra. Sau khi đọc báo tôi nhận ra mọi người đang đối mặt với vấn đề bất thường như thế nào."

"Vậy trước tiên, xin hãy cho chúng tôi biết ông đã ở đâu từ 7 đến 8 giờ sáng hôm qua?"

Một sự ửng đỏ trên gương mặt của Pardee, nhưng ông ta trả lời bằng giọng trầm đều.

"Tôi đang ngủ. Đến 9 giờ tôi mới thức dậy."

"Không phải thói quen của ông là đi tản bộ trong công viên trước bữa sáng sao?" (Tôi biết đây chỉ là phỏng đoán của Vance, vì chủ đề về thói quen của Pardee chưa từng được nói đến trong quá trình điều tra.)

"Điều đó hoàn toàn đúng," người đàn ông trả lời, không chút do dự. "Nhưng hôm qua tôi không đi, - tôi làm việc khá khuya tối hôm trước đó."

"Lần đầu tiên ông nghe về cái chết của Sprigg là khi nào?

"Khi ăn sáng. Người đầu bếp của tôi kể lại chuyện đang được bàn tán trong khu phố. Tôi đọc được thông tin chính thức về thảm kịch trong số báo mới nhất của tờ báo *Sun* buổi tối."

"Và ông đã thấy sự tái hiện thông điệp của Giám Mục, tất nhiên, trong bài báo sáng nay. - Ý kiến của ông về chuyện này như thế nào, ông Pardee?"

"Tôi hầu như không biết gì." Lần đầu tiên cặp mắt lờ đờ của ông ta cho thấy dấu hiệu sinh động. "Đây là một tình huống không thể tin được. Sự may rủi toán học hoàn toàn đối nghịch với một chuỗi những sự kiện đan xen ngẫu nhiên như vậy."

"Đúng," Vance tán thành. "Và nói về toán học: ông có quen thuộc với tensor Riemann-Christoffel không?"

"Tôi có biết về nó," người đàn ông xác nhận. "Drukker dùng nó trong quyển sách của anh ta về đường vũ trụ. Tuy nhiên, toán học của tôi không phải là loại của vật lý. Nếu tôi không trở nên say mê cờ vua" - ông ta mỉm cười buồn bã - "tôi đã là một nhà thiên văn học rồi. Bên cạnh việc điều khiển các nhân tố trong sự kết hợp phức tạp của cờ vua, sự hài lòng tinh thần lớn nhất mà một người có thể đạt được, tôi nghĩ, chính là vẽ bản đồ bầu trời và khám phá các hành tinh mới. Tôi thậm chí còn giữ một chiếc kính thiên văn xích đạo 5 inch* ở tầng áp mái của tôi cho các quan sát nghiệp dư."

Vance chăm chú lắng nghe Pardee; và thảo luận với ông ta vài phút về việc xác định thiên thể bên ngoài sao Hải Vương gần đây của giáo sư Pickering*, mặc cho sự bối rối của Markham và sự khó chịu của viên trung sĩ. Cuối cùng, anh ta đưa câu chuyện trở về với công thức tensor.

"Tôi hiểu, ông đã ở nhà Dillard thứ năm tuần trước khi anh Arnesson đang bàn về tensor này với Drukker và Sprigg."

"Phải, tôi nhớ là vấn đề này được nhắc đến lúc đó."

"Ông biết Sprigg như thế nào?"

"Chỉ tình cờ thôi. Tôi gặp cậu ta cùng với Arnesson một hai lần."

"Sprigg, có vẻ như, cũng có thói quen đi dạo trong công viên Riverside trước bữa sáng," Vance lơ đãng nhận xét. "Có bao giờ tình cờ gặp cậu ta ở đó không, ông Pardee?"

Mí mắt của người đàn ông khẽ run, và ông ta do dự trước khi trả lời.

"Chưa bao giờ," cuối cùng ông ta đáp.

Vance tỏ vẻ thờ ơ với sự phủ nhận. Anh đứng dậy và đi đến cửa sổ phía trước, nhìn ra ngoài.

"Tôi tưởng một người có thể nhìn ra bãi tập bắn cung từ đây. Nhưng tôi nhận thấy rằng góc độ này hoàn toàn bị che khuất tầm nhìn."

"Đúng vậy, bãi tập khá kín đáo. Thậm chí còn có một bãi đất trống đối diện bức tường nữa, vậy nên không ai có thể nhìn thấy nó… Anh đang nghĩ đến một nhân chứng có thể trong cái chết của Robin sao?"

"Chuyện đó, và những thứ khác nữa." Vance trở lại ghế của mình. "Anh không chơi bắn cung, tôi nghĩ vậy."

"Nó hơi quá sức đối với tôi. Có một lần cô Dillard cố gắng khiến tôi hứng thú với thể thao, nhưng tôi không phải là một vận động viên hứa hẹn gì. Tuy nhiên tôi từng đến vài giải thi đấu với cô ấy."

Một chút nhẹ nhàng kỳ lạ nhuốm trong giọng nói của Pardee, và vì lý do nào đó tôi không thể giải thích chính xác rằng tôi có cảm giác ông ta thích Belle Dillard. Cả Vance, hẳn đã nhận ra cảm giác giống như thế, vì sau khi ngừng một lát anh nói:

"Tôi tin rằng ông sẽ nhận ra ý định của chúng tôi không phải là moi móc đời tư của người khác một cách không cần thiết; nhưng vấn đề về động cơ trong hai án mạng mà chúng tôi đang điều tra vẫn còn mờ mịt, và như cái chết của Robin ban đầu bị hời hợt cho là một cuộc tranh giành tình cảm của cô Dillard, nó có thể giúp chúng tôi biết, một cách tổng quát, tình hình thật sự liên quan đến sở thích của quý cô này… Là một người bạn của gia đình có thể ông biết; và chúng tôi cảm kích sự tin tưởng của ông trong vấn đề này."

Ánh mắt của Pardee trôi ra ngoài cửa sổ, và ông ta thở dài.

“Tôi đã luôn có cảm giác rằng ngày nào đó cô ấy và Arnesson sẽ lấy nhau. Nhưng đó chỉ là phỏng đoán thôi. Có lần cô ấy nói với tôi rất quả quyết rằng cô ấy sẽ không xem xét đến chuyện cưới hỏi cho đến khi cô ấy ba mươi tuổi.” (Người ta có thể dễ dàng đoán ra bằng sự kết nối nào mà Belle Dillard đã thông báo điều này cho Pardee biết. Cuộc sống tình cảm, cũng như đời sống trí tuệ của ông ta, có vẻ như gặp nhiều chuyện không may.)

“Khi ấy ông không tin,” Vance hỏi tiếp, “rằng trái tim của cô ấy đang nghiêm túc quan tâm đến anh Sperling ư?”

Pardee lắc đầu. “Tuy nhiên,” ông ta dè dặt, “sự hy sinh vì nghĩa mà anh ta đang trải qua hiện tại có một sức hút tình cảm mạnh mẽ đối với phụ nữ.”

“Cô Dillard nói với tôi rằng ông đã đến gặp cô ấy sáng nay.”

“Tôi thường ghé qua vào ban ngày.” Ông ta rõ ràng đang khó chịu và, tôi nghĩ, hơi bối rối.

“Ông có quen biết bà Drukker không?”

Pardee nhìn Vance với vẻ nhạy cảm, dò hỏi.

“Không đặc biệt lắm,” ông ta nói. “Tôi tình cờ gặp bà ấy vài lần.”

“Ông đã đến nhà bà ấy?”

“Trong nhiều dịp lắm, nhưng luôn để gặp Drukker. Mấy năm nay tôi có hứng thú về mối liên hệ của toán học với cờ vua…”

Vance gật đầu.

“Nhân tiện, trận đấu giữa ông với Rubinstein vào tối qua như thế nào? Tôi không thấy báo sáng nay viết gì cả.”

“Tôi bỏ cuộc ở nước cờ thứ 44.” Người đàn ông nói một cách tuyệt vọng. “Rubinstein tìm ra một nhược điểm trong thế tấn công của tôi mà

tôi đã hoàn toàn bỏ qua khi tôi khóa nước đi của mình lúc hoãn trận đấu.”

“Giáo sư Dillard kể cho chúng tôi biết, Drukker đã đoán trước kết quả khi ông và anh ta thảo luận tình hình tối hôm qua.”

Tôi không tài nào hiểu được tại sao Vance lại chua cay nhắc đến việc này như vậy, biết rõ nó là sự nhức nhối đối với Pardee như thế nào. Markham, cũng nhíu mày với những gì dường như thiếu tế nhị không thể tha thứ được của Vance.

Pardee đỏ mặt, và nhích người trên ghế.

“Đêm qua Drukker nói quá nhiều.” Lời nhận xét không phải là không ác ý. “Dù anh ta không phải là người thi đấu, anh ta cũng nên biết rằng những cuộc tranh luận như vậy là điều cấm kỵ trong lúc trận đấu chưa kết thúc. Mặc dù, thành thật mà nói, tôi ít dựa vào lời tiên đoán của anh ta. Tôi tưởng nước cờ khóa của tôi đã giải quyết được tình hình, nhưng Drukker đã nhìn xa hơn tôi. Phân tích của anh ta sâu sắc đến kỳ lạ.” Có chút ghen tị trong giọng nói của ông ta, và tôi cảm thấy rằng ông ta ghét cay ghét đắng Drukker hết mức mà bản chất có vẻ ôn hòa của ông ta cho phép.

“Trận đấu kéo dài trong bao lâu?” Vance hỏi một cách ngẫu nhiên.

“Nó kết thúc vào lúc hơn 1 giờ một chút. Chỉ có mười bốn nước cờ trong phiên đấu đêm qua thôi.”

“Có nhiều khán giả không?”

“Số lượng lớn bất thường, khi xét đến giờ giấc khuya như vậy.”

Vance dập tắt điếu thuốc và đứng dậy. Khi chúng tôi ở trong sảnh dưới trên đường đi ra cửa trước thì anh đột ngột dừng lại và, nhìn chằm chằm Pardee bằng ánh mắt trào phúng châm biếm, rồi nói:

“Ông biết đó, quân giám mục đen lại được tự do lúc tối hôm qua vào khoảng nửa đêm đấy.”

Lời nói của anh gây ra một hiệu ứng đáng kinh ngạc. Pardee đứng thẳng người lên cứ như ông ta bị đánh vào mặt; và gò má của ông ta trắng bệch. Ông ta nhìn Vance đến nửa phút, mắt như than hồng. Đôi môi của ông ta cử động với chút run rẩy, nhưng không có từ nào được phát ra. Và rồi, như thể với nỗ lực phi thường, ông ta cứng đờ quay đi và bước đến cửa. Giật nó mở ra, ông ta giữ nó để chúng tôi bước qua.

Lúc chúng tôi bước lại gần đường Riverside Drive đến xe của vị công tố viên, bị bỏ lại đằng trước nhà Drukker ở đường số 76, Markham sắc sảo hỏi Vance về lời bình luận cuối cùng mà anh đã nói với Pardee.

“Tôi đã hy vọng,” Vance giải thích, “sẽ khiến ông ta ngạc nhiên để lộ vẻ thừa nhận hoặc hiểu biết nào đó. Ủa, Markham à, tôi không mong đợi hiệu ứng nào như cái mà tôi vừa gây ra. Cách ông ta phản ứng thật kinh ngạc. Tôi không hiểu - tôi không tài nào hiểu được…”

Anh trở nên đắm chìm trọng suy nghĩ của mình. Nhưng lúc xe rẽ vào đường Broadway từ đường số 72, anh đã tỉnh táo lại và chỉ đường tài xế đến khách sạn Sherman Square.

“Tôi có một khao khát thổn thức muốn biết thêm nữa về trận đấu cờ vua giữa Pardee và Rubinstein. Không có nguyên nhân cho việc đó đâu - chỉ là tính thất thường của tôi thôi. Nhưng ý tưởng đó đã hình thành trong đầu tôi từ lúc giáo sư nhắc đến nó… Từ 11 giờ cho đến hơn 1 giờ sáng - đó là một khoảng thời gian rất dài để đấu tiếp một ván đấu dang dở chỉ với 44 nước đi.”

Chúng tôi trờ tới lề đường ngay góc đại lộ Amsterdam với đường số 71, và Vance biến mất vào trong câu lạc bộ cờ vua Manhattan. Vừa đúng năm phút trước khi anh quay lại. Trong tay anh là một tờ giấy

chứa đầy các ký hiệu. Tuy nhiên, không có dấu hiệu vui mừng trong biểu hiện của anh.

"Giả thuyết gượng gạo nhưng mê hoặc của tôi," anh nói với một cái nhăn mặt, "đã bị mắc cạn trên cơ sở những sự kiện tầm thường. Tôi vừa nói chuyện với thư ký của câu lạc bộ; và phiên đấu tối hôm qua tốn 2 tiếng 19 phút. Có vẻ đó là một trận đấu rực rỡ, đầy bí ẩn và chiến lược thăm dò lẫn nhau. Vào lúc khoảng 11 giờ rưỡi, khán giả đã chọn Pardee là người thắng cuộc; nhưng sau đó Rubinstein trình diễn một màn phân tích chống đỡ bậc thầy, và tiến hành xé chiến thuật của Pardee thành từng mảnh - đúng như Drukker đã đoán trước. Trí tuệ đáng kinh ngạc, của Drukker…"

Rõ ràng ngay lúc này anh hoàn toàn không hài lòng với những gì mình đã biết được; và những lời tiếp theo của anh nói ra là sự thất vọng.

"Tôi nghĩ mình đã làm như cách của trung sĩ, có thể nói thế, và theo đuổi một chút tỉ mỉ thông thường. Vì thế, tôi đã mượn một tờ điểm số của trận đấu đêm qua và sao chép lại các nước cờ. Tôi có thể xem qua ván cờ vào ngày nào đó khi rảnh rỗi."

Và, theo tôi nghĩ đó là sự quan tâm bất thường, anh gấp tờ giấy ghi điểm lại rồi để nó vào trong bóp tiền của mình.

CHƯƠNG 16

MÀN BA

(Thứ Ba, 12 tháng Tư - thứ Bảy, 16 tháng Tư.)

Sau bữa ăn trưa ở Elysée, Markham và Heath tiếp tục xuống phố. Một buổi chiều đầy khó khăn bày ra trước mắt họ. Công việc hằng ngày của Markham thì đã chất thành đống; và viên trung sĩ, đã nhận vụ án của Sprigg cùng với việc điều tra vụ Robin, phải tách rời hai vụ ra để xử lý riêng biệt, sắp xếp tất cả báo cáo, trả lời hàng loạt câu hỏi của cấp trên, và đáp ứng sự hiếu kỳ của vô số phóng viên. Vance và tôi đến buổi triển lãm nghệ thuật Pháp hiện đại ở Knoedler, uống trà tại St. Regis, và gặp Markham ở câu lạc bộ Stuyvesant để ăn tối. Heath và thanh tra Moran cùng tham gia cuộc thảo luận thân mật với chúng tôi lúc 8 giờ rưỡi; mặc dù nó kéo dài tới gần nửa đêm nhưng vẫn không có gì sáng tỏ được đưa ra.

Ngày hôm sau không những không mang lại điều gì mà còn chán nản thêm. Bản báo cáo từ đại úy Dubois cho biết khẩu súng lục mà Heath đưa cho ông ta không có dấu vân tay nào. Đại úy Hagedorn xác nhận vũ khí này đã được sử dụng để bắn Sprigg; nhưng điều này chỉ chứng minh được niềm tin đã chắc chắn của chúng tôi. Người được cử đi canh gác phía sau nhà Drukker đã trải qua một đêm yên ả. Không ai vào hoặc ra khỏi ngôi nhà; và vào lúc 11 giờ thì mọi cửa sổ đều tắt đèn tối thui. Không có bất kỳ tiếng động nào phát ra từ ngôi nhà mãi cho đến sáng hôm sau khi người đầu bếp dọn dẹp mọi thứ trong ngày. Bà Drukker xuất hiện ở khu vườn trễ hơn 8 giờ một chút; và vào

9 giờ rưỡi Drukker đi ra ngoài bằng cửa trước và ngồi khoảng hai tiếng trong công viên để đọc sách.

Đã hai ngày trôi qua. Việc theo dõi nhà Dillard vẫn diễn ra; Pardee bị theo dõi nghiêm ngặt; và một người canh gác mỗi đêm dưới hàng cây liễu sau nhà Drukker. Nhưng không có gì bất thường xảy ra cả; và, mặc dù viên trung sĩ làm việc không mệt mỏi, tất cả những hướng triển vọng của cuộc điều tra dường như đều tự động đóng lại. Cả Heath và Markham đều hết sức lo lắng. Báo chí đang làm tốt trong cách nói khoa trương của họ; và sự bất lực của Sở Cảnh sát và Văn phòng Công tố quận trong việc tạo nên sự tiến triển nhỏ nhất đối với điều bí ẩn của hai án mạng kỳ lạ đã nhanh chóng phát triển thành một vụ scandal chính trị.

Vance ghé thăm giáo sư Dillard và thảo luận về tình hình chung của vụ án. Anh cũng dành hơn một giờ đồng hồ vào trưa thứ Năm cùng Arnesson với hy vọng tìm ra được cách thức để làm rõ một số chi tiết có thể được sử dụng như điểm xuất phát để nghiên cứu. Nhưng anh không hài lòng với sự gặp gỡ đó, và phàn nàn với tôi rằng Arnesson đã không hoàn toàn thẳng thắn với anh. Hai lần anh ghé qua câu lạc bộ cờ vua Manhattan và cố gắng nói chuyện với Pardee; nhưng mỗi lần như thế đều được đáp lại bởi thái độ lịch sự dè dặt đầy lạnh lùng. Tôi chú ý thấy anh không hề nỗ lực bắt chuyện với cả Drukker lẫn bà Drukker; và khi tôi hỏi lý do tại sao anh không chú ý đến họ, anh trả lời:

“Sự thật là bây giờ không thể biết được gì từ họ cả. Mỗi người đang chơi một trò chơi; và cả hai đều hết sức sợ hãi. Cho đến khi chúng ta có được bằng chứng rõ ràng nào đó, việc cố gắng thẩm vấn họ chỉ mang lại kết quả tồi tệ hơn mà thôi.”

Cái bằng chứng rõ ràng này đã đến ngay ngày kế tiếp từ một nguồn tin không được mong đợi; và nó đánh dấu sự khởi đầu của giai đoạn

cuối trong cuộc điều tra - một giai đoạn bi kịch đầy xấu xa, kích động và kinh hoàng không diễn tả nổi, một sự hài hước tàn ác và quái dị, mà ngay cả bây giờ, những năm sau đó, khi tôi ghi chép hồ sơ báo cáo của vụ án, tôi vẫn cảm thấy thật khó mà tin rằng những sự kiện này là sự thật, sau tất cả, nó chỉ như một giấc mơ kỳ quái của một sự việc tàn ác đến khó tin.

Chiều thứ Sáu, Markham, trong tâm trạng tuyệt vọng, đã triệu tập một cuộc trao đổi khác. Arnesson yêu cầu được tham dự; và lúc 4 giờ chúng tôi đều có mặt, bao gồm cả thanh tra Moran, trong phòng riêng của vị công tố viên tại tòa nhà Tòa án Hình sự cổ kính. Arnesson im lặng trong suốt cuộc thảo luận một cách bất thường, và không một lần nào anh ta thể hiện thói quen khiếm nhã của mình. Anh ta chú ý lắng nghe tất cả những điều được nói ra, và dường như cố ý tránh việc phát biểu ý kiến, kể cả khi Vance trực tiếp kêu gọi.

Chúng tôi có mặt tại cuộc thảo luận khoảng nửa tiếng thì Swacker lặng lẽ bước vào và đặt tờ thư báo lên bàn vị công tố viên. Markham liếc nhìn nó và cau mày. Sau một lúc anh ta ký tên lên hai bản in và đưa chúng cho Swacker.

“Điền vào ngay lập tức và gởi chúng cho Ben*,” anh ta ra lệnh. Sau đó khi người đàn ông đã đi xa khỏi hành lang ở cửa, anh ta giải thích về sự gián đoạn ấy. “Sperling vừa gởi một yêu cầu muốn nói chuyện với tôi. Anh ta nói anh ta có thông tin có thể khá quan trọng. Tôi nghĩ, trong tình huống này, tốt hơn hết là gặp anh ta ngay bây giờ.”

Mười phút sau, Sperling được đưa vào bởi một người đại diện của cảnh sát từ Tombs. Anh ta chào Markham bằng một nụ cười thân thiện tự nhiên, và gật đầu thân mật với Vance. Anh ta gật đầu - có chút cứng nhắc, tôi nghĩ thế - chào Arnesson, sự hiện diện của cả hai dường

như làm anh ta ngạc nhiên và lúng túng. Markham ra hiệu cho anh ta ngồi vào ghế, và Vance mời anh ta một điếu thuốc.

"Tôi muốn nói chuyện với anh, anh Markham," anh ta mở lời, có chút nhút nhát, "về vấn đề có thể giúp ích cho anh… Anh nhớ chứ, khi anh hỏi tôi về việc tôi ở trong phòng bắn cung với Robin, anh muốn biết anh Drukker rời khỏi bằng đường nào khi đó. Tôi đã nói tôi không để ý, trừ việc anh ta đi ra ngoài bằng cửa tầng hầm… Thật ra, gần đây tôi có nhiều thời gian để suy nghĩ; và tôi tự nhiên nhớ lại toàn bộ sự việc đã xảy ra vào sáng hôm đó. Tôi chỉ không biết giải thích điều đó như thế nào, nhưng giờ đây mọi thứ đã trở nên rõ ràng hơn rất nhiều. Có chút ít - thứ mà anh có thể gọi là ấn tượng - đã trở lại với tôi…"

Anh ta dừng lại và nhìn xuống tấm thảm. Sau đó ngẩng đầu lên, anh ta nói tiếp:

"Một trong những ấn tượng mà tôi có là về anh Drukker - và đó là lý do tôi muốn gặp anh. Mới chiều nay tôi - à, giả sử tôi lại ở trong phòng bắn cung, như đang nói chuyện với anh Robin; và bất thình lình hình ảnh về cửa sổ phía sau lóe lên trong đầu tôi. Và tôi nhớ là khi tôi nhìn ra cửa sổ vào sáng hôm đó để xem thời tiết như thế nào cho chuyến đi của tôi, tôi đã thấy anh Drukker đang ngồi ở lùm cây phía sau nhà…"

"Lúc đó là mấy giờ?" Markham bất ngờ hỏi.

"Chỉ một vài giây trước khi tôi đi đến ga xe lửa."

"Vậy ý của anh là anh Drukker, thay vì rời khỏi ngôi nhà, đã đi đến chỗ lùm cây và ở đó cho đến khi anh rời khỏi."

"Có vẻ là như thế, thưa anh." Sperling miễn cưỡng thừa nhận.

"Anh chắc rằng mình đã thấy anh ta?"

"Đúng, thưa anh. Tôi nhớ rõ ràng. Tôi thậm chí còn nhớ cái cách đặc biệt mà anh ta ngồi vùi đầu vào gối."

"Anh dám thề không," Markham hỏi một cách nghiêm trọng, "anh phải biết rằng cuộc đời của một con người phụ thuộc vào lời khai của anh đấy?"

"Tôi xin thề, thưa anh," Sperling trả lời đơn giản.

Khi người cảnh sát đã hộ tống tù nhân của mình đi khỏi phòng, Markham nhìn Vance.

"Tôi nghĩ điều đó giúp chúng ta có một đầu mối chắc chắn."

"Phải. Lời khai của người đầu bếp ít có giá trị, vì Drukker chỉ cần phủ nhận nó; và bà ta là loại người Đức trung thành ngoan cường, người có thể giúp anh ta phủ nhận nó nếu có bất kỳ nguy hiểm thật sự nào đe dọa đến anh ta. Bây giờ chúng ta đã có được vũ khí hữu hiệu."

"Dường như đối với tôi," Markham nói, sau vài phút im lặng phán đoán, "chúng ta có một tình tiết gián tiếp có lợi cho việc chống lại Drukker. Anh ta đã ở trong sân nhà Dillard chỉ vài giây trước khi Robin bị giết. Anh ta có thể dễ dàng bị nhìn thấy khi Sperling đi khỏi; và, gần như anh ta đi ra từ chỗ giáo sư Dillard, anh ta biết những thành viên khác của gia đình đã đi vắng. Bà Drukker phủ nhận việc bà ấy thấy ai đó từ cửa sổ vào sáng hôm đó, mặc dù bà ấy thét lên lúc Robin chết và sau đó dẫn đến hoảng loạn khi chúng ta đến để hỏi Drukker. Bà ấy thậm chí đã cảnh báo anh ta đề phòng chúng ta và gọi chúng ta là 'kẻ thù'. Tôi tin rằng bà ấy thấy Drukker quay về nhà ngay sau khi thi thể Robin được tìm thấy ở bãi tập. - Drukker đã không ở trong phòng mình vào lúc Sprigg bị giết, cả anh ta và mẹ anh ta cố gắng che đậy sự thật. Anh ta bị kích động mỗi khi chúng ta đề cập đến chủ đề về những án mạng này, và chế giễu ý tưởng rằng chúng có liên quan vói nhau. Thực ra, nhiều hành động của anh ta đầy khả nghi. Ngoài ra, chúng ta biết anh ta bất thường và thất thường, và rằng anh ta đang chơi trò chơi trẻ con. Hoàn toàn có thể - theo quan điểm mà bác sĩ Barstead

nói với chúng ta - là anh ta bị lẫn lộn giữa tưởng tượng và hiện thực, và gây ra những tội ác này trong những phút điên loạn bất chợt. Công thức tensor này không chỉ quen thuộc với anh ta, mà còn có thể anh ta đã liên kết nó trong cách thức điên khùng nào đó với Sprigg như một kết quả của cuộc bàn luận giữa Arnesson với Sprigg về nó. - Như trong thông điệp của Giám Mục, chúng có thể là một phần hư ảo trong trò chơi điên khùng của hắn, - lũ trẻ đều muốn khán giả công nhận khi chúng tạo ra bất cứ hình thức giải trí mới nào. Sự lựa chọn của anh ta về từ 'giám mục' chắc là kết quả của sự hứng thú cua anh ta trong cờ vua - một chữ ký khôi hài nhằm gây nhầm lẫn. Và giả thiết này càng đi xa hơn bởi sự xuất hiện thực sự của một quân giám mục ở cửa phòng của mẹ anh ta. Anh ta có thể đã lo sợ rằng bà ấy đã thấy anh ta vào sáng hôm đó, và tìm cách bịt miệng để bà ấy không công khai thừa nhận anh ta có tội. Anh ta có thể dễ dàng đóng cửa hiên lưới từ bên trong, mà không cần chìa khóa, và do đó tạo ấn tượng về việc có người mang quân giám mục vào trong nhà và rời khỏi bằng cửa sau. Hơn nữa, đó chỉ là vấn đề đơn giản với anh ta trong việc lấy quân giám mục từ thư viện vào đêm Pardee phân tích ván đấu…"

Markham tiếp tục phân tích vụ án chống lại Drukker trong một lát. Anh ta phân tích tỉ mỉ và chi tiết, và bản kết luận giải thích cụ thể những bằng chứng đã được đưa ra. Cái cách hợp lý và không hề nao núng khi anh ta ráp nối các yếu tố khác nhau lại thuyết phục một cách ấn tượng; và có một sự im lặng dài trong lúc anh ta tóm tắt.

Cuối cùng Vance đứng dậy, như muốn phá vỡ sự căng thẳng trong suy nghĩ, và đi về phía cửa sổ.

"Có thể anh đúng, Markham," anh thừa nhận. "Nhưng phản đối chủ yếu của tôi về kết luận của anh là vụ án chống lại Drukker quá tốt. Tôi đã nghĩ đến anh ta như một khả năng ngay từ đầu; nhưng cách hành

xử của anh ta càng đáng nghi và càng nhiều dấu hiệu ám chỉ anh ta, thì tôi càng xem xét đến khuynh hướng loại bỏ anh ta ra. Bộ não âm mưu của những vụ giết người ghê tởm này quá quỷ quyệt, quá sắc sảo, trở thành vướng mắc trong bất kỳ mạng lưới bằng chứng gián tiếp nào mà anh đã vẽ nên về Drukker. Drukker có một trạng thái tinh thần tuyệt vời - sự khôn ngoan và trí tuệ của anh ta thật phi thường, đúng vậy; và nếu anh ta có tội, thật khó để nghĩ rằng anh ta lại có nhiều sơ hở như thế."

"Luật pháp," Markham quay lại với vẻ gay gắt, "không hề kỳ vọng có những vụ án xấu xa này vì chúng quá thuyết phục."

"Mặt khác," Vance tiếp tục, mặc kệ lời bình luận, "khá rõ ràng rằng Drukker, ngay cả có vô tội, biết điều gì đó có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng trong vụ án này; và đề nghị khiêm tốn của tôi là chúng ta cố gắng moi thông tin từ anh ta. Lời khai của Sperling đã mang đến cho chúng ta bước tiến trong mục đích này… Tôi nói vậy, anh Arnesson, ý kiến của anh thế nào?"

"Chưa có gì cả," anh ta trả lời. "Tôi là một khán giả vô tư. Tuy nhiên, tôi ghét phải thấy Adolph tội nghiệp trong cảnh tù tội." Tuy vậy, anh ta không thừa nhận rõ ràng rằng anh ta đồng ý với Vance.

Heath nghĩ, một cách đặc trưng, rằng hành động ngay lập tức là khôn ngoan, và biểu lộ chính anh ta cũng bị ảnh hưởng.

"Nếu anh ta có điều gì cần nói thì anh ta sẽ nói đủ nhanh sau khi anh ta bị bắt."

"Đó là một tình huống khó khăn," thanh tra Moran do dự, bằng giọng phán xét nhẹ nhàng. "Chúng ta không thể có sai sót. Nếu dấu hiệu của Drukker sẽ kết án người khác, chúng ta sẽ trở thành trò cười nếu bắt nhầm người."

Vance nhìn về phía Markham và gật đầu đồng ý.

“Tại sao không đưa anh ta đến trước, và xem anh ta có bộc lộ tâm tư khi bị thuyết phục không. Anh có thể treo một cái trát hầu tòa lơ lửng trên đầu anh ta, anh biết đấy, như một cách gây sức ép về tâm lý. Sau đó, nếu anh ta vẫn còn rụt rè và kín miệng, mang ra những cái xích và để trung sĩ dũng cảm hộ tống anh ta đến nhà giam.”

Markham ngồi gõ nhịp trên bàn làm việc một cách lưỡng lự, đầu anh ta đầy khói khi anh ta hút điếu xì gà một cách lo lắng. Cuối cùng anh ta chống cằm và quay sang Heath.

“Đưa Drukker đến đây lúc 9 giờ sáng mai. Anh nên mang xe áp giải và trát hầu tòa phòng trường hợp anh ta chống đối.” Nét mặt anh ta cứng rắn và cương quyết. “Rồi tôi sẽ tìm ra những gì anh ta biết - và hành động phù hợp.”

Cuộc thảo luận kết thúc ngay lập tức. Lúc đó đã sau 5 giờ, Markham, Vance và tôi cùng nhau lái xe đến câu lạc bộ Stuyvesant. Chúng tôi thả Arnesson ở chỗ tàu điện ngầm, và anh ta đi mà không một lời từ biệt chúng tôi. Sự nhạo báng lắm lời dường như đã hoàn toàn bỏ rơi anh ta. Sau bữa ăn tối Markham viện cớ mệt mỏi, Vance và tôi đến Metropolitan và nghe Geraldine Farrar* trong vở “Louise*.”

Buổi sáng tiếp theo đã xua tan tối tăm và u ám. Currie gọi chúng tôi lúc 7 giờ rưỡi, Vance dự định có mặt trong buổi thẩm vấn Drukker; và lúc 8 giờ chúng tôi dùng bữa điểm tâm trong phòng trước ánh sảng từ lò sưởi. Chúng tôi bị kẹt xe trên đường đến khu trung tâm, và mặc dù đã 9 giờ 15 khi chúng tôi đến Văn phòng Công tố quận, Drukker và Heath vẫn chưa đến.

Vance ngồi một cách thoải mái trên chiếc ghế lớn bọc da và châm điếu thuốc.

“Tôi thấy khá phấn khởi sáng nay,” anh nhận xét. “Nếu Drukker kể câu chuyện của anh ta, và nếu câu chuyện đúng như những gì tôi

nghĩ, chúng ta sẽ biết cách để mở khóa."

Những lời nói của anh vừa được thốt ra xong thì Heath xông vào văn phòng và, đối mặt với Markham mà không một lời chào hỏi, giơ hai cánh tay lên và để chúng rơi xuống trong cử chỉ vô vọng.

"Chà, thưa anh, chúng ta sẽ không thẩm vấn Drukker vào sáng nay - hay không còn có thể nữa," anh ta tiết lộ. "Anh ta ngã từ bức tường cao ở công viên Riverside gần nhà anh ta tối qua, và bị gãy cổ. Đến tận 7 giờ sáng nay mới được tìm thấy. Thi thể của anh ta hiện giờ đã được đem xuống nhà xác… Chúng tôi vừa biết được!" Anh ta buông người xuống ghế một cách chán nản.

Markham nhìn chằm chằm anh ta một cách ngờ vực.

"Anh chắc chứ?" Anh ta hỏi, với vẻ hơi bất ngờ.

"Tôi có mặt ở đó trước khi họ di chuyển cái xác. Một người dân địa phương gọi cho tôi về chuyện này ngay khi tôi rời văn phòng. Tôi ở quanh quẩn gần đó và nhận tất cả tin tức có thể."

"Anh đã biết được gì?" Markham đang chiến đấu chống lại sự áp đảo của cảm giác chán nản.

"Không tìm ra gì nhiều. Vài đứa trẻ trong công viên nhìn thấy xác chết khoảng 7 giờ sáng nay - có nhiều đứa trẻ xung quanh đó, đang là thứ Bảy; những người dân địa phương hốt hoảng và gọi bác sĩ. Bác sĩ nói Drukker chắc là bị ngã xuống bờ tường khoảng 10 giờ tối qua - chết ngay lập tức. Bức tường ở chỗ - bên phải đối điện đường số 76 - có độ cao 30 foot* so với mặt đất. Phần bắt đầu của nó chạy dọc theo đường xe ngựa; và thật thần kỳ khi không có nhiều người té gãy cổ ở đó. Lũ trẻ vẫn thường đi dạo dọc theo gờ đá đó."

"Bà Drukker đã được thông báo chưa?"

"Chưa. Tôi đã nói với họ là tôi sẽ lo chuyện đó. Nhưng tôi nghĩ tôi nên đến đây trước và xem anh muốn làm thế nào."

Markham ngả người ra sau chán nản.

"Tôi không thấy chúng ta còn nhiều thứ có thể làm."

"Có lẽ tốt hơn", Vance đề nghị, "là hãy thông báo cho Arnesson. Anh ta có lẽ là người phải trông nom nhiều thứ… Ôi trời, Markham à! Sau tất cả, tôi bắt đầu nghĩ rằng vụ án này là một cơn ác mộng. Drukker là hy vọng chính của chúng ta, và tại thời điểm chúng ta có cơ hội buộc anh ta phải nói ra thì anh ta lại ngã nhào khỏi bức tường…" Bất ngờ anh ngừng lại. "Khỏi bức tường!…" Khi anh lặp lại những từ đó, anh đã nhảy lên. *"Một anh gù ngã khỏi bức tường!… Một anh gù!…"*

Chúng tôi nhìn anh chằm chằm như thể anh bị mất trí; và tôi thừa nhận rằng vẻ mặt anh khiến tôi cảm thấy ớn lạnh. Đôi mắt anh nhìn trừng trừng, giống như người ta nhìn thấy ma quỷ. Anh chậm rãi quay sang Markham, và nói bằng giọng tôi khó nhận ra được:

"Một vở kịch tâm lý xã hội điên loạn khác - một bài đồng dao Mẹ Ngỗng khác… Lần này là 'Humpty Dumpty'!"

Sự im lặng đáng sợ đã kéo dài cho đến khi bị phá vỡ bởi tiếng cười gượng gạo khó nghe của viên trung sĩ.

"Đúng là chuyện dai dẳng, phải không, anh Vance?"

"Thật lố bịch!" Markham phản bác, quan sát Vance với sự lo ngại thực sự. "Anh bạn của tôi, anh để vụ án này ám ảnh tâm trí anh quá nhiều rồi. Chẳng có chuyện gì xảy ra ngoại trừ việc một anh gù bị ngã ở đầu tường trong công viên. Thật đáng tiếc, tôi biết; và nó đáng buồn gấp đôi vào lúc này." Anh ta đến chỗ Vance và đặt tay lên vai anh. "Hãy để trung sĩ và tôi xử lý việc này - chúng tôi đã quen với những việc

như thế. Hãy đi du ngoạn và nghỉ ngơi thật tốt. Sao không đi châu Âu như anh thường làm vào mùa xuân?”

“Ồ, được… được.” Vance thở dài và cười một cách mệt mỏi. “Không khí biển có thể khiến thế giới của tôi tốt hơn, và tất cả điều đó. Đưa tôi trở lại bình thường ư? - Xây lại đống đổ nát của bộ não đáng khâm phục này… Tôi bỏ cuộc! Hồi ba trong vở bi kịch khủng khiếp này diễn ra ngay trước mắt chúng ta, và các anh cứ bình thản tảng lờ nó.”

“Trí tưởng tượng của anh đã tốt hơn rồi đó,” Markham quay lại, với sự kiên nhẫn sâu sắc. “Đừng lo về điều đó nữa. Hãy ăn tối với tôi hôm nay. Chúng ta sẽ nói về nó sau.”

Ngay lúc này Swacker vào, và nói với viên trung sĩ.

“Quinan của báo *World* đang ở đây. Anh ta muốn gặp anh.”

Markham dao động.

“Ôi, Chúa ơi!… Đưa anh ta vào đây!”

Quinan bước vào, vẫy tay vui vẻ chào chúng tôi, và trao cho viên trung sĩ một lá thư.

“Lại một *billet doux** khác - nhận được vào sáng nay. - Vì đặc quyền gì mà tôi được đối xử hào hiệp vậy nhỉ?”

Heath mở bức thư để tất cả chúng tôi có thể xem. Ngay lập tức tôi nhận ra tờ giấy và những ký tự kiểu élite màu lam nhạt. Bức thông điệp viết:

#

Humpty Dumpty ngồi trên tường,

Humpty Dumpty ngã khỏi tường;

Cả lũ ngựa và người của nhà vua

Cũng không thể gắn lại Humpty Dumpty được nữa.

#

Sau đó là chữ ký xấu xa, được viết in hoa: GIÁM MỤC.

CHƯƠNG 17

ĐÈN SÁNG SUỐT ĐÊM

(Thứ Bảy, 16 tháng Tư; 9.30 a.m.)

Khi Heath đã thoát khỏi Quinan với những lời hứa theo kiểu mà bất kỳ phóng viên nào cũng vui lòng*, bầu không khí yên lặng căng thẳng tồn tại trong văn phòng chừng vài phút. "Giám Mục" lại ra tay tàn bạo một lần nữa; và giờ vụ án trở nên khủng khiếp gấp ba lần, với lời giải dường như càng xa vời hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, không phải việc không tìm ra đáp án của những tội ác không thể tin nổi này ảnh hưởng quan trọng đến chúng tôi; mà chính là nguồn gốc kinh hoàng vốn có của nó, như một loại khí độc, từ chính những màn kịch này.

Vance buồn bã đi qua đi lại, giọng nói chứa đựng vẻ bất an.

"Thật chết tiệt, Markham à - đó là bản chất độc ác không thể tả được… Những đứa trẻ trong công viên đó - dậy sớm vào ngày nghỉ để tìm kiếm giấc mơ - lăng xăng chơi đùa và diễn trò… và rồi sự thật câm lặng - sự vỡ mộng tồi tệ… Anh không thấy tính tàn ác của nó sao? Những đứa trẻ đó tìm thấy Humpty Dumpty - Humpty Dumpty của chúng, người chúng từng cùng chơi đùa - nằm chết dưới chân bức tường - một Humpty Dumpty chúng có thể chạm vào và khóc thương, vỡ nát và méo mó và không bao giờ có thể lành lặn được nữa…"

Anh dừng lại bên cửa sổ và nhìn ra ngoài. Sương mù đã tan, và một tia nắng mùa xuân khuếch tán mờ nhạt phủ lên mặt đá xám của thành phố. Con đại bàng vàng trên tòa nhà New York Life* lấp lánh ở đằng xa.

“Này; một người không thể đơn giản trở nên đa cảm,” anh nhận xét với nụ cười gượng gạo, quay lưng lại căn phòng. “Nó phân hủy trí thông minh và làm giảm hiệu lực quá trình biện chứng. Giờ chúng ta đã biết Drukker không phải là nạn nhân tình cờ của định luật vạn vật hấp dẫn, mà là đã được giúp một tay trong chuyến đi rời khỏi thế giới này, nếu chúng ta hành động sớm hơn, thì sự việc đã tốt hơn chăng?”

Dù sự thay đổi tâm trạng của anh là một kết quả hiển nhiên, nó đã đánh thức những người còn lại trong chúng tôi ra khỏi sự thờ ơ tối tăm của mình. Markham với tay tới điện thoại và sắp xếp với thanh tra Moran để Heath thụ lý vụ án Drukker. Sau đó anh ta gọi cho Văn phòng Giám định pháp y và xin ngay bản báo cáo khám nghiệm tử thi. Heath mạnh mẽ đứng dậy, và sau khi đã uống xong ba cốc nước đá, đứng với hai chân dang ra, chiếc nón quả dưa của anh ta được kéo sụp xuống che hết trán, đợi vị công tố viên chỉ dẫn hành động.

Markham bồn chồn đi qua đi lại.

“Những người trong bộ phận của anh, trung sĩ à, đáng lẽ phải trông chừng hai nhà Drukker và Dillard. Sáng nay anh có nói chuyện với ai trong số họ không?”

“Tôi không có thời gian, thưa anh; và dù sao, tôi nghĩ đó chỉ là một tai nạn thôi. Nhưng tôi đã bảo các anh em ở đó cho đến khi tôi quay lại.”

“Vị giám định pháp y đã nói gì?”

“Chỉ là nó trông giống như một tai nạn; và Drukker đã chết được khoảng mười tiếng đồng hồ…”

Vance hỏi thêm.

“Ông ta có nhắc đến hộp sọ bị nứt ngoài việc gãy cổ không?”

“Thưa anh, ông ta không nói chính xác rằng hộp sọ bị nứt, nhưng ông ta có nói rõ rằng Drukker bị đập trúng sau đầu.” Heath gật đầu đồng ý. “Tôi đoán sẽ có một vết nứt - giống như Robin và Sprigg.”

“Không còn nghi ngờ gì nữa. Phương pháp của tên sát nhân của chúng ta có vẻ đơn giản và hiệu quả. Hắn đập mạnh vào đầu nạn nhân, hoặc làm họ choáng váng hoặc giết họ ngay lập tức, và rồi tiến hành giao vai diễn mà hắn đã chọn cho họ trong vở kịch rối của hắn. Drukker chắc đã nhoài người ra ngoài bức tường, để lộ ra một đòn tấn công hoàn hảo như vậy. Trời mù sương, và hơi mờ mịt. Sau đó là đến cú đánh vào đầu, một cú đẩy nhẹ, và Drukker rơi xuống bức tường không một tiếng động - vật hiến tế thứ ba trên bàn thờ Mẹ Ngỗng.”

“Điều tôi không hiểu,” Heath bày tỏ với vẻ giận dữ gắt gỏng, “là tại sao Guilfoyle*, người mà tôi bố trí canh gác sau nhà Drukker, không báo cáo về việc Drukker đã ra ngoài suốt đêm. Anh ta quay về Cục lúc 8 giờ, và tôi không gặp anh ta. - Anh không nghĩ rằng tìm hiểu chuyện anh ta biết được trước khi chúng ta lên phố là một ý tốt hay sao?”

Markham đồng ý, và Heath lớn tiếng ra lệnh qua điện thoại. Guilfoyle di chuyển từ Trụ sở Cảnh sát đến tòa nhà Tòa án Hình sự chưa đầy mười phút. Viên trung sĩ suýt nữa đã vồ lấy anh ta khi anh ta bước vào.

“Tối hôm qua Drukker ra khỏi nhà lúc mấy giờ?” Anh ta gầm lên.

“Khoảng 8 giờ - ngay sau khi anh ta dùng bữa tối.” Guilfoyle đang bồn chồn, và giọng nói của anh ta có một chút mềm mại nịnh nọt của một người bị bắt quả tang đang lơ là khi làm nhiệm vụ.

“Anh ta đi hướng nào?”

“Anh ta đi ra cửa sau, bước qua bãi tập, và đi vào nhà Dillard qua phòng bắn cung.”

“Đi thăm viếng xã giao à?”

“Có vẻ như vậy, thưa trung sĩ. Anh ta dành nhiều thời gian ở nhà Dillard.”

“Hừ! Và anh ta về nhà lúc mấy giờ?”

Guilfoyle cử động một cách không thoải mái.

“Có vẻ như anh ta không về nhà, thưa trung sĩ.”

“Ồ, không à?” Câu vặn lại của Heath có sự mỉa mai nặng nề. “Tôi tưởng rằng sau khi anh ta ngã gãy cổ xong thì anh ta sẽ quay trở lại và chơi với anh đến hết ngày chứ.

“Ý tôi muốn nói là, thưa trung sĩ…”

“Ý của anh là Drukker - gã mà lẽ ra anh phải chú ý đến - đi thăm nhà Dillard lúc 8 giờ, và rồi anh ngồi xuống gốc cây, chắc là vậy, và ngủ ngon lành chứ gì?… Anh thức dậy lúc mấy giờ?”

“Này, nghe này!” Guilfoyle sừng cồ lên. “Tôi không hề ngủ. Tôi đã thực hiện nhiệm vụ suốt đêm. Chỉ vì tôi không nhìn thấy anh ta về nhà không có nghĩa rằng tôi lơ là canh gác.”

“Nếu anh không thấy anh ta trở về nhà, vậy tại sao anh không gọi điện thoại báo cáo rằng anh ta đã dành ngày cuối tuần ra ngoại ô hay gì đó hả?”

“Tôi tưởng chắc anh ta đã vào nhà bằng cửa trước.”

“Nghĩ kỹ lại rồi sao? Sáng nay không phải não của anh có vấn đề à?”

“Xin hãy thông cảm, thưa trung sĩ. Công việc của tôi không phải là theo dõi Drukker. Anh đã bảo tôi phải canh chừng ngôi nhà và xem ai ra ai vào, và nếu có dấu hiệu rắc rối nào thì xông vào. - Thì đây, đây là những gì đã xảy ra. Drukker đến nhà Dillard lúc 8 giờ, và tôi chú ý quan sát cửa sổ nhà Drukker. Vào khoảng 9 giờ, người đầu bếp đi lên lầu và

bật đèn trong phòng mình. Nửa tiếng sau thì đèn tắt, và tôi tự nhủ: 'Bà ta đi ngủ rồi.' Sau đó vào khoảng 10 giờ đèn trong phòng Drukker được bật sáng…"

"Cái gì?"

"Đúng - như anh đã nghe tôi nói. Đèn trong phòng Drukker sáng lên vào khoảng 10 giờ; và tôi có thể thấy bóng của người nào đó di chuyển qua lại. Giờ, tôi hỏi anh, trung sĩ à: nếu là anh thì bản thân anh có cho rằng anh gù đã vào bằng cửa trước hay không?"

Heath càu nhàu.

"Có lẽ vậy," anh ta công nhận. "Anh chắc là 10 giờ?"

"Tôi không nhìn đồng hồ; nhưng tôi có thể nói với anh rằng khá gần 10 giờ."

"Và mấy giờ thì đèn trong phòng Drukker tắt?"

"Chúng không tắt. Chúng sáng cả đêm. Anh ta là một gã kỳ lạ. Anh ta không theo giờ giấc bình thường, và hai lần trước đèn của anh ta mở đến gần sáng."

"Điều đó cũng khá dễ hiểu," giọng nói uể oải của Vance cất lên. "Gần đây, anh ta đang làm việc với một vấn đề khó khăn. - Nhưng hãy nói cho chúng tôi, Guilfoyle: còn đèn trong phòng bà Drukker thì sao?"

"Vẫn như mọi khi. Quý bà lớn tuổi lúc nào cũng bật đèn trong phòng sáng suốt đêm."

"Có người canh gác nào ở đằng trước nhà Drukker tối hôm qua không?" Markham hỏi Heath.

"Sau 6 giờ thì không, thưa anh. Chúng tôi có một người theo dõi Drukker vào ban ngày, nhưng anh ta hết nhiệm vụ lúc 6 giờ khi Guilfoyle đến thay thế anh ta ở sau nhà."

Mọi người im lặng trong một lúc. Rồi Vance quay sang Guilfoyle.

“Tối hôm qua anh đứng cách cánh cửa đường hẻm nằm giữa hai tòa nhà chung cư bao xa?”

Người đàn ông dừng lại để mường tượng ra khung cảnh.

“40 đến 50 foot* gì đó.”

“Và giữa anh với đường hẻm là hàng rào sắt và một vài nhánh cây.”

“Đúng, thưa anh. Tầm nhìn ít nhiều đã bị che khuất, nếu ý của anh là vậy.”

“Có khi nào ai đó, từ hướng nhà Dillard, đi ra và về bằng cánh cửa đó mà anh không để ý thấy không?”

“Cũng có khả năng,” vị thám tử công nhận; “với điều kiện, dĩ nhiên là, người đó không muốn bị tôi nhìn thấy. Tối hôm qua trời vừa có sương vừa tối nữa, và lúc nào cũng có nhiều tiếng xe cộ từ đường Drive có thẻe át đi tiếng động nếu hắn cực kỳ cẩn thận.”

Khi viên trung sĩ bảo Guilfoyle trở về Cục để đợi lệnh, Vance nói lên sự bối rối trong lòng mình.

“Đây là một tình huống thật phức tạp. Drukker đến thăm nhà Dillard lúc 8 giờ, và lúc 10 giờ anh ta bị xô xuống từ bức tường trong công viên. Như mọi người đã thấy, bức thông điệp mà Quinan vừa cho chúng ta xem có đóng dấu bưu điện 11 giờ tối - có nghĩa rằng nó có lẽ đã được đánh máy ra *trước khi gây án.* Vậy là, Giám Mục đã lên kế hoạch cho vở hài kịch của hắn từ trước và chuẩn bị bức thông điệp cho báo giới. Sự trơ tráo của nó thật đáng kinh ngạc. Nhưng có một nhận định chúng ta có thể bám vào - đó là, tên sát nhân là một người nào đó biết chính xác Drukker ở đâu và tiến hành ra tay từ 8 đến 10 giờ.”

“Tôi hiểu rồi,” Markham nói, “giả thuyết của anh là kẻ giết người đã đi và về bằng đường hẻm tòa nhà chung cư.”

“Ồ, tôi đã nói rồi! Tôi không có giả thuyết. Tôi đã hỏi Guilfoyle về đường hẻm chỉ phòng trường hợp chúng ta biết được không ai ngoài Drukker bị nhìn thấy đi đến công viên. Trong trường hợp đó, ta có thể giả định, như một giả thuyết dự kiến, rằng kẻ giết người đã xoay xở để tránh bị phát hiện bằng cách đi vào đường hẻm giữa hai tòa nhà và băng qua công viên.

“Với con đường khả thi đó mở ra cho tên sát nhân,” Markham buồn rầu nhận xét, “thì ai bị nhìn thấy đi ra ngoài với Drukker cũng không còn quan trọng mấy.”

“Chỉ có vậy thôi. Kẻ đã dựng lên trò hề này có thể đã táo tợn bước vào công viên ngay trước mắt của một cảnh sát tinh anh, hoặc hắn có thể đã lén lút vội vã đi qua đường hẻm.”

Markham gật đầu, không vui vẻ nhưng đồng ý.

“Điều làm tôi bực mình nhất, tuy nhiên,” Vance tiếp tục, “chính là ánh đèn suốt đêm trong phòng Drukker. Nó được bật lên vào khoảng thời gian anh bạn tội nghiệp về cõi vĩnh hằng. Và Guilfoyle nói rằng anh ta có thể thấy người nào đó di chuyển qua lại sau khi đèn sáng lên…”

Anh ngừng lại, và đứng im trong tư thế tập trung trong vài giây.

“Theo tôi, trung sĩ à; tôi không nghĩ rằng anh biết chìa khóa cửa trước của Drukker có nằm trong túi của anh ta hay không khi anh ta được tìm thấy.”

“Không, thưa anh; nhưng tôi có thể tìm ra ngay thôi. Đồ đạc trong túi anh ta đang được giữ lại sau khi khám nghiệm xong.”

Heath bước đến chiếc điện thoại, và một lát sau anh ta nói chuyện với viên trung sĩ hành chính của đồn cảnh sát ở đường số 68. Vài phút

chờ đợi trôi qua; sau đó anh ta càu nhàu và dập mạnh ống nghe xuống.

"Không có chìa khóa nào trên người anh ta hết."

"À!" Vance hút một hơi sâu từ điếu thuốc lá và chậm rãi nhả khói. "Tôi bắt đầu nghĩ rằng Giám Mục đã lấy cắp chìa khóa của Drukker và làm một chuyến viếng thăm đến phòng của anh ta sau khi giết người. Nghe thật khó tin, tôi biết, về việc đó; nhưng, tất cả chuyện khác đã diễn ra trong vụ việc quái dị này cũng như vậy thôi."

"Nhưng, trời ơi, mục đích của hắn là gì chứ?" Markham ngờ vực phản đối.

"Chúng ta chưa biết được. Nhưng tôi có một ý tưởng là khi chúng ta biết được động cơ của những tội ác kinh dị này, chúng ta sẽ hiểu tại sao lại có chuyến viếng thăm đó."

Markham, gương mặt có vẻ khắc khổ, lấy cái nón của mình từ tủ đồ.

"Tốt hơn chúng ta nên ra ngoài đó."

Nhưng Vance không động đậy. Anh vẫn đứng bên bàn làm việc mơ màng hút thuốc.

"Anh biết đấy, Markham," anh nói, "tôi vừa nghĩ ra chúng ta nên gặp bà Drukker trước. Có một thảm kịch trong ngôi nhà đó tối hôm qua: có gì đó kỳ lạ đã diễn ra ở đó cần được giải thích; và giờ có lẽ bà ấy sẽ kể cho chúng ta bí mật đang bị khóa kín trong đầu bà ấy. Hơn nữa, bà ấy vẫn chưa được thông báo về cái chết của Drukker, và với tất cả tin đồn và bàn tán trong khu phố, lời nói nào đó chắc chắn sẽ lọt đến tai bà ấy không lâu nữa. Tôi sợ bà ấy bị sốc khi nghe tin. Thật ra, tôi cảm thấy sẽ tốt hơn nếu ta liên lạc với Barstead ngay lập tức và mời ông ấy cùng đi. Anh nghĩ sao về việc gọi điện thoại cho ông ấy?"

Markham tán thành, và Vance giải thích vắn tắt tình hình cho vị bác sĩ biết.

Chúng tôi lập tức lái xe đến phố trên, tìm gặp Barstead, và lập tức đến nhà Drukker. Tiếng chuông của chúng tôi được bà Menzel trả lời, gương mặt của bà ta rõ ràng cho thấy rằng bà ta đã biết về cái chết của Drukker. Vance, sau khi nhìn qua bà ta, dẫn bà ta vào phòng khách xa khỏi cầu thang, và thấp giọng hỏi:

"Bà Drukker đã nghe tin chưa?"

"Vẫn chưa," bà ta trả lời, bằng giọng run run hoảng sợ. "Một tiếng trước cô Dillard có ghé qua, nhưng tôi bảo với cô ấy bà chủ đã ra ngoài. Tôi sợ để cô ấy đi lên lầu. Có chuyện gì đó không ổn…" Bà ta bắt đầu run lập cập.

"Sao vậy, bà Menzel?" Vance nhẹ nhàng đặt một bàn tay lên cánh tay của bà ta.

"Tôi không biết. Nhưng cả sáng nay bà ấy chưa hề gây ra một tiếng động nào. Bà ấy không xuống ăn sáng… và tôi sợ phải đi gọi bà ấy lắm."

"Bà nghe đến tai nạn này khi nào?"

"Sáng sớm - ngay sau 8 giờ. Chú bé giao báo kể với tôi; và tôi thấy nhiều người ở dưới đường Drive."

"Đừng sợ," Vance an ủi bà ta. "Chúng tôi có bác sĩ ở đây và chúng tôi sẽ lo mọi chuyện."

Anh quay lại sảnh và dẫn đường đi lên lầu. Khi chúng tôi đến phòng bà Drukker, anh gõ nhẹ lên đó và, không có tiếng trả lời, mở cửa ra. Căn phòng trống trơn. Đèn ngủ vẫn còn sáng trên bàn, và tôi để ý thấy rằng chiếc giường không có người nào nằm trên đó.

Không nói lời nào, Vance quay trở lại xuống sảnh. Chỉ có hai cánh cửa phòng khác, và một trong hai, chúng tôi biết, dẫn vào phòng làm việc của Drukker. Không hề do dự, Vance bước đến cánh cửa kia và mở nó ra mà không gõ cửa. Rèm cửa sổ được kéo lại, nhưng chúng có màu trắng mờ, và ánh sáng xám xịt của ban ngày hòa quyện với bức xạ vàng kinh khủng từ chiếc đèn chùm theo kiểu xưa. Ánh đèn mà Guilfoyle đã nhìn thấy sáng suốt đêm không được tắt.

Vance khựng lại ngay ngưỡng cửa, và tôi thấy Markham, người đứng ngay trước tôi, giật mình.

"Ôi, trời ơi!" Viên trung sĩ thốt lên, và làm dấu chữ thập.

Bên dưới chân chiếc giường hẹp là bà Drukker đang nằm, mặc đầy đủ quần áo. Gương mặt bà ấy trắng bệch; đôi mắt của bà ấy trừng trừng kinh khủng; và hai bàn tay của bà ôm chặt ngực mình.

Barstead nhảy về phía trước và cúi xuống. Sau khi đã chạm vào bà ấy một hai lần ông đứng dậy và chậm rãi lắc đầu.

"Bà ấy mất rồi. Có lẽ đã chết từ đêm." Ông ấy cúi người qua cái xác lần nữa và bắt đầu việc kiểm tra. "Mọi người biết đấy, nhiều năm nay bà ấy đã mắc căn bệnh viêm thận mãn tính, xơ cứng động mạch, và phì đại cơ tim… Một cú sốc đột ngột nào đó đã gây ra giãn nỡ cấp tính… Phải, tôi nghĩ bà ấy chết gần cùng lúc với Drukker… khoảng 10 giờ."

"Một cái chết tự nhiên ư?" Vance hỏi.

"Ồ, chắc chắn rồi. Một mũi adrenalin vào tim có thể đã cứu được bà ấy nếu lúc đó tôi có mặt ở đây…"

"Không có dấu hiệu ẩu đả ư?"

"Không hề. Như tôi đã nói, bà ấy chết do giãn nở cơ tim vì sốc. Một trường hợp rõ ràng - đúng trên mọi phương diện."

CHƯƠNG 18

BỨC TƯỜNG TRONG CÔNG VIÊN

(Thứ Bảy, 16 tháng Tư; 11 a.m.)

Khi vị bác sĩ kéo thẳng thi thể bà Drukker trên giường và phủ nó lại bằng một tấm vải, chúng tôi quay xuống lầu. Barstead ngay lập tức rời khỏi sau khi hứa sẽ gởi giấy chứng tử cho viên trung sĩ trong vòng một giờ.

"Chính xác theo khoa học mà nói đó là một cái chết tự nhiên do bị sốc," Vance nói, khi chỉ có riêng chúng tôi; "nhưng vấn đề trước mắt của chúng ta, các anh biết đó, là xác định rõ nguyên nhân gây ra cú sốc đột ngột. Rõ ràng là điều này có liên quan đến cái chết của Drukker. Bây giờ, tôi tự hỏi…"

Đổi hướng một cách hấp tấp, anh đi vào phòng khách. Bà Menzel đang ngồi ở nơi chúng tôi gặp khi nãy, trong một tư thế ngóng chờ khiếp sợ. Vance đi tới chỗ bà ta và nói một cách chân thành:

"Trong đêm qua bà chủ của bà đã chết do suy tim. Và nó sẽ tốt hơn so với việc bà ấy phải sống lâu hơn con trai mình."

*"Gott geb' ihr die ewige Ruh'!"** người phụ nữ lẩm bẩm một cách ngoan đạo. *"Ja,* đó là điều tốt nhất…"

"Bà ấy chết khoảng 10 giờ tối qua. - Bà còn thức vào lúc đó không, bà Menzel?"

"Tôi thức suốt cả đêm." Bà ta thấp giọng, sợ hãi nói.

Vance nhìn bà ta với đôi mắt khép hờ.

"Hãy nói cho chúng tôi biết bà đã nghe thấy gì?"

“Có người đã đến đây đêm qua!”

“Đúng, ai đó đã đến đây vào khoảng 10 giờ - bằng cửa trước. Bà có nghe thấy hắn vào không?”

“Không; nhưng sau khi tôi vào giường thì tôi nghe có giọng nói trong phòng anh Drukker.”

“Có bất thường không khi có giọng nói trong phòng anh ta lúc 10 giờ tối?”

“Nhưng đó không phải là anh ta! Anh ta có chất giọng cao, còn giọng nói này thì trầm và cộc cằn.” Người phụ nữ ngước lên trong hoang mang lo sợ. “Và giọng nói khác là của bà Drukker… và bà ấy không bao giờ vào phòng anh Drukker vào ban đêm!”

“Làm thế nào mà bà có thể nghe rõ như thế trong khi cửa phòng bà lại đóng?”

“Phòng tôi ở ngay bên trên phòng của anh Drukker,” bà ấy giải thích. “Và tôi đã lo lắng - tất cả những gì tồi tệ đều đang xảy ra; vì thế tôi ngồi dậy và lắng nghe tiếng bước chân.”

“Tôi không thể đổ lỗi cho bà,” Vance nói. “Bà đã nghe thấy gì?”

“Lúc đầu thì nó giống như là bà chủ đang than van, nhưng ngay lập tức bà ấy bắt đầu cười phá lên, và sau đó người đàn ông nói chuyện như thể giận dữ. Nhưng rất nhanh chóng, tôi cũng nghe hắn cười phá lên. Sau đó có vẻ như quý bà tội nghiệp ấy đang cầu nguyện - tôi có thể nghe bà ấy nói ‘Ôi, Chúa ơi - ôi, Chúa ơi!’ Sau đó người đàn ông nói gì đó nhiều hơn nữa - rất hòa nhã và nhỏ nhẹ… Và trong một thời gian ngắn hình như bà chủ đang - ngâm nga - một bài thơ…”

“Bà có nhận ra bài thơ đó nếu bà được nghe lại lần nữa không?… Có phải là:

#

Humpty Dumpty ngồi trên tường,

Humpty Dumpty ngã khỏi tường…”

#

*“Bei Gott, das ist’s** ! Nó giống như thế!” Một nỗi kinh hoàng mới xuất hiện trên vẻ mặt của người phụ nữ. “Và anh Drukker đã ngã từ trên tường xuống vào đêm qua…”

“Bà còn nghe thấy gì khác nữa không, bà Menzel?” giọng nói bình thường của Vance đã làm gián đoạn mối tương quan lộn xộn của bà ta về cái chết của Drukker với những câu thơ mà bà ta nghe được.

Bà ta chậm rãi lắc đầu.

“Không. Mọi thứ trở nên im lặng sau đó.”

“Bà có nghe thấy tiếng ai đó rời khỏi phòng anh Drukker không?”

Bà ta hoảng sợ gật đầu với Vance.

“Vài phút sau có người mở cửa và đóng cửa lại, rất nhẹ nhàng; và tôi nghe thấy tiếng bước chân di chuyển xuống sảnh trong bóng tối. Sau đó cầu thang phát ra tiếng động, rồi cửa trước nhanh chóng được đóng lại.”

“Sau đó bà làm gì?”

“Tôi lắng nghe một chút nữa, và sau đó tôi trở lại giường. Nhưng tôi không ngủ được…”

“Mọi chuyện bây giờ kết thúc rồi, bà Menzel,” Vance an ủi bà ta. “Không còn gì khiến bà sợ hãi nữa. - Tốt nhất bà nên về phòng mình và chờ cho đến khi chúng tôi cần bà.”

Người phụ nữ miễn cưỡng đi lên lầu.

“Bây giờ tôi nghĩ là,” Vance nói, “chúng ta gần như có thể đoán được những gì đã xảy ra ở đây vào đêm qua. Tên sát nhân lấy chìa

khóa của Drukker và vào nhà bằng cửa trước. Hắn biết phòng bà Drukker ở phía sau, và hắn tin chắc sẽ hoàn thành công việc của hắn trong phòng Drukker và đi như cách hắn đã đến. Nhưng bà Drukker nghe thấy hắn. Có thể bà ấy đã liên tưởng hắn với 'người đàn ông nhỏ thó' đã để lại quân giám mục đen ở cửa phòng bà ấy, và lo sợ rằng con trai bà ấy đang gặp nguy hiểm. Bất luận thế nào, bà ấy ngay lập tức đi vào phòng của Drukker. Cánh cửa có thể đã hé mở, và tôi nghĩ bà ấy thấy kẻ đột nhập và nhận ra hắn. Hoảng hốt và sợ hãi, bà ấy bước vào và hỏi hắn tại sao hắn ở đây. Hắn có thể đã trả lời là hắn đến đây để báo cho bà ấy biết về cái chết của Drukker - điều đó giải thích cho việc bà ấy than van và cười điên loạn. Nhưng đó chỉ là sự khởi đầu trong nhiệm vụ của hắn - một vở kịch được diễn ra trong lúc này. Hắn đã bày mưu cho cuộc gặp gỡ này - hắn đang lên kế hoạch sẽ giết bà ấy như thế nào! Ồ, không còn nghi ngờ gì nữa. Hắn không thể để bà ấy sống sót rời khỏi căn phòng đó. Có lẽ hắn đã nói thế với bà ấy - hắn nói chuyện 'như thể giận dữ', các anh nhớ lại xem. Và sau đó hắn cười phá lên. Lúc này, hắn đang tra tấn bà ấy - có lẽ hắn nói với bà ấy toàn bộ sự thật trong vẻ háo hức của sự cố chấp điên cuồng; và bà ấy chỉ có thể nói 'Ôi, Chúa ơi - ôi, Chúa ơi!' Hắn giải thích việc hắn đã đẩy Drukker qua tường như thế nào. Và hắn có đề cập đến Humpty Dumpty không? Tôi nghĩ là có; làm gì có khán giả nào biết thưởng thức trò đùa ghê tởm của hắn hơn là mẹ của nạn nhân? Việc tiết lộ sau cùng này là quá mức với bộ não nhạy cảm của bà ấy. Bà ấy lặp lại bài đồng dao như một câu thần chú trong sự khủng khiếp; và rồi một cú sốc được tích lũy đã làm bà ấy suy tim. Bà ấy ngã xuống giường, và tên sát nhân không cần phải bịt miệng bà ấy bằng đôi tay của hắn. Hắn thấy những gì đã xảy ra, và lặng lẽ chuồn khỏi đó."

Markham đi qua đi lại trong phòng.

“Phần khó hiểu nhất của thảm kịch đêm qua,” anh ta nói, “là tại sao gã này lại tới đây sau cái chết của Drukker.”

Vance hút thuốc một cách trầm tư.

“Tốt hơn nên nhờ Arnesson giúp chúng ta giải quyết điểm này. Có lẽ anh ta có thể làm sáng tỏ điều này.”

“Đúng, có lẽ anh ta có thể đấy,” Heath phụ họa. Sau khi ngậm điếu xì gà giữa đôi môi được một lúc, anh ta nói thêm một cách ảm đạm: “Có vài người ở quanh đây, tôi nghĩ, có thể đưa ra vài lời giải thích khá hơn.”

Markham do dự trước viên trung sĩ.

“Điều đầu tiên chúng ta nên làm là tìm hiểu những gì mà người của anh biết về hành động của những người khác quanh đây vào đêm qua. Đề nghị anh mang họ đến đây và để tôi hỏi họ. Nhân tiện, có bao nhiêu người đã ở đó? Và nhiệm vụ của họ là gì?”

Viên trung sĩ đứng lên, lanh lẹ và mạnh mẽ.

“Có ba người, thưa anh, ngoài Guilfoyle. Emery được cử đi theo dõi ông Pardee; Snitkin gác ở giao lộ đường Drive và đường số 75 để theo dõi nhà Dillard; và Hennessey gác ở đường số 75 gần đại lộ West End. - Họ đều đang đợi ở nơi mà Drukker được tìm thấy. Tôi sẽ gọi họ đến đây ngay tức thì.”

Anh ta biến mất ở cửa trước, và chưa đầy năm phút thì anh ta trở lại cùng với ba thám tử. Tôi nhận ra tất cả bọn họ, mỗi người từng làm việc trong một hay nhiều vụ mà Vance đã tham gia*. Markham hỏi Snitkin đầu tiên như là khả năng cao nhất có được thông tin liên quan trực tiếp đến vụ việc đêm qua. Những điểm sau được đưa ra từ lời khai của anh ta:

Pardee ra khỏi nhà ông ta lúc 6.30 và đi thẳng tới nhà Dillard.

Lúc 8.30 Belle Dillard, trong bộ đồ dạ hội, đã lên một chiếc taxi và đi tới đại lộ West End. (Arnesson ra khỏi nhà với cô ấy và giúp cô ấy lên taxi, nhưng lại trở vào nhà ngay.)

Lúc 9.15 giáo sư Dillard và Drukker rời khỏi nhà Dillard và chậm rãi đi bộ tới đường Riverside Drive. Họ băng qua đường Drive tại đường số 74, và đi vào đường xe ngựa.

Lúc 9.30 Pardee rời khỏi nhà Dillard, đi bộ đến đường Drive, và rẽ lên phố trên.

Hơn 10.00 một chút, giáo sư Dillard trở về nhà một mình, băng trở lại đường Drive ở đường số 74.

Lúc 10.20 Pardee trở về nhà, đi từ cùng một hướng mà ông ta đã đi lúc ra ngoài.

Belle Dillard được đưa về nhà lúc 12.30 trong chiếc limousine đầy những người trẻ.

Hennessey là người tiếp theo được hỏi; nhưng chứng cứ của anh ta cũng chỉ chứng minh chứng cứ của Snitkin. Không ai tiếp cận nhà Dillard từ hướng đại lộ West End; và không có gì khả nghi xảy ra cả.

Markham sau đó chuyển sự chú *ý* của anh ta lên Emery, người đã báo cáo, theo Santos là người đã đổi gác với anh ta lúc 6 giờ, rằng Pardee đã dành thời gian đầu giờ chiều tại câu lạc bộ cờ vua Manhattan và quay về nhà vào khoảng 4 giờ.

“Sau đó, như Snitkin và Hennessey đã nói,” Emery tiếp tục, “ông ta tới nhà Dillard lúc 6 giờ rưỡi, và ở lại đó tới 9 giờ rưỡi. Khi ông ta đi ra thì tôi liền theo sau, giữ khoảng cách nửa khu nhà hoặc đi phía sau ông ta. Ông ta đi từ đường Drive tới đường số 79, băng qua công viên phía trên, và đi bộ quanh bồn cỏ lớn, qua những tảng đá, và hướng về câu lạc bộ du thuyền…”

“Ông ta có đi trên con đường nơi Sprigg bị bắn không?” Vance hỏi.

“Ông ta phải đi. Không có con đường nào khác theo lối đó trừ phi anh đi bộ dọc theo đường Drive.”

“Ông ta đi bao xa?”

“Sự thật là, ông ta dừng lại ngay tại nơi Sprigg bị giết. Rồi ông ta quay lại theo con đường mà ông ta đã đi và rẽ vào công viên nhỏ có sân chơi ở phía nam đường số 79. Ông ta đi bộ chậm rãi dưới hàng cây dọc theo đường xe ngựa; và khi ông ta đi dọc theo bờ tường đến chỗ hồ nước, ông ta tình cờ gặp ông lão và anh gù, đang ngồi nghỉ trên gờ tường và nói chuyện…”

“Anh nói ông ta đã gặp giáo sư Dillard và Drukker ở ngay nơi mà Drukker té từ trên tường xuống phải không?” Markham chồm tới trong hy vọng.

“Đúng, thưa anh. Ông Pardee dừng lại để chào hỏi họ; và tôi tiếp tục đi một cách tự nhiên. Khi tôi đi ngang qua họ thì tôi nghe anh gù nói: ‘Sao ông không luyện cờ vua tối nay?’ Và tôi thấy có vẻ như anh ta không thích việc ông Pardee dừng lại, và gợi ý rằng anh ta không muốn thế. Dù sao thì, tôi đã đi thong thả dọc theo bức tường cho tới khi tôi đến đường số 74 nới có vài cái cây để ẩn mình…”

“Làm thế nào mà anh có thể thấy ông Pardee và anh Drukker sau khi anh đi tới đường số 74?” Markham ngắt lời.

“À, thưa anh, để tôi cho anh biết sự thật, tôi không thể nhìn thấy bọn họ mọi lúc. Có khá nhiều sương mù lúc đó, và không có đèn đường tại khu đi bộ đó nơi họ nói chuyện. Nhưng tôi nghĩ Pardee sẽ đi sớm thôi, nên tôi chờ ông ta.”

“Hẳn phải tới 10 giờ.”

“Khoảng mười lăm phút sau, tôi nghĩ thế, thưa anh.”

“Có bất kỳ ai đi bộ lúc đó không?”

“Tôi không thấy ai cả. Sương mù hẳn đã đẩy họ vào nhà - đó không phải là một buổi tối ấm áp dễ chịu. Và đó là lý do vì sao không có ai xung quanh khi tôi đã đi xa như thế. Ông Pardee không phải là kẻ ngốc, và tôi đã bắt gặp cái nhìn của ông ta một hai lần như thể ông ta nghi ngờ tôi đang theo dõi ông ta.”

“Bao lâu trước khi anh lại theo dõi ông ta?”

Emery thay đổi tư thế.

“Việc suy đoán của tôi vào đêm qua không tốt lắm,” anh ta thú nhận, với một nụ cười nhạt. “Ông Pardee hẳn phải trở lại con đường mà ông ta đã đến và lại băng qua đường Drive ở đường số 79; khoảng nửa giờ hoặc lâu hơn tôi thấy ông ta về nhà đứng trước đèn của khu nhà ở đường số 75.”

“Nhưng,” Vance xen vào; “nếu anh đã ở lối vào công viên trên đường số 74 cho tới 10 giờ 15 anh phải thấy giáo sư Dillard đi ngang qua anh. Ông ấy về nhà lúc 10 giờ bằng con đường đó.”

“Chắc chắn rồi, tôi đã thấy ông ấy mà. Tôi đứng đợi ông Pardee khoảng hai mươi phút khi giáo sư đi dạo một mình dọc theo con đường, băng qua đường Drive, và về nhà. Tôi vốn nghĩ ông Pardee và anh gù vẫn đang nói chuyện phiếm, - đó là lý do tại sao tôi cứ từ từ và không quay lại kiểm tra.”

“Sau đó, như tôi hiểu, khoảng 15 phút sau khi giáo sư Dillard đi ngang qua anh, anh đã thấy ông Pardee trở về nhà theo hướng ngược lại dọc theo đường Drive.”

“Đúng vậy, thưa anh. Và, dĩ nhiên, tôi tiếp tục việc canh gác của mình ở đường số 75.”

“Emery, anh có nhận thấy,” Markham nghiêm trang nói, “rằng trong suốt thời gian anh chờ ở đường số 74 thì Drukker đã ngã xuống tường.”

“Có, thưa anh. Nhưng anh không đổ lỗi cho tôi, phải không? Theo dõi một người trong một đêm đầy sương mù trên một con đường vắng vẻ khi không có ai xung quanh che chắn cho anh, là công việc không dễ dàng gì. Anh phải chấp nhận may rủi và trông chờ một chút nếu anh không muốn bị phát hiện.”

“Tôi hiểu khó khăn của anh,” Markham nói với anh ta; “và tôi không chỉ trích anh.”

Viên trung sĩ giải tán ba thám tử một cách cộc cằn. Rõ ràng là anh ta không hài lòng với báo cáo của họ.

“Chúng ta càng đi xa,” anh ta phàn nàn, “thì vụ này càng bế tắc.”

*“Sursum corda**, trung sĩ,” Vance cổ vũ anh ta. “Đừng để bóng tối tuyệt vọng đánh bại anh. Khi chúng ta có lời khai của ông Pardee và giáo sư giống như những gì đã xảy ra trong lúc Emery đã theo dõi và chờ đợi trên đường số 74, chúng ta có thể làm cho một vài thứ thú vị ăn khớp với nhau.”

Khi anh nói thì Belle Dillard bước vào sảnh từ phía sau của ngôi nhà. Cô ấy nhìn thấy chúng tôi trong phòng khách và bước đến ngay.

“Quý bà Mae đâu rồi?” Cô ấy hỏi với giọng lo âu. “Tôi đã ở đây vào một giờ trước, và bà Grete nói với tôi là bà ấy đã ra ngoài. Và giờ thì bà ấy không có ở trong phòng của bà ấy.”

Vance đứng lên và đưa ghế của mình cho cô ấy.

“Bà Drukker chết vào đêm qua vì bị suy tim. Trước đó khi cô ở đây thì bà Menzel đã lo sợ nên không để cho cô lên lầu.”

Cô gái lặng lẽ ngồi xuống một lát. Chẳng mấy chốc những giọt nước mắt đã tuôn ra từ đôi mắt cô ấy.

"Có lẽ bà ấy đã nghe về tai nạn khủng khiếp của Adolph."

"Có thể. Nhưng không hoàn toàn rõ ràng về chuyện xảy ra ở đây đêm qua. Bác sĩ Barstead nghĩ bà Drukker đã chết vào khoảng 10 giờ."

"Gần như cùng thời điểm Adolph chết," cô ấy thì thầm. "Có vẻ quá khủng khiếp… Ông Pyne đã nói với tôi về tai nạn ấy khi tôi xuống dùng bữa điểm tâm vào sáng nay, - mọi người trong khu phố đều đang nói về nó, - và ngay lập tức tôi qua tìm quý bà Mae. Nhưng bà Grete nói bà ấy đã ra ngoài rồi, và tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Có điều gì đó rất kỳ quặc về cái chết của Adolph…"

"Ý của cô là gì, cô Dillard?" Vance đứng bên cửa sổ ngầm quan sát cô ấy.

"Tôi… không biết… mình muốn nói gì nữa," cô ấy trả lời ngắt quãng. "Nhưng chỉ chiều hôm qua quý bà Mae có nói với tôi về Adolph và bức tường…"

"Ồ, bà ấy đã nói thế, vào lúc đó sao?" giọng nói của Vance lơ đãng hơn bình thường, nhưng mọi dây thần kinh trong cơ thể anh, theo tôi biết, đều đang tỉnh táo cảnh giác.

"Trên đường tôi tới sân quần vợt," cô gái nói tiếp, hạ thấp giọng, "tôi đi dạo với quý bà Mae dọc theo đường xe ngựa trên sân chơi - bà ấy thường tới đó để trông chừng Adolph chơi với lũ trẻ - và chúng tôi đứng một lúc lâu dựa vào lan can bằng đá của bức tường. Một nhóm trẻ con tụ tập xung quanh Adolph: anh ấy có máy bay đồ chơi và cho chúng xem cách nó bay như thế nào. Và những đứa trẻ dường như coi anh ấy là một phần của chúng; chúng không xem anh ấy là một người lớn. Quý bà Mae đã rất hạnh phúc và tự hào về điều đó. Bà nhìn

anh ấy bằng đôi mắt sáng ngời, và sau đó bà nói với tôi: ‘Belle à, chúng không sợ thằng bé vì nó bị gù. Bọn trẻ gọi thằng bé là Humpty Dumpty - đó là người bạn thân trong quyển sách kể chuyện. Humpty Dumpty tội nghiệp của ta! Tất cả là lỗi của ta vì đã để thằng bé té khi nó còn nhỏ.’…” Giọng cô gái ấp úng, và cô ấy lấy khăn tay lau nước mắt.

“Vậy bà ấy đã đề cập với cô chuyện lũ trẻ gọi Drukker là Humpty Dumpty.” Vance chậm rãi đưa tay vào túi áo để lấy hộp thuốc lá.

Cô ấy gật đầu, và một lúc sau lại ngẩng đầu lên như thể chính bản thân cô ấy bị buộc phải đối mặt với thứ mà cô ấy sợ hãi.

“Đúng vậy! Và có gì đó rất lạ; sau một lúc thì bà ấy rùng mình và lùi ra khỏi bức tường. Tôi hỏi bà ấy có chuyện gì, và bà ấy nói trong sự hãi: ‘Giả sử, Belle à - giả sử là Adolph sẽ té từ trên bức tường này xuống - như cách mà Humpty Dumpty thật đã bị!’ Tôi hơi sợ hãi; nhưng tôi cố gắng nở một nụ cười, và bảo là bà ấy thật vớ vẩn. Mặc dù, điều đó chẳng đem lại tốt lành gì. Bà ấy lắc đầu và lạnh lùng nhìn tôi. ‘Ta không vớ vẩn,’ bà ấy nói. ‘Không phải Chim Cổ Đỏ đã bị giết bằng một cây cung và mũi tên sao, và không phải Johnny Sprig đã bị bắn bằng một khẩu súng nhỏ - ngay đây ở New York sao?”’ Cô gái nhìn chằm chằm chúng tôi đầy sự hãi. “Và nó đã xảy ra, phải không - giống như bà ấy đã biết trước?”

“Đúng, nó đã xảy ra,” Vance gật đầu. “Nhưng chúng ta không được làm cho nó trở nên thần bí. Trí tưởng tượng của bà Drukker là không bình thường. Tất cả những cách thức phỏng đoán điên cuồng đang thông qua bà ấy tra tấn tâm trí bà ấy; và với hai cái chết liên quan đến Mẹ Ngỗng quá sống động trong trí nhớ bà ấy, cũng không có gì lạ khi bà ấy liên tưởng đến biệt hiệu mà lũ trẻ đặt cho con trai bà ấy vào một thảm kịch suy đoán cùng loại như thế. Việc anh ta thực sự bị giết bằng

cách thức mà bà ấy đã lo sự không gì khác hơn là một sự trùng hợp…"

Anh dừng lại và hút thuốc một hơi thật sâu.

"Này, cô Dillard," anh hỏi một cách lơ đãng, "cô có tình cờ kể lại cuộc đối thoại với bà Drukker cho bất kỳ ai vào hôm qua không?"

Cô ấy nhìn anh với sự ngạc nhiên trước khi trả lời.

"Tôi đã kể ra trong bữa cơm tối hôm qua. Nó làm tôi lo lắng cả buổi chiều, và - không biết làm sao - tôi không muốn giữ nó cho riêng mình."

"Có ai bình luận về nó không?"

"Bác tôi nói tôi không nên dành quá nhiều thời gian với quý bà Mae - bà ấy ốm yếu và đầy bệnh tật. Bác ấy nói tình cảnh này rất đau buồn, nhưng điều đó là không cần thiết đối với tôi trong việc san sẻ nỗi đau của quý bà Mae. Ông Pardee đồng ý với bác tôi. Ông ấy rất thông cảm, và nói không phải cái gì cũng có thể giúp ích cho trạng thái tinh thần của quý bà Mae."

"Còn anh Arnesson?"

"Ồ, Sigurd chẳng bao giờ nghiêm túc về chuyện gì cả, - đôi khi tôi ghét thái độ của anh ấy. Anh ấy cười phá lên như thể đó là một trò đùa; và tất cả những gì anh ấy nói là: 'Đó sẽ là một sự xấu hổ nếu Adolph ngã nhào xuống trước khi anh ta giải quyết xong vấn đề lượng tử mới.'"

"Nhân tiện, anh Arnesson bây giờ có ở nhà chứ?" Vance hỏi. "Chúng tôi muốn hỏi anh ta về sự sắp xếp cần thiết có liên quan đến gia đình Drukker."

"Anh ấy đến trường đại học vào sáng sớm nay; nhưng anh ấy sẽ trở về trước bữa trưa. Anh ấy sẽ lo mọi việc, tôi chắc chắn như thế.

Quý bà Mae và Adolph chỉ có chúng tôi là những người bạn. Tôi sẽ chịu trách nhiệm trong thời gian chờ đợi và phụ bà Grete sắp xếp những việc trong nhà."

Vài phút sau chúng tôi để cô ấy ở đó và đi gặp riêng giáo sư Dillard.

CHƯƠNG 19

QUYỂN SỔ TAY MÀU ĐỎ

(Thứ Bảy, 16 tháng Tư; trưa)

Vị giáo sư rõ ràng rất bối rối khi chúng tôi bước vào thư viện trưa hôm đó. Ông ấy ngồi trên chiêc ghế bành, lưng quay về hướng cửa sổ, một ly rượu port yêu thích của ông nằm trên chiếc bàn bên cạnh.

"Tôi đang đợi anh đấy, Markham," ông ấy nói, trước khi chúng tôi có đủ thời gian để lên tiếng. "Không cần phải giấu giếm. Cái chết của Drukker không phải là tai nạn. Tôi thừa nhận là tôi cảm thấy nghiêng về hướng những dính líu điên rồ phát sinh từ cái chết của Robin và Sprigg; nhưng lúc Pyne liên hệ đến tình huống té ngã của Drukker, tôi nhận ra rằng có một sự sắp đặt rõ ràng đằng sau những cái chết này: xác suất để những việc đang xảy ra chỉ là ngẫu nhiên là bằng không. Anh và tôi, đều biết rõ điều đó; nếu không anh đã không ở đây."

"Rất đúng." Markham tự ngồi xuống đối diện với vị giáo sư. "Chúng tôi đang đối đầu với một vấn đề khủng khiếp. Hơn nữa, bà Drukker đã chết vì sốc vào đêm qua gần như cùng thời điểm con trai bà ấy bị giết."

"Điều đó, ít ra," ông lão trả lời sau một hồi dừng lại, "có thể được xem như một điều tốt. Tốt hơn là bà ấy không sống sót sau anh ta - tâm trí của bà ấy chắc chắn sẽ sụp đổ." Ông ấy nhìn lên. "Tôi có thể giúp gì cho anh?"

"Ông có lẽ là người cuối cùng, trừ kẻ giết người thật sự ra, nhìn thấy Drukker còn sống; và chúng tôi muốn biết tất cả những gì ông có thể kể cho chúng tôi về chuyện đã diễn ra đêm qua."

Giáo sư Dillard gật đầu.

"Drukker đến đây sau bữa tối - khoảng 8 giờ, tôi nghĩ thế. Pardee ăn tối cùng với chúng tôi; và Drukker khó chịu khi thấy anh ta ở đây - thật ra, anh ta công khai không thích. Arnesson trách anh ta về tính tình nóng nảy - điều đó chỉ khiến anh ta thêm bực bội; và, biết rằng Drukker đang băn khoăn muốn thảo luận một vấn đề với tôi, nên cuối cùng tôi đề nghị anh ta và tôi đi bộ ra công viên…"

"Cả hai người đi không lâu lắm," Markham gợi ý.

"Không. Một việc đáng tiếc xảy ra. Chúng tôi đi lên đường xe ngựa đến gần chính xác nơi, theo tôi được biết, anh chàng tội nghiệp bị giết. Chúng tôi đã ở đó có lẽ được nửa tiếng, tựa vào lan can đá của bức tường, khi đó Pardee bước đến. Anh ta dừng lại nói chuyện với chúng tôi, nhưng Drukker đã nói ra những lời công kích đến nỗi, vài phút sau, Pardee quay lưng và đi về hướng mà anh ta đã đến. Drukker cực kỳ xúc động, và tôi đề nghị hoãn cuộc thảo luận lại. Hơn nữa, một màn sương ẩm đã phủ xuống, và tôi bắt đầu cảm thấy đau nhức ở chân mình. Drukker lập tức trở nên buồn bực, và nói anh ta vẫn chưa muốn về nhà. Vì thế tôi để anh ta một mình ở chỗ bức tường, và về nhà."

"Ông có đề cập đến sự việc này với Arnesson không?"

"Tôi không gặp Sigurd khi tôi trở về. Tôi tưởng nó đã đi ngủ rồi."

Lát sau khi chúng tôi đứng dậy để ra về, Vance tình cờ hỏi: "Ông có thể nói cho chúng tôi biết chìa khóa cửa đường hẻm để ở đâu không?"

"Tôi không biết, thưa anh," giáo sư bực bội trả lời, nhưng nói thêm bằng giọng điềm đạm hơn: "Tuy nhiên, theo tôi nhớ, nó từng được treo trên một cây đinh bên cạnh cửa phòng bắn cung."

Từ chỗ giáo sư Dillard chúng tôi đến thẳng chỗ của Pardee, và lập tức được mời vào phòng làm việc của ông ta. Thái độ của ông ta lãnh

đạm và không tự nhiên, thậm chí sau khi chúng tôi đã ngồi xuống, ông ta vẫn đứng bên cửa sổ, nhìn chằm chằm chúng tôi với cặp mắt không thân thiện.

“Ông Pardee, ông có biết,” Markham hỏi, “rằng anh Drukker đã té ngã từ trên bức tường trong công viên vào lúc 10 giờ đêm qua - không lâu sau khi ông dừng lại và nói chuyện với anh ta không?”

“Tôi có nghe nói đến vụ tai nạn sáng nay.” Sắc mặt tái mét của người đàn ông trở nên dễ nhận thấy hơn, và ông ta lo lắng nghịch sợi dây đồng hồ của mình. “Thật đáng tiếc.” Đôi mắt ông ta hờ hững nhìn Markham trong một lát. “Anh đã hỏi giáo sư Dillard về chuyện đó chưa? Ông ấy đã ở cùng Drukker…”

“Rồi, rồi; chúng tôi vừa mới từ chỗ ông ấy qua,” Vance ngắt lời. “Ông ấy nói tối qua có một bầu không khí rối ren giữa ông và anh Drukker.”

Pardee chậm rãi bước đến bàn làm việc và ngồi xuống một cách gượng gạo.

“Vì lý do nào đó Drukker không hài lòng khi thấy tôi ở nhà Dillard lúc anh ta ghé qua sau bữa tối. Anh ta còn không thèm che giấu sự khó chịu của mình, và gây ra một tình huống khá xấu hổ. Nhưng đã biết rõ anh ta, nên tôi cố gắng bỏ qua. Tuy thế, không lâu sau, giáo sư Dillard dẫn anh ta ra ngoài đi dạo.”

“Sau đó ông cũng không ở lại lâu,” Vance nhận xét một cách lơ đãng.

“Không… khoảng 15 phút. Arnesson thấy mệt và muốn về phòng, nên tôi đi dạo một mình. Lúc trở về tôi đi theo đường xe ngựa thay vì đường Drive, và gặp giáo sư Dillard và Drukker đang đứng bên bức tường nói chuyện. Không muốn tỏ ra bất lịch sự, tôi dừng lại một lát.

Nhưng Drukker đang trong tâm trạng cộc cằn và nói mấy câu mỉa mai. Tôi bỏ đi và quay lại đường số 79, băng qua đường Drive, và về nhà."

"Cho tôi hỏi, không phải ông đi thơ thẩn một lúc bên lề đường sao?"

"Tôi ngồi xuống gần lối vào đường số 79 và hút thuốc."

Gần nửa tiếng đồng hồ Markham và Vance thẩm vấn Pardee, nhưng không biết thêm được gì từ ông ta. Lúc chúng tôi bước ra đường thì Amesson gọi chúng tôi từ hiên trước của nhà Dillard và đi về phía trước để gặp chúng tôi.

"Vừa nghe được tin buồn. Mới về nhà từ trường đại học một lát, và giáo sư nói với tôi rằng các anh đã làm phiền Pardee. Có biết được gì không?" Không đợi trả lời anh ta nói tiếp: "Mớ lộn xộn đáng sợ. Tôi biết là toàn bộ gia đình Drukker đã bị xóa sổ. Thế đấy. Và lại còn thêm thứ vớ vẩn trong sách truyện nữa… Có manh mối gì không?"

"Ariadne* vẫn chưa ưu ái chúng tôi," Vance đáp lại. "Anh có phải là một sứ giả từ đảo Crete không* ?"

"Ai biết được. Đem bảng câu hỏi của anh ra đi." Vance đi trước dẫn đường đến cổng tường rào, và giờ chúng tôi băng qua bãi tập.

"Chúng ta sẽ sắp xếp nhà Drukker trước," anh nói. "Có một số chuyện cần giải quyết. Tôi nhờ anh lo những việc của nhà Drukker và sắp xếp tang lễ."

Arnesson nhăn mặt.

"Đành vậy! Tuy nhiên, tôi từ chối tham gia lễ tang. Cảnh tượng ghê tởm, mấy tang lễ đó. Nhưng Belle và tôi sẽ lo mọi thứ. Quý bà Mae có thể để lại di chúc. Chúng ta phải tìm ra nó. Vậy, phụ nữ thường giấu di chúc của mình ở đâu nhỉ?…"

Vance ngừng lại bên cạnh cửa tầng hầm nhà Dillard và bước vào phòng bắn cung. Sau khi nhìn thoáng qua khung cửa anh đuổi kịp

chúng tôi ở bãi tập.

“Chìa khóa đường hẻm không có ở đó. - Nhân tiện, anh biết gì về nó, anh Arnesson?”

“Ý của anh là chiếc chìa khóa mở cánh cửa gỗ ở hàng rào đó ư?”… Tôi không biết về việc này. Bản thân tôi chưa bao giờ dùng đường hẻm - đi ra cửa trước đơn giản hơn nhiều. Không ai dùng nó cả, theo như tôi được biết. Belle đã khóa nó lại nhiều năm trước rồi: nghĩ rằng ai đó có thể lẻn ra vào từ đường Drive và bị tên bay vào mắt. Tôi đã bảo cô ấy, cứ để họ bị bắn đi - cho đáng đời cái tội ham hố bắn cung.”

Chúng tôi đi vào nhà Drukker bằng cửa sau. Belle Dillard và bà Menzel đang bận rộn trong nhà bếp.

“Chào cô em,” Arnesson chào cô gái. Thái độ nhạo báng của anh ta đã biến mất. “Toàn công việc khó nhọc đối vơi một người trẻ như cô. Tốt hơn cô nên về nhà bây giờ đi. Tôi sẽ đảm nhận việc chỉ huy cho.” Và nắm lấy cánh tay cô ấy bằng một phong cách hài hước, anh ta dẫn cô ấy đến cửa.

Cô ấy lưỡng lự và quay lại nhìn Vance.

“Anh Arnesson nói đúng,” anh gật đầu. “Hiện thời chúng tôi sẽ trông nom cho. - Nhưng chỉ một câu hỏi trước khi cô đi. Có phải cô luôn luôn để chiếc chìa khóa cửa đường hẻm treo trong phòng bắn cung?”

“Đúng - luôn luôn. Tại sao vậy? Giờ nó không có ở đó sao?”

Chính Arnesson là người trả lời, với sự mỉa mai khôi hài.

“Mất rồi! Biến mất rồi! - Bi thảm quá. Kẻ sưu tập chìa khóa lập dị nào đó rõ ràng đã chôm chỉa rồi.” Khi cô gái đi khỏi, anh ta nhướng một mắt với Vance. “Nhân danh tất cả những thứ xấu xa, một chiếc chìa khóa gỉ sét có liên quan gì đến vụ án chứ?”

“Có lẽ là không,” Vance lơ đãng nói. “Hãy vào phòng khách đi. Ở đó thoải mái hơn.” Anh dẫn đường xuống sảnh. “Chúng tôi muốn anh kể những gì anh biết về tối hôm qua.”

Arnesson ngồi xuống chiếc ghế bành bên cạnh cửa sổ phía trước, và lấy tẩu thuốc của anh ta ra.

“Tối hôm qua ư?… Thì Pardee đến ăn tối - là một kiểu thói quen của ông ta vào thứ Sáu. Sau đó Drukker, trong nỗi khổ sở về nghiên cứu lượng tử, ghé qua để hỏi giáo sư, và sự hiện diện của Pardee làm anh ta hằn học. Trời ạ, còn bày tỏ cảm xúc của mình nữa chứ! Không biết kiềm chế. Giáo sư giải tỏa *contretemps** bằng cách dẫn Drukker đi hóng mát. Pardee ngồi buồn thiu được mười lăm phút gì đó, trong khi tôi cố gắng mở hai mắt. Sau đó ông ta tốt bụng rời khỏi. Tôi xem qua vài bài kiểm tra… và thế là đi ngủ.” Anh ta châm tẩu thuốc. “Chuyện kể lại giật gân đó giải thích như thế nào về cái chết của Drukker tội nghiệp?”

“Không nói lên gì cả,” Vance nói. “Nhưng nó không phải là không thú vị. - Anh có nghe thấy giáo sư Dillard khi ông ấy trở về nhà không?”

“Nghe thấy ông ấy?” Arnesson cười khoái trá. “Khi ông ấy đi khập khiễng với đôi chân bị gout, nện cây gậy xuống và rung lắc tay vịn cầu thang, không thể nhầm lẫn sự có mặt của ông ấy trong nhà được. Sự thật là, tối hôm qua ông ấy cực kỳ ồn ào.”

“Ngay bây giờ, anh nghĩ gì với những diễn biến mới này?” Vance hỏi, không lâu sau khi ngừng lại.

“Tôi hơi mơ hồ với các chi tiết. Giáo sư chưa tìm thấy chút ánh sáng nào cả. Thật vậy, khá sơ sài. Drukker rơi từ trên bức tường xuống, như Humpty Dumpty, khoảng 10 giờ, và được tìm thấy sáng nay - đó là chuyện rõ ràng. Nhưng điều gì làm quý bà Mae chết vì bị sốc? Ai, hoặc chuyện gì, đã làm bà ấy sốc? Và bằng cách nào?”

“Tên sát nhân lấy chìa khóa của Drukker và lập tức đến đây sau khi gây án. Bà Drukker bắt gặp hắn trong phòng của con trai mình. Đó là cảnh tượng, phù hợp với lời của người đầu bếp, bà ta đã lắng nghe từ trên lầu; và trong lúc đó bà Drukker đã chết vì giãn nở cơ tim.”

“Bằng cách đó giúp người đàn ông kia khỏi áy náy vì giết bà ấy.”

“Điều đó có vẻ khá rõ ràng,” Vance đồng ý. “Nhưng nguyên nhân cho chuyến viếng thăm của tên sát nhân đến đây vẫn không rõ ràng lắm. Anh có thể gợi ý một lời giải thích không?”

Arnesson trầm ngâm hút thuốc.

“Không thể hiểu được,” rất lâu sau anh ta lẩm bẩm. “Drukker không có đồ quý giá, hay tài liệu nguy hại nào. Loại người thẳng thắn - không phải kiểu người dính líu vào việc dơ bẩn nào… Không có nguyên nhân khả thi cho bất kỳ ai lảng vảng quanh phòng anh ta.”

Vance tựa ra sau và có vẻ thư giãn.

“Thuyết lượng tử mà Drukker đang nghiên cứu là gì vậy?”

“Ha! Thứ lớn đó!” Arnesson trở nên sôi nổi. “Anh ta đang trên đường hòa hợp thuyết bức xạ của Einstein – Bohr* với sự giao thoa, và vượt qua mâu thuẫn vốn có trong giả thuyết của Einstein. Nghiên cứu đã dẫn dắt anh ta đến một sự từ bỏ phối hợp không - thời gian về hiện tượng nguyên tử, và thay thế nó bằng một sự mô tả thống kê.*… Có thể cách mạng hoá vật lý học - làm anh ta nổi tiếng. Tiếc là anh ta đã phải dừng lại trước khi anh ta kịp hoàn thành dữ liệu của mình.”

“Anh có tình cờ biết Drukker giữ ghi chép của những tính toán này ở đâu không?”

“Trong một quyển sổ tay giấy rời - tất cả được xếp thành bảng và ghi mục lục. Có phương pháp và rõ ràng về mọi thứ. Ngay cả chữ viết tay của anh ta cũng giống như chữ in vậy.”

"Vậy anh biết quyển sổ đó trông như thế nào sao?"

"Tôi phải biết chứ. Anh ta thường cho tôi xem nó. Bìa da mềm màu đỏ - trang giấy vàng mỏng - hai hay ba kẹp giấy ở mỗi trang viết ký hiệu - tên của anh ta được đóng dấu cỡ chữ lớn màu vàng kim ở trên bìa… Tội nghiệp anh ta! *Sic transit…"**

"Quyển sổ đó có thể ở đâu vào lúc này?"

"Một trong hai nơi - hoặc là trong ngăn kéo bàn viết của anh ta ở phòng làm việc, nếu không là trong ngăn bàn viết ở phòng ngủ của anh ta. Vào ban ngày, dĩ nhiên, anh ta làm trong phòng làm việc; nhưng anh ta bận rộn cả ngày lẫn đêm khi bị cuốn vào một vấn đề. Đặt một cái bàn viết trong phòng ngủ của mình, nơi anh ta để những ghi chép hiện thời khi đi ngủ, phòng trường hợp anh ta có cảm hứng muốn làm trò khỉ với chúng trong đêm. Sau đó, vào ban ngày, chúng lại quay về phòng làm việc, cỗ máy bình thường trong hệ thống."

Vance lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ khi Arnesson huyên thuyên. Biểu hiện của anh là hầu như không nghe thấy sự mô tả những thói quen của Drukker; nhưng giờ đây anh quay lại và nhìn Arnesson bằng ánh mắt uể oải.

"Này," anh kéo dài; "anh có phiền đi lên lầu và tìm quyển sổ tay của Drukker không? Tìm cả ở phòng làm việc và phòng ngủ luôn."

Tôi tưởng sẽ thấy sự ngần ngại đôi chút của Arnesson; nhưng anh ta đứng dậy ngay lập tức.

"Ý kiến hay. Một tài liệu quá quý giá đến nỗi không thể bị bỏ nằm ngoài như vậy." Và anh ta sải bước ra khỏi phòng.

Markham bắt đầu đi đi lại lại, và Heath để lộ sự bất an của mình bằng cách hút nhả khói hăng hái hơn. Có một bầu không khí căng thẳng trong căn phòng khách nhỏ khi chúng tôi chờ đợi Arnesson quay

lại. Mỗi người chúng tôi đều đang trong trạng thái mong chờ, dù những gì chúng tôi hy vọng hoặc lo ngại rất khó xác định.

Chưa đầy mười phút Arnesson xuất hiện trở lại ở cánh cửa. Anh ta nhún vai và chìa ra hai bàn tay trống rỗng.

"Biến mất rồi!" Anh ta thông báo. "Tìm hết mọi nơi có thể - không tìm được nó." Anh ta quăng mình xuống ghế và châm lại tẩu thuốc của mình. "Không thể hiểu được… Có lẽ anh ta giấu nó rồi."

"Có lẽ," Vance lẩm bẩm.

CHƯƠNG 20

KẺ BÁO THÙ

(Thứ Bảy, 16 tháng Tư; 1 p.m.)

Hơn 1 giờ, Markham, Vance và tôi tới câu lạc bộ Stuyvesant. Heath vẫn ở nhà Drukker để tiếp tục công việc như thường lệ, viết báo cáo, và đối phó với các phóng viên sẽ sớm tụ họp ở đó.

Markham có cuộc họp với cảnh sát trưởng vào lúc 3 giờ; và sau bữa trưa Vance và tôi đi dạo tới phòng trưng bày Intimate của Stieglitz* và dành một giờ ở buổi triển lãm hoa trừu tượng của Georgia O'Keeffe*. Sau đó chúng tôi ghé vào Aeolian Hall và xem trọn buổi biểu diễn String Quartet* cung Sol thứ của Debussy*. Có một vài tranh màu nước của Cézanne* ở khu triển lãm tranh Montross; nhưng lúc đó chúng tôi bị kẹt xe khi đi trên đại lộ 5 vào cuối buổi chiều lúc ánh nắng nhạt dần, và Vance yêu cầu tài xế lái xe đến câu lạc bộ Stuyvesant, nơi mà chúng tôi cùng uống trà với Markham.

"Tôi cảm thấy thật trẻ trung, thật bình dị, thật ngây thơ," Vance kêu ca sầu thảm. "Có quá nhiều thứ đang xảy ra, và chúng đều đang bị điều khiển quá tài tình đến nỗi tôi không thể nào hiểu được chúng. Rất lộn xộn, rất mơ hồ. Tôi không thích điều đó - tôi không thích nó chút nào. Vô cùng mệt mỏi." Anh thở dài buồn thảm và nhấp một ngụm trà.

"Nỗi buồn rầu của anh làm tôi ớn lạnh," Markham đáp lại. "Anh có lẽ đã dành cả buổi chiều để quan sát súng hỏa mai và súng kíp ở Bảo tàng Metropolitan. Nếu anh phải trải qua những gì tôi đã chịu đựng…"

“Đừng bực mình lúc này” Vance trách anh ta. “Có quá nhiều cảm xúc trong cuộc sống. Sự giận dữ sẽ không giải quyết được vụ án này. Việc suy nghĩ là hy vọng duy nhất của chúng ta. Chúng ta phải bình tĩnh và thận trọng.” Tâm trạng anh trở nên nghiêm túc. “Markham, vụ này gần như là một tội ác hoàn hảo. Giống như một trong những tổ hợp cờ vua vĩ đại của Morphy* vậy, nó đã được tính toán trước những nước đi cần thiết. Không có manh mối; và kể cả nếu có, chúng hầu như chỉ sai hướng. Và chưa… vẫn chưa có gì có thể phá vỡ được. Tôi cảm thấy nó: chỉ là theo trực giác - chính là, sự kích động thần kinh. Có một giọng nói yếu ớt muốn lên tiếng, nhưng không thể. Rất nhiều lần tôi cảm nhận được sự hiện diện của sức mạnh nào đó đang len lỏi vào, giống như một bóng ma vô hình đang cố gắng liên lạc mà không muốn để lộ danh tính của nó.”

Markham thở dài một cách bực bội.

“Rất hữu ích đấy. Có phải anh khuyên là hãy gặp một bà đồng?”

“Chúng ta đã bỏ qua thứ gì đó,” Vance tiếp tục, bất chấp sự châm chọc. “Vụ án này là một mật mã, và từ khóa đang ở đâu đó trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta lại không nhận ra. Ôi trời, thật là bực mình… Hãy sắp xếp lại xem. Sự rành mạch - đó là mong muốn của chúng ta. Đầu tiên, Robin bị giết. Kế tiếp, Sprigg bị bắn. Rồi bà Drukker bị hoảng sợ bởi một quân giám mục đen. Sau đó, Drukker bị đẩy khỏi bức tường. Tạo ra bốn màn riêng biệt trong vở kịch ngông cuồng của kẻ sát nhân. Ba trong số chúng đã được lên kế hoạch một cách cẩn thận. Một - việc để lại quân giám mục ở cửa phòng bà Drukker - là bắt buộc đối với tên sát nhân, phải đưa ra quyết định mà không có sự chuẩn bị…”

“Làm rõ lập luận của anh ở điểm đó đi.”

"Ồ, ông bạn thân mến! Việc mang đi quân giám mục đen rõ ràng là hành động tự vệ. Một nguy cơ ngoài dự tính đã xuất hiện trên con đường hành động của hắn, và có nghĩa là hắn phải ngăn chặn nó lại. Ngay trước khi Robin chết, Drukker đã rời khỏi phòng bắn cung và đến chỗ lùm cây trong sân, nơi mà anh ta có thể nhìn thấy phòng bắn cung qua cửa sổ phía sau. Một lúc sau anh ta đã nhìn thấy ai đó trong phòng đang nói chuyện với Robin. Anh ta quay trở lại nhà mình, và sau đó thì xác của Robin bị vứt ra bãi tập. Bà Drukker đã nhìn thấy, và cùng lúc đó bà ấy có lẽ cũng nhìn thấy Drukker. Bà ấy đã thét lên - rất tự nhiên thôi, vậy thì sao? Drukker nghe tiếng thét, và nói với chúng ta về nó sau này trong nỗ lực tạo bằng chứng ngoại phạm cho chính anh ta sau khi chúng ta thông báo cho anh ta biết là Robin đã bị giết chết. Như vậy tên sát nhân biết được bà Drukker đã nhìn thấy cái gì đó - thấy được bao nhiêu, hắn không biết. Nhưng hắn không có cơ hội nào. Hắn đã vào phòng bà ấy lúc nửa đêm để bịt miệng bà ấy, và dự định sẽ để lại quân giám mục bên cạnh người bà ấy như là một chữ ký. Nhưng hắn nhận thấy cửa đã khóa, và đành để lại quân giám mục ở bên ngoài, theo cách cảnh cáo bà ấy không được nói gì nếu không muốn nhận lấy cái chết. Hắn không biết người phụ nữ tội nghiệp này đang nghi ngờ chính con trai của bà ấy."

"Nhưng tại sao Drukker không nói với chúng ta người mà anh ta đã nhìn thấy ở trong phòng bắn cung với Robin?"

"Chúng ta chỉ có thể giả định rằng đó là một người mà anh ta không nghĩ rằng có tội. Và tôi có khuynh hướng tin rằng thực tế anh ta đã đề cập đến người này và do vậy đã bị bịt miệng bằng cái chết của chính anh ta."

"Cứ cho là giả thuyết của anh đúng đi, vậy nó sẽ dẫn chúng ta tới đâu?"

"Tới một màn không được chuẩn bị tỉ mỉ từ trước. Và khi không có sự chuẩn bị cho một hành động lén lút thì chắc chắn nó sẽ có nhược điểm trong một vài chi tiết. - Bây giờ, hãy để ý rằng mỗi thời điểm trong ba án mạng thì bất kỳ ai trong số những người khác của vở kịch này đều có thể hiện diện. Không ai có chứng cứ ngoại phạm cả. Điều đó, tất nhiên, đã được tính toán một cách khéo léo: tên sát nhân chọn một

thời điểm mà khi đó tất cả các diễn viên đều có mặt, có thể nói như vậy, đang chờ đến lượt diễn. Nhưng còn chuyến viếng thăm lúc nửa đêm! À! Đó lại là một vấn đề khác. Không có thời gian để tạo ra một tình huống hoàn hảo, - mối đe dọa đang ở ngay trước mắt. Và kết quả là gì? Drukker và giáo sư Dillard, rõ ràng, là những người có mặt lúc nửa đêm. Arnesson và Belle Dillard đang ăn tối ở trung tâm mua sắm và chưa quay về nhà cho đến tận 12 giờ rưỡi. Ông Pardee bị khoá chặt với Rubinstein trên bàn cờ vua từ 11 giờ cho tới 1 giờ sáng. Drukker bây giờ dĩ nhiên đã bị loại ra… Vậy câu trả lời là gì?"

"Tôi phải nhắc nhở anh," Markham cáu kỉnh đáp lại, "rằng chứng cứ ngoại phạm của những người kia đã không được kiểm tra kỹ càng."

"Đúng thế, đúng thế, anh có thể nói thế." Vance nằm ườn ra một cách lười biếng và nhả ra một loạt vòng khói lên trần nhà. Đột nhiên cơ thể anh căng thẳng, và với sự chăm chú tỉ mỉ anh cúi người và bỏ điếu thuốc xuống. Sau đó anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay rồi đứng lên. Anh nhìn chằm chằm Markham với ánh mắt kỳ quặc.

"Allons, mon vieux. Chưa đến 6 giờ. Đây là lúc mà Arnesson sẽ có ích đấy."

"Bây giờ thì sao?" Markham hỏi.

"Đề nghị của chính anh," Vance trả lời, nắm tay anh ta và dẫn ra cửa. "Chúng ta sẽ kiểm tra bằng chứng ngoại phạm của ông Pardee."

Nửa tiếng sau chúng tôi ngồi với vị giáo sư và Arnesson trong thư viện nhà Dillard.

“Chúng tôi đến đây với mục đích hơi bất thường,” Vance giải thích; “nhưng có thể ảnh hưởng quan trọng đến cuộc điều tra.” Anh lấy bóp, và mở ra một tờ giấy. “Đây là một tài liệu, anh Arnesson, tôi mong anh xem xét sơ qua. Đây là bản sao của bảng điểm chính thức về ván đấu cờ vua giữa Pardee và Rubinstein. Rất thú vị. Tôi đã nghịch với nó một chút, nhưng tôi muốn dùng chuyên môn của anh phân tích nó. Phần đầu của ván đấu khá là bình thường, nhưng phần diễn ra sau khi bị hoãn lại thì khá hấp dẫn với tôi.”

Arnesson lấy tờ giấy và nghiên cứu nó với vẻ hoài nghi đầy thích thú.

“A ha! Thành tích không mấy vẻ vang về trận Waterloo của Pardee, đúng chứ?”

“Nó có nghĩa gì vậy, Markham?” Giáo sư Dillard hỏi một cách khinh khỉnh. “Có phải anh hy vọng là sẽ đuổi theo tên sát nhân đến tận hang cùng ngõ hẻm bằng việc tốn thời gian vào một ván đấu cờ vua?”

“Anh Vance hy vọng có thể biết được điều gì đó từ nó.”

“Thật vớ vẩn!” Giáo sư rót cho mình một ly rượu port khác, mở một cuốn sách, hoàn toàn lờ đi chúng tôi.

Arnesson miệt mài với các ký hiệu trong bảng điểm cờ vua.

“Có vài thứ hơi lạ ở đây,” anh ta lẩm bẩm. “Chênh lệch thời gian. Xem nào… Bảng điểm cho thấy rằng, đến khi hoãn lại, bên Trắng - tức là, Pardee - đã chơi 1 tiếng 45 phút, và bên Đen, hay Rubinstein, 1 tiếng 58 phút. Đến lúc này vẫn bình thường. Ba mươi nước đi. Theo đúng thứ tự. Nhưng đến cuối ván đấu - khi Pardee bỏ cuộc, tổng cộng 2 tiếng 30 phút cho bên Trắng, và 3 tiếng 32 phút cho bên Đen - điều đó

có nghĩa là, suốt phiên thứ hai của ván đấu, bên Trắng chỉ tốn 45 phút trong khi bên Đen dùng đến 1 tiếng 34 phút.”

Vance gật đầu.

“Chính xác. Phiên đấu kéo dài 2 tiếng 19 phút, bắt đầu lúc 11 giờ tối, cho tới 1 giờ 19 phút sáng. Và thời gian đi của Rubinstein nhiều hơn của Pardee là 49 phút. - Anh có nhận thấy chuyện gì đã xảy ra không?”

Arnesson mím môi và liếc nhìn các ký hiệu.

“Cũng không rõ. Tôi cần thời gian.”

“Giả sử,” Vance gợi ý, “chúng ta sắp đặt ván đấu vào lúc hoãn lại rồi chơi tiếp theo. Tôi muốn nghe ý kiến của anh về chiến thuật chơi.”

Arnesson đứng lên một cách lúng túng và đi đến bàn cờ vua nhỏ ở góc phòng.

“Ý tưởng hay đấy.” Anh ta đổ các quân cờ ra khỏi hộp. “Bây giờ để xem nào… Ô hô! Một quân giám mục đen bị mất. Nhân tiện, khi nào tôi có thể lấy lại nó?” Anh ta nhìn Vance than vãn. “Không sao cả. Chúng ta không cần nó ở đây. Một quân giám mục đen được hoán đổi.” Và anh ta sắp xếp các quân cờ theo vị trí của ván đấu lúc tạm hoãn. Sau đó anh ta ngồi xuống và nghiên cứu cách bố trí.

“Tôi không thấy thế cờ đặc biệt bất lợi cho Pardee,” Vance mạo muội nói.

“Tôi cũng vậy. Không hiểu tại sao ông ta lại thua. Hãy xem cùng với tôi.” Sau một lát Arnesson nhìn vào bảng điểm. “Chúng ta sẽ chơi trận này và tìm xem vấn đề nằm ở đâu.” Anh ta đi sáu nước cờ; sau đó, sau vài phút nghiên cứu, anh ta lẩm bẩm. “Ha! Đây là ngón khá hiểm của Rubinstein. Sự kết hợp gây sửng sốt của ông ta bắt đầu ở đây. Thật tinh tế, trời ơi! Theo tôi biết về Rubinstein, phải mất một thời gian dài để ông ta tìm ra nó. Một người cần cù chậm chạp.”

“Có khả năng, phải không,” Vance gợi ý, “rằng việc tính toán cách kết hợp đó giải thích sự khác biệt về thời gian giữa bên Đen và bên Trắng?”

“Ồ, không nghi ngờ gì nữa. Rubinstein chắc hẳn phải ở trong trạng thái tốt để không tạo ra sự khác biệt lớn. Kế hoạch kết hợp đã chiếm 45 phút của ông ta - hoặc tôi là một tên ngốc.”

“Anh muốn nói là vào lúc,” Vance bất chợt hỏi, “Rubinstein dùng hết 45 phút phải không?”

“Để xem nào. Trận đấu bắt đầu lúc 11 giờ: sáu nước trước khi sự kết hợp bắt đầu… Ồ, có thể nói là, đâu đó giữa 11 giờ rưỡi và 12 giờ rưỡi… Đúng, khoảng gần đó. Ba mươi nước trước khi hoãn lại: sáu nước bắt đầu lúc 11 giờ - vậy là ba mươi sáu: sau đó ở nước cờ thứ bốn mươi bốn Rubinstein di chuyển quân tốt ăn quân giám mục - 7 - chiếu vua, và Pardee chịu thua… Phải - việc tính toán cách kết hợp là giữa 11 giờ 30 và 12 giờ 30.”

Vance nhìn những quân cờ trên bàn, hiện giờ đang được sắp xếp như lúc Pardee chấp nhận thua*.

(Theo cách ghi thông dụng hiện nay: - Bên Trắng - quân vua ở bl; quân xe ở c8; các quân tốt ở a2 và d2. Bên Đen: quân vua ở d4; quân mã ở b4; quân giám mục ở a3; các quân tốt ở b2 và c2.)

“Quá kỳ lạ,” anh khẽ nói, “tôi đã chơi qua trận này cho đến lúc chiếu hết vào đêm khác. - Này, anh Arnesson, anh vui lòng làm giống như vậy đi. Tôi có thể chịu được khi nghe anh bình luận về nó.”

Arnesson nghiên cứu kỹ lưỡng thế cờ trong vài phút. Sau đó anh ta quay đâu lại một cách chậm rãi và nhướng mắt nhìn Vance. Một nụ cười mỉa mai thoáng qua trên gương mặt anh ta.

“Tôi nắm được vấn đề rồi. Trời ơi! Tình hình gì thế này! Năm nước nữa để quân Đen thắng. Và là nước đi kết thúc hầu như chưa từng có trong cờ vua. Không thể nhớ được một trường hợp nào tương tự. Nước cờ cuối sẽ là quân giám mục ăn quân mã - 7, chiếu bí. Nói cách khác, Pardee đã bị đánh bại bởi quân giám mục đen! Thật không thể tin nổi!”*

Giáo sư Dillard đặt cuốn sách của mình xuống.

“Cái gì vậy?” Ông ấy kêu lên, tham gia cùng chúng tôi ở bàn cờ vua. “Pardee bị đánh bại bởi quân giám mục?” Ông ấy nhìn Vance bằng ánh mắt sắc sảo và ngưỡng mộ. “Anh rõ ràng đã có lý khi điều tra về ván cờ vua. Hãy bỏ qua cho tính khí của lão già này.” Ông ấy đứng nhìn xuống bàn cờ với vẻ buồn rầu và bối rối.

Markham cau mày tỏ vẻ khá lúng túng.

“Anh nói rằng một quân giám mục chiếu bí là không bình thường à?” Anh ta hỏi Arnesson.

“Chưa từng xảy ra – gần như là trường hợp duy nhất. Và nó lại xảy ra với Pardee chứ không phải ai khác! Không thể hiểu nổi!” Anh ta cười mỉa mai. “Đành phải tin vào sự báo ứng. Anh biết đấy, quân giám mục từng là *bête noir** của Pardee trong hai mươi năm - nó đã phá hủy cuộc đời của ông ta. Người đàn ông tội nghiệp! Quân giám mục màu đen là biểu tượng nỗi buồn của ông ta. Đúng là định mệnh, trời ơi! Đó là quân cờ đã đánh bại thế cờ Pardee. Quân giám mục rồi quân mã ở hàng 5 luôn phá vỡ tính toán của ông ta - đã loại bỏ lý thuyết yêu thích của ông ta - tạo thành một trò cười và sự chế nhạo đối với công trình cả đời của ông ta. Và bây giờ, có một cơ hội để hòa với Rubinstein vĩ đại, quân giám mục lại một lần nữa xuất hiện và đưa ông ta vào lãng quên.”

Vài phút sau chúng tôi rời khỏi và đi bộ đến đại lộ West End, rồi gọi một chiếc taxi.

"Không có gì đáng ngạc nhiên, Vance à," Markham bình luận, khi chúng tôi đi xuống khu trung tâm, "về việc Pardee tức giận vào buổi chiều đó khi anh đề cập đến sự xuất hiện của quân giám mục đen lúc nửa đêm. Có lẽ ông ta nghĩ anh đang cố tình sỉ nhục ông ta - ném sự thất bại trong đời ông ta vào chính mặt ông ta."

"Có lẽ…" Vance mơ màng nhìn vào chỗ bóng tối. "Vấp phải sự khó chịu về quân giám mục là cơn ác mộng của ông ta trong những năm gần đây. Sự chán nản cứ lặp lại như thế đôi khi tác động nặng nề đến tinh thần; tạo ra mong muốn trả thù cả thế giới, nguyên nhân thất bại của một người được đẩy lên thành biểu tượng Astraea*."

"Thật khó hình dung ra ông Pardee trong vai kẻ báo thù," Markham phản bác. Rồi nói tiếp sau một lúc: "Quan điểm của anh về sự khác biệt trong thời gian thi đấu của Pardee và Rubinstein là gì? Cứ cho rằng Rubinstein đã mất 45 phút hoặc hơn để tính toán việc kết hợp của ông ta. Trận đấu chưa kết thúc cho đến bước quyết định đó. Tôi không hiểu cuộc gặp gỡ của anh với Arnesson đưa chúng ta tiến xa thêm cỡ nào."

"Đó là vì anh không biết thói quen của các kỳ thủ. Trong lúc chơi không có bất cứ kỳ thủ nào ngồi suốt ở bàn, đối thủ của anh ta sẽ nhận ra nước cờ. Anh ta sẽ đi loanh quanh, vận động cơ thể, hít thở không khí, liếc mắt đưa tình với các quý cô, uống nước lạnh, và thậm chí là thưởng thức đồ ăn. Ở giải đấu chuyên nghiệp tại quảng trường Manhattan năm ngoái có bốn cái bàn, và có một cảnh tượng quen thuộc là có đến ba ghế trống trong cùng một lúc. Pardee là kiểu người nóng nảy. Ông ta sẽ không ngồi yên trong khi Rubinstein kéo dài việc tính toán chiến thuật."

Vance chậm rãi châm lửa điếu thuốc.

“Markham à, phân tích của Arnesson về ván đấu đó tiết lộ sự thật rằng ông Pardee có 45 phút rảnh rang vào nửa đêm.”

CHƯƠNG 21

TOÁN HỌC VÀ ÁN MẠNG

(Thứ Bảy, 16 tháng Tư; 8.30 p.m.)

Vụ án ít được nhắc đến trong bữa ăn tối, nhưng khi chúng tôi đã an tọa ở một góc khuất của phòng chờ trong câu lạc bộ thì Markham lại đề cập đến vấn đề này.

"Tôi không thấy," anh ta nói, "rằng việc tìm ra lỗ hổng trong chứng cứ ngoại phạm của ông Pardee sẽ giúp được gì nhiều cho chúng ta. Nó chỉ làm phức tạp một tình huống vốn đã không thể chịu đựng nổi."

"Đúng," Vance thở dài. "Một thế giới buồn bã và tuyệt vọng. Mỗi bước dường như làm chúng ta càng thêm rối rắm hơn. Và phần kinh ngạc của nó chính là, sự thật đang nhìn thẳng vào mặt chúng ta; nhưng, chúng ta không thể nhìn thấy nó."

"Không có dấu hiệu chỉ vào người nào cả. Thậm chí còn không có một nghi can nào có lý do phạm tội khả thi."

"Tôi sẽ không nói thế, anh biết đấy. Đây là một tội ác của nhà toán học; và quang cảnh đã khá ngổn ngang với các nhà toán học rồi."

Xuyên suốt toàn bộ cuộc điều tra không có cái tên nào được chỉ ra là kẻ sát nhân khả dĩ. Ấy vậy mà mỗi người chúng tôi đã nhận thức rõ trong lòng rằng một trong số những người mà chúng tôi đã từng nói chuyện là tội phạm; và nhận thức này xấu xí đến mức chúng tôi theo bản năng né tránh việc thừa nhận nó.

Ngay từ đầu chúng tôi đã che giấu những suy nghĩ và lo sợ thật sự của chính mình với sự mập mờ.

“Một tội ác của nhà toán học?” Markham lặp lại. “Vụ án này khiến tôi thấy đây là một chuỗi hành động điên rồ được thực hiện bởi một kẻ điên khùng đang chạy rông.”

Vance lắc đầu.

“Tên tội phạm của chúng ta siêu tỉnh táo, Markham à. Và hành động của hắn không điên rồ: chúng logic và chính xác một cách ghê tởm. Đúng, chúng được sinh ra cùng một khiếu hài hước tàn nhẫn và kinh khủng, cùng thái độ cay độc ghê gớm; nhưng trong bản thân chúng, chúng chính xác và đầy lý lẽ.”

Markham nhìn Vance trầm ngâm.

“Làm sao anh có thể kết hợp những vụ án Mẹ Ngỗng này với bộ óc toán học được?” Anh ta hỏi. “Chúng có thể được xem là hợp lý bằng cách nào? Với tôi chúng là những cơn ác mộng, không liên quan đến sự tỉnh táo.”

Vance ngồi tựa sâu vào ghế, và hút thuốc trong vài phút. Sau đó anh bắt đầu phân tích vụ án, không những làm rõ sự điên rồ của chính những tội ác này, mà còn đem tất cả sự kiện và đặc điểm vào một trọng tâm thống nhất. Độ chuẩn xác của bài phân tích này đã làm chúng tôi dễ dàng hiểu rõ ảnh hưởng bi thảm và dữ dội trước khi nhiều ngày trôi qua.*

“Để hiểu được những tội ác này,” anh bắt đầu, “chúng ta phải lưu ý đến công cụ của nhà toán học, vì tất cả những nghiên cứu và tính toán của hắn có khuynh hướng nhấn mạnh mối quan hệ vô nghĩa của hành tinh này và sự tầm thường của mạng sống con người. - Trước tiên, hãy xem xét chỉ trong phạm vi của nhà toán học. Một mặt anh ta cố gắng đo đạc không gian vô hạn bằng parsec* và năm ánh sáng, và mặt kia, đo lường electron, một thứ vô cùng nhỏ đến mức anh ta phải phát minh ra đơn vị Rutherford* - một phần triệu của một nanomet.

Tầm nhìn của anh ta là một trong số những quan điểm siêu việt, mà trong quan điểm đó trái đất và con người thu nhỏ lại gần đến mức biến mất. Một vài ngôi sao - như Arcturus*, Canopus* và Betelgeuse* - mà anh ta chỉ xem như phút và các đơn vị không quan trọng, lại to lớn gấp nhiều lần so với toàn hộ Hệ Mặt trời* của chúng ta. Ước tính của Shapleigh về đường kính của Ngân hà* là 300 ngàn năm ánh sáng; ấy vậy mà chúng ta phải đặt 10 ngàn Ngân hà lại với nhau mới tính được đường kính của vũ trụ - điều đó cho chúng ta một thể tích lớn hơn một ngàn tỷ lần so với phạm vi quan sát của thiên văn học. Hoặc, nói một cách tương đối về mặt khối lượng: - trọng lượng của mặt trời lớn hơn 324 ngàn lần so với trọng lượng của trái đất; và trọng lượng của vũ trụ được mặc nhiên công nhận là một tỷ tỷ* - một tỷ nhân một tỷ - mặt trời… Có ngạc nhiên không khi những người làm việc trong cường độ kỳ diệu như vậy đôi khi đánh mất tất cả khái niệm về tỷ lệ trên trái đất này?”

Vance làm một điệu bộ tỏ ý không quan trọng.

“Nhưng đây là những con số sơ đẳng - kiến thức phổ biến của những người thợ tính toán. Nhà toán học cấp cao còn đi xa hơn nữa. Anh ta đối phó với những nghiên cứu khó hiểu và dường như mâu thuẫn mà bộ óc bình thường không thể nắm bắt được. Anh ta sống trong một vương quốc nơi thời gian, như chúng ta biết, không có nghĩa và như một sản phẩm hư cấu của bộ não, và trở thành trục tọa độ thứ tư của không gia ba chiều; nơi khoảng cách cũng vô nghĩa trừ các điểm lân cận, vì có vô số con đường ngắn nhất giữa hai điểm nhất định; nơi ngôn ngữ của nguyên nhân và kết quả đơn thuần trở nên một dạng tốc ký tiện lợi cho mục đích giảng giải; nơi các đường thẳng không tồn tại và không được định nghĩa; nơi khối lượng tăng đến vô cùng lớn khi nó đạt đến vận tốc ánh sáng; nơi không gian được biểu thị đặc điểm bằng độ cong; nơi có trật tự cao thấp là vô hạn; nơi định

luật hấp dẫn bị chối bỏ vai trò lực tác động và được thay thế bằng một đặc tính của không gian - một quan niệm nói rằng, trái táo không rơi do lực hút của trái đất, mà bởi vì nó đi theo một đường trắc địa, hay đường vũ trụ…

"Trong lĩnh vực của nhà toán học hiện đại, đường cong tồn tại không có tiếp tuyến. Cả Newton* lẫn Leibnitz* lẫn Bernoulli* thậm chí cũng không mơ đến một đường cong liên tục mà không có một tiếp tuyến - đó là, một hàm số liên tục mà không có đạo hàm. Thật vậy, không ai có thể hình dung ra sự mâu thuẫn như thế, - nó vượt khỏi khả năng của trí tưởng tượng. Và giờ đây nó là một vấn đề bình thường trong toán học hiện đại khi làm việc với các đường cong không có tiếp tuyến. - Ngoài ra, *pi* - người bạn cũ thời đi học của chúng ta, mà chúng ta xem như bất biến - đã không còn là một hằng số nữa; và tỷ lệ giữa đường kính và chu vi lúc này biến đổi tùy theo người ta đang đo một đường tròn đứng yên hay một đường tròn đang xoay… Tôi có làm các anh chán không?"

"Khỏi phải hỏi," Markham đáp trả. "Nhưng cứ tiếp tục đi, miễn là sự quan sát của anh có chiều hướng trần thế."

Vance thở dài và lắc đầu một cách vô vọng, nhưng lại lập tức trở nên nghiêm túc.

"Các khái niệm của toán học hiện đại chiếu một cá thể ra khỏi thế giới thực trở thành một sản phẩm hư cấu thuần túy của tư duy, và dẫn đến thứ mà Einstein gọi là hình thức thoái hóa nhất của trí tưởng tượng - chủ nghĩa cá nhân bệnh lý. Ví dụ, Silberstein tranh luận về tính khả thi của không gian năm và sáu chiều, và phỏng đoán khả năng một người nhìn thấy một sự việc trước khi nó xảy ra. Các kết luận ngẫu nhiên dựa trên khái niệm Lumen của Flammarion* - một con người hư cấu di chuyển nhanh hơn vận tốc ánh sáng và do đó có thể

trải nghiệm thời gian kéo dài theo hướng đảo ngược - trong chính bản thân chúng đã đủ để bóp méo bất cứ quan điểm tự nhiên và ôn hòa nào*. Nhưng có một sinh vật tồn tại về mặt khái niệm là Homunculus thậm chí còn kỳ lạ hơn Lumen nếu xét về quan điểm tư duy hợp lý. Sinh vật mang tính giả thuyết này có thể đi qua tất cả thế giới cùng một lúc với vận tốc vô hạn, vì thế hắn có thể nhìn thấy tất cả lịch sử nhân loại trong nháy mắt. Từ Alpha Centauri* hắn có thể thấy trái đất của bốn năm về trước; từ Ngân hà hắn có thể thấy nó của bốn ngàn năm trước; và hắn cũng có thể chọn một điểm trong không gian nơi hắn có thể chứng kiến kỷ băng hà và thế giới hiện tại cùng một lúc!…"

Vance ngồi tựa sâu hơn vào trong ghế.

"Chơi đùa với ý tưởng đơn giản về vô cực cũng đủ làm rối trí một người bình thường. Nhưng còn mệnh đề nổi tiếng của vật lý hiện đại rằng chúng ta không thể lấy một đường thẳng và không ngừng tiến vào không gian mà không quay về điểm xuất phát thì sao? Mệnh đề này nói, một cách ngắn gọn, rằng chúng ta có thể đi thẳng đến Sirius* và xa hơn một triệu lần mà không thay đổi phương hướng, nhưng chúng ta không bao giờ có thể rời khỏi vũ trụ: chúng ta cuối cùng sẽ quay lại điểm bắt đầu của mình *từ hướng ngược lại!* Markham, có phải anh có ý kiến rằng ý tưởng này có lợi cho những gì chúng ta gọi một cách kỳ quặc là suy nghĩ bình thường không? Nhưng dù cho nó có vẻ nghịch lý và không thể hiểu nổi, nó gần như sơ đẳng khi so sánh với những định lý nâng cao khác của vật lý toán. Ví dụ, hãy xem xét thứ được gọi là vấn đề của cặp song sinh. Một trong hai người song sinh đi đến Arcturus lúc sinh ra - với chuyển động có gia tốc trong trường hấp dẫn - và, khi trở về, phát hiện ra anh ta trẻ hơn nhiều so với người anh em của mình. Mặt khác, nếu chúng ta giả định rằng chuyển động của cặp song sinh là theo nguyên lý tương đối Galileo* và rằng vì thế chúng di chuyển với chuyển động đồng dạng tương quan lẫn nhau,

vậy thì mỗi người song sinh sẽ thấy rằng người anh em của mình trẻ hơn chính bản thân mình!…

Trong cơ học cổ điển, nguyên lý tương đối Galileo phát biểu rằng, bằng các thí nghiệm cơ học thực hiện trên một hệ quy chiếu đang chuyển động thẳng đều với một hệ quy chiếu lấy làm mốc khác, người ta không thể phát hiện được hệ quy chiếu của mình đứng yên hay chuyển động thẳng đều so với hệ quy chiếu mốc. Ví dụ: trong một toa tàu chuyển động thẳng đều so với mặt đất, tất cả các thí nghiệm cơ học vẫn xảy ra đúng như khi chúng được thực hiện trên mặt đất. Nói một cách khác, tất cả định luật cơ học là như nhau trong các hệ quy chiếu chuyển động thẳng đều so với nhau. Như vậy, chuyển động thẳng đều là chuyển động có tính tương đối. Nguyên lý này lần đầu tiên được Galileo Galilei ghi chép lại vào năm 1632. Sau này Albert Einstein đã mở rộng nguyên lý này thành một tiên đề của thuyết tương đối.

"Đây không phải là những nghịch lý của logic đâu Markham; chúng chỉ là nghịch lý của cảm xúc thôi. Toán học giải thích chúng một cách logic và khoa học*. Vấn đề mà tôi đang cố làm rõ chính là những thứ có vẻ mâu thuẫn nhau và thậm chí là ngớ ngẩn với một bộ óc thế tục, lại phổ biến với trí thông minh toán học. Một nhà vật lý toán là Einstein tuyên bố rằng đường kính của không gian - hãy chú ý là của *không gian* - là 100 triệu năm ánh sáng, hay 700 tỷ tỷ dặm; và xem như việc tính toán sơ đẳng. Khi chúng ta hỏi cái gì vượt hơn đường kính này, câu trả lời là: 'Không có gì hơn: giới hạn này đã bao gồm mọi thứ.' Tức, vô hạn là hữu hạn! Hay, như nhà khoa học này nói, không gian là vô tận nhưng hữu hạn. - Hãy để trí óc của anh ngẫm nghĩ về ý tưởng này nửa tiếng đi Markham, và anh sẽ có cảm giác rằng anh sắp phát điên."

Anh ngừng lại để châm một điếu thuốc.

“Không gian và vật chất - đó là lãnh thổ nghiên cứu của nhà toán học. Eddington xem vật chất như một đặc tính của không gian - một chỗ gồ lên trong hư vô; trái lại Weyl xem không gian như một đặc tính của vật chất, - với ông ấy không gian rỗng là vô nghĩa. Như vậy vật tự thể và hiện tượng của Kant* trở nên có thể hoán đổi cho nhau; và thậm chí triết học mất hết tất cả ý nghĩa. Nhưng khi chúng ta gặp phải các khái niệm toán học của không gian hữu hạn, tất cả định luật hợp lý đều bị bác bỏ. Quan niệm của de Sitter về hình dạng của không gian là hình cầu. Không gian của Einstein là hình trụ; và vật chất gần đạt đến không ở ngoại vi, hay ‘điều kiện biên.’ Không gian của Weyl, dựa trên cơ học của Mach, là hình yên ngựa… Bây giờ, những gì xảy đến với thiên nhiên, với thế giới chúng ta đang sống, với sự tồn tại của con người, khi chúng ta đè nén chúng ngược lại với những quan niệm như thế? Eddington đề xuất kết luận rằng không có quy luật tự nhiên - cụ thể, rằng thiên nhiên không tuân theo quy luật lý do đầy đủ*. Ôi, tội nghiệp Schopenhauer*! Và Bertrahd Russell* tóm tắt kết quả tất nhiên của vật lý hiện đại bằng cách đề xuất rằng vật chất chỉ được hiểu như một nhóm phân bố, và bản thân vật chất không cần phải tồn tại!… Anh có thấy tất cả dẫn đến cái gì không? Nếu thế giới là không có nguyên nhân và không tồn tại, vậy sinh mạng của con người có là gì? - hay sự tồn vong của một quốc gia có là gì? - hay, vì lẽ đó, bản thân sự tồn tại có là gì?…”

Vance ngước nhìn lên, và Markham gật đầu một cách ngờ vực.

“Cho đến giờ tôi còn nghe kịp anh, tất nhiên,” anh ta nói. “Nhưng quan điểm của anh có vẻ mơ hồ - chưa kể là bí ẩn.”

“Có ngạc nhiên không,” Vance hỏi, “khi một người đối mặt với những khái niệm khổng lồ, vô ước như vậy, mà trong đó những cá thể

của xã hội loài người chỉ là vi phân, theo thời gian có thể mất tất cả ý thức về giá trị tương đối trên trái đất, và đi đến có sự coi rẻ mạng sống con người một cách tàn ác? Những chuyện tương đối không quan trọng của thế giới này sau đó sẽ chỉ trở thành những sự xâm phạm nhỏ bé vào thế giới vĩ mô trong ý thức tinh thần của hắn. Chắc chắn thái độ của một người như thế sẽ trở nên cay độc. Trong thâm tâm hắn sẽ nhạo báng tất cả giá trị của con người, và cười khinh bỉ sự nhỏ bé của những thứ trước mắt hắn. Có lẽ sẽ có yếu tố tàn bạo trong thái độ của hẳn, vì sự cay độc là một hình thức của sự tàn bạo…"

"Nhưng tính toán kỹ lưỡng, lên kế hoạch giết người!" Markham phản đối.

"Hãy xem xét khía cạnh tâm lý của vụ án. Với người bình thường, hằng ngày đều giải trí tiêu khiển, một sự cân bằng được duy trì giữa các hoạt động có ý thức và vô thức: cảm xúc, liên tục được lan truyền, không bị tồn đọng. Nhưng với người không bình thường, dành toàn bộ thời gian vào sự tập trung tinh thần mãnh liệt và nghiêm khắc đè nén tất cả cảm xúc của mình, sự lỏng lẻo của tiềm thức có khuynh hướng đi đến kết quả biểu hiện bạo lực. Sự ức chế lâu dài và lao động trí óc kéo dài, mà không giải trí hoặc giải tỏa, gây ra sự bùng nổ thường liên quan đến hình thức của những việc làm kinh khủng không kể xiết. Không một người nào, dù thông minh cách mấy, có thể thoát khỏi kết cục. Nhà toán học từ chối quy luật của tự nhiên thế nhưng vẫn phải tuân theo những quy luật đó. Đúng vậy, sự say mê chăm chú của hắn vào các vấn đề phi thường chỉ làm tăng áp lực lên cảm xúc bị chối bỏ của hắn mà thôi. Và mẹ thiên nhiên bị xúc phạm, nhằm duy trì sự cân bằng của mình, sản sinh ra những cơn giận dữ khủng khiếp nhất - những phản ứng, mà trong sự khôi hài kinh khủng và sự hài hước biến chất của chúng, là sự đảo ngược chính xác của sự nghiêm túc tàn nhẫn của các giả thuyết toán học thâm thúy. Sự thật là Sir William

Crookes* và Sir Oliver Lodge* - cả hai đều là những nhà vật lý toán vĩ đại - đã trở thành những nhà nghiên cứu tâm linh được thừa nhận, từng nghiên cứu một hiện tượng tâm lý tương tự."

Vance hút vài hơi thuốc dài.

"Markham à, không thể thoát khỏi sự thật là: những vụ giết người quái dị và có vẻ khó tin này được lên kế hoạch bởi một nhà toán học như trò chơi giải tỏa bắt buộc cho một cuộc đời nghiên cứu trừu tượng căng thẳng và dồn nén cảm xúc. Chúng đáp ứng tất cả điều kiện đưa ra: gọn gàng và chính xác, giải pháp đẹp đẽ, với từng phút vừa vặn vào đúng chỗ. Kết thúc chặt chẽ, không dư thừa, dường như không có động cơ. Và bên cạnh sự chính xác cực kỳ sáng tạo của chúng, tất cả dấu hiệu không nghi ngờ gì đều chỉ đến một trí thông minh thâm thúy kín kẽ - một tín đồ của khoa học thuần túy sở hữu sự chế nhạo."

"Nhưng lý do cho sự hài hước ghê tởm của chúng là gì?" Markham hỏi. "Làm thế nào anh kết hợp những đoạn trong đồng dao Mẹ Ngỗng của chúng với lập luận của anh được?"

"Sự tồn tại của động lực thúc đẩy ức chế," Vance giải thích, "luôn luôn sản sinh ra một trạng thái thuận lợi cho sự hài hước. Dugas chỉ ra rằng hài hước là một *'détente'** - sự giải thoát khỏi căng thẳng; và Bain, nối tiếp Spencer, gọi hài hước là sự giải thoát khỏi trói buộc. Lĩnh vực màu mỡ nhất cho biểu hiện của hài hước nằm trong năng lượng tích lũy tiềm tàng - thứ mà Freud gọi là *Besetzungsenergie* - theo thời gian đòi hỏi sự phóng thích. Trong những tội ác Mẹ Ngỗng này chúng ta có nhà toán học phản ứng kỳ quái nhất với những hành động tầm phào nhằm giữ cân bằng với sự suy đoán logic vô cùng đáng sợ của hắn. Cứ như hắn đang cay độc nói rằng: 'Nhìn đi! Đây là thế giới mà các người quá xem trọng bởi vì các người không biết gì về thế giới trừu tượng rộng lớn vô cùng kia. Sự sống trên trái đất là một

trò chơi của trẻ con - không có gì quan trọng khi đùa giỡn với nó.'… Và một thái độ như vậy hoàn toàn phù hợp với tâm lý học; vì sau bất cứ sự quá tải tâm thần lâu dài nào, những phản ứng của một người sẽ mang hình thức đảo ngược - có nghĩa là, người đứng đắn và nghiêm túc nhất sẽ tìm kiếm một cách giải tỏa trong những trò chơi ngây ngô nhất. Ở đây, một cách tình cờ, anh có được lời giải thích về kẻ đùa giỡn ác ý với bản năng tàn bạo của hắn…

"Hơn nữa, tất cả những kẻ tàn bạo đều có sự phức tạp của trẻ con. Và đứa trẻ thì hoàn toàn phi luân lý. Do đó, một người lớn đang trải qua sự đảo ngược tâm lý trẻ con này là ở bên ngoài cái thiện và cái ác. Nhiều nhà toán học hiện đại thậm chí giữ tất cả tục lệ, bổn phận, đạo đức, tử tế và đại loại thế, không thể tồn tại trừ phi có sự hư cấu của ý chí tự do. Với họ khoa học về đạo đức là một lĩnh vực bị ám bởi những bóng ma khái niệm; và họ thậm chí chạm đến sự nghi ngờ đang tan rã dù chính sự thật không phải chỉ đơn thuần là một điều bịa đặt của trí tưởng tượng… Thêm những suy xét này vào ý nghĩa của sự méo mó trần tục và sự coi thường mạng sống con người có thể dễ dàng đi đến kết quả từ những nghiên cứu về toán học cao cấp, và anh có một tập hợp các điều kiện hoàn hảo cho loại tội ác mà chúng ta đang đối phó."

Khi Vance nói xong, Markham ngồi im lặng khá lâu. Cuối cùng anh ta đi qua đi lại một cách lo lắng.

"Tôi có thể hiểu được," anh ta nói, "cách mà những tội ác này có thể phù hợp với gần như bất cứ người nào có dính líu. Nhưng, trên cơ sở lập luận của anh, anh giải thích thế nào về những thông điệp gởi cho báo giới đây?"

"Sự hài hước cần được chia sẻ," Vance trả lời. "'Sự thành công của một câu nói đùa nằm ở tai của người nghe nó*.' Ngoài ra, thói phô

trương được thúc đẩy bước vào vụ án này."

"Nhưng còn bí danh 'Giám Mục'?"

"À! Đó là điểm quan trọng nhất. *Raison d'être** của sự hài hước điên cuồng khủng khiếp này nằm trong chữ ký bí ẩn đó."

Markham từ từ quay lại.

"Kỳ thủ cờ vua và nhà thiên văn học có đáp ứng tốt những điều kiện trong giả thuyết của anh như nhà vật lý toán không?"

"Có," Vance trả lời. "Kể từ ngày của Philidor, Staunton và Kieseritzki, khi cờ vua còn là một môn nghệ thuật, trò chơi này đã suy thoái gần như thành một môn khoa học chính xác, và trong giai đoạn thành công của Capablanca nó đã trở thành một đối tượng nghiên cứu của toán học trừu tượng. Thật vậy, Maroczy, tiến sĩ Lasker và Vidmar đều là những nhà toán học nổi tiếng… Và nhà thiên văn học, người thật sự nhìn ngắm vũ trụ, có thể có một ấn tượng còn mãnh liệt hơn về vai trò của trái đất này so với nhà vật lý lý thuyết. Trí tưởng tượng chạy loạn xạ qua một chiếc kính viễn vọng. Chỉ với giả thuyết rằng có sự sống đang tồn tại trên những hành tinh xa xôi đã có khuynh hướng biến sự sống trên trái đất thành sự quan tâm thứ yếu. Ví dụ, sau khi một người đã nhìn sao Hỏa hàng giờ liền và dính chặt với quan điểm rằng dân cư của nó đông hơn nhiều và thông minh hơn dân cư của chính chúng ta, người đó gặp khó khăn trong việc điều chỉnh lại bản thân với những chuyện nhỏ nhặt của cuộc sống trên trái đất này. Ngay cả việc đọc quyển sách lãng mạn của Percival Lowell* cũng tạm thời lấy đi khỏi con người giàu trí tưởng tượng tất cả nhận thức về tầm quan trọng của sự tồn tại một hành tinh nào đó."

Một sự im lặng kéo dài. Sau đó Markham hỏi:

"Tại sao ông Pardee nên lấy quân giám mục đen của Arnesson vào đêm đó thay vì quân cờ trong câu lạc bộ nơi nó không bị để ý?"

“Chúng ta không biết động cơ nên không thể nói. Ông ta có thể đã lấy nó với mục đích chủ ý nào đó. - Nhưng anh có bằng chứng gì buộc tội ông ta chứ? Tất cả sự nghi ngờ trên thế giới cũng không cho phép anh có được bất kỳ bước đi nào chống lại ông ta. Ngay cả nếu chúng ta biết rõ ràng ai là kẻ sát nhân, cũng vô ích thôi… Tôi nói anh nghe, Markham à, chúng ta đang đối mặt với một trí óc khôn ngoan - đoán ra được từng nước đi, và tính trước tất cả khả năng. Hy vọng duy nhất của chúng ta chính là tạo ra bằng chứng của riêng mình bằng cách đi tìm một nhược điểm trong sự kết hợp của kẻ sát nhân.”

“Ngay khi trời sáng,” Markham tuyên bố dứt khoát, “tôi sẽ bảo Heath đi kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của ông Pardee tối hôm đó. Sẽ có hai mươi người kiểm tra xong trước buổi trưa, điều tra từng khán giả ở ván đấu cờ vua đó, và đi gõ cửa từng nhà từ câu lạc bộ cờ vua Manhattan cho đến nhà Drukker. Nếu chúng ta có thể tìm ra người nào đó thật sự đã nhìn thấy ông Pardee ở lân cận nhà Drukker vào khoảng nửa đêm, thì chúng ta sẽ có một mảnh bằng chứng chi tiết rất đáng ngờ chống lại ông ta.”

“Đúng,” Vance đồng ý; “như vậy sẽ cho chúng ta một điểm khởi đầu rõ ràng. Ông Pardee sẽ gặp khó khăn đáng kể trong việc giải thích tại sao ông ta ở cách câu lạc bộ sáu dãy nhà trong trận đấu với Rubinstein vào ngay thời điểm một quân giám mục đen bị bỏ lại ở cửa phòng bà Drukker… Đúng, đúng. Bằng mọi cách yêu cầu Heath và nhân viên của anh ta giải quyết vấn đề này. Nó có thể dẫn chúng ta tiến lên.”

Nhưng viên trung sĩ không bao giờ được gọi đi kiểm tra chứng cứ ngoại phạm. Trước 9 giờ sáng ngày hôm sau Markham đến nhà Vance để báo với anh rằng Pardee đã tự sát.

CHƯƠNG 22

NGÔI NHÀ BẰNG NHỮNG LÁ BÀI

(Chủ nhật, 17 tháng Tư; 9 a.m.)

Tin tức kinh hoàng về cái chết của Pardee đã có tác động xáo trộn kỳ lạ tới Vance. Anh nhìn chằm chằm Markham đầy hoài nghi. Sau đó anh vội vàng gọi Currie và lệnh cho ông ta lấy quần áo và một tách cà phê. Có sự nôn nóng trong hành động của anh khi mặc đồ vào.

"Trời ơi, Markham!" Anh kêu lên. "Chuyện này thật sự rất bất thường… Làm thế nào mà anh nghe được?"

"Giáo sư Dillard gọi điện thoại đến nhà gặp tôi chưa đầy nửa tiếng trước. Ông Pardee đã tự sát trong phòng bắn cung nhà Dillard vào đêm qua. Ông Pyne đã phát hiện ra xác chết vào sáng nay và thông báo cho giáo sư. Tôi báo tin này cho trung sĩ Heath, và sau đó đến đây. Trong tình huống này tôi nghĩ chúng ta phải có mặt." Markham dừng lại để châm điếu xì gà. "Có vẻ như vụ án Giám Mục đã kết thúc… Không phải là một cái kết hoàn toàn thỏa đáng, nhưng có lẽ là tốt nhất cho những người có liên quan."

Vance không bình luận gì ngay. Anh nhấp cà phê một cách lơ đãng, và sau đó đứng dậy lấy nón và gậy của mình.

"Tự sát…," anh lẩm bẩm, khi chúng tôi đi xuống cầu thang. "Đúng, điều đó hoàn toàn phù hợp. Nhưng, như anh đã nói, không thỏa đáng - không thỏa đáng chút nào…"

Chúng tôi lái xe đến nhà Dillard, và được Pyne đón tiếp. Giáo sư Dillard không mấy hào hứng đi cùng chúng tôi vào phòng khách và rồi

chuông cửa vang lên, và Heath, nóng nảy và năng nổ, lăng xăng bước vào.

“Chuyện này sẽ được xử lý ngay thôi, thưa anh,” anh ta đắc chí với Markham, sau nghi thức bắt tay thông thường. “Những con người trầm lặng… anh không bao giờ biết được. Vậy đấy, ai sẽ nghĩ là… ?”

“Ô, này, trung sĩ,” Vance kéo dài giọng nói, “đừng nghĩ gì nữa cả. Quá mệt mỏi rồi. Đầu óc - khô cằn như sa mạc - cần được cởi mở.”

Giáo sư Dillard dẫn đường đến phòng bắn cung. Những tấm màn trên tất cả cửa sổ đều được đóng lại, và những bóng đèn điện vẫn đang sáng. Tôi cũng để ý thấy, các cửa sổ đều được đóng.

“Tôi để mọi thứ y nguyên vị trí của chúng,” vị giáo sư giải thích.

Markham bước tới cái bàn trà lớn được đan bằng liễu gai. Thi thể của Pardee đã ngã xuống chiếc ghế đối diện với cửa. Đầu và vai ông ta ngã về phía trước bàn; và cánh tay phải thõng xuống, những ngón tay vẫn còn nắm chặt khẩu súng lục tự động. Có một vết thương ghê rợn nằm ở thái dương phải; và trên bàn dưới đầu ông ta là cả một vũng máu đã khô.

Mắt chúng tôi ngừng lại một lúc trên cái xác, vì một điều đáng kinh ngạc và không thích hợp thu hút sự chú ý của chúng tôi. Những tờ tạp chí nằm trên bàn bị đẩy sang một bên, để lại khoảng trống phía trước xác chết; và trong khu vực trống trải này hiện lên một ngôi nhà cao lớn và đẹp đẽ được làm bằng những lá bài. Bốn mũi tên đánh dấu ranh giới của cái sân, và những que diêm được đặt cạnh nhau làm thành những lối đi trong vườn. Đây là một mô hình sẽ làm những đứa trẻ cảm thấy thích thú; và tôi nhớ lại điều Vance đã nói vào đêm trước về những đầu óc nghiêm túc tìm kiếm thú tiêu khiển trong trò chơi của trẻ con. Có điều gì đó thật khủng khiếp không thể nói nên lời về mô hình bằng những lá bài nằm bên cạnh một xác chết đầy bạo lực.

Vance nhìn xuống hiện trường với đôi mắt buồn bã và bối rối.

*"Hic jacet** của John Pardee," anh lẩm bẩm, với phần nào sự kính trọng. "Và đây là ngôi nhà do Jack xây dựng*… ngôi nhà bằng những lá bài…"

Anh bước về phía trước như thể để quan sát được kỹ lưỡng hơn; nhưng khi người anh đụng vào cạnh bàn thì tạo nên một va chạm nhẹ, và ngôi nhà mỏng manh bằng những lá bài đổ xuống.

Markham đứng đơ người ra và quay sang Heath.

"Anh đã thông báo cho bên giám định pháp y chưa?"

"Rồi." Viên trung sĩ dường như không rời mắt khỏi cái bàn. "Và Burke đến nhanh thôi, trong vụ này chúng ta cần anh ta." Anh ta đi đến các cửa sổ và kéo màn cửa lên, để cho ánh sáng ban ngày chiếu vào. Sau đó anh ta trở lại với thi thể của Pardee và đứng nhìn nó một cách chăm chú. Đột nhiên anh ta quỳ gối và cúi người xuống.

"Có vẻ như là khẩu súng Colt 38 ở trong tủ dụng cụ," anh ta nhận xét.

"Không nghi ngờ gì nữa," Vance gật đầu, lấy hộp thuốc lá của mình ra.

Heath đứng dậy và, đi tới cái tủ, kiểm tra vật dụng trong hộc tủ. "Đúng rồi, tôi nghĩ chính là nó. Chúng ta sẽ đi gặp cô Dillard để xác nhận nó sau khi bác sĩ có mặt ở đây."

Vào lúc này Arnesson, trong chiếc áo khoác đỏ vàng sáng chói, hào hứng xông vào phòng.

"Trời ơi!" Anh ta kêu lên. "Ông Pyne vừa mới nói với tôi về tin này." Anh ta tới chỗ cái bàn và nhìn chằm chằm vào xác của Pardee. "Tự tử ư?… Nhưng tại sao ông ta không chọn nhà riêng của mình để thực hiện? Thật vô cùng khinh suất khi ông ta muốn gây rối trong nhà người

khác bằng cách này. Giống như mấy kỳ thủ vậy." Anh ta nhướng mắt nhìn Markham. "Hy vọng điều này sẽ không gây thêm hiểu lầm về chúng tôi. Chúng tôi đã có đủ tai tiếng rồi. Thật là điên đầu. Khi nào các anh sẽ mang thi thể của ông ta đi? Đừng để Belle thấy ông ta."

"Thi thể sẽ nhanh chóng được chuyển đến cho bên giám định pháp y để kiểm tra," Markham lạnh lùng trách anh ta. "Và không cần đưa cô Dillard đến đây đâu."

"Tốt thôi." Arnesson vẫn đứng nhìn chằm chằm người đàn ông đã chết. Một cái nhìn tiếc nuối và hoài nghi trên gương mặt anh ta. "Thật đáng tiếc! Cuộc sống này thật sự quá sức đối với ông ta. Quá đa cảm - không có sức chịu đựng về tâm lý. Làm nhiều thứ trở nên quá nghiêm trọng. Nghiềm ngẫm về số phận của chính ông ta kể từ khi thế cờ của ông ta tan thành mây khói. Không thể tìm ra được bất kỳ chiến thuật nào khác. Quân giám mục đen đã ám ảnh ông ta; hầu như chiếm trọn tâm trí ông ta từ nước đi của nó. Trời ạ! Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên đâu nếu ý tưởng này làm ông ta muốn hủy hoại chính bản thân mình. Có thể tưởng tượng ra ông ta là một quân giám mục - cố gắng quay trở lại thế giới này trong vỏ bọc kẻ thù của ông ta."

"Ý tưởng thông minh đấy," Vance đáp lại. "Nhân tiện, có một ngôi nhà bằng những lá bài trên bàn khi chúng tôi nhìn thấy cái xác lần đầu tiên."

"Ha! Tôi đã tự hỏi mấy lá bài ở đó làm gì. Dẫu cho ông ta có thể tìm thấy sự khuây khỏa trong lối sống ẩn dật suốt những khoảnh khắc cuối cùng của ông ta… Một ngôi nhà bằng những lá bài ư? Nghe thật ngốc nghếch. Anh có biết câu trả lời không?"

"Không hẳn. 'Ngôi nhà do Jack xây dựng' có thể giải thích được điều gì đó."

“Tôi hiểu rồi.” Arnesson cáu gắt. “Chơi trò chơi trẻ con để kết thúc - thậm chí là tự sát. Ý nghĩ thật lạ lùng.” Anh ta ngáp dài. “Cứ đoán đi trong khi tôi đi thay đồ.” Và anh ta đi lên lầu.

Giáo sư Dillard đứng nhìn Arnesson với cái nhìn đầy đau buồn và lo âu của một người cha. Bây giờ ông ấy quay sang Markham với cử chỉ phiền muộn.

“Sigurd luôn tự bảo vệ mình chống lại những nỗi xúc động. Nó xấu hổ về cảm xúc của chính mình. Đừng quan trọng hóa thái độ vô ý của nó.”

Trước khi Markham có thể đáp lại thì Pyne đã dẫn thám tử Burke vào trong phòng; và Vance đã có cơ hội để hỏi người quản gia về việc phát hiện ra xác của Pardee.

“Chuyện xảy ra như thế nào khi ông vào phòng bắn cung sáng nay?” Anh hỏi.

“Nó khá gần phòng để thức ăn, thưa anh,” người đàn ông đáp lại, “và tôi mở cửa phòng ở chân cầu thang cho thoáng khí. Sau đó, tôi để ý thấy mấy cái màn cửa sổ được kéo xuống…”

“Bình thường, mấy cái màn không được kéo xuống vào ban đêm, phải không?”

“Không, thưa anh - phòng này thì không.”

“Mấy cái cửa sổ thì sao?”

“Tôi luôn luôn để chúng hở một chút vào ban đêm.”

“Ông có để chúng mở vào đêm qua không?”

“Có, thưa anh.”

“Rất tốt. - Và sau khi ông mở cửa phòng lúc sáng nay?”

“Tôi bắt đầu tắt đèn, nghĩ là cô Dillard đã quên tắt đèn vào đêm qua; nhưng ngay sau đó tôi thấy quý ông tội nghiệp này ở trên bàn, tôi

đi thẳng lên lầu và báo cho giáo sư Dillard hay.”

“Beedle có biết về thảm kịch này không?”

“Tôi đã nói với nó về việc này ngay sau khi các anh đến.”

“Tối qua ông và Beedle đi ngủ lúc mấy giờ?”

“Lúc 10 giờ, thưa anh.”

Khi Pyne rời khỏi thì Markham hỏi giáo sư Dillard.

“Đây là lúc để ông nói chi tiết mọi chuyện cho chúng tôi trong lúc chúng ta chờ bác sĩ Doremus. - Chúng ta nên lên lầu chứ?”

Burke vẫn ở trong phòng bắn cung, và mấy người chúng tôi vào thư viện.

“Tôi e rằng tôi chỉ có thể nói rất ít về những gì tôi biết cho các anh,” vị giáo sư bắt đầu, tự sắp xếp chỗ ngồi và lấy tẩu thuốc ra. Có một sự dè dặt đáng chú ý trong cử chỉ của ông ấy - một kiểu miễn cưỡng lãnh đạm. “Pardee đến đây vào tối qua sau bữa ăn tối, bề ngoài là nói chuyện với Arnesson, nhưng thật ra thì, tôi nghĩ là, để gặp Belle. Tuy nhiên, Belle, đã xin phép đi ngủ sớm - con bé ấy bị đau đầu - và Pardee ở lại cho tới khoảng 11 giờ rưỡi. Sau đó anh ta ra về; và đó là lần cuối cùng tôi thấy anh ta cho tới khi Pyne mang đến cho tôi tin tức khủng khiếp vào sáng nay…”

“Nhưng nếu,” Vance xen vào, “ông Pardee tới gặp cháu gái ông, ông giải thích thế nào về việc ông ta ở lại cho tới khuya sau khi cô ấy đã đi ngủ?”

“Tôi không giải thích được việc đó.” Ông lão tỏ ra lúng túng. “Mặc dù anh ta cho tôi một ấn tượng rằng có điều gì đó trong tâm trí của anh ta và anh ta mong muốn gặp gỡ ai đó. Thực tế thì, tôi đã tỏ vẻ mệt mỏi trước khi anh ta cuối cùng cũng đứng dậy ra về.”

“Anh Arnesson đã ở đâu trong suốt buổi tối?”

"Sigurd ở đây nói chuyện với chúng tôi khoảng một tiếng đồng hồ hoặc hơn sau khi Belle đã đi nghỉ, và sau đó mới đi ngủ. Suốt buổi chiều nó bận chuyện của nhà Drukker, và mệt phờ ra."

"Lúc đó là mấy giờ?"

"Khoảng 10 giờ rưỡi."

"Và ông nói," Vance tiếp tục, "là ông Pardee làm ông có ấn tượng như thể ông ta đang bị căng thẳng thần kinh phải không?"

"Không hẳn là căng thẳng." Giáo sư lấy tẩu thuốc, cau mày. "Anh ta có biểu hiện phiền muộn, gần như là u sầu."

"Ông có thấy là ông ta đang sợ hãi điều gì đó không?"

"Không; chí ít là không như thế. Anh ta giống như một người đã phải trải qua một nỗi bất hạnh quá lớn và không thể rũ bỏ được những ảnh hưởng của nó."

"Khi ông ta ra ngoài ông có đi với ông ta đến sảnh không, hay là, ông có chú ý tới hướng đi của ông ta không?"

"Không. Ở đây chúng tôi luôn đối đãi với Pardee rất thân mật. Anh ta nói chúc ngủ ngon và rời khỏi phòng. Tôi nghĩ điều đó là bình thường khi anh ta tự ra cửa đi về."

"Cùng lúc đó ông có về phòng mình không?"

"Khoảng mười phút. Tôi ở lại hơi lâu để sắp xếp những giấy tờ mà tôi đang làm dở dang."

Vance im lặng - rõ ràng anh bối rối trước một số tình tiết trong câu chuyện; và Markham đảm nhận việc thẩm vấn.

"Tôi nghĩ rằng," anh ta nói, "thật là thừa thãi nếu hỏi ông có nghe được bất kỳ tiếng động nào vào đêm qua khi phát súng được bắn ra."

"Mọi thứ trong ngôi nhà này đều yên tĩnh," giáo sư Dillard đáp. "Và không có bất kỳ âm thanh nào của phát súng được phát ra từ phòng

bắn cung đến tầng này. Có hai tầng cầu thang, chiếm toàn bộ chiều dài của sảnh dưới và hành lang, và có ba cửa ở giữa. Hơn nữa, những bức tường của căn nhà cũ kỹ này đều rất dày và chắc chắn.”

“Và không ai,” Vance bổ sung, “ở ngoài đường có thể nghe được tiếng súng, vì cửa sổ phòng bắn cung đã được đóng cẩn thận.”

Vị giáo sư gật đầu và nhìn anh với ánh mắt dò xét.

“Đó là sự thật. Tôi thấy anh cũng nhận ra trường hợp đặc biệt này. Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao Pardee nên đóng các cửa sổ lại.”

“Đặc điểm của vụ tự tử này sẽ không bao giờ có lời giải thích thỏa đáng,” Vance tình cờ quay lại. Sau một lúc tạm dừng, anh hỏi: “Ông và ông Pardee đã nói gì trong suốt một giờ trước khi ông ta rời khỏi?”

“Chúng tôi nói rất ít. Tôi ít nhiều có liên quan đến một bài báo mới của Millikan* trên tạp chí vật lý về chất kiềm, và tôi cố gắng khiến anh ta hứng thú với nó; nhưng trong tâm trí anh ta, như tôi đã nói, là mối bận tâm đáng lưu ý, và anh ta tự giải trí với bàn cờ vua trong phần lớn thời gian.”

“À! Vậy sao? Đó là điều thú vị nhất.”

Vance liếc nhìn bàn cờ. Nhiều quân cờ vẫn đứng trong các ô; và anh nhanh chóng đứng dậy rồi đi đến chỗ cái bàn nhỏ. Sau một lúc anh trở lại và ngồi xuống ghế.

“Hết sức kỳ lạ,” anh lẩm bẩm, và thong thả châm điếu thuốc. “Ông ta rõ ràng đã cân nhắc về cái kết của trận đấu với Rubinstein trước khi ông ta đi xuống cầu thang vào tối qua. Những quân cờ được sắp xếp một cách chính xác như khi ông ta chấp nhận thua cuộc - với quân giám mục đen quen thuộc chiếu hết chỉ sau năm bước.”

Ánh mắt đầy ngạc nhiên của giáo sư Dillard di chuyển đến bàn cờ.

“Quân giám mục đen,” ông ấy thấp giọng lặp lại. “Có khi nào cái gì đó đã ám ảnh tâm trí anh ta tối qua không? Khó có thể tin rằng một thứ quá tầm thường cũng có thể ảnh hưởng đến anh ta một cách kinh khủng như thế.”

“Xin đừng quên, thưa ông,” Vance nhắc nhở ông ấy, “rằng quân giám mục đen là biểu tượng cho sự thất bại của ông ta. Nó tượng trưng cho sự đổ vỡ trong những hy vọng của ông ta. Những nhân tố ít uy lực nhưng đã thúc đẩy người đàn ông này kết thúc cuộc sống của mình.”

Vài phút sau Burke thông báo với chúng tôi rằng chuyên viên giám định pháp y đã đến. Rời khỏi vị giáo sư, chúng tôi đi xuống phòng bắn cung một lần nữa, nơi bác sĩ Doremus bận bịu với việc kiểm tra thi thể của Pardee.

Ông ta nhìn lên khi chúng tôi bước vào và vẫy tay chiếu lệ. Tính cách vui vẻ thường ngày của ông ta đã biến mất.

“Khi nào thì chuyện này kết thúc vậy?” Ông ta càu nhàu. “Tôi không thích cái không khí quanh đây. Những kẻ sát nhân - cái chết vì sốc - vụ tự tử. Đủ khiến bất cứ ai sợ hãi. Tôi sẽ nhận một công việc tốt lành, yên ổn ở phòng mổ xác.”

“Chúng tôi tin rằng,” Markham nói, “đây là kết thúc.”

Doremus nháy mắt. “Được quá! Chỉ vậy thôi, đúng chứ? - Giám Mục tự tử sau khi làm cả vùng này tơi tả. Có vẻ hợp lý. Hy vọng rằng anh đúng.” Ông ta lại cúi xuống cái xác, kéo thẳng các ngón tay, ném khẩu súng lục lên bàn.

“Vũ khí của anh đấy, trung sĩ.”

Heath bỏ vũ khí vào túi mình.

“Ông ta chết bao lâu rồi, bác sĩ?”

“À, từ nửa đêm, hay gần đó. Có thể sớm hơn, có thể trễ hơn. - Còn câu hỏi ngớ ngẩn nào khác không?”

Heath cười gượng. “Có bất cứ nghi ngờ nào về việc tự sát không?”

Doremus trừng mắt nhìn viên trung sĩ.

“Như thế nào đây? Một vụ đánh bom của xã hội đen sao?” Sau đó ông ta trở nên chuyên nghiệp. “Vũ khí ở trong tay ông ta. Vết thuốc súng ở thái dương. Lỗ đạn hợp với khẩu súng, và ở bên phải. Vị trí của cơ thể tự nhiên. Không có bất kỳ khả nghi nào. - Sao vậy? Có nghi ngờ gì à?”

Markham là người trả lời.

“Là ngược lại, bác sĩ à. Mọi thứ từ góc nhìn của chúng tôi về trường hợp này đều là tự sát.”

“Vậy thì đây là vụ tự sát. Tôi sẽ kiểm tra kỹ hơn. - Này, trung sĩ, giúp tôi một tay.”

Khi Heath giúp nhấc thi thể của Pardee đến chỗ ghế dài để kiểm tra chi tiết hơn, chúng tôi đến phòng khách có cuộc gặp gỡ ngắn với Arnesson.

“Nhận định là gì?” Anh ta hỏi, ngã người vào cái ghế gần nhất. “Tôi nghĩ rằng không có nghi vấn gì về hành động của ông ta.”

“Tại sao anh lại đưa ra vấn đề này, anh Arnesson?” Vance hỏi.

“Không vì lý do gì cả. Một lời bình luận vu vơ. Có rất nhiều thứ kỳ lạ diễn ra quanh đây.”

“Ồ, rõ ràng là thế.” Vance phả ra vòng khói thuốc. “Không; bên giám định pháp y dường như nghĩ rằng không hề có vấn đề gì. Nhân tiện, có phải ông Pardee gây cho anh ấn tượng là có khuynh hướng tự vẫn vào tối qua?”

Arnesson cân nhắc. “Thật khó nói,” anh ta kết luận. “Ông ta không bao giờ có một tâm hồn vui vẻ. Nhưng tự tử ư?… Tôi không biết. Tuy nhiên, anh nói không có nghi vấn gì về điều đó, vậy thì chỉ đơn giản là thế thôi.”

“Được, được. Và làm cách nào để tình hình mới này phù hợp với công thức của anh?”

“Tiêu tan toàn bộ phương trình, tất nhiên rồi. Không còn cần thiết để nghiên cứu.” Mặc dù nói thế, anh ta vẫn có vẻ không chắc chắn. “Cái mà tôi không thể hiểu được,” anh ta nói thêm, “là tại sao ông ta lại chọn phòng bắn cung. Có rất nhiều nơi trong ngôi nhà của ông ta *cho felo-de-se**.”

“Có một khẩu súng rất tiện trong phòng bắn cung,” Vance gợi ý. “Và điều đó khiến tôi nhớ rằng: trung sĩ Heath muốn cô Dillard nhận diện hung khí, chỉ là vấn đề thủ tục.”

“Dễ thôi. Nó ở đâu?”

Heath đưa nó cho anh ta, và anh ta bắt đầu bước ra khỏi phòng.

“Ngoài ra” - Vance chặn anh ta lại - “anh có thể hỏi cô Dillard xem có phải cô ấy đã để những lá bài trong phòng bắn cung.”

Arnesson quay lại sau vài phút và thông báo với chúng tôi rằng khẩu súng này là vật để trong ngăn kéo tủ dụng cụ, và không chỉ những lá bài được để trong ngăn kéo bàn ở phòng bắn cung mà Pardee còn biết chúng ở đó.

Bác sĩ Doremus xuất hiện ngay sau đó và lặp lại kết luận của ông ta rằng Pardee đã tự bắn chính mình.

“Đó sẽ là báo cáo của tôi,” ông ta nói. “Không thể thấy bất cứ điều gì nữa. Chắc chắn, rất nhiều vụ tự sát là giả - nhưng đó là lĩnh vực của các anh. Ít ra chẳng có gì đáng ngờ ở đây.”

Markham gật đầu với vẻ hài lòng rõ ràng.

“Chúng tôi không có lý do gì để nghi ngờ những phát hiện của ông, bác sĩ à. Thực ra, vụ tự sát hoàn toàn phù hợp với những gì chúng tôi đã biết. Điều này đưa toàn bộ vụ Giám Mục điên khùng này đến một kết luận hợp lý.” Anh ta đứng lên như thể đã trút bỏ được gánh nặng. “Trung sĩ, tôi sẽ để anh sắp xếp việc chuyển cái xác để khám nghiệm tử thi; nhưng tốt hơn anh nên đến câu lạc bộ Stuyvesant sau đó. Cảm ơn Chúa hôm nay là Chủ nhật! Điều đó cho chúng ta thêm thời gian để rà soát lại.”

Tối đó tại câu lạc bộ Vance, Markham và tôi ngồi ở phòng chờ. Heath đến rồi đi, và một thông báo cẩn thận được công bố cho cánh nhà báo về vụ tự sát của Pardee và cho biết vụ án Giám Mục đã kết thúc. Vance nói rất ít trong cả ngày hôm đó. Anh từ chối đưa ra bất kỳ ý kiến nào về cách dùng từ của thông báo chính thức, và thậm chí chỉ miễn cưỡng xuất hiện để thảo luận về giai đoạn mới của vụ án này. Nhưng giờ anh đã nói lên những nghi ngờ rõ ràng đang chiếm giữ tâm trí mình.

“Nó quá dễ dàng, Markham à - quá mức dễ dàng. Có hương vị của một vẻ ngoài hào nhoáng trong đó. Hợp lý một cách hoàn hảo, anh thấy đó, nhưng không hề thỏa đáng. Tôi không thể hình dung chính xác việc Giám Mục của chúng ta lại chấm dứt sự hài hước điên rồ của hắn bằng cách vô vị như thế. Chẳng có gì dí dỏm khi làm nổ tung bộ não của một người - nó khá là tầm thường, anh biết không. Cho thấy một việc thiếu tính độc đáo. Nó không xứng đáng với sự gian xảo của những án mạng Mẹ Ngỗng.”

Markham không hài lòng.

“Anh đã tự mình giải thích tội ác phù hợp với những khả năng về tâm lý của Pardee; và với tôi điều đó xuất hiện rất hợp lý, tạo nên trò

đùa khủng khiếp và cuối cùng là cái chết của ông ta, ông ta đã xong việc của chính mình rồi."

"Có lẽ anh đúng," Vance thở dài. "Tôi vẫn chưa có bất kỳ lý lẽ sáng giá nào để tranh luận với anh. Chỉ là, tôi thất vọng. Tôi không muốn bị mất hứng, đặc biệt là khi chúng không phù hợp với ý tưởng của tôi về tài năng của nhà soạn kịch. Cái chết của ông Pardee ngay lúc này quá mức rõ ràng - nó xóa sạch mọi thứ quá gọn gàng. Có quá nhiều công dụng trong đó, và có quá ít sự tưởng tượng."

Markham cảm thấy anh ta có thể khoan dung.

"Có lẽ trí tưởng tượng của ông ta bị vắt kiệt trong những vụ sát hại. Vụ tự sát của ông ta có thể được coi là hạ màn khi vở kịch kết thúc. Trong bất cứ sự kiện nào, đây không phải là vấn đề đáng ngạc nhiên. Bị đánh bại, thất vọng và chán nản - cản trở tất cả tham vọng của một người - là nguyên nhân tạo nên việc tự sát từ thời xa xưa."

"Chính xác. Chúng ta có một động cơ hợp lý, hoặc lời giải thích, cho vụ tự sát của ông ta, nhưng không có động cơ cho những án mạng."

"Ông Pardee yêu Belle Dillard," Markham tranh luận; "và chắc hẳn ông ta biết rằng Robin từng cầu hôn cô ấy. Ngoài ra, ông ta rất ghen tị với Drukker."

"Còn vụ sát hại Sprigg thì sao?

"Chúng ta không có dữ liệu về điều đó."

Vance lắc đầu.

"Chúng ta không thể tách rời tội ác với động cơ. Chúng đều xuất phát từ một động lực cơ bản: chúng bị kích thích bởi một cảm xúc mạnh mẽ duy nhất."

Markham thở dài sốt ruột.

“Thậm chí nếu vụ tự sát của ông Pardee không liên quan đến những vụ giết người kia, chúng ta đang ở trong một ngõ cụt, cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.”

“Phải, phải. Một ngõ cụt. Thật đáng buồn. Dường như đó là lời an ủi cho phía cảnh sát. Dù gì điều đó cũng khiến họ lơ là trong một thời gian. Nhưng đừng hiểu sai sự khác thường của tôi. Cái chết của ông Pardee chắc chắn có liên quan đến những án mạng. Liên quan khá mật thiết nữa, tôi nghĩ thế.”

Markham chậm rãi lấy điếu xì gà ra khỏi miệng và quan sát Vance cẩn thận một hồi lâu.

“Có bất kỳ nghi ngờ nào trong đầu anh,” anh ta hỏi, “về việc Pardee đã tự sát à?”

Vance ngập ngừng trước khi trả lời.

“Tôi có thể cảm nhận được khi biết,” anh kéo dài giọng, “tại sao ngôi nhà bằng những lá bài đó sụp đổ quá dễ dàng khi tôi chồm người về phía bàn…”

“Thế à?”

“… và tại sao nó không đổ xuống khi đầu và vai của Pardee ngã về phía trước bàn sau khi ông ta tự bắn chính mình.”

“Chẳng sao cả,” Markham nói. “Chấn động đầu tiên có thể đã làm nới lỏng các lá bài”, đột nhiên anh ta nheo mắt lại. “Anh đang ám chỉ rằng ngôi nhà bằng những lá bài đã được dựng lên sau khi ông Pardee chết?”

“Ồ, ông bạn thân mến à! Tôi không thỏa mãn với những lời ám chỉ. Tôi chỉ đang nói ra sự tò mò mãnh liệt của tôi thôi, anh biết đó.”

CHƯƠNG 23

PHÁT HIỆN GÂY SỬNG SỐT

(Thứ Hai, 25 tháng Tư; 8.30 p.m.)

Tám ngày đã trôi qua. Tang lễ nhà Drukker diễn ra trong ngôi nhà nhỏ nằm trên đường số 76, tham dự chỉ có nhà Dillard, Arnesson và một ít người từ trường đại học đến bày tỏ lòng thành kính cuối cùng cho một nhà khoa học có công trình nghiên cứu mà họ thật sự ngưỡng mộ.

Vance và tôi ở ngôi nhà này vào buổi sáng lễ tang khi một cô bé mang bó hoa xuân nho nhỏ tự mình hái tới, và nhờ Arnesson đưa chúng cho Drukker. Tôi gần như chờ đợi một lời phản hồi giễu cợt từ anh ta, và bất ngờ khi anh ta nghiêm trang cầm lấy bó hoa và nói bằng giọng gần như trìu mến:

"Chú sẽ lập tức đưa cho chú ấy, Madeleine. Và Humpty Dumpty cám ơn vì cháu đã nhớ đến chú ấy." Khi đứa bé đã được nữ gia sư của mình dẫn đi, anh ta quay sang chúng tôi. "Cô bé là đứa Drukker thích nhất… Anh bạn này buồn cười thật. Không bao giờ đến nhà hát. Ghét đi du lịch. Thú tiêu khiển duy nhất của anh ta là mua vui cho lũ trẻ."

Tôi nhắc đến tình tiết này bởi vì, mặc dù có vẻ bình thường, nó được chứng minh là một trong những mối liên kết quan trọng nhất trong sợi xích bằng chứng mà cuối cùng đã làm sáng tỏ, vượt ra khỏi mọi câu hỏi nghi ngờ, điều khó hiểu của vụ án Giám Mục.

Cái chết của Pardee đã tạo ra một tình huống gần như là duy nhất trong biên niên sử tội ác hiện đại. Lời nhận định của Văn phòng Công tố quận chỉ cho biết rằng có khả năng Pardee phạm tội trong các vụ án mạng. Dù cá nhân Markham có nghĩ thế nào đi nữa, anh ta cũng rất đáng kính và công bằng vì không hướng bất kỳ sự nghi ngờ trực tiếp nào lên người khác mà không có bằng chứng rõ ràng. Nhưng làn sóng kinh hoàng nổi lên từ những án mạng kỳ lạ này đã đạt tới mức độ mà anh ta không thể, theo quan điểm về trách nhiệm mà anh ta phải làm cho cộng đồng, cầm lòng nói rằng anh ta tin vụ án đã khép lại. Như thế, trong khi không có lời buộc tội nào đưa ra chống lại Pardee, những án mạng Giám Mục không còn được xem là nguồn gốc của mối đe dọa đên thành phố, và tiếng thở phào nhẹ nhõm vang lên từ khắp mọi nơi.

Trong câu lạc bộ cờ vua Manhattan dường như ít có lời bàn luận về vụ án hơn bất kỳ nơi nào khác ở New York. Các thành viên có lẽ cảm thấy rằng danh dự của câu lạc bộ theo cách nào đó cũng có liên quan. Hoặc có thể là cảm giác về lòng trung thành đối với người đã làm rất nhiều cho cờ vua như Pardee. Nhưng dù nguyên nhân cho sự né tránh của câu lạc bộ về vấn đề này có là gì đi nữa, sự thật vẫn là các thành viên của câu lạc bộ, gần như mọi người, đều đã đến dự tang lễ của Pardee. Tôi không tài nào không ngưỡng mộ lòng kính trọng đó dành cho người bạn kỳ thủ này; vì, dù hành động cá nhân của ông ta có thế nào, ông ta vẫn là một trong những người ủng hộ vĩ đại của trò chơi hoàng gia cổ xưa mà họ say mê*.

Hành động chính thức đầu tiên của Markham vào ngày hôm sau cái chết của Pardee là bảo đảm việc thả Sperling. Buổi chiều cùng ngày, Sở Cảnh sát chuyển tất cả giấy tờ ghi chép của những án mạng Giám Mục sang một hồ sơ được đánh dấu là “những vụ án xếp xó,” và rút

những người canh gác khỏi nhà Dillard. Vance nhẹ nhàng phản đối bước đi sau cùng này; nhưng, theo quan điểm về việc bản báo cáo khám nghiệm tử thi của bên giám định pháp y đã chứng minh những điểm đặc thù về giả thuyết tự tử, nên Markham không thể làm gì khác. Hơn nữa, anh ta hoàn toàn bị thuyết phục rằng cái chết của Pardee đã chấm dứt vụ này; và anh ta chế giễu những nghi ngờ lung tung của Vance.

Trong tuần tiếp theo sau việc phát hiện ra thi thể của Pardee, Vance cố chấp và lơ đãng hơn bình thường. Anh cố gắng làm bản thân hứng thú vào nhiều chuyện khác nhau, nhưng không có kết quả gì. Anh để lộ dấu hiệu của sự cáu gắt; và vẻ ngoài trầm tĩnh gần như kỳ diệu có vẻ đã rời bỏ anh. Tôi có cảm giác rằng anh đang đợi một điều gì đó xảy ra. Cách cư xử của anh không hẳn là mong đợi, nhưng có một sự cảnh giác trong thái độ của anh có lúc đến mức gần như là lo sợ.

Vào ngày sau tang lễ của Drukker thì Vance đã đến gặp Arnesson, và vào Lối thứ Sáu đi cùng anh ta đến buổi diễn “Những bóng ma” của Ibsen - một vở kịch, mà tôi tình cờ biết được anh không thích. Anh biết được rằng Belle Dillard đã đi thăm nhà của một người họ hàng ở Albany một tháng. Như Arnesson giải thích, cô ấy đã bắt đầu để lộ những ảnh hưởng từ tất cả những chuyện đã trải qua, và cần thay đổi không khí. Người đàn ông này rõ ràng không vui trước sự vắng mặt của cô ấy, và tâm sự với Vance rằng họ đã lên kế hoạch kết hôn vào tháng Sáu. Vance cũng biết được từ anh ta rằng bản di chúc của bà Drukker để lại tất cả tài sản cho Belle Dillard và vị giáo sư trong trường hợp con trai của bà chết - một sự thật dường như khiến Vance quá đỗi hứng thú.

Nếu tôi biết, hoặc thậm chí ngờ đến, những chuyện kinh hoàng và khủng khiếp gì đang treo lơ lửng trên đầu chúng tôi vào tuần đó, tôi

không biết mình có thể chịu đựng nổi sự căng thẳng đó hay không. Vì vụ án mạng Giám Mục vẫn chưa kết thúc. Sự khủng khiếp tột đỉnh vẫn còn tiếp tục; nhưng thậm chí sự khủng khiếp đó, kinh hoàng và gây choáng váng như vậy, chỉ là một phần của những gì có thể đã xảy ra nếu không nhờ Vance suy luận vụ án thành hai kết luận riêng rẽ, chỉ có một hướng bị loại bỏ vì cái chết của Pardee. Chính khả năng kia, sau này tôi mới biết, đã giữ anh ở lại New York, với sự thận trọng và cảnh giác.

Thứ Hai, ngày 25 tháng Tư, là ngày bắt đầu của sự kết thúc. Chúng tôi ăn tối cùng Markham ở câu lạc bộ Bankers và sau đó đi xem buổi diễn “Die Meistersinger”* ; nhưng chúng tôi không được chứng kiến màn ca khúc khải hoàn của *Walther** vào đêm đó. Tôi nhận thấy khi chúng tôi gặp Markham ở sảnh lớn của tòa nhà Equitable thì anh ta có vẻ lo lắng; và ngay khi chúng tôi ngồi xuống bàn ăn món nướng thì anh ta kể cho chúng tôi nghe về cú điện thoại anh ta nhận được từ giáo sư Dillard chiều hôm đó.

“Ông ấy đặc biệt gọi tôi đến gặp ông ấy tối nay,” Markham giải thích; “và khi tôi cố từ chối thì ông ấy nài nỉ. Ông ấy nói rõ sự thật rằng Arnesson sẽ ra ngoài cả buổi tối, và nói rằng một cơ hội tương tự sẽ không xuất hiện cho đến lúc mọi chuyện đã quá muộn. Tôi hỏi ý ông ấy là sao; nhưng ông ấy từ chối giải thích, và nài nỉ tôi đến nhà ông ấy sau bữa tối. Tôi bảo rằng tôi sẽ cho ông ấy biết tôi có đến được hay không.”

Vance lắng nghe bằng niềm hứng thú mãnh liệt nhất.

“Chúng ta phải đến đó, Markham. Tôi đã khá mong chờ một cú điện thoại từa tựa như vậy. Có khả năng chúng ta cuối cùng sẽ tìm ra chìa khóa để mở toang sự thật.”

“Sự thật về cái gì?”

"Tội lỗi của ông Pardee."

Markham không nói gì thêm, và chúng tôi ăn tối trong im lặng.

Lúc 8 giờ rưỡi chúng tôi bấm chuông nhà Dillard, và được Pyne dẫn thẳng đến thư viện.

Vị giáo sư già chào chúng tôi với vẻ thận trọng lo lắng.

"Thật tốt vì anh đã đến, Markham à," ông ấy nói, mà không đứng dậy. "Ngồi xuống ghế và châm một điếu xì gà đi. Tôi muốn nói chuyện với anh - và tôi muốn làm việc này từ từ. Thật khó khăn…" Giọng ông ấy bỏ lửng lúc ông bắt đầu nhét thuốc vào tẩu.

Chúng tôi ngồi và chờ đợi. Một cảm giác mong chờ xâm chiếm lấy tôi mà không có lý do rõ ràng, ngoại trừ có lẽ do tôi bắt gặp tâm trạng bối rối thấy rõ của vị giáo sư.

"Tôi không biết nên đề cập đến vấn đề như thế nào," ông ấy bắt đầu; "vì nó không phải là sự việc hữu hình, mà là ý thức vô hình của con người. Tôi đã vật lộn cả tuần với ý tưởng hơi mơ hồ đang đè nén lên tôi; và tôi không thấy có cách nào để thoát khỏi chúng ngoài cách nói chuyện với anh…"

Ông ấy nhìn lên với vẻ lưỡng lự.

"Tôi muốn bàn luận những ý kiến này với anh khi Sigurd không có mặt hơn, và lúc tối nay nó đã đi xem vở 'Những kẻ giả vờ'* của Ibsen - vở kịch yêu thích nhất của nó, nhân tiện - tôi nắm lấy cơ hội này để gọi anh đến đây."

"Những ý kiến này liên quan đến điều gì?" Markham hỏi.

"Không có gì rõ ràng. Như tôi vừa nói, chúng rất mơ hồ; nhưng chúng dần trở nên mạnh mẽ rõ rệt… Thật vậy, quá mạnh mẽ," ông ấy nói thêm, "đến nỗi tôi nghĩ tốt nhất nên để Belle đi xa một thời gian. Đúng là đầu óc con bé đang trong tình trạng bị tra tấn vì tất cả những

thảm kịch này; nhưng nguyên nhân thật sự đưa con bé lên phía bắc của tôi chính là tôi bị những nghi ngờ vô hình vây hãm.”

“Nghi ngờ ư?” Markham nghiêng về phía trước. “Nghi ngờ về điều gì?”

Giáo sư Dillard không trả lời ngay.

“Để tôi trả lời câu hỏi đó bằng cách đặt ra câu hỏi khác,” ông ấy đáp lại sau đó. “Anh có hoàn toàn hài lòng trong tâm trí của mình rằng tình huống liên quan đến Pardee là đúng như những gì đã xảy ra không?”

“Ý của ông là tính xác thực trong vụ tự tử của ông ta à?”

“Điều đó và cả tội lỗi người ta gán cho anh ta nữa.”

Markham trầm ngâm ngồi tựa ra sau.

“Ông không hoàn toàn hài lòng sao?” Anh ta hỏi.

“Tôi không thể trả lời câu hỏi đó.” Giáo sư Dillard nói gần như cộc lốc. “Anh không có quyền hỏi tôi. Tôi chỉ muốn chắc rằng các cơ quan chức năng, có tất cả dữ liệu trong tay, đã tin rằng vụ việc kinh khủng này là một điều mù tịt.” Vẻ quan tâm sâu sắc hiện lên trên gương mặt ông ấy. “Nếu tôi biết đó là sự thật, nó sẽ giúp tôi đẩy lùi những mối nghi ngờ mơ hồ đã ám ảnh tôi ngày đêm trong tuần vừa qua.”

“Và nếu tôi nói rằng tôi không thỏa mãn thì sao?”

Đôi mắt của vị giáo sư già nhuốm vẻ xa xăm, đau buồn. Đầu ông ấy hơi gục về phía trước, như thể gánh nặng buồn phiền nào đó đột nhiên đè xuống ông ấy. Một lát sau ông ấy nhấc vai lên và hít một hơi thật sâu.

“Điều khó khăn nhất trên thế gian này,” ông ấy nói, “là biết bổn phận của một người nằm ở đâu; vì bổn phận là một cơ chế của trí óc, và con tim cứ mãi xen vào và tàn phá quyết tâm của một người. Có lẽ tôi đã sai khi gọi anh đến đây; vì, sau tất cả, tôi cũng chỉ có sự nghi ngờ mơ

hồ và ý tưởng mập mờ để bám vào mà thôi. Nhưng có thể mối lo âu của tôi dựa trên nền tảng sâu thẳm nào đó của sự tồn tại của ai đó mà tôi không biết… Anh có hiểu tôi nói gì không?” Có sự lảng tránh trong lời nói của ông ấy, không nghi ngờ gì về bóng dáng của sự lo âu đang rình rập tâm trí ông ấy.

Markham đồng cảm gật đầu.

“Không có bất cứ lý do gì để chất vấn kết quả của bên giám định pháp y.” Anh ta đưa ra lời nhận định bằng giọng nói gượng gạo. “Tôi có thể hiểu sự gần gũi của những thảm kịch này có thể đã tạo ra một bầu không khí có lợi cho sự ngờ vực. Nhưng tôi nghĩ ông không cần đa nghi thêm nữa đâu.”

“Tôi thật lòng hy vọng anh đúng,” giáo sư lẩm bẩm; nhưng rõ ràng ông ấy không hài lòng. “Giả sử, Markham…” ông ấy bắt đầu nói, và rồi dừng lại. “Ừ, tôi hy vọng anh đúng,” ông ấy lặp lại.

Vance điềm tĩnh ngồi hút thuốc qua cuộc thảo luận không thỏa mãn này, nhưng anh lắng nghe bằng sự tập trung lạ thường, và giờ anh lên tiếng.

“Hãy cho tôi biết, giáo sư Dillard, nếu có bất cứ điều gì - dù mơ hồ đến mức nào - đã làm ông cảm thấy bất định?”

“Không - không có.” Câu trả lời nhanh chóng bật ra và với chút nghị lực. “Tôi đơn thuần đang thắc mắc - thử kiểm tra mọi khả năng thôi. Tôi không dám quá tin tưởng mà không có chút bảo đảm nào đó. Logic thuần túy rất tốt cho các nguyên tắc không đích thân chạm vào chúng ta. Nhưng nơi mà sự an toàn của chính mình có liên quan đến đầu óc không hoàn hảo của con người thì đòi hỏi dấu hiệu trực quan.”

“À, phải.” Vance nhìn lên, và tôi nghĩ mình đã nhận ra sự thấu hiểu giữa hai người đàn ông khác hẳn nhau này.

Markham đứng dậy để chào từ biệt; nhưng giáo sư Dillard nài nỉ anh ta nán lại thêm chút nữa.

"Sigurd sẽ về đây trong chốc lát. Nó sẽ muốn gặp lại anh. Như tôi đã nói, nó đang xem 'Những kẻ giả vờ' nhưng tôi chắc là nó sẽ về thẳng nhà… Nhân tiện, anh Vance," ông ấy nói tiếp, quay đầu khỏi Markham; "Sigurd kể với tôi rằng anh đã đi xem 'Những bóng ma' cùng nó vào tuần trước. Anh có cùng niềm đam mê Ibsen với nó à?"

Một cái nhướng mày nhẹ của Vance nói cho tôi biết rằng anh phần nào khó hiểu trước câu hỏi này; nhưng khi anh trả lời lại không có dấu hiệu của sự bối rối trong giọng nói.

"Tôi có đọc Ibsen khá nhiều; và có thể đôi chút không biết rằng ông ấy là một thiên tài sáng tác đỉnh cao, vì tôi thất bại trong việc tìm kiếm ở ông ấy hình tượng thẩm mỹ hay chiều sâu triết học đã làm nên đặc trưng của vở 'Faust' của Goethe*, chẳng hạn."

"Tôi có thể thấy rằng anh và Sigurd sẽ thường xuyên bất đồng ý kiến."

Markham từ chối lời mời ở lại lâu hơn nữa, và ít phút sau chúng tôi đi bộ xuống đại lộ West End trong không khí mát mẻ của tháng Tư.

"Anh nên ghi chú lại, Markham thân mến," Vance quan sát, với một chút đùa giỡn, lúc chúng tôi rẽ sang đường số 72 và tiến đến công viên, "rằng có những người khác ngoài người cộng tác khiêm tốn của anh đang bị ám ảnh bởi sự nghi ngờ về ý muốn tự tử của ông Pardee. Và tôi nên bổ sung thêm rằng giáo sư không hài lòng với sự tin chắc của anh chút nào đâu."

"Trạng thái đa nghi của ông ấy cũng dễ hiểu thôi." Markham nhận xét. "Những án mạng này có liên quan khá chặt chẽ đến ngôi nhà của ông ấy."

“Đó không phải là lời giải thích. Quý ông cao tuổi đó có những nỗi sợ. Và ông ấy biết chuyện gì đó mà ông ấy không kể cho chúng ta.”

“Tôi không có cảm giác đó.”

“Ôi, Markham… Markham thân mến! Anh không lắng nghe rõ câu chuyện ngập ngừng, miễn cưỡng của ông ấy sao? Cứ như thể ông ấy đang cố truyền đạt gợi ý nào đó cho chúng ta mà không thật sự nói ra thành lời. Chúng ta có nhiệm vụ phải đoán ra. Đúng rồi! Đó là lý do ông ấy nài nỉ anh đến gặp ông ấy khi Arnesson đã chắc chắn ở buổi diễn phục hưng Ibsen…”

Vance đột ngột ngừng nói và đứng yên như phỗng. Một vẻ kinh ngạc hiện lên trong mắt anh.

“Ôi, trời ơi! Ôi, trời đất ơi! Vậy đó là lý do tại sao ông ấy hỏi tôi về Ibsen!… Ôi trời! Tôi thật là ngốc nghếch!” Anh nhìn chằm chằm Markham, và cơ hàm anh căng ra. “Sự thật cuối cùng!” Anh nói với sự nhẹ nhàng ấn tượng. “Và không phải anh hay cảnh sát hay tôi là người phá vụ án này: mà là một nhà soạn kịch người Na Uy đã chết hai mươi năm rồi. Vì Ibsen là chìa khóa mở cánh cửa bí ẩn.”

Markham nhìn anh như thể anh bỗng nhiên mất trí; nhưng trước khi anh ta kịp nói thì Vance đã vẫy một chiếc taxi.

“Tôi sẽ cho anh thấy ý tôi muốn nói gì khi chúng ta đến nhà,” anh nói, lúc chúng tôi chạy sang hướng đông qua Công viên Trung tâm. “Không thể tin được, nhưng đó là sự thật. Và tôi phải đoán ra nó từ lâu rồi; nhưng ý nghĩa của chữ ký trên những bức thông điệp đó bị che khuất bởi những ý nghĩa khả thi khác…”

“Nếu mà đang giữa mùa hè thay vì mùa xuân,” Markham phẫn nộ bình luận, “tôi sẽ nghĩ rằng cái nóng đã ảnh hưởng đến anh rồi.”

“Tôi biết ngay từ đầu có ba người có thể phạm tội,” Vance tiếp tục. “Về mặt tâm lý, mỗi người đều có khả năng là kẻ sát nhân, với điều kiện tác động cảm xúc của hắn đã làm phá vỡ thế cân bằng tinh thần của hắn. Nên không có gì để làm ngoài chờ đợi một dấu hiệu nào đó làm nổi bật sự nghi ngờ. Anh Drukker là một trong ba nghi can của tôi, nhưng anh ta đã bị sát hại; vậy là còn lại hai. Rồi ông Pardee được cho là tự tử, và tôi công nhận rằng cái chết của ông ta tạo ra kết luận hợp lý rằng ông ta là người có tội. Nhưng có một mối nghi ngờ đang ăn mòn tâm trí tôi. Cái chết của ông ta không thuyết phục; và ngôi nhà bằng những lá bài đó quấy rầy tôi. Chúng ta rơi vào bế tắc. Vì thế tôi lại chờ đợi, và quan sát khả năng thứ ba của mình. Giờ tôi biết ông Pardee vô tội, và ông ta không tự bắn chính mình. Ông ta bị sát hại - cũng như Robin, Sprigg và Drukker. Cái chết của ông ta là một trò đùa tàn nhẫn khác - ông ta là một nạn nhân bị ném ra trước mặt cảnh sát theo tinh thâfn của trò đùa hiểm ác. Và tên sát nhân đã cười nhạo sự khờ khạo của chúng ta từ đó đến nay.”

“Dựa vào lập luận gì mà anh lại đi đến một kết luận tuyệt diệu đến vậy?”

“Đã không còn là vấn đề của lập luận nữa. Cuối cùng tôi đã có lời giải cho những tội ác; và tôi biết ý nghĩa của chữ ký ‘Giám Mục’ trên những bức thông điệp rồi. Tôi sẽ cho anh xem một bằng chứng kinh ngạc và không thể chối cãi sớm thôi.”

Ít phút sau đó chúng tôi đến căn hộ của anh, và anh dẫn chúng tôi đi thẳng vào thư phòng.

“Bằng chứng đã ở đây từ lâu ngay trong tầm tay.”

Anh đi đến giá sách nơi để những quyển kịch của mình, và lấy xuống quyển II tuyển tập tác phẩm của Henrik Ibsen*. Quyển sách gồm có vở “Người Viking ở Helgeland” và “Những kẻ giả vờ”; nhưng

cái đầu tiên trong hai vở kịch này Vance không quan tâm. Lật sang "Những kẻ giả vờ" anh tìm đến trang *dramatis personae** được ghi, và đặt quyển sách lên bàn trước mặt Markham.

"Đọc bảng phân vai những nhân vật trong vở kịch yêu thích của Arnesson đi," anh bảo.

Markham, im lặng và bối rối, kéo quyển sách về phía mình; và tôi nhìn ghé qua vai anh ta. Đây là những gì chúng tôi thấy:

#

HÅKON HÅKONSSON*, *vua của Na Uy.*

INGA XỨ VARTEIG*, *mẹ của ông ta.*

CÔNG TƯỚC SKULE*.

QUÝ BÀ RAGNHILD, *vợ của Skule.*

SIGRID, *em gái của Skule.*

MARGRETE* *, con gái của Skule.*

GUTHORM INGESSON.

SIGURD RIBBUNG.

NICHOLAS ARNESSON, *Giám mục Oslo.*

NÔNG DÂN DAGFINN, *thống chế của Håkon.*

IVAR BODDE, *giáo sĩ của ông ta.*

VEGARD VAERADAL, *một quân lính của ông ta.*

GREGORIUS JONSSON, *nhà quý tộc.*

PAUL FLIDA, *nhà quý tộc.*

INGEBORG, *vợ của Andres Skialdarband.*

PETER, *con trai của bà ta, một giáo sĩ trẻ.*

SIRA VILIAM, *giáo sĩ của Giám mục Nicholas.*

QUÝ ÔNG SIGARD XỨ BRABANT, *một thầy thuốc.*

JATGEIR SKALD, *một người Iceland.*

BÅRD BRATTE, *một thủ lĩnh đến từ vùng Trondhiem.*

#

Nhưng tôi nghi rằng không một ai trong chúng tôi đọc quá dòng:

#

NICHOLAS ARNESSON, *Giám mục Oslo.*

#

Mắt tôi dán chặt vào cái tên đó với một sự mê hoặc khủng khiếp. Và rồi tôi nhớ ra… *Giám mục Arnesson* là một trong những nhân vật phản diện độc ác nhất trong văn học - một kẻ tàn bạo cay độc, kẻ đã bóp méo tất cả giá trị lành mạnh của cuộc sống thành những trò hề ghê tởm.

CHƯƠNG 24

MÀN CUỐI

(Thứ Ba, 26 tháng Tư; 9 a.m.)

Với phát hiện đáng kinh ngạc này, vụ án mạng Giám Mục bước vào giai đoạn cuối cùng và kinh hoàng nhất của nó. Heath đã được thông báo về phát hiện của Vance; và nhất trí rằng chúng tôi nên gặp nhau ở Văn phòng Công tố quận vào sáng sớm hôm sau để bàn bạc việc này.

Markham, khi từ giã chúng tôi vào đêm đó, trông lo âu và chán nản tới mức mà tôi chưa từng thấy trước đây.

"Tôi không biết có thể làm được gì," anh ta nói một cách tuyệt vọng. "Không có bằng chứng hợp pháp chống lại người này. Nhưng chúng ta có thể nghĩ ra một vài hướng hành động giúp chúng ta có lợi thế… Tôi không tin vào việc tra khảo, nhưng giờ đây tôi gần như mong rằng chúng ta sẽ dùng đến công cụ thực thi pháp luật."

Sáng hôm sau, Vance và tôi đến văn phòng của anh ta lúc hơn 9 giờ một chút. Swacker chặn chúng tôi lại và đề nghị chúng tôi ngồi chờ một lát trong phòng tiếp tân. Anh ta giải thích rằng hiện giờ Markham đang bận. Chúng tôi ngồi không lâu thì Heath xuất hiện, dữ tợn, nóng nảy và sưng sỉa.

"Tôi cần trao đổi với anh, anh Vance," anh ta tuyên bố. "Anh nắm chắc về thông tin trong hoàn cảnh này. Nhưng tôi không hiểu điều mà chúng ta sẽ làm là gì. Chúng ta không thể bắt một gã vì tên hắn có trong một quyển sách."

"Chúng ta có thể thúc đẩy vấn đề theo cách nào đó," Vance đáp. "Trong bất kỳ trường hợp nào, bây giờ chúng ta biết được mình đang đứng ở đâu."

Mười phút sau Swacker ra hiệu với chúng tôi tỏ ý rằng Markham đã rảnh việc.

"Thật tiếc vì để các anh phải chờ đợi," Markham xin lỗi. "Tôi có một vị khách bất ngờ." Giọng nói của anh ta chứa đựng sự thất vọng. "Nhiều rắc rối. Và, khá kỳ lạ, nó có liên quan đến khu vực công viên Riverside nơi mà anh Drukker bị sát hại. Tuy nhiên, tôi không thể làm gì được…" Anh ta đẩy một số giấy tờ về phía trước. "Giờ thì vào việc đi."

"Có rắc rối mới gì ở công viên Riverside?" Vance tình cờ hỏi.

Markham cau mày.

"Hiện tại, chúng ta không phải lo ngại. Một vụ bắt cóc, rất có thể là như thế. Có một bài vắn tắt về nó trong các báo sáng nay, nếu anh quan tâm…"

"Tôi ghét đọc báo lắm." Vance nói một cách ôn tồn, nhưng với sự nhấn mạnh làm tôi bối rối. "Chuyện gì đã xảy ra?"

Markham sốt ruột hít một hơi thật sâu.

"Một đứa trẻ biến mất ở sân chơi vào ngày hôm qua sau khi nói chuyện với một người lạ mặt. Cha của cô bé đã tới đây để cầu cứu sự giúp đỡ của tôi. Nhưng đây là việc của Cục Tìm người; và tôi cũng đã nói với ông ta như thế. - Bây giờ, nếu tính tò mò của anh đã lắng xuống…"

"Ồ, nhưng nó không như vậy," Vance cố chấp. "Tôi chỉ đơn giản là muốn nghe chi tiết. Khu vực này của công viên đã mê hoặc tôi một cách lạ lùng."

Markham ném cho anh một ánh mắt đầy nghi hoặc qua cái nhìn cau mày.

"Được thôi," anh ta đồng ý. "Một bé gái năm tuổi, tên là Madeleine Moffat, đang chơi cùng lũ trẻ vào khoảng 5 giờ rưỡi chiều hôm qua. Cô bé trèo lên gò đất cao gần bức tường chắn, và một lát sau, khi nữ gia sư của cô bé đi tìm, thì lại nghĩ rằng cô bé đã leo xuống gò đất ở phía bên kia, đứa trẻ đã không được tìm thấy. Chỉ có một đầu mối gợi ý là hai trong số những đứa trẻ khác nói rằng chúng thấy một người đàn ông nói chuyện với cô bé ngay trước khi cô bé mất tích; nhưng, dĩ nhiên, bọn trẻ không thể miêu tả được hắn. Cảnh sát đã được thông báo, và đang điều tra. Và đó là tất cả những gì về vụ này."

"'Madeleine.'" Vance lặp lại cái tên một cách đăm chiêu. "Này, Markham; anh có biết là đứa nhỏ này quen biết anh Drukker không?"

"Biết chứ!" Markham ngồi thẳng lên một chút. "Cha của cô bé đã nói rằng cô bé thường hay đến những bữa tiệc ở nhà anh ta…"

"Tôi đã từng thấy cô bé." Vance đứng dậy, hai tay để trong túi, nhìn xuống sàn nhà. "Một sinh vật nhỏ nhắn đáng yêu… mái tóc quăn vàng hoe. Cô bé mang một bó hoa cho anh Drukker trong đám tang của anh ta vào buổi sáng… Và bây giờ cô bé mất tích sau khi được nhìn thấy đã nói chuyện với một người đàn ông lạ mặt…"

"Cái gì đang diễn ra trong đầu anh vậy?" Markham đột ngột hỏi.

Vance dường như không nghe thấy câu hỏi.

"Tại sao cha cô bé lại tới cầu cứu anh?"

"Tôi có biết chút ít về Moffat nhiều năm rồi - ông ta có dính dáng đến chính quyền thành phố một lần. Ông ta điên cuồng - tham lam mọi thứ. Sự gần gũi với vụ án mạng Giám Mục đã làm ông ta sợ hãi một cách

quá đáng… Nhưng xem này, Vance; chúng ta không đến đây để thảo luận về đứa trẻ mất tích của nhà Moffat…"

Vance ngẩng đầu lên: có một cái nhìn sửng sốt kinh hoàng trên gương mặt anh.

"Đừng nói - ôi, đừng nói nữa…" Anh bắt đầu đi lên đi xuống, trong khi Markham và Heath nhìn anh trong sự im lặng đầy ngạc nhiên. "Đúng - đúng; chính là nó," anh thì thầm với chính mình. "Đúng thời cơ… tất cả đều phù hợp…"

Anh xoay người, và tới chỗ Markham chộp lấy tay anh ta.

"Đi ngay - nhanh lên! Đây là cơ hội của chúng ta - chúng ta không thể chờ thêm một phút nào nữa." Anh rõ ràng lôi kéo và dẫn Markham về phía cửa. "Tôi đã lo sợ điều gì đó giống như thế này trong cả tuần qua…"

Markham giật mạnh tay ra khỏi sự kìm kẹp của anh.

"Tôi sẽ không ra khỏi văn phòng này, Vance à, cho đến khi anh giải thích."

"Đó là một màn khác trong vở kịch - màn cuối đấy! Ồ, tin tôi đi mà." Có một cái nhìn trong ánh mắt của Vance mà tôi chưa từng thấy trước đây. "Bây giờ là 'quý cô Muffet nhỏ'. Cái tên không giống hệt nhau, nhưng điều đó không quan trọng. Nó khá giống cho trò chơi của Giám Mục; hắn sẽ giải thích tất cả với báo chí. Có lẽ hắn vẫy tay ra hiệu cho đứa trẻ tới gò đất, và ngồi xuống bên cạnh cô bé. Và giờ cô bé biến mất - biến mất trong sợ hãi…"

Markham di chuyển về phía trước với phần nào sửng sốt; và Heath, mắt anh ta như muốn lồi ra, nhảy qua cửa. Tôi tự hỏi cái gì đang diễn ra trong đầu họ trong suốt mấy giây bị Vance thúc giục nài nỉ. Liệu họ có tin lời giải thích của anh về tình tiết này không? Hay họ chỉ sợ là không điều tra được gì, bởi vì khả năng mong manh về một trò đùa

ghê tởm khác được thực hiện bởi Giám Mục? Dù họ tin tưởng hay hoài nghi, họ đều chấp nhận tình huống như Vance hiểu ra; và một lúc sau chúng tôi có mặt ở sảnh, gấp rút tiến về phía thang máy. Theo đề nghị của Vance chúng tôi đã đón thám tử Tracy từ văn phòng chi nhánh của Cục Điều tra ở tòa nhà Tòa án Hình sự.

"Chuyện này nghiêm trọng rồi," anh giải thích. "Bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra."

Chúng tôi xuất hiện ở lối vào đường Franklin, và trong một vài phút chúng tôi đi đến khu phố trên bằng xe của công tố viên quận, bỏ qua quy định về tốc độ và lờ đi các tín hiệu giao thông. Gần như không ai nói lời nào trong chuyến đi quan trọng này; nhưng khi chúng tôi xoay xở qua những con đường quanh co của Công viên Trung tâm thì Vance nói:

"Tôi có thể sai lầm, nhưng chúng ta phải mạo hiểm. Nếu chúng ta chờ đợi bức thông điệp, nó sẽ là quá muộn. Chúng ta không cần phải biết vào lúc này; và đó là một cơ hội của chúng ta…"

"Anh mong tìm thấy gì?" Giọng Markham khô khốc và có chút ngờ vực.

Vance lắc đầu một cách chán nản.

"Ồ, tôi không biết. Nhưng nó sẽ là một cái gì đó đầy hiểm độc."

Khi chiếc xe lắc lư dừng lại trước cửa nhà Dillard thì Vance liền nhảy ra ngoài và chạy lên mấy bậc thang trước chúng tôi. Pyne đáp lại tiếng chuông cửa liên tục của anh.

"Anh Arnesson đâu?" Anh hỏi.

"Ở trường đại học, thưa anh," ông lão quản gia đáp; và tôi có thể hình dung được có sự sợ hãi trong ánh mắt của ông ta. "Nhưng anh ta sẽ về nhà sớm vào bữa trưa."

"Vậy cho chúng tôi gặp giáo sư Dillard ngay lập tức."

"Xin lỗi, thưa anh," Pyne nói với anh; "nhưng giáo sư cũng đã ra ngoài rồi. Ông ấy tới Thư viện Công cộng…"

"Ông ở nhà một mình sao?"

"Đúng vậy, thưa anh. Beedle đi chợ rồi."

"Vậy thì càng tốt." Vance nắm lấy người quản gia và hướng ông ta về cầu thang phía sau. "Chúng tôi sẽ lục soát căn nhà, ông Pyne à. Ông dẫn đường đi."

Markham bước tới trước.

"Nhưng, Vance, chúng ta không thể làm thế!"

Vance quay người.

"Tôi không có hứng thú với việc anh có thể làm gì hoặc không thể làm gì. Tôi sẽ lục soát căn nhà… Trung sĩ, anh đi với tôi chứ?" Có một cái nhìn kỳ lạ trên khuôn mặt anh.

"Anh hoàn toàn đúng!" (Tôi chưa bao giờ thích Heath nhiều như lúc này.)

Việc tìm kiếm bắt đầu ở tầng hầm. Mọi hành lang, mọi tủ quần áo, mọi tủ bếp và không gian trống nào cũng đều được kiểm tra. Pyne, hoàn toàn sợ hãi bởi sự không khoan nhượng của Heath, hành động như người dẫn đường. Ông ta mang chìa khóa và mở những cánh cửa cho chúng tôi, và thậm chí đề xuất vài nơi mà nếu không thì chúng tôi đã bỏ qua. Viên trung sĩ đắm mình trong cuộc đi săn với đầy năng lượng, mặc dù tôi chắc chắn là anh ta chỉ có một ý niệm mơ hồ đối với mục đích của công việc. Markham đi theo chúng tôi với sự phản đối; nhưng anh ta, cũng thấy được sự quả quyết đầy động lực của Vance; và anh ta hẳn đã nhận ra rằng Vance có lý lẽ biện hộ mạnh mẽ nào đó cho việc cư xử liều lĩnh của anh.

Dần dần chúng tôi lục soát lên phía trên căn nhà. Thư viện và phòng của Arnesson đều được chúng tôi kiểm tra cẩn thận. Căn phòng của Belle cũng đã được xem xét kỹ lưỡng, và gần như sự chú ý được đặt vào những căn phòng không được sử dụng ở tầng ba. Ngay cả những khu của người hầu ở tầng bốn đều được kiểm tra kỹ càng. Nhưng không có gì khả nghi được phát hiện. Mặc dù Vance đã kiềm chế sự háo hức của mình thì tôi vẫn có thể nói về một sự căng thẳng bồn chồn mà anh đang chịu đựng bởi sự gấp rút không mệt mỏi thúc đẩy anh tìm kiếm.

Cuối cùng chúng tôi đến một cánh cửa bị khoá ở phía sau hành lang trên.

"Nó dẫn tới đâu?" Vance hỏi Pyne.

"Đến một căn phòng nhỏ trên gác mái, thưa anh. Nhưng nó không bao giờ được sử dụng…"

"Mở nó ra."

Người đàn ông dò dẫm một lát trong chùm chìa khóa của ông ta.

"Dường như tôi không thấy chìa khóa, thưa anh. Nó lẽ ra phải ở đây…"

"Lần cuối ông có nó là khi nào?"

"Tôi không nhớ, thưa anh. Theo như tôi biết là không ai đến căn phòng gác mái này nhiều năm rồi."

Vance lùi lại và lấy đà.

"Đứng qua một bên, ông Pyne."

Khi người quản gia di chuyển ra khỏi thì Vance tông cửa với một lực rất mạnh. Có tiếng cót két và biến dạng trên cửa gỗ; nhưng cửa vẫn khoá.

Markham tiến về trước và giữ chặt hai vai anh.

“Anh điên rồi!” Anh ta la lên. “Anh đang phạm luật đấy.”

“Luật với lệ!” Có sự châm biếm gay gắt trong lời vặn lại của Vance. “Chúng ta đang đối phó với một con quái vật nhạo báng tất cả luật lệ. Anh có thể chiều theo hắn nếu anh muốn, nhưng tôi sẽ lục soát căn phòng gác mái này cho dù điều đó dẫn đến việc tôi phải trải qua phần đời còn lại trong tù. - Trung sĩ, hãy mở cánh cửa đó ra!”

Một lần nữa tôi được trải nghiệm cảm giác thích thú dành cho Heath. Không một chút do dự, anh ta đứng sẵn sàng và tông mạnh vai mình vào ván cửa ngay trên tay nắm. Có một mảnh gỗ bung ra vì chốt khóa bị giật mạnh qua khỏi cái gờ. Cánh cửa lúc lắc vào trong.

Vance, thoát khỏi gọng kìm của Markham, chạy vấp lên các bậc thang và chúng tôi theo sau anh. Không có tia sáng nào trong căn phòng gác mái này, và chúng tôi dừng lại một chút ở đầu cầu thang để đôi mắt quen dần với bóng tối. Sau đó Vance quẹt diêm và, mò mẫm về phía trước, kéo tấm màn cửa sổ lên tạo ra âm thanh lách cách. Ánh sáng mặt trời ùa vào, làm hiện ra một căn phòng nhỏ, vuông vức mỗi bề 10 foot*, bừa bộn với đầy đồ vật linh tinh. Không khí nặng nề và ngột ngạt, và một lớp bụi dày phủ trên mọi thứ.

Vance nhanh chóng nhìn xung quanh, và một sự thất vọng hiện trên gương mặt anh.

“Đây là nơi còn lại duy nhất,” anh bình luận, với sự bình tĩnh trong tuyệt vọng.

Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng căn phòng, anh bước đến góc gần cửa sổ nhỏ và nhìn chăm chú xuống cái vali méo mó nằm dựa một mặt vào tường. Tôi nhận thấy nó đã được mở chốt và quai của nó treo toòng teng. Nghiêng người qua anh mở nắp ra sau.

“A! Đây này, ít nhất, có cái gì đó cho anh đây, Markham.”

Chúng tôi tụ lại chỗ anh. Trong cái vali là một máy đánh chữ Corona cũ. Một tờ giấy để trong bao thư; và trên đó được đánh máy, bằng những ký tự kiểu élite màu lam nhạt, có hai dòng:

Quý cô Muffet nhỏ

Ngồi trên gò đất nhỏ

Tại chỗ này người đánh máy rõ ràng đã bị gián đoạn, hoặc vì một lý do gì đó mà không thể hoàn thành bài đồng dao Mẹ Ngỗng.

"Thông điệp mới của Giám Mục dành cho báo chí," Vance nhận xét. Sau đó đưa tay vào cái vali, anh lấy ra một xấp giấy trắng và bao thư. Ở bên dưới, cạnh cái máy, đặt một quyển sổ bìa da màu đỏ với những tờ giấy màu vàng. Anh đưa nó cho Markham với một thông báo ngắn gọn:

"Những tính toán của Drukker về thuyết lượng tử."

Nhưng vẫn có một cái nhìn thất bại trong mắt anh; và anh lại lục soát căn phòng lần nữa. Ngay sau đó anh đi tới cái bàn trang điểm cũ đứng dựa vào tường đối diện cửa sổ. Khi anh cố gắng nhìn phía sau nó thì anh đột ngột lùi lại và, ngẩng đầu lên, hít mũi vài lần. Tại thời điểm đó anh đã bắt gặp một vật trên sàn nhà ngay chân mình, và đá nó về phía giữa phòng. Chúng tôi nhìn xuống nó với vẻ kinh ngạc. Đó là một chiếc mặt nạ phòng hơi độc được sử dụng bởi các nhà hoá học.

"Lùi lại, mọi người!" Anh ra lệnh; và lấy một tay bịt mũi và miệng lại rồi đẩy bàn trang điểm ra khỏi tường. Ngay đằng sau nó là một tủ nhỏ cao khoảng ba foot*, đặt âm tường.

Anh giật mạnh mở nó ra và nhìn vào bên trong, rồi đóng sầm lại ngay lập tức.

Nói ngắn gọn về những gì tôi thấy bên trong cái tủ, tôi có thể nhìn thoáng qua những thứ bên trong nó một cách rõ ràng. Nó được gắn hai cái kệ. Kệ dưới có vài quyển sách đang mở. Kệ trên có một cái bình Erlenmeyer* để đứng được kẹp bởi thanh sắt, một đèn cồn, một ống ngưng tụ, một cốc thủy tinh, và hai cái chai nhỏ.

Vance quay lại và nhìn chúng tôi với vẻ thất vọng.

"Chúng ta có thể đi rồi: chẳng còn gì ở đây nữa."

Chúng tôi quay lại phòng khách, để thám tử Tracy đứng gác ở cửa dẫn đến phòng gác mái.

"Có lẽ, sau tất cả, anh có lý do chính đáng cho việc lục soát của mình," Markham thừa nhận, quan sát Vance một cách nghiêm túc. "Tuy nhiên, tôi không thích những phương pháp như vậy. Nếu chúng ta không tìm ra được cái máy đánh chữ…"

"Ồ, thế đấy!" Vance, lo lắng và bồn chồn, đi tới cửa sổ nhìn ra bãi tập bắn cung. "Tôi không tìm kiếm cái máy đánh chữ - cũng không phải quyển sổ ghi chép. Chúng quan trọng thế sao?" Cằm anh hạ thấp, và mắt anh nhắm lại trong một trạng thái mệt mỏi của sự thất bại. "Mọi thứ đều đi sai hướng - lập luận của tôi đã sai. Chúng ta quá trễ rồi."

"Tôi giả vờ như không biết anh đang cằn nhằn về cái gì," Markham nói. "Nhưng ít nhất anh đã cung cấp cho tôi một loại bằng chứng đó. Giờ thì tôi có thể bắt giữ Arnesson khi anh ta từ trường đại học trở về."

"Phải, phải; dĩ nhiên. Nhưng tôi không nghĩ về Arnesson, hoặc việc bắt giữ hung thủ, hay thắng lợi của Văn phòng Công tố quận. Tôi đang hy vọng…"

Anh ngừng nói và xác định lại.

"Chúng ta chưa muộn! Tôi nghĩ chưa đủ xa…" Anh nhanh chóng đi đến cổng vòm. "Chúng ta phải lục soát nhà Drukker… Nhanh lên!" Anh

như vừa đi vừa chạy xuống hành lang, Heath ở phía sau anh, và Markham với tôi theo sau.

Chúng tôi theo anh xuống cầu thang phía sau, băng qua phòng bắn cung và ra bãi tập. Chúng tôi không biết, và tôi không tin có bất kỳ ai trong chúng tôi đoán ra, những gì đang diễn ra trong đầu anh; nhưng một vài kích thích bên trong anh đã truyền qua chúng tôi, và chúng tôi nhận ra rằng chỉ có sự sống còn đây cấp bách mới có thể lay động anh một cách mạnh mẽ ra khỏi thái độ bàng quan và điềm tĩnh bình thường của anh.

Khi chúng tôi đến hiên lưới nhà Drukker, anh đi lọt qua tấm lưới kim loại bị tháo và tiếp tục cuộc rượt đuổi. Cửa phòng bếp, trước sự kinh ngạc của chúng tôi, đã bị mở khóa; nhưng Vance dường như mong đợi điều này, vì anh không ngần ngại vặn tay nắm và mở nó ra.

"Khoan đã!" Anh ra lệnh, dừng lại một chút ở hành lang phía sau. "Không cần lục soát cả căn nhà đâu. Nơi có khả năng nhất… Đúng rồi! Đi thôi… trên lầu… đâu đó giữa ngôi nhà… có khả năng là tủ đựng quần áo… nơi mà không ai có thể nghe thấy…" Vừa nói anh vừa dẫn đường lên cầu thang phía sau, qua phòng bà Drukker và xem xét, và từ đó đi tiếp đến tầng ba. Có hai cánh cửa ở hành lang trên - một cái ở tận cuối, và một cánh cửa nhỏ hơn nằm giữa ở phía tường bên phải.

Vance đi thẳng đến cái thứ hai. Có một chìa khóa nhô ra từ ổ khóa, và xoay nó, anh mở cửa ra. Chỉ có bóng tối mờ ảo trước mắt chúng tôi. Vance khựng lại một giây, rồi dò dẫm bên trong.

"Nhanh lên, trung sĩ. Đèn pin của anh."

Trước khi anh kịp nói thêm một từ nào nữa thì ánh sáng đã chiếu xuống sàn của tủ quần áo. Thứ mà tôi cảm nhận được là sự ớn lạnh kinh hoàng. Tiếng thốt lên nghẹn ngào bật ra từ Markham; và một tiếng huýt sáo nhẹ nhàng bảo tôi rằng Heath quá kinh hoàng khi thấy cảnh

này. Trước mặt chúng tôi ở trên sàn, trong sự yếu ớt, câm lặng, đang nằm đó là bé gái đã mang hoa đến cho Humpty Dumpty vào buổi sáng hôm tang lễ của anh ta. Mái tóc vàng của cô bé rối bời; khuôn mặt nhợt nhạt, và có những vệt nước mắt dài đã chảy ra và khô lại trên má của cô bé.

Vance cúi xuống và áp tai lên tim cô bé. Rồi anh dịu dàng kéo cô bé vào vòng tay của mình.

“Quý cô Muffet nhỏ tội nghiệp,” anh thì thầm, và đứng dậy đi về hướng cầu thang phía trước. Heath đi trước anh, chiếu đèn soi đường để không ai bị vấp ngã. Đến hành lang dưới anh dừng lại.

“Mở chốt cửa ra, trung sĩ.”

Heath sốt sắng làm theo lời anh, và Vance bước ra ngoài vỉa hè.

“Hãy tới nhà Dillard và đợi tôi ở đó,” anh nói vọng lại. Và ôm chặt đứa bé trước ngực, anh bắt đầu băng qua đường số 76 tới ngôi nhà mà tôi thấy có một bảng bằng đồng đề tên một bác sĩ.

CHƯƠNG 25

HẠ MÀN

(Thứ Ba, 26 tháng Tư; 11 a.m.)

Hai mươi phút sau Vance nhập hội cùng chúng tôi trong phòng khách nhà Dillard.

"Cô bé sẽ không sao đâu," anh thông báo, ngồi xuống ghế và châm một điếu thuốc. "Cô bé chỉ bất tỉnh thôi, ngất đi vì sốc và sợ hãi; và ngạt thở nữa." Gương mặt anh tối sầm lại. "Có vết bầm trên cổ tay cô bé. Có thể do cố gắng tìm kiếm trong căn nhà trống khi cô bé không thấy Humpty Dumpty; và rồi con quái thú đẩy cô bé vào trong tủ quần áo và khóa cửa lại. Không có thời gian để giết cô bé, mọi người thấy đó. Hơn nữa, việc giết chóc không có trong sách. 'Quý cô Muffet nhỏ' không hề bị giết - chỉ bị làm cho hoảng sợ thôi. Dù vậy, cô bé có thể sẽ chết, vì thiếu không khí. Và *hắn* an toàn: không ai có thể nghe tiếng khỏe của cô bé…"

Đôi mắt của Markham cảm kích nhìn Vance.

"Tôi xin lỗi vì đã cố cản anh lại," anh ta nói đơn giản. (Mặc cho tất cả bản năng pháp lý thông thường của anh ta, trong bản chất của anh ta vẫn có những nguyên tắc cơ bản.) "Anh đã đúng khi thúc đẩy vấn đề, Vance à… Và cả anh nữa, trung sĩ. Chúng tôi nợ rất nhiều ở lòng quyết tâm và niềm tin của các anh."

Heath ngượng ngùng.

"Ồ, không có gì đâu, thưa anh. Anh thấy đấy, anh Vance làm tôi rất lo cho đứa bé. Và tôi thích trẻ con, thưa anh."

Markham chuyển cái nhìn tò mò sang Vance.

"Anh hy vọng sẽ tìm thấy đứa trẻ còn sống?"

"Đúng; nhưng có lẽ bị đánh thuốc mê hoặc bị choáng. Tôi không nghĩ cô bé sẽ chết, vì như vậy là trái với trò chơi của Giám Mục."

Heath đang phân vân về vấn đề khó hiểu nào đó.

"Điều tôi không thể hiểu được," anh ta nói, "là tại sao Giám Mục này, rất cẩn thận trong mọi việc, lại để cửa nhà Drukker không khóa."

"Chúng ta được mong chờ sẽ tìm ra đứa trẻ," Vance nói với anh ta. "Mọi thứ được sắp đặt dễ dàng cho chúng ta. Giám Mục thật chu đáo nhỉ? Nhưng lẽ ra ngày mai chúng ta mới đi tìm cô bé - sau khi báo chí nhận được những bức thông điệp quý cô Muffet nhỏ. Chúng lẽ ra là manh mối của chúng ta. Nhưng chúng ta đã đoán trước được."

"Nhưng tại sao những bức thông điệp không được gởi đi vào hôm qua?"

"Rõ ràng rằng ý định ban đầu của Giám Mục là gởi bài thơ của hắn tối hôm qua; nhưng tôi nghĩ hắn quyết định rằng tốt nhất vẫn nên để vụ mất tích của đứa trẻ thu hút sự chú ý của công chúng trước. Nếu không mối quan hệ giữa Madeleine Moffat và quý cô Muffet nhỏ sẽ bị che khuất."

"Hừ!" Heath gầm gừ qua kẽ răng. "Và qua ngày mai đứa trẻ sẽ chết. Không có cơ hội để cô bé nhận diện hắn."

Markham nhìn đồng hồ của mình và quyết định đứng dậy.

"Đợi Arnesson trở về không có ý nghĩa gì nữa. Chúng ta bắt giữ hắn càng sớm càng tốt." Anh ta định ra lệnh cho Heath thì Vance can thiệp vào.

"Đừng thúc ép vấn đề, Markham. Anh không có bằng chứng thật nào chống lại người này. Tình huống này quá mỏng manh để dùng vũ

lực. Chúng ta phải có bước đi thật cẩn thận nếu không chúng ta sẽ thất bại.”

“Tôi hiểu rõ việc tìm thấy máy đánh chữ và quyển sổ ghi chép vẫn chưa thuyết phục,” Markham đồng tình. “Nhưng với sự nhận diện của đứa trẻ…”

“Ôi, ông bạn ơi! Bồi thẩm đoàn nào mà chịu tin vào sự nhận diện của một cô bé năm tuổi đang hoảng sợ mà không có bằng chứng thuyết phục kèm theo chứ? Một tay luật sư lanh lợi có thể vô hiệu hóa nó trong vòng năm phút. Và thậm chí giả sử rằng anh có thể khiến màn nhận diện thuyết phục đi, điều đó sẽ giúp được gì cho anh? Nó sẽ không liên kết Arnesson với những án mạng Giám Mục theo bất kỳ cách nào cả. Anh chỉ có thể khởi tố hắn tội cố tình bắt cóc thôi, - hãy nhớ là đứa trẻ không bị thương. Và nếu anh có thể, thông qua một điều kỳ diệu của pháp luật, lấy được một kết án gây nghi ngờ, thì Arnesson chỉ nhận nhiều nhất vài năm trong tù thôi. Như vậy sẽ không kết thúc nỗi kinh hoàng này… Không, không. Anh không được hấp tấp.”

Markham ngồi lại xuống ghế một cách miễn cưỡng. Anh ta thấy được sức mạnh trong lý lẽ của Vance.

“Nhưng chúng ta không thể để điều này tiếp diễn được,” anh ta tuyên bố một cách cương quyết. “Chúng ta phải ngăn chặn gã điên này bằng cách nào đó.”

“Bằng cách nào đó - đúng.” Vance bắt đầu đi qua đi lại liên tục trong phòng. “Chúng ta có thể lừa sự thật ra khỏi miệng hắn bằng cách lẩn tránh: hắn vẫn chưa biết chúng ta đã tìm ra đứa trẻ… Có khả năng giáo sư Dillard có thể giúp đỡ chúng ta…” Anh dừng lại và đứng nhìn xuống sàn nhà. “Đúng! Đó là cơ hội của chúng ta. Chúng ta phải đối chất Arnesson với những gì chúng ta biết khi giáo sư có mặt. Tình

huống chắc chắn sẽ tác động đến vấn đề nào đó. Giáo sư giờ sẽ làm hết khả năng của mình để giúp cáo buộc Arnesson."

"Anh tin ông ấy biết nhiều hơn những gì ông ấy đã kể cho chúng ta?"

"Chắc chắn thế. Tôi đã nói với anh từ đầu rồi. Và khi ông ấy nghe đến chuyện quý cô Muffet nhỏ, chắc chắn ông ấy sẽ cung cấp cho chúng ta bằng chứng cần thiết."

"Sẽ không dễ dàng." Markham bi quan. "Nhưng không thử thì làm sao biết được. Dù thế nào đi nữa, tôi vẫn sẽ bắt giữ Arnesson trước khi tôi rời khỏi đây, và hy vọng vào điều tốt nhất."

Một lát sau, cửa trước mở ra và giáo sư Dillard xuất hiện ở sảnh đối diện lối cổng vòm. Ông ấy gần như không chấp nhận lời chào của Markham - ông quét mắt nhìn những gương mặt của chúng tôi như thể cố tìm ra ý nghĩa của chuyến viếng thăm không mong đợi này. Cuối cùng ông ấy đặt ra một câu hỏi.

"Có lẽ, anh đã suy nghĩ đến những gì tôi nói đêm qua?"

"Chúng tôi không những suy nghĩ đến," Markham nói, "mà anh Vance còn tìm thấy thứ đang làm phiền ông. Sau khi chúng tôi rời khỏi đây, anh ta đã cho tôi xem một bản in của vở 'Những kẻ giả vờ'."

"A!" Tiếng kêu giống như một tiếng thở dài nhẹ nhõm. "Nhiều ngày qua vở kịch đó cứ lởn vởn trong đầu tôi, đầu độc mọi suy nghĩ…" Ông ấy e sợ nhìn lên. "Nó có ý nghĩa gì vậy?"

Vance trả lời câu hỏi.

"Thưa ông, nó có nghĩa là ông đã dẫn chúng tôi đến với sự thật. Bây giờ chúng tôi đang đợi anh Arnesson. - Và tôi nghĩ tốt hơn là chúng tôi nói chuyện với ông trong khi chờ đợi. Ông có thể giúp được chúng tôi."

Ông lão ngập ngừng.

“Tôi đã hy vọng sẽ không bị biến thành một công cụ trong việc cáo buộc thằng bé.” Giọng nói của ông ấy đượm vẻ bi thảm về tình phụ tử. Nhưng hiện giờ nét mặt của ông ấy đanh lại; một tia sáng thù hằn lóe lên trong mắt ông ấy; và bàn tay ông nắm chặt đầu gậy của mình. “Tuy nhiên, tôi không thể suy nghĩ cho cảm giác của riêng mình lúc này. Nói đi; tôi sẽ làm những gì có thể.”

Lúc đi vào thư viện, ông ấy dừng lại bên chiếc tủ búp phê và tự rót cho mình một ly rượu port. Khi ông ấy uống xong, ông quay sang Markham với cái nhìn xin lỗi.

“Thứ lỗi cho tôi. Tôi không còn là chính mình nữa.” Ông ấy kéo chiếc bàn cờ vua nhỏ ra phía trước và đặt những cái ly thủy tinh lên cho tất cả chúng tôi. “Hãy bỏ qua cho sự khiếm nhã của tôi.” Ông ấy rót đầy những ly rượu và ngồi xuống.

Chúng tôi kéo ghế ra ngồi. Tôi nghĩ, không ai trong chúng tôi lại không cảm thấy cần uống một ly rượu sau những sự kiện đau lòng mà chúng tôi vừa trải qua.

Khi chúng tôi đã ngồi ngay ngắn, vị giáo sư ngước đôi mắt nặng trĩu nhìn Vance, người đang ngồi đối diện ông ấy.

“Kể tất cả cho tôi đi,” ông ấy nói. “Đừng cố bỏ qua gì cả.”

Vance rút hộp thuốc lá ra.

“Trước tiên, để tôi hỏi ông một câu. Anh Arnesson đã ở đâu từ 5 đến 6 giờ chiều hôm qua?”

“Tôi… không biết.” Có sự miễn cưỡng trong lời nói. “Nó dùng trà trong thư viện này; nhưng nó đi ra ngoài vào khoảng 4 giờ rưỡi, và tôi không gặp lại nó cho đến giờ ăn tối.”

Vance cảm thông quan sát người kia một lúc, rồi anh nói:

“Chúng tôi đã tìm thấy máy đánh chữ dùng để in những bức thông điệp của Giám Mục. Nó nằm bên trong chiếc vali cũ được giấu trên gác mái của ngôi nhà này.”

Vị giáo sư không tỏ ra dấu hiệu giật mình gì.

“Anh có thể nhận ra nó sao?”

“Không còn nghi ngờ gì nữa. Hôm qua một cô bé tên Madeleine Moffat biến mất khỏi sân chơi trong công viên. Có một tờ giấy trong cái máy, và trên đó đã được đánh: ‘Quý cô Muffet nhỏ ngồi trên gò đất nhỏ.’”

Đầu giáo sư Dillard nghiêng về phía trước.

“Lại một trò tàn bạo điên rồ khác! Nếu mà tôi không đợi đến tận tối hôm qua mới cảnh báo các anh…!”

“Không có thiệt hại to lớn nào cả,” Vance vội vã thông báo cho ông ấy. “Chúng tôi tìm thấy đứa trẻ kịp lúc: cô bé giờ đã thoát khỏi nguy hiểm rồi.”

“À!”

“Cô bé đã bị nhốt trong tủ quần áo ở tầng trên cùng của nhà Drukker. Chúng tôi tưởng cô bé đã ở đâu đó gần đây - đó là lý do chúng tôi đến lục soát gác mái nhà ông.”

Có một sự im lặng, sau đó vị giáo sư hỏi:

“Anh còn muốn kể thêm gì với tôi không?”

“Quyển sổ ghi chép chứa đựng những nghiên cứu lượng tử gần đây của Drukker đã bị lấy cắp từ phòng anh ta vào đêm anh ta chết. Chúng tôi tìm thấy quyển sổ này trên gác mái cùng với máy đánh chữ.”

“Nó hèn hạ đến mức đó ư?” Đó không phải là một câu hỏi, mà là một lời thốt lên khó tin. “Anh có chắc chắn về kết luận của mình

không? Có lẽ nếu tôi không đưa ra gợi ý vào tối qua - thì đã không gieo mối nghi ngờ…”

“Không thể là nghi ngờ,” Vance tuyên bố nhẹ nhàng. “Anh Markham định sẽ bắt giữ anh Arnesson khi anh ta từ trường đại học về. Nhưng xin nói thẳng với ông: thật ra chúng tôi không có bằng chứng pháp lý, và câu hỏi trong đầu anh Markham là luật pháp có thể bắt giữ anh ta hay không. Điều duy nhất chúng tôi có thể hy vọng là một lời cáo buộc về tội bắt cóc thông qua sự nhận diện của đứa trẻ.”

“À, phải… đứa trẻ sẽ biết.” Một nỗi đau khổ len lỏi vào đôi mắt ông lão. “Vẫn nên có phương tiện thực thi công lý nào đó cho những tội ác kia.”

Vance ngồi hút thuốc một cách trầm ngâm, mắt anh nhìn xa xăm về bức tường. Cuối cùng anh lên tiếng với vẻ bình tĩnh nghiêm trang.

“Nếu anh Arnesson bị thuyết phục rằng chứng cớ của chúng tôi đủ sức mạnh để chống lại anh ta, anh ta có thể chọn tự tử làm lối thoát. Như thế có lẽ sẽ là giải pháp nhân đạo nhất cho mọi người.”

Markham định đưa ra một lời phản đối đầy phẫn nộ, nhưng Vance đã chặn anh ta trước.

“Bản thân tự tử không phải là một hành động không thể biện hộ được. Ví dụ, Kinh Thánh có nhiều điển tích về sự tự sát anh dũng. Còn tấm gương dũng cảm nào hơn Rhazis, khi ông ta gieo mình từ ngọn tháp để thoát khỏi gông xiềng của Demetrius* ? Cũng là lòng dũng cảm, trong cái chết của người mang gươm của Saul*, và trong việc tự treo cổ của Ahithophel*. Và chắc chắn những vụ tự tử của Samson* và Judas Iscariot* là có đạo đức. Lịch sử có đầy những vụ tự tử - Brutus* và Cato xứ Utica*, Hannibal*, Lucretia*, Cleopatra*, Seneca*… Nero* tự kết liễu mình để không phải rơi vào tay của Otho* và quân lính. Ở Hy Lạp, chúng ta có vụ tự hủy hoại nổi tiếng của Demosthenes* ; và

Empedocles* tự lao vào ngọn núi lửa Etna. Aristotle* là nhà tư tưởng lớn đầu tiên đưa ra tuyên bố rằng tự tử là một hành động phản xã hội, nhưng theo truyền thuyết, chính ông ấy tự uống thuốc độc sau cái chết của Alexander*. Và ở thời hiện đại chúng ta không nên quên nghĩa cử cao đẹp của Bá tước Nogi*…"

"Tất cả điều đó không phải là lời biện hộ cho hành động này," Markham vặn lại. "Luật pháp…"

"À, phải - luật pháp. Trong luật pháp Trung Quốc mọi tội phạm bị xử tử hình có quyền lựa chọn tự sát. Bộ luật được thông qua bởi Quốc hội Pháp vào cuối thế kỷ mười tám xóa bỏ mọi trừng phạt đối vói việc tự tử; và trong *Sachsenspiegel** - nền tảng chính của luật Teuton - ghi rõ rằng tự tử không phải là một hành động đáng bị trừng phạt. Hơn nữa, đối với những người ủng hộ giáo phái Donatism, việc tự tử của Circumcellions* và Patrician* được xem là làm hài lòng các thần linh. Và thậm chí trong quyển Utopia của More* có một hội nghị tôn giáo thông qua quyền tự kết liễu mạng sống của một cá nhân… Luật pháp là để bảo vệ xã hội, Markham à. Điều gì của việc tự tử khiến cho sự bảo vệ đó khả thi? Chúng ta có nên yêu cầu một chi tiết chuyên môn hợp pháp không, khi mà, làm như vậy, chúng ta thật ra đang để xã hội phơi bày trước hiểm nguy đang diễn ra? Không có luật lệ nào cao hơn những điều trên các sách luật sao?"

Markham hết sức bối rối. Anh ta đứng dậy và bước tới bước lui dọc theo căn phòng, gương mặt anh ta tối sầm với nỗi lo âu. Khi anh ta ngồi lại xuống ghế, anh ta nhìn Vance rất lâu, các ngón tay của anh ta gõ nhịp lên bàn với sự do dự bồn chồn.

"Người vô tội tất nhiên phải được quan tâm," anh ta nói bằng giọng chán nản. "Dù tự tử là không đúng về mặt đạo đức, tôi có thể thấy được quan điểm của anh rằng đôi khi nó có thể được bào chữa về mặt

lý thuyết.” (Biết rõ Markham, tôi nhận ra anh ta đã chịu nhượng bộ; và tôi cũng nhận ra, lần đầu tiên, anh ta hoàn toàn tuyệt vọng đến mức nào khi đối mặt với tai họa kinh hoàng mà anh ta có trách nhiệm phải xóa sổ nó.)

Vị giáo sư già gật đầu thông cảm.

“Đúng, có vài bí mật xấu xa đến mức thế giới này không nên biết đến thì tốt hơn. Một công lý tối cao thường có thể đạt được mà không cần có luật pháp trừng trị.”

Khi ông ấy vừa dứt lời thì cánh cửa mở ra, và Arnesson bước vào trong phòng.

“Chà, chà. Một hội nghị nữa à?” Anh ta ném cho chúng tôi cái nhìn chế giễu, và ngồi phịch xuống chiếc ghế bên cạnh vị giáo sư. “Tôi tưởng vụ án đã được phán quyết rồi. Không phải vụ tự tử của Pardee đã đặt dấu chấm hết cho chuyện này sao?”

Vance nhìn thẳng vào đôi mắt anh ta.

“Chúng tôi đã tìm được quý cô Muffet nhỏ rồi, anh Arnesson.”

Cặp lông mày của người kia nhướng lên với vẻ thích thú mỉa mai.

“Nghe cứ như trò chơi đố chữ vậy. Tôi nên trả lời cái gì đây: ‘Ngón cái của cậu bé Jack Horner* thế nào?’ Hay tôi nên hỏi thăm về sức khỏe của Jack Sprat* ?”

Vance không thay đổi cái nhìn kiên định của mình.

“Chúng tôi tìm thấy cô bé trong nhà Drukker, bị nhốt trong tủ quần áo,” anh nhấn mạnh, bằng giọng trầm đều.

Arnesson trở nên nghiêm túc, và một nét cau mày xuất hiện trên trán anh ta một cách vô tình. Nhưng điệu bộ này chỉ thoáng qua. Khóe miệng của anh ta từ từ nâng lên thành một nụ cười nhếch mép.

“Cảnh sát các người hiệu quả quá. Tìm ra quý cô Muffet nhỏ sớm thật. Xuất sắc quá.” Anh ta gật gù với vẻ thán phục chế nhạo. “Tuy nhiên, đó là chuyện sớm muộn thôi. - Và nước đi tiếp theo, cho tôi hỏi, là gì vậy?”

“Chúng tôi còn tìm thấy chiếc máy đánh chữ,” Vance tiếp tục, lờ đi câu hỏi. “Và quyển sổ ghi chép của anh Drukker bị đánh cắp nữa.”

Arnesson lập tức đề phòng.

“Thật sao?” Anh ta nhìn Vance bằng ánh mắt dè dặt. “Những món đồ mách lẻo này ở đâu vậy?”

“Trên lầu - ở gác mái.”

“A ha! Xâm nhập gia cư à?”

“Đại loại như vậy.”

“Tuy nhiên,” Arnesson chế giễu, “tôi không thấy anh có bằng chứng chắc chắn chống lại bất kỳ ai. Một cái máy đánh chữ không giống như một bộ quần áo chỉ vừa với một người thôi đâu. Và ai có thể nói quyển sổ của Drukker làm thế nào tìm đường lên gác mái của chúng tôi được? - Anh phải làm tốt hơn thế, anh Vance à.”

“Tất nhiên, còn có yếu tố cơ hội. Giám Mục là người đã có mặt lúc xảy ra các vụ án mạng.”

“Đó là bằng chứng phụ trợ hời hợt nhất,” người đàn ông phản đối. “Sẽ không giúp gì nhiều cho việc tuyên án đâu.”

“Chúng tôi sẽ cho thấy tại sao tên sát nhân lại chọn biệt danh là Giám Mục.”

“A! Điều đó chắc chắn sẽ giúp được.” Một đám mây che phủ trên gương mặt Arnesson, và đôi mắt anh ta trở nên hồi tưởng lại. “Tôi cũng đã nghĩ về điều đó.”

“Ồ, thật sao?” Vance quan sát anh ta kỹ càng. “Và còn một mảnh bằng chứng khác tôi chưa nhắc đến. Quý cô Muffet nhỏ có thể sẽ nhận diện ra người đã dẫn cô bé đến nhà Drukker và đẩy cô bé vào trong tủ quần áo.”

“Được đấy! Nạn nhân đã tỉnh rồi sao?”

“Ồ, phải. Thật ra đang khỏe lại. Anh thấy đó, chúng tôi tìm thấy cô bé sớm hơn 24 tiếng so với ý định của Giám Mục.”

Arnesson im lặng. Anh ta đang nhìn chằm chằm xuống hai bàn tay mình, dù đan vào nhau, đang cử động một cách căng thẳng. Cuối cùng anh ta lên tiếng.

“Và nếu, mặc cho tất cả, anh đã sai lầm…”

“Tôi bảo đảm với anh, anh Arnesson,” Vance nói khẽ, “rằng tôi *biết* ai có tội.”

“Anh rõ ràng làm tôi sợ rồi đó!” Người đàn ông kìm nén bản thân mình, và anh ta trả đũa với sự mỉa mai gay gắt. “Nếu, lỡ như, tôi chính là Giám Mục, tôi sẽ đành chịu thua… Tuy nhiên, khá rõ ràng rằng chính Giám Mục đã đem quân cờ cho bà Drukker lúc nửa đêm; và tôi đến 12 giờ rưỡi mới cùng Belle về đến nhà đêm hôm đó.”

“Nên anh đã nói cho cô ấy. Theo tôi nhớ, anh đã nhìn đồng hồ của mình và nói với cô ấy lúc đó là mấy giờ. - Xem nào: lúc đó là mấy giờ?”

“Đúng thế -12 giờ rưỡi.”

Vance thở dài và giũ tàn tro khỏi điếu thuốc lá.

“Này, anh Arnesson; anh là nhà hóa học giỏi đến mức nào?”

“Một trong những người giỏi nhất,” người đàn ông nhe răng cười. “Còn là chuyên môn nữa. - Thì sao?”

“Khi tôi lục soát gác mái sáng nay, tôi phát hiện ra một tủ quần áo âm tường nhỏ trong đó có người đã điều chế acid hydrocyanic từ kali

ferrocyanide. Ở đó có cả mặt nạ chống độc của nhà hóa học, và tất cả dụng cụ. Mùi hạnh nhân đắng vẫn còn lảng vảng quanh đó."

"Đúng là một kho tàng đấy, gác mái của chúng tôi. Một kiểu sào huyệt của Loki*, có vẻ vậy."

"Đó chính là," Vance nghiêm trọng trả lời, "hang ổ của một linh hồn xấu xa."

"Hoặc là phòng thí nghiệm của một tiến sĩ Faust* thời hiện đại… Nhưng tại sao lại là cyanide*, anh nghĩ gì?"

"Sự dự phòng, tôi nghĩ vậy. Trong trường hợp gặp rắc rối, Giám Mục có thể ra đi một cách nhẹ nhàng. Mọi thứ đã sẵn sàng rồi, anh biết đấy."

Arnesson gật đầu.

"Một thái độ khá đúng đắn về phần hắn. Thật ra, hắn rất tử tế. Không để người khác rơi vào phiền toái khi bị dồn vào chân tường. Đúng, rất đúng."

Giáo sư Dillard ngồi nghe trong suốt cuộc đối thoại xấu xa này với một tay ấn vào mắt mình, như đang đau khổ. Giờ đây ông ấy buồn bã quay sang người mà ông ấy đã nuôi nấng nhiều năm qua.

"Rất nhiều người vĩ đại, Sigurd à, đã biện minh cho tự tử…" ông ấy bắt đầu; nhưng Arnesson cắt ngang lời ông ấy bằng một tiếng cười cay độc.

"Khiếp! Tự tử không cần biện minh. Nietzsche* nêu ra sự băn khoăn về cái chết tự nguyện. *Aufeine stolze Art sterben, wenn es nicht mehr möglich ist, auf eine stolze Art zu leben. Der Tod unter den verächtlichsten Bedingungen, ein unjreier Tod, ein Tod zur unrechten Zeit ist ein Feiglings - Tod. Wir haben es nicht in der Hand, zu verhindern, geboren zu werden: aber wir können diesen Fehler - denn*

bisweilen ist es ein Fehler - wieder gut machen. Wenn man sich abschaffi, tut man die achtungswürdigste Sache, die es giebt: man verdient beinahe damit, zu leben.' Một người nên chết một cách tự hào khi không còn có thể sống một cách tự hào nữa. Cái chết xảy đến trong những tình huống đáng khinh nhất, cái chết không tự do, cái chết diễn ra không đúng lúc, là cái chết của một kẻ hèn nhát. Chúng ta không có sức mạnh để ngăn ngừa bản thân chúng ta khỏi việc được sinh ra đời; nhưng sai lầm này - đôi khi nó là một sai lầm - có thể sửa chữa nếu chúng ta lựa chọn. Người tự kết liễu bản thân mình, thực hiện hành động đáng quý trọng nhất; người đó hầu như xứng đáng sống vì đã làm như vậy. - Thuộc lòng đoạn văn đó trong quyển *'Götzen – Dämmerung** từ lúc tôi còn trẻ. Không bao giờ quên nó. Một học thuyết đúng đắn."

"Nietzsche có nhiều tiền nhân nổi tiếng cũng ủng hộ tự tử," Vance bổ sung. "Zeno Khắc Kỷ* để lại cho chúng ta một bài thơ đầy đam mê biện hộ cho cái chết tự nguyện. Và Tacitus*, Epictetus*, Marcus Aurelius*, Cato, Kant, Fichte*, Diderot*, Voltaire* và Rousseau*, tất cả đều đã viết lời biện hộ cho tự tử. Schopenhauer kịch liệt phản đối về việc tự tử bị xem là một tội ở Anh… Tuy nhiên, tôi tự hỏi đề tài này có thể được vun đắp hay không. Bằng cách nào đó tôi cảm thấy rằng nó là một vấn đề quá cá nhân cho một cuộc thảo luận học thuật."

Vị giáo sư buồn bã đồng ý.

"Không ai có thể biết được lòng người ta nghĩ gì trong giờ phút đen tối cuối cùng đó."

Suốt cuộc thảo luận này Markham càng lúc càng trở nên mất kiên nhẫn và bực bội; còn Heath, dù ban đầu cứng rắn và thận trọng, đã bắt đầu dễ chịu. Tôi không thấy rằng Vance đã có thêm được chút tiến triển nào; và tôi đi đến kết luận rằng anh đã thất bại đáng kể trong việc

hoàn thành mục tiêu gài bẫy Arnesson của mình. Tuy vậy, anh không có vẻ lo lắng chút nào. Tôi thậm chí còn có ấn tượng rằng anh hài lòng với cách sự việc đang diễn biến. Nhưng tôi để ý thấy rằng, dù cho vẻ ngoài bình tĩnh, anh đang tập trung cảnh giác. Hai bàn chân anh kéo về sau và giữ thăng bằng; và mọi cơ bắp trên người anh căng ra. Tôi bắt đầu tự hỏi kết quả của hội nghị tồi tệ này sẽ là gì.

Hồi kết đến nhanh chóng. Một sự im lặng ngắn ngủi sau lời nhận xét của vị giáo sư. Thế rồi Arnesson lên tiêng.

“Anh nói anh biết Giám Mục là ai mà anh Vance. Nếu là vậy thì tại sao còn trò lảm nhảm này chứ?”

“Không cần phải gấp gáp.” Vance gần như hờ hững. “Và có hy vọng giải quyết một vài chuyện mơ hồ, - bồi thẩm đoàn bế tắc sẽ không hài lòng như thế, anh biết đấy… À mà này, ly rượu port này tuyệt lắm.”

“Rượu port ư?… À, phải.” Arnesson liếc nhìn những ly rượu của chúng tôi, và chuyển ánh mắt tổn thương sang vị giáo sư. “Từ lúc nào con là người kiêng rượu vậy, thưa thầy?”

Người kia giật mình, lưỡng lự, và đứng dậy.

“Ta xin lỗi, Sigurd à. Ta không nghĩ đến… con không bao giờ uống rượu trước buổi trưa.” Ông ấy đi đến tủ búp phê và, rót thêm một ly khác, đặt nó xuống, với một bàn tay run run, trước mặt Arnesson. Sau đó, ông ấy rót đầy thêm cho những ly khác.

Ông ấy vừa ngồi lại chỗ của mình thì Vance thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên. Anh nửa ngồi nửa đứng lên và nhoài người về phía trước, hai bàn tay anh đặt trên mép bàn, cặp mắt ngạc nhiên nhìn về lò sưởi ở cuối phòng.

“Trời ơi! Tôi chưa bao giờ để ý đến nó trước đây… Thật phi thường!”

Quá bất ngờ và sửng sốt trước hành động của anh, và bầu không khí khá căng thẳng, khiến chúng tôi vô thức quay ngoắt lại và nhìn về hướng ánh mắt mê hoặc của anh.

"Một bức điêu khắc của Cellini* !" Anh kêu lên. "Nữ thần của Fontainebleau! Berenson nói với tôi rằng nó đã bị phá hủy vào thế kỷ thứ mười bảy. Tôi từng thấy một bản của nó trong bảo tàng Louvre*…"

Gò má của Markham đỏ ửng lên vì cơn phẫn nộ dữ dội; và tôi phải nói rằng chính bản thân tôi đã quen thuộc với tính khí và niềm đam mê đồ cổ quý hiếm của Vance mà cũng chưa bao giờ thấy anh để lộ ra tật xấu không thể bênh vực như vậy. Dường như không thể tin rằng anh lại để chính mình bị phân tâm bởi một món *objet - d'art** trong thời khắc bi kịch như thể này.

Giáo sư Dillard nhíu mày nhìn anh với vẻ kinh ngạc.

"Anh chọn thời điểm kỳ lạ đấy, anh à, để thể hiện lòng nhiệt tình của mình dành cho nghệ thuật," là nhận xét gay gắt của ông ấy.

Vance tỏ vẻ bối rối và xấu hổ. Anh ngồi thụp lại xuống ghế, né tránh ánh mắt của chúng tôi, và bắt đầu xoay ly rượu của mình bằng những ngón tay.

"Ông nói khá đúng, thưa ông," anh lẩm bẩm. "Tôi nợ ông một lời xin lỗi."

"Nhân tiện, bức điêu khắc này," vị giáo sư nói thêm, nhằm làm dịu bớt sự nặng nề của lời trách vừa rồi, "chỉ là một bản sao của cái nằm trong bảo tàng Louvre thôi."

Vance, cứ như muốn che giấu sự bối rối, nâng ly rượu của mình lên môi. Đó là thời điểm hết sức khó chịu: thần kinh của mọi người đều căng thẳng; và, tự động bắt chước theo hành động của anh, chúng tôi cũng nâng ly của mình lên.

Vance nhìn thoáng qua cái bàn và, đứng dậy, đi đến cửa sổ phía trước, anh đứng đó, quay lưng lại căn phòng. Sự bỏ đi vội vã của anh khó hiểu đến mức khiến tôi quay lại nhìn anh đầy ngạc nhiên. Gần như cùng lúc đó mép bàn xô mạnh vào mạn sườn tôi, và cùng lúc là tiếng đổ vỡ của đồ thủy tinh.

Tôi bật người đứng dậy và kinh hoàng nhìn xuống cơ thể bất động nằm sóng soài phía trước chiếc ghế đối diện, một cánh tay và vai vắt ngang qua cái bàn. Theo sau đó là sự im lặng hoang mang và hoảng hốt. Mỗi người trong chúng tôi dường như bị tê liệt trong chốc lát. Markham đứng như một pho tượng, đôi mắt anh ta dán chặt lên bàn; và Heath, nhìn chằm chằm và không thốt nên lời, bám cứng vào lưng ghế của mình.

"Trời ơi!"

Chính tiếng kêu kinh ngạc của Arnesson đã cắt ngang sự căng thẳng.

Markham nhanh chóng đi vòng qua cái bàn và cúi xuống cơ thể của giáo sư Dillard.

"Gọi bác sĩ đĩ, Arnesson," anh ta ra lệnh.

Vance mệt mỏi quay người khỏi cửa sổ và ngồi thụp xuống một chiếc ghế.

"Không còn gì có thể làm cho ông ấy nữa," anh nói, với tiếng thở dài thườn thượt mệt mỏi. "Ông ấy đã chuẩn bị cho một cái chết nhanh chóng và không đau đớn khi ông ấy điều chế chất cyanide của mình. - Vụ án Giám Mục đã kết thúc."

Markham trợn mắt nhìn anh với vẻ ngơ ngác khó hiểu.

"Ồ, tôi đã bán tín bán nghi sự thật kể từ cái chết của Pardee rồi," Vance tiếp tục, trả lời cho câu hỏi trong đầu của người kia. "Nhưng tôi

vẫn không chắc chắn về chuyện đó cho đến tối hôm qua khi ông ấy đích thân treo tội ác lên người anh Arnesson."

"Hả? Anh nói sao?" Arnesson quay đầu khỏi chiếc điện thoại.

"À, đúng vậy," Vance gật đầu. "Anh là người nhận hình phạt. Anh đã được chọn làm nạn nhân ngay từ đầu. Ông ấy thậm chí đã gợi ý khả năng phạm tội của anh cho chúng tôi."

Arnesson không có vẻ gì là ngạc nhiên như mọi người tưởng.

"Tôi đã biết giáo sư ghét tôi," anh ta nói. "Ông ấy ghen tị gay gắt với sự quan tâm của tôi dành cho Belle. Và ông ấy đang dần mất đi khả năng tri thức của mình - tôi đã thấy điều đó nhiều tháng nay rồi. Tôi đã góp rất nhiều công sức trong quyển sách mới của ông ấy, và ông ấy căm ghét mọi danh hiệu học thuật được trao cho tôi. Tôi đã có ý nghĩ rằng ông ấy là người đứng đằng sau tất cả trò ma quỷ này; nhưng tôi không chắc chắn. Dù vậy, tôi không nghĩ ông ấy lại cố đưa tôi lên ghế điện."

Vance đứng dậy và, đi đến chỗ Arnesson, chìa bàn tay của mình ra.

"Không có nguy cơ đó đâu. - Và tôi muốn xin lỗi vì cách tôi đã đối xử với anh suốt nửa tiếng đồng hồ vừa rồi. Chỉ đơn thuần là vấn đề chiến thuật thôi. Anh thấy đó, chúng tôi không có bằng chứng thực tế nào cả, và tôi đã hy vọng sẽ buộc ông ấy phải manh động."

Arnesson cười buồn bã.

"Không cần xin lỗi đâu, anh bạn. Tôi đã biết anh không nhắm vào tôi mà. Khi anh bắt đầu bắt nạt tôi, tôi đã thấy đó chỉ là phương pháp thôi. Không biết mục đích của anh là gì, nhưng tôi đã làm theo ám hiệu của anh hết sức có thể. Hy vọng tôi không phá hỏng mất."

"Không, không. Anh làm rất tốt."

“Thế à?” Arnesson nhíu mày với vẻ bối rối sâu sắc. “Nhưng tôi không hiểu là tại sao ông ấy lại uống cyanide trong khi ông ấy nghĩ tôi mới là người mà anh nghi ngờ.”

“Điểm đặc biệt đó chúng ta sẽ không bao giờ biết được,” Vance nói. “Có lẽ ông ấy sợ sự nhận diện của cô bé. Hoặc có thể ông ấy đã nhìn ra trò lừa bịp của tôi. Có lẽ ông ấy bỗng nhiên ghê tởm với ý tưởng bắt anh gánh trách nhiệm… Như chính ông ấy đã nói, không ai biết được lòng người ta nghĩ gì trong giờ phút đen tối cuối cùng đó.”

Arnesson đứng yên tại chỗ. Anh ta nhìn thẳng vào mắt Vance vói sự khôn ngoan sắc sảo.

“Thôi vậy,” cuối cùng anh ta nói; “chúng ta bỏ chuyện đó đi… Dù sao thì cũng cảm ơn anh!”

CHƯƠNG 26

HEATH ĐẶT CÂU HỎI

(Thứ Ba, 26 tháng Tư; 4 p.m.)

Khi Markham, Vance và tôi rời khỏi nhà Dillard một giờ sau đó, tôi nghĩ rằng vụ Giám Mục đã kết thúc. Và nó đã chấm dứt những gì công chúng đã lo sợ. Nhưng có một phát hiện khác xảy đến; và nó, theo cách nào đó, là điều đáng kinh ngạc nhất trong tất cả sự kiện đã được đưa ra ánh sáng vào ngày hôm đó.

Heath tham gia cùng chúng tôi tại Văn phòng Công tố quận sau bữa trưa, để thảo luận một số vấn đề chính thức; và sau đó vào buổi chiều Vance xem xét toàn bộ vụ việc, giải thích nhiều điểm khó hiểu của nó.

"Arnesson đã đưa ra giả thuyết về động cơ của những tội ác điên loạn này," anh ta mở đầu. "Giáo sư biết vị trí của mình trong giới khoa học đã bị chiếm đoạt bởi người đàn ông trẻ tuổi. Tâm trí ông ấy đã bắt đầu mất đi sức mạnh và sự sắc sảo của nó; và ông ấy nhận ra rằng cuốn sách mới của ông ấy về cấu trúc nguyên tử chỉ có thể được thực hiện thông qua sự giúp đỡ của Arnesson. Một sự căm thù to lớn dành cho người con nuôi đã lớn dần trong ông ấy; Arnesson trong mắt ông ấy đã trở thành một kiểu quái vật mà chính bản thân ông ấy, giống như Frankenstein, đã tạo ra, và là người đang lớn dần lên để hủy diệt ông ấy. Và sự thù hằn trong đầu ông ấy đã tăng lên bởi cảm xúc ghen tị từ trước. Mười năm qua, tình yêu thương trong cuộc sống độc thân hiu quạnh của ông ấy được dồn hết cho Belle Dillard - cô ấy tượng trưng cho cuộc sống hiện hữu của ông ấy mỗi ngày - và khi ông ấy thấy rằng

Arnesson có khả năng sẽ mang cô ấy đi khỏi ông, lòng thù hận và oán giận của ông ấy đã tăng lên gấp đôi."

"Động cơ thì có thể hiểu đươc," Markham nói. "Nhưng nó không giải thích được những tội ác này."

"Động cơ này hoạt động như một tia lửa rơi vào đống thuốc súng khô trong những cảm xúc bị dồn nén của ông ấy. Trong khi tìm kiếm một phương pháp để hủy diệt Arnesson, ông ấy đã vớ được trò đùa độc ác trong những án mạng Giám Mục. Những vụ giết người này đã mang đến sự khuây khỏa cho việc kìm nén của ông ấy; chúng cần thiết cho tâm hồn đang xáo trộn dữ dội của ông ấy; và đồng thời chúng đã giải đáp cho câu hỏi đen tối trong tâm trí ông ấy rằng làm thế nào để có thể loại bỏ Arnesson và giữ Belle Dillard cho riêng mình."

"Nhưng tại sao," Markham hỏi, "ông ấy không đơn thuần là giết Arnesson và chấm dứt chuyện này?"

"Anh bỏ qua những khía cạnh tâm lý của tình hình này rồi. Tâm trí của giáo sư bị mất kiểm soát do việc đè nén cảm xúc lâu dài. Điều hiển nhiên là đòi hỏi một lối thoát. Và sự hận thù dữ dội dành cho Arnesson đã mang đến một áp lực cho điểm nổ. Vì vậy, hai xung lực này đã kết hợp với nhau. Bằng việc thực hiện những vụ giết người, ông ấy không chỉ làm khuây khỏa sự ức chế của mình, mà còn trút cơn thịnh nộ của mình nhằm vào Arnesson, để Arnesson, anh thấy đó, phải trả giá cho hình phạt đó. Quả là sự trả thù càng mạnh mẽ thì càng thỏa mãn, hơn hẳn việc chỉ giết một người rồi xong, - đó là trò đùa cực kỳ tàn nhẫn đằng sau những trò đùa nhỏ hơn trong chính những vụ giết người…"

"Tuy nhiên, mưu kế xảo quyệt này có một nhược điểm rất lớn, mặc dù giáo sư không nhận ra nó. Nó làm vụ việc này mở ra sự phân tích tâm lý; và ngay từ đầu tôi đã yêu cầu một nhà toán học như một nhân viên hình sự. Cái khó của việc nêu tên kẻ sát nhân nằm ở sự kiện là

gần như mọi nghi can có thể đều là nhà toán học. Người duy nhất tôi biết vô tội là Arnesson, vì anh ta là người duy nhất luôn giữ được sự cân bằng về tâm lý - đó là, người luôn luôn tuôn ra những cảm xúc nảy sinh từ những suy đoán khó hiểu kéo dài của anh ta. Một thái độ chế nhạo và giễu cợt đã được biểu lộ một cách tự nhiên, và một sự bùng nổ dữ dội, là tương đương về mặt tâm lý. Mang toàn bộ sự kiềm chế chuyển thành lời nhạo báng một ai đó là việc tạo ra một cách thức thỏa mãn thông thường và duy trì một trạng thái cân bằng về cảm xúc. Những người hay giễu cợt, nhạo báng luôn có thể tin cậy được, vì họ loại bỏ được nhiều nhất sự giận dữ không thường xuyên của cơ thể; trong khi người kiềm chế sự hung bạo của mình và tích lũy sự cay độc dưới vẻ ngoài nghiêm nghị và kiên cường thì luôn là đối tượng tạo ra những cơn giận dữ đầy nguy hiểm. Đây là lý do tại sao tôi biết Arnesson không có khả năng thực hiện những án mạng Giám Mục và lý do tại sao tôi đề nghị anh để anh ta giúp đỡ chúng ta điều tra. Như anh ta thừa nhận, anh ta đã nghi ngờ giáo sư; và yêu cầu của anh ta về việc trợ giúp chúng ta, tôi tin là, được thúc đẩy bởi mong muốn giữ được nhiệm vụ là anh ta có thể bảo vệ Belle Dillard và chính mình tốt hơn trong trường hợp sự nghi ngờ của anh ta là chính xác.

“Nghe có vẻ hợp lý,” Markham tán thành. “Nhưng từ đâu mà giáo sư Dillard có được những ý tưởng quái dị cho những vụ giết người?”

“Motif đồng dao Mẹ Ngỗng có lẽ được gợi ý khi ông ấy nghe Arnesson giễu cợt Robin là hãy đề phòng mũi tên từ cây cung của Sperling. Ông ấy thấy trong lời bình luận đó một cách thức để trút sự hận thù của mình lên chính người đã nói ra câu đó; và ông ấy đã chờ đợi thời cơ. Cơ hội để ông ấy dàn cảnh tội ác đến ngay sau đó. Khi nhìn thấy Sperling rời khỏi con đường vào sáng hôm đó, ông ấy biết rằng Robin ở một mình trong phòng bắn cung. Vì vậy, ông ấy đi xuống dưới, trò chuyện với Robin, đập vào đầu anh ta, đâm một mũi tên

xuyên qua tim, và kéo anh ta ra bãi tập bắn cung. Sau đó ông ấy lau vết máu, hủy tấm vải, gởi bức thông điệp của mình vào một nơi kín đáo, đặt vào hộp thư của căn nhà, quay trở lại thư viện, và kêu cứu trong căn phòng này. Tuy nhiên, có một yếu tố không lường trước được đã nảy sinh: - ông Pyne đang ở trong phòng của Arnesson khi giáo sư nói ông ấy đi ra ban công. Nhưng không có hại gì cho việc này cả, cho dù ông Pyne đã biết điều gì đó không đúng khi ông ta nhận ra giáo sư đã nói dối, ông ta chắc chắn không nghi ngờ quý ông cao tuổi này là một kẻ giết người. Tội ác rõ ràng là đã thành công."

"Ngay cả như vậy," Heath xen vào, "anh đã đoán được Robin không bị bắn bằng cung tên."

"Phải. Tôi thấy tình trạng méo mó của khấc tên đã đâm xuyên qua xác Robin; và do đó tôi kết luận rằng anh chàng này bị giết ở trong nhà, sau khi bị đánh bất ngờ vào đầu. Đó là lý do tại sao tôi cho rằng cây cung đã bị ném ra bãi tập từ cửa sổ, - lúc đó tôi không biết giáo sư có tội. Cây cung dĩ nhiên không bao giờ ở bãi tập. - Nhưng bằng chứng mà tôi dựa trên suy luận của mình không bị ảnh hưởng vì một sai sót hay sơ suất về phần giáo sư. Miễn là trò chơi đồng dao Mẹ Ngỗng của ông ấy đã hoàn thành, phần còn lại không là vấn đề gì đối với ông ấy."

"Hung khí ông ấy sử dụng theo anh nghĩ là gì?" Markham đặt nghi vấn.

Cây gậy đi bộ của ông ấy, rất có thể. Anh có thể nhận thấy được nó có một cái tay cầm vàng rất lớn, hoàn hảo để tạo nên một thứ vũ khí gây chết người*. Nhân tiện, tôi nghiêng về ý nghĩ rằng ông ấy đã phóng đại bệnh gout của mình để tạo sự thương hại và để tránh bất kỳ sự nghi ngờ có thể hướng đến ông ấy."

"Còn giải thích về án mạng của Sprigg thì sao?"

“Sau cái chết của Robin thì ông ấy có thể đã có cái nhìn đầy tính toán vê chất liệu đồng dao Mẹ Ngỗng cho tội ác khác. Dù gì đi nữa, Sprigg đã ghé thăm ngôi nhà đó vào tối thứ năm trước khi bị bắn; và tại thời điểm ấy, tôi nghĩ, đã có một ý tưởng được nảy sinh. Vào cái ngày được chọn cho việc làm ghê tởm đó, ông ấy đã dậy thật sớm và thay đồ, chờ đợi tiếng gõ cửa của ông Pyne lúc 7 giờ rưỡi, trả lời nó, và sau đó đến công viên - có lẽ đi qua phòng bắn cung và bằng đường hẻm. Thói quen của Sprigg là đi bộ mỗi buổi sáng có thể đã tình cờ được đề cập bởi Arnesson, hoặc thậm chí là bởi chính cậu trai trẻ này.”

“Nhưng anh giải thích ra sao về công thức tensor?”

“Giáo sư đã nghe Arnesson nói chuyện với Sprigg về nó vài đêm trước; và tôi nghĩ ông ấy đặt nó dưới cái xác để hướng sự chú ý - thông qua sự liên tưởng - vào Arnesson. Hơn nữa, công thức đặc biệt tinh tế đó thể hiện sự thúc đẩy về mặt tâm lý ẩn dưới những tội ác. Tensor Riemann-Christoffel là lời tuyên bố về tính vô hạn của không gian - sự phủ định đời sống vi phân của con người trên trái đất này; và theo tiềm thức thì nó chắc hẳn thỏa mãn được cảm giác hài hước xấu xa của giáo sư, tạo thêm sự đồng nhất trong ý đồ tàn ác của ông ấy. Khoảnh khắc tôi nhìn thấy nó thì tôi đã cảm nhận được ý nghĩa độc ác của nó; và nó đã chứng minh giả thuyết của tôi rằng những án mạng Giám Mục này là những hành động của một nhà toán học mà giá trị của người này đã trở nên trừu tượng và vô ước.

Vance dừng lại để châm một điếu thuốc khác, và sau một lúc im lặng suy nghĩ anh lại tiếp tục.

“Bây giờ chúng ta nói đến chuyến viếng thăm lúc nửa đêm tới nhà Drukker. Đó là một *entr’acte** bắt buộc mà kẻ sát nhân phải thực hiện do tin đồn về tiếng thét của bà Drukker. Ông ấy lo sợ rằng người phụ

nữ này đã nhìn thấy thi thể của Robin bị mang ra bãi tập; và khi, vào buổi sáng mà Sprigg bị giết, bà ấy đã ở trong vườn và gặp ông ấy trở về từ vụ giết người, ông ấy lo lắng nhiều hơn bao giờ hết rằng bà ấy có thể kết nối hai chuyện này lại với nhau. Không có gì lạ khi ông ấy cố gắng ngăn chặn chúng ta hỏi bà ấy! Và khi có được cơ hội sớm nhất, ông ấy cố gắng bịt miệng bà ấy từ lúc đó. Ông ấy lấy chìa khóa từ túi xách của Belle Dillard vào trước buổi nhạc kịch tối hôm đó, và đặt lại chỗ cũ vào sáng hôm sau. Ông ấy đã cho ông Pyne và Beedle đi nghỉ sớm; và lúc 10 giờ rưỡi thì Drukker than mệt và đã về nhà. Vào lúc nửa đêm ông ấy đoán rằng không có gì trở ngại cho chuyến viếng thăm ghê tởm của ông ấy. Việc ông ấy lấy đi quân giám mục đen như là một chữ ký tượng trưng cho vụ án mạng đã được dự tính có lẽ được gợi ý từ cuộc thảo luận cờ vua giữa ông Pardee và Drukker. Rồi lại một lần nữa, là quân cờ của Arnesson, và thậm chí tôi đã nghi ngờ ông ấy khi ông ấy nói cho chúng ta cuộc thảo luận cờ vua để hướng sự chú ý về bộ cờ vua của Arnesson trong trường hợp quân giám mục đen rơi vào tay chúng ta."

"Anh có nghĩ rằng ông ấy đã có bất kỳ ý tưởng gì có liên quan đến ông Pardee tại thời điểm đó không?"

"Ồ, không. Ông ấy thật sự ngạc nhiên khi Arnesson phân tích trận đấu Pardee - Rubinstein đã tiết lộ sự kiện quân giám mục từ lâu đã là kẻ thù của ông Pardee… Và rõ ràng anh đã đúng về phản ứng của ông Pardee trong chuyện tôi đề cập đến quân giám mục đen vào ngày hôm sau. Người đàn ông tội nghiệp này đã nghĩ rằng tôi đang cố tình chế giễu ông ta vì ông ta đã bại trận trong tay của Rubinstein…"

Vance cúi xuống và gạt tàn thuốc.

"Thật tệ hại," anh thì thầm một cách hối tiếc. "Tôi nợ ông ta một lời xin lỗi, anh biết đấy." Anh nhún nhẹ đôi vai, và, ngả lưng ra ghế, tiếp

tục câu chuyện. “Giáo sư có ý tưởng về việc sát hại Drukker từ chính bà Drukker. Bà ấy bày tỏ nỗi sự hãi tưởng tượng của mình cho Belle Dillard, người đã lặp lại vào bữa ăn tối hôm đó; và kế hoạch đã được hình thành. Không có gì phức tạp để thực hiện nó cả. Sau bữa tối, ông ấy đi đến gác mái và đánh máy những bức thông điệp. Sau đó ông ấy đề nghị đi dạo với Drukker, biết rằng ông Pardee sẽ không ở lâu với Arnesson; và khi ông ấy thấy ông Pardee trên đường xe ngựa thì đương nhiên ông ấy nhận ra Arnesson đang ở một mình. Ngay sau khi ông Pardee đi khỏi, ông ấy đánh Drukker và đẩy anh ta rơi xuống tường. Ngay lập tức ông ấy đi bằng lối đi bộ đến đường Drive, băng qua đường số 76, và đi tới phòng của Drukker, rồi quay trở lại trên cùng một con đường. Toàn bộ câu chuyện không thể chiếm hơn mười phút. Sau đó ông ấy bình tĩnh đi ngang qua Emery và về nhà với quyển sổ ghi chép của Drukker bên trong áo khoác của mình…”

“Nhưng tại sao,” Markham xen vào, “nếu anh chắc chắn là Arnesson vô tội, anh giải thích ra sao về chiếc chìa khóa mở cánh cửa của đường hẻm? Chỉ Arnesson có thể sử dụng con hẻm đó vào đêm Drukker chết. Giáo sư Dillard và ông Pardee đều đã ra ngoài bằng cửa trước.”

“Tôi không quan tâm đến chiếc chìa khóa từ quan điểm cho rằng Arnesson có tội. Nhưng nếu chiếc chìa khóa đã biến mất, anh thấy đấy, điều đó có nghĩa là ai đó đã lấy nó đi để ném sự nghi ngờ vào Arnesson. Thật đơn giản để Arnesson chuồn khỏi con hẻm sau khi ông Pardee đã đi khỏi, băng qua đường Drive tới con đường nhỏ và tấn công Drukker sau khi giáo sư rời khỏi anh ta… Và, Markham này, đó là những gì chúng ta đã giả định để suy nghĩ. Thật ra, đó là lời giải thích rõ ràng cho án mạng của Drukker.”

"Tuy nhiên, tôi không thể hiểu được cái gì trong đầu mình," Heath phàn nàn, "là tại sao quý ông cao tuổi này lại giết ông Pardee. Điều đó chẳng ném bất cứ sự nghi ngờ nào vào Arnesson cả, và nó tạo ra vẻ như là ông Pardee có tội và ông ta chán ghét chính mình và rồi tự tử."

"Việc tự sát giả tạo ấy, trung sĩ à, là trò đùa đặc sắc nhất của giáo sư. Nó đồng thời là sự mỉa mai và khinh thường; trong suốt kế hoạch chuyển tiếp khôi hài được tạo ra nhằm hủy hoại Arnesson. Và, dĩ nhiên, thực tế là chúng ta đã gặp phải một hung thủ đáng gờm có lợi thế rất lớn trong việc làm giảm sự cảnh giác của chúng ta và là nguyên nhân mà những người canh gác bị điều đi khỏi căn nhà này. Án mạng này, theo tôi nghĩ, đã được tính toán hơn là tự phát. Giáo sư tạo ra lý do nào đó để cùng ông Pardee tới phòng bắn cung, ở đó ông ấy đã đóng các cửa sổ và hạ màn xuống rồi. Sau đó, có lẽ hướng sự chú ý về một bài báo trong một tờ tạp chí, ông ấy đã bất ngờ bắn vị khách này xuyên qua thái dương, đặt khẩu súng vào tay của ông ta, và, như một chút hài hước châm biếm, xây nên ngôi nhà bằng những lá bài. Khi trở về thư viện, ông ấy đã sắp đặt những quân cờ để tạo ra cảm giác rằng ông Pardee đã nghiền ngẫm về quân giám mục đen…

"Nhưng, như tôi nói, mảnh ghép tàn nhẫn lố bịch này chỉ là vấn đề phụ. Tình tiết quý cô Muffet nhỏ mới là *dénouement**; và nó được lên kế hoạch một cách cẩn thận để bầu trời đổ sập lên đầu Arnesson. Giáo sư đã ở nhà Drukker vào buổi sáng của tang lễ khi Madeleine Moffat mang hoa cho Humpty Dumpty; và ông ấy rõ ràng đã biết tên của đứa trẻ này - cô bé là đứa trẻ mà Drukker quý mến và đã đến ngôi nhà này rất nhiều lần. Ý tưởng về đồng dao Mẹ Ngỗng hiện đang khắc sâu vững chắc trong đầu ông ấy, giống như nỗi ám ảnh của kẻ giết người, rất tự nhiên ông ấy liên kết cái tên Moffat với Muffet. Thật vậy, không có gì chắc chắn rằng Drukker hoặc bà Drukker đã gọi đứa trẻ

đó là ‘quý cô Muffet nhỏ’ khi ông ấy có mặt. Thật dễ dàng để ông ấy thu hút sự chú ý của cô bé và gọi cô bé đến gò đất cạnh bức tường vào chiều hôm qua. Ông ấy có lẽ đã nói vói cô bé rằng Humpty Dumpty muốn gặp cô bé; và cô bé đã háo hức đi với ông ấy, theo ông ấy dưới những tán cây ở đường xe ngựa, từ đó băng qua đường Drive, và đi qua đường hẻm giữa hai tòa nhà chung cư. Không ai chú ý đến họ, vì ở đường Drive đang đầy trẻ con vào giờ đó. Rồi vào đêm qua ông ấy gieo vào trong chúng ta mẫm mống nghi ngờ về Arnesson, tin rằng khi thông điệp về quý cô Muffet nhỏ đến với cánh nhà báo thì chúng ta sẽ đi tìm đứa trẻ và tìm thấy cô bé, đã chết vì thiếu không khí, trong nhà Drukker… Một kế hoạch thông minh, hiểm ác!”

“Nhưng, có phải ông ấy mong chờ chúng ta đến lục soát gác mái ở nhà ông ấy?”

“Ồ, đúng vậy; nhưng phải đến ngày hôm sau. Cho đến lúc đó ông ấy đã dọn sạch tủ quần áo và đặt máy đánh chữ ở một nơi dễ thấy hơn. Và ông ấy đã cất giấu quyển sổ ghi chép, vì có mấy ai nghi ngờ rằng ông ấy có ý định chiếm đoạt công trình nghiên cứu lượng tử của Drukker đâu. Nhưng chúng ta đã đến sớm một ngày, và làm đảo lộn sự tính toán của ông ấy.”

Markham đăm chiêu hút thuốc trong một lát.

“Anh nói anh đã tin chắc vào tội lỗi của giáo sư Dillard vào đêm qua khi anh nhớ đến nhân vật *Giám mục Arnesson…”*

“Đúng - ồ, đúng thế. Nó cho tôi một động cơ. Lúc đó tôi đã nhận ra rằng đối tượng để giáo sư đổ tội chính là Arnesson, và chữ ký trên những bức thông điệp đó được chọn cho mục đích này.”

“Ông ấy chờ đợi một thời gian dài trước khi ông ấy tạo sự chú ý tới ‘Những kẻ giả vờ,’” Markham nhận xét.

"Thực tế là, ông ấy không mong đợi phải làm điều đó chút nào. Ông ấy nghĩ chúng ta sẽ tự phát hiện ra cái tên này. Nhung chúng ta chậm hiểu hơn ông ấy nghĩ; và cuối cùng, trong sự tuyệt vọng, ông ấy đã nhắn anh đến và khéo léo nói vòng vo tam quốc, gây sự chú ý đến 'Những kẻ giả vờ."'

Markham im lặng trong một lúc lâu. Anh ta ngồi cau mày với vẻ trách móc, những ngón tay gõ dồn dập trên bàn.

"Tại sao," cuối cùng anh ta nói, "đêm qua anh không nói cho chúng tôi biết rằng giáo sư chứ không phải Arnesson là Giám Mục? Anh làm chúng tôi nghĩ…"

"Markham thân mến của tôi! Tôi có thể làm gì khác đây? Ngay từ đầu, anh sẽ không tin tôi, và rất có thể sẽ đề nghị một hướng đi khác, chứ gì? Hơn nữa, chủ yếu là để cho giáo sư nghĩ rằng chúng ta đã nghi ngờ Arnesson. Nếu không, chúng ta sẽ không có cơ hội để thúc đẩy vấn đề như chúng ta đã làm. Lừa gạt là hy vọng duy nhất của chúng ta; và tôi biết rằng nếu anh và trung sĩ nghi ngờ ông ấy thì các anh chắc chắn sẽ làm lộ trò chơi này. Như thế, các anh không cần phải giả vờ; và lạ chưa! Mọi chuyện kết thúc một cách tốt đẹp."

Viên trung sĩ, tôi nhận thấy, trong nửa giờ qua, thỉnh thoảng nhìn Vance với cái nhìn thắc mắc khó hiểu; nhưng vì lý do nào đó anh ta có vẻ chưa muốn nói ra những suy nghĩ băn khoăn của mình. Tuy nhiên, lúc này anh ta đổi tư thế một cách khó khăn và, chầm chậm lấy điếu xì gà ra khỏi miệng, hỏi một câu đáng kinh ngạc.

"Tôi không trách về việc anh không cho chúng tôi sáng mắt ra vào đêm qua, anh Vance à, nhưng điều mà tôi muốn biết là: tại sao, khi anh chồm lên và chỉ vào bức điêu khắc trên lò sưởi, có phải anh đã tráo ly của Arnesson và quý ông cao tuổi?"

Vance thở dài và lắc đầu thất vọng.

"Tôi đã biết rằng không gì có thể thoát khỏi cặp mắt diều hâu của anh, trung sĩ à."

Markham lao người về phía bàn, và nhìn Vance trừng trừng với sự hoang mang giận dữ.

"Cái gì chứ!" Anh ta nói lắp bắp, sự tự kiềm chế thường ngày đã rời bỏ anh ta. "Anh đã đổi mấy cái ly? Anh cố tình…"

"Ô, này!" Vance biện hộ. "Đừng để cảm xúc giận dữ của anh trỗi dậy." Anh quay sang Heath với lời trách cứ giả bộ. "Coi chừng những gì anh nói về tôi đấy, trung sĩ."

"Không có thời gian để né tránh đâu." Giọng nói của Markham lạnh lùng và vô tình. "Tôi muốn một lời giải thích."

Vance làm một cử chỉ cam chịu.

"Ồ, được, sẵn sàng thôi. Ý tưởng của tôi, như tôi đã giải thích với anh, là rơi vào kế hoạch của giáo sư và bộc lộ ra sự nghi ngờ Arnesson. Vào sáng nay tôi cố tình để cho ông ấy thấy rằng chúng ta không có bằng chứng, và như thế, ngay cả khi chúng ta bắt Arnesson, cũng không chắc là chúng ta có thể giữ anh ta. Tôi nhận ra, trong tình huống này, ông ấy sẽ có hành động nào đó - rằng ông ấy sẽ cố gắng tiếp nhận tình hình này theo cách khoa trương nào đó - vì mục đích duy nhất của những án mạng là hủy hoại hoàn toàn Arnesson. Rằng ông ấy sẽ thực hiện hành động công khai nào đó và nhúng tay vào, tôi tin chắc như thế. Đó là gì thì tôi không biết. Nhưng chúng ta phải quan sát ông ấy chặt chẽ… Sau đó rượu đã cho tôi một ý nghĩ. Biết được ông ấy sở hữu chất độc cyanide, tôi đưa ra chủ đề về tự sát, và vì thế đã gieo ý tưởng này vào tâm trí ông ấy. Ông ấy đã rơi vào bẫy, và cố gắng đầu độc Arnesson và làm cho nó trông như một vụ tự sát. Tôi thấy ông ấy lén lút nhỏ một ống chất lỏng không màu vào trong ly của Arnesson ở tủ búp phê khi ông ấy rót rượu. Ý định ban đầu của tôi là

ngăn chặn vụ giết người và phân tích rượu. Chúng ta có thể lục soát ông ấy và tìm thấy ống chất lỏng, và tôi có thể làm chứng cho việc tôi thấy ông ấy bỏ độc vào rượu. Bằng chứng này, cộng với việc xác nhận của đứa trẻ, có thể trả lời cho mục đích của chúng ta. Nhưng vào thời điểm cuối cùng, sau khi ông ấy rót đầy ly cho chúng ta, tôi đã quyết định cách giải quyết đơn giản hơn…"

"Và như vậy anh đã chuyển hướng sự chú ý của chúng tôi và tráo mấy cái ly!"

"Phải, phải. Dĩ nhiên. Tôi nhận thấy rằng một người nên sẵn sàng uống ly rượu mà mình đã rót cho người khác."

"Anh đã lộng quyền đấy!"

"Tôi biết luật chứ - nó đã vô dụng… Nhưng đừng đạo đức như thế. Anh có đem con rắn đuôi chuông tới vành móng ngựa không? Anh có cho một con chó điên ra tòa không? Tôi không hề cảm thấy hối hận trong việc giúp đỡ một quái vật như giáo sư Dillard sang thế giới bên kia hơn là triệt hạ con người đê tiện hiểm độc này bằng một hành động gây chú ý."

"Nhưng đó là giết người!" Markham hét lớn trong sự phẫn nộ kinh tởm.

"Ô, không nghi ngờ gì nữa," Vance vui vẻ nói. "Đúng vậy, tất nhiên rồi. Đáng bị trừng phạt nhất… Này, liệu tôi có bị bắt không?"

Việc "tự sát" của giáo sư Dillard đã kết thúc vụ án mạng Giám Mục nổi tiếng, và tự động xóa bỏ tất cả dư luận về sự nghi ngờ đối với Pardee. Năm sau, Arnesson và Belle Dillard đã kết hôn một cách thầm lặng và lên đường đến Na Uy, nơi đây họ tạo dựng mái ấm của mình. Arnesson đã trở thành giáo sư đại học về toán học ứng dụng ở Đại học Oslo; và đáng nhớ rằng hai năm sau đó anh ta đã được trao giải Nobel cho công trình nghiên cứu của mình trong ngành vật lý. Ngôi

nhà Dillard cũ trên đường số 75 đã bị phá bỏ, và hiện nay ở đó là một tòa nhà hiện đại mà ở mặt tiền là hai cái huy chương lớn bằng đất nung gợi nhớ đến mấy cái bia bắn cung. Tôi thường tự hỏi có phải kiến trúc sư đã cố ý trong việc lựa chọn những vật trang trí hay không.

“The Greene Murder Case” (Vụ án mạng Greene) (NXB Scribner 1928).

Thế vận hội Mùa đông 1928, tên chính thức là Thế vận hội Mùa đông thứ II, là một sự kiện thể thao mùa đông tổ chức từ ngày 11-19 tháng 2 năm 1928 tại St. Moritz, Thụy Sĩ. Thế vận hội Mùa đông 1928 là Thế vận hội Mùa đông đầu tiên tổ chức riêng mà không phải là kết hợp với Thế vận hội Mùa hè.

Menander (khoảng 342 - 290 TCN): nhà soạn kịch người Hy Lạp. Ông là người đại diện nổi tiếng của hài kịch Athens cổ đại. Ông đã viết 108 hài kịch. Tuy là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của thời cổ đại, các tác phẩm của ông đã bị thất lạc trong thời Trung cổ và được biết đến hiện nay một cách rất rời rạc, khá nhiều trong số đó đã được phát hiện trong thế kỷ 20. Chỉ có một vở kịch, Dyskolos, đã được phục hồi gần như hoàn toàn.

Xenophon (khoảng 430 - 354 TCN): nhà sử học, người lính Hy Lạp và là học trò của Socrates, ông được biết đến vì đã viết lịch sử của thời đại mà ông sống, những năm cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 4 TCN, đặc biệt là những ghi chép của ông trong những năm cuối cùng của chiến tranh Peloponnesus.

Anabasis là tác phẩm nổi tiếng nhất của Xenophon. Trong Anabasis có đoạn kể lại chiến dịch rút lui 10.000 quân Hy Lạp đánh thuê ở vùng Lưỡng Hà trở về Biển Đen dưới sự chỉ huy của Xenophon.

Memorabilia, tác phẩm của Xenophon, viết về các cuộc đối thoại cùa Socrates.

Amicus curiae (tiếng Latin): thân hữu tòa án.

Cause célèbre (tiếng Pháp): vụ án nổi tiếng.

“Mother Goose Melodies” (Đồng dao Mẹ Ngỗng): một tuyển tập đồng dao rất phổ phiến ở các nước châu Âu và Mỹ.

Ông Joseph A. Margolies của nhà sách Brentano’s nói với tôi rằng vài tuần trong lúc xảy ra vụ án mạng Giám Mục, những bản in “Đồng dao Mẹ Ngỗng” đã được bán ra nhiều hơn bất kỳ cuốn tiểu thuyết hiện hành nào. Và một nhà xuất bản nhỏ đã tái bản và bán hết sạch các phiên bản của quyển đồng dao nổi tiếng này.

George Augustus Moore (1852 - 1933): nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình và nhà viết kịch người Ireland.

Omelette aux fines herbes (tiếng Pháp): món trứng chiên với các loại thảo mộc.

Au revoir (tiếng Pháp): chào tạm biệt.

Loại nón mềm, vành tròn của đàn ông.

Quyển sách Vance nhắc đến là quyển chuyên luận xuất sắc và toàn diện, “Môn bắn cung” của tiến sĩ Robert P. Elmer.

Burton Egbert Stevenson (1872 - 1962): tác giả người Mỹ và là nhà biên soạn các tuyển tập thơ, trích dẫn. “The home book of verse” (Hợp tuyển thơ) được ông biên soạn và xuất bản năm 1912.

“The Benson Murder Case” (Vụ án mạng Benson, NXB Scribner, 1926)

“The ‘Canary’ Murder Case” (Vụ án mạng ‘Chim Hoàng Yến’, NXB Scribner, 1927)

“The mysteries of Udolpho” (Những bí ẩn của Udolpho), tiểu thuyết Gothic xuất bản năm 1794 của tác giả người Anh là Ann Radcliffe (1764 - 1823).

Nguyên văn: ‘Who killed Cock Robin?’. Cock Robin có nghĩa là Chim Cổ Đỏ nhưng đồng thời cũng gần giống với tên của nạn nhân là Joseph Cochrane Robin.

Riverside Drive: một con đường chạy song song với sông Hudson từ đường số 72 đến đường số 181 ở New York. Những con đường được, nhắc đến trong tác phẩm này đều đúng như vị trí địa lý thực tế của chúng ở New York.

Pierre-Simon Laplace (1749 - 1827): nhà toán học và thiên văn học người Pháp. Ông cũng là người đầu tiên đưa ra phương trình Laplace. Biến đổi Laplace xuất hiện trong nhiều lĩnh vực của vật lý toán, một ngành mà ông là một trong những người sáng lập. Toán tử Laplace, được sử.dụng nhiều trong toán học ứng dụng, được đặt theo tên ông.
Mặc dù Laplace nổi tiếng với tác phẩm “Méchanique Céleste” (Cơ học thiển thể) của ông, ở đây Vance đang nhắc đến công trình lớn lao của ông là “Théorie Analytique des Probabilités” (Lý thuyết giải tích xác suất) được Herschel gọi là “sự cộng hưởng kỹ năng và tài năng của nhà toán học.”

Emanuel Czuber (Í851 - 1925): nhà toán học người Áo.

Johannes Adolf von Kries (1853 - 1928): nhà tâm lý học người Đức. Ngoài ra, ông cũng là một nhà lý luận quan trọng trong lĩnh vực xác suất.

Tableau – vivant (tiếng Pháp): hoạt cảnh.

Tên khoa học của ruồi nhà.

West 75th Street: đường số 75 Tây. Ở New York, đại lộ 5 chia các đường số thành hai phần: các đường nằm ở phía tây có thêm chữ West (Tây) trong tên gọi, các đường nằm ở phía đông có thêm chữ

East (Đông) trong tên gọi. Khu vực chính xảy ra các sự kiện trong tác phẩm này là các con đường của khu phía tây nên ở nhiều chỗ tác giả chỉ ghi đường số thì được hiểu là nơi về khu phía tây.

Đường Drive: là đường Riverside Drive.

Gustav Adolf Feodor Wilhelm Ludwig Mie (1868 - 1957): nhà vật lý học người Đức. Ông là người đã phát triển lý thuyết Mie.

Cénacle (tiếng Pháp): nơi hội họp.

Bệnh gout (gút).

Situs criminis (tiếng Latin): hiện trường vụ án.

Central Park (Công viên Trung tâm) là một trong những công viên giữa lòng đô thị nổi tiếng nhất nước Mỹ.

10,7 m.

7,6 m.

3 m.

Corinthian (cột Corinth): cột kiểu Hy Lạp cổ, được làm rất hoa mỹ với những rãnh nhỏ và đầu cột được trang trí cầu kỳ với những lá ô rô và đường xoắn ốc. Tên cột Corinth có xuất xứ từ tên của thành phố Corinth ở Hy Lạp.

Philemon (khoảng 362 - 262 TCN): nhà thơ và nhà viết kịch nổi tiếng người Hy Lạp. Ông đã viết 97 vở hài kịch.

Heath đã đề cập đến bác sĩ Emanuel Doremus, trưởng bộ phận giám định pháp y của New York.

Get the ball rolling (thành ngữ): nghĩa đen là làm trái bóng lăn, nghĩa bóng là bắt đầu làm một việc gì đó, tương tự như thành ngữ “xắn tay áo lên” trong tiếng Việt. Ở đây tác giả chơi chữ khi sử dụng cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

1,2 m đến 1,5 m.

45 m.

61 m.

55 m.

Cuộc thi bắn cung dành cho nam gồm việc bắn 72 mũi tên cách 100 yard (91 m), 48 mũi tên cách 80 yard (73 m) và 24 mũi tên cách 60 yard (55 m).

41 m.

20 m.

Loại giày thấp buộc dây ở cổ chân.

50 cm.

Phần ở cuối mũi tên để đặt tên vào dây cung.

6 m.

Jacobean: giai đoạn của lịch sử nước Anh (1603 - 1625) thời vua James I của Anh, còn được gọi là James VI của Scotland.

Objets - d'art (tiếng Pháp): đồ mỹ nghệ hoặc trang trí nhỏ.

Albrecht Dürer (1471 - 1528): họa sĩ người Đức, nhà đồ họa và lý thuyết gia về nghệ thuật nổi tiếng ở châu Âu. Dürer là một nhà nghệ thuật lớn trong thời kỳ của Chủ nghĩa nhân văn và Phong trào cải cách.

Quyển sách mà Giáo sư Dillard nhắc đến là một tác phẩm vĩ đại được xuất bản hai năm sau đó, "Cấu trúc nguyên tử của năng lượng phóng xạ", một bản hiệu đính về thuyết lượng tử của Planck, bác bỏ định lý cổ điển về sự liên tiếp của tất cả tiến trình vật chất như được nêu bởi Maximus Tyrius.

Trò chơi gồm 4 người, 2 người ngồi chéo nhau là một cặp, được xem là bắc cầu (bridge) cùng phe. Mỗi người sử dụng 13 lá bài để đánh và đấu giá nhau nhằm giành điểm thưởng và cũng có thể bị phạt điểm nếu để cặp bên kia thắng.

Thể thức thi đấu trong bắn cung gồm việc bắn 30 mũi tên cách 60 yard (55 m), 30 mũi tên cách 50 yard (46 m), và 30 mũi tên cách 40 yard (37 m).

1,8m.

Trong thần thoại Hy Lạp, Cerberus là con chó săn ba đầu với cái đuôi rắn, là con vật canh giữ ở cổng địa ngục. Cerberus giữ cổng, chỉ cho linh hồn người đã chết được vào, ngăn không cho bất kỳ ai ra.

3m.

Bệnh to cực là một bệnh trạng hiếm gặp do tuyến yên sản xuất quá nhiều hormone tăng trưởng, sự sản xuất quá mức này làm cho một số xương, đặc biệt là ở mặt, bàn tay và bàn chân lớn ra.

Arthur Stanley Eddington (1882 - 1944): nhà thiên văn, nhà vật lý, nhà toán học người Anh. Một cuộc quan sát nhật thực toàn phần vào ngày 29/05/1919 do ông tiến hành đã chứng minh rằng thuyết tương đối của Einstein là hoàn toàn chính xác.

Urbain Jean Joseph Le Verrier (1811 - 1877): nhà thiên văn học người Pháp. Tên của ông được ghi trên tháp Eiffel, ông là một trong hai người, độc lập với nhau, phát hiện ra sao Hải vương (người còn lại là John Couch Adams), ông đã nghiên cứu để giải thích việc sao Thiên vương không tuân theo những định luật về chuyển động của các hành tinh của Johannes Kepler và không chuyển động theo quy luật vạn vật hấp dẫn của Isaac Newton. Le Verrier đã đưa ra một giả thuyết rất táo bạo rằng phải có một thiên thể nào đó chưa được biết

tới ở gần sao Thiên vương tác động vào nó. Cuối cùng chỉ với các phép toán thuần túy, ông đã tính toán được sự hiện diện của một hành tinh chưa từng được biết đến trước đó, sao Hải vương.

Johann Gottfried Galle (1812 - 1910): nhà thiên văn học người Đức. Ông là người đầu tiên quan sát được sao Hải vương. Ngày 23/09/1846, tại Đài quan sát Berlin, Heinrich Louis d'Arrest đã làm trợ lý cho Galle trong buổi quan sát thiên văn xác nhận vị trí của sao Hải vương dựa trên những tính toán của Le Verrier (chỉ lệch 1 độ so với tiên đoán của Le Verrier). Việc phát hiện ra sao Hải vương được coi là một xác nhận mạnh mẽ của cơ học thiên thể, và là một trong những khoảnh khắc đáng chú y nhất của khoa học thế kỷ 19.

George Biddell Airy (1801 - 1892): nhà toán học và thiên văn học người Anh. Năm 1851, khi làm cho Đài thiên văn Hoàng gia Greenwich (ở Greenwich, Luân Đôn, Anh), George Airy đã thiết kế ra dụng cụ đo thời gian các ngôi sao đi qua kinh tuyến của địa phương, từ đó xác định vị trí của kinh tuyến gốc (kinh tuyến Greenwich). Kinh tuyến gốc chạy băng ngang Greenwich và Đài thiên văn Hoàng gia Greenwich là nơi quy ước bắt đầu giờ GMT, viết tắt của "Greenwich Mean Time" (giờ trung bình tại Greenwich), va tất cả giờ trên thế giới được tính dựa theo đó.

John Couch Adams (1819 - 1892): nhà toán học và thiên văn học người Anh. Thành tựu nổi tiếng nhất của ông là dự đoán sự tồn tại và vị trí của sao Hải vương, chỉ sử dụng phương pháp toán học, một cách độc lập với Le Verrier. Các tính toán đã được ông thực hiện để giải thích sự khác biệt trong quỹ đạo của sao Thiên vương với định luật của Kepler và Newton.

Cổng Damascus là cổng lớn nhất trong 8 cổng nằm trên khu tường thành dẫn vào thành cổ Jerusalem.

Emanuel Lasker (1868 - 1941): kỳ thủ cờ vua, nhà toán học, nhà triết học người Đức. Ông là nhà vô địch cờ vua thế giới trong vòng 27 năm (từ năm 1894 tới năm 1921).

José Raúl Capablanca y Graupera (1888 - 1942): kỳ thủ cờ vua người Cuba và là nhà vô địch cờ vua thế giới từ năm 1921 đến 1927.

Akiba Kiwelowicz Rubinstein (1880 - 1961): đại kiện tướng cờ vua người Ba Lan vào đầu thế kỷ 20. Trong thời niên thiếu của mình, ông đã đánh bại hàng loạt kỳ thủ bao gồm José Capablanca và Carl Schlechter. Tuy nhiên cuộc sống cuối đời của ông bị ám ảnh bởi căn bệnh tâm thần.

Julius Finn (1871 - 1931): kỳ thủ cờ vua người Mỹ. Ông đã 3 lần giành được chức vô địch cờ vua bang New York (1901, 1907, 1908). Ông là một trong những kỳ thủ cờ vua hàng đầu của Mỹ về nội dung blindfold chess (cờ tưởng hay cờ mù), ông đã làm trọng tài trong trận đấu tranh chức vô địch cờ vua thế giới năm 1921 diễn ra giữa Emanuel Lasker và José Raúl Capablanca ở Havana.

Isaac Leopold Rice (1850 - 1915): doanh nhân người Mỹ, nhà nghiên cứu âm nhạc, tác giả, và là người bảo trợ cờ vua. Ông từng là chủ tịch của câu lạc bộ cờ vua Manhattan. Năm 1895, ông khám phá ra thế cờ Rice, một biến thể của thế cờ Kieseritzky. Ông là một nhân vật nổi bật trong giới cờ vua Mỹ và tài trợ cho nhiều giải đấu cờ vua. Nhân vật Pardee trong tiểu thuyết này được tác giả S. S. Van Dine viết dựa trên Isaac Leopold Rice.

Edward Lasker (1885 - 1981): môt người Mỹ gốc Đức. Ông được sinh ra tại Đức, di cư sang Mỹ vào năm 1914. Ông đã viết nhiều sách về cờ vua và cờ vây.

Edward Lasker: bậc thầy về cờ vua Mỹ, đôi khi bị nhầm lẫn với tiến sĩ Emanuel Lasker, cựu vô địch thế giới.

Élite: cỡ chữ đánh máy, trong mỗi inch (tương đương 2,5 cm) chứa được 12 ký tự.

Mae Brenner vẫn sẽ được những người yêu nhạc khắp nơi nhớ đến. Vai diễn ra mắt của bà ở độ tuổi 23 là Sulamith trong vở “Die Königin von Saba” tại nhà hát opera Hoàng gia ở Vienna (Áo); tuy nhiên vai diễn thành công nhất của bà có lẽ là Desdemona trong vở “Otello” - vai cuối cùng mà bà hát trước khi giải nghệ.

Dĩ nhiên cái tên gốc được viết là Drucker. Sự thay đổi - có thể là một nỗ lực mơ hồ trong việc Mỹ hóa - là do bà Drukker làm khi bà định cư ở đất nước này.

1,52 m.

Anh ta cũng gây cho tôi ấn tượng giống như đại tướng Homer Lee khi tôi đến thăm ông ta ở Santa Monica không lâu trước khi ông ta qua đời.

Albert Einstein (1879 - 1955): nhà vật lý lý thuyết người Đức, người đã phát triển thuyết tương đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại (trụ cột kia là cơ học lượng tử). Mặc dù được biết đến nhiều nhất qua phương trình về sự tương đương khối lượng-năng lượng E = mc2 (được xem là “phương trình nổi tiếng nhất thế giới”), ông lại được trao giải Nobel vật lý năm 1921 “cho những cống hiến của ông đối với vật lý lý thuyết, và đặc biệt cho sự khám phá ra định luật của hiệu ứng quang điện”. Công trình về hiệu ứng quang điện của ông có tính chất bước ngoặt khai sinh ra lý thuyết lượng tử.

Zugszwang (tiếng Đức): có nghĩa là “bắt buộc phải di chuyển.” Ở đây là thuật ngữ chỉ việc đến lượt một người đi nhưng bất kỳ nước đi

nào cũng đều là nước đi yếu và gây bất lợi cho chính người đó, trong tình huống đó tốt nhất là bỏ qua lượt đi, tuy nhiên điều đó không được luật cờ vua cho phép.

Charles Steinmetz Proteus (1865 - 1923) được sinh ra ở Breslau, Phổ (một phần của Đức vào thời điểm đó, nay là Wroclaw thuộc Ba Lan). Ông là nhà toán học và kỹ sư điện. Steinmetz được biết đến với những đóng góp của ông trong những lĩnh vực chính của lý thuyết dòng điện xoay chiều (AC).

Quod erat demonstrandum (tiếng Latin, viết tắt là Q.E.D hay QED): điều phải chứng minh. Cụm từ này thường được ghi dưới dạng viết tắt ở phần cuối của một chứng minh toán học.

Ex - post - facto (tiếng Latin): (có hiệu lực) về trước.

Reductio ad absurdum (tiếng Latin): phương pháp phản chứng.

Homer: một trong những nhà thơ Hy Lạp cổ đại xuất sắc nhất. Theo truyền thuyết thì ông bị mù và là một người hát rong tài năng. Không có thông tin chính xác về ông nhưng nhiều học giả sau này cho rằng Homer sống vào thế kỷ 8 hoặc 7 trước công Nguyên. Hai tác phẩm *Iliad và Odyssey* của ông đã có ảnh hưởng lớn đến văn chương hiện đại phương Tây.

1,7 m.

14 kg.

Điệu nhảy dân gian của Ý, đặc trưng bởi ánh sáng, nhịp nhanh, vui tươi.

‘Ecce homo!’ (tiếng Latin): tạm dịch ‘Này, Người đây!’, là những lời mà tổng trấn Pontius Pilatus đã nói khi đưa Chúa Jesus bị trói, bị đội mão gai ra trước đám đông quá khích.

Thứ Bảy là ngày làm việc nửa ngày ở văn phòng công tố quận. Swacker là trợ lý của Markham.

Gottfried Wilhelm Leibniz (1646 - 1716): nhà bác học và triết gia người Đức. Ông chiếm giữ một vị trí đáng kể trong lịch sử toán học và triết học sau khi đã phát triển cách tính tích phân và vi phân một cách độc lập với Isaac Newton.

Hendrik Antoon Lorentz (1853 - 1928): nhà vật lý Hà Lan nhận chung giải Nobel Vật lý năm 1902 với Pieter Zeeman vì đã phát hiện ra cách giãi thích lý thuyết hiệu ứng Zeeman. Lorentz đã phát triển các công cụ nhận thức và toán học làm trung tâm của thuyết tương đối hẹp mà sau này nhà bác học Albert Einstein đã hoàn thiện.

Pro tempore (tiếng Latin): tạm thời.

Non – sequitur (tiếng Latin): sự không nhất quán.

Olla podrida: món hầm thập cẩm của Tây Ban Nha, gồm có thịt, đậu và rau củ khác tùy thuộc vào công thức chế biến.

Bài đồng dao cổ không rõ tác giả, “Cái chết và việc mai táng Chim cổ Đỏ”, không phải là, như thường được biết đến, một phần trong bản gốc “Đồng dao Mẹ Ngỗng”, mạc dù nó thường được in trong những phiên bản sau này của tác phẩm nổi tiếng đó.

Post-mortem (tiếng Latin): khám nghiệm tử thi.

Prima facie (tiếng Latin): thoạt nhìn, nhìn qua.

Habeas corpus (tiếng Latin): quyền bảo hộ nhân thân.

Engelbert Humperdinck (1854 - 1921): nhà soạn nhạc người Đức, nổi tiếng với vở opera “Hänsel và Gretel”.

Juvenal: nhà thơ châm biếm người La Mã. Một số tài liệu nói rằng ông sống trong giai đoạn cuối thế kỷ thứ 1 và đầu thế kỷ thứ 2.

Point de depart (tiếng Pháp): điểm xuất phát.

Bernard Hart (1879 - 1966): bác sĩ tâm thần người Anh.

Der Witz und seine Beziehung zum Unbewussten (tiếng Đức): những trò đùa và mối quan hệ với vô thức.

Sigmund Freud (1856 - 1939): bác sĩ và nhà thần kinh học người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học. Cho đến ngày nay mặc dù lý thuyết về phân tâm học của ông còn gây nhiều tranh cãi và người ta còn đang so sánh hiệu quả của các phương pháp phân tâm học của ông với các phương pháp điều trị khác, nhưng cũng phải thừa nhận rằng ông là một nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ 20.

Isador Henry Coriat (1875 - 1943): bác sĩ tâm thần và nhà thần kinh học người Mỹ.

Komik und Humor (tiếng Đức): hài kịch và hài hước.

Theodor Lipps (1851 -1914): nhà triết học người Đức.

Daniel Adolph Huebsch (1871 - 1936): tác giả người Mỹ.

Les Obsessions et la Psychasthènie (tiếng Pháp): ám ảnh và rối loạn tâm lý.

Pierre Marie Felix Janet (1859 - 1947): nhà tâm lý học người Pháp.

Uber arithmomanie (tiếng Đức): về sự ám ảnh.

Julius Donath (1870 - 1950): bác sĩ người Áo.

Franz Beda Riklin (1878 - 1938): bác sĩ tâm thần người Thụy Sĩ.

Die forensische Bedeutung der Zwangsvorstellungen (tiếng Đức): tầm quan trọng của pháp y.

Uber den Witz (tiếng Đức): về các trò đùa.

Ernst Kuno Berthold Fischer (1824 - 1907): triết gia và nhà phê bình người Đức.

Kriminalpsychologie (tiếng Đức): tâm lý học tội phạm.

Wolf Hasso Erich Wulffen (1862 - 1936): nhà tội phạm học người Đức.

Die Spiele des Menschen (tiếng Đức): các trò chơi dân gian.

Kari Groos (1861 - 1946): nhà triết học và tâm lý học người Đức.

Willem de Sitter (1872 - 1934): nhà toán học, vật lý học và thiên văn học người Hà Lan.

Nhà từ ở thành phố New York.

Tensor: đối tượng hình học miêu tả quan hệ tuyến tính giữa các đại lượng vector, vô hướng, và các tensor với nhau. Những ví dụ cơ bản về liên hệ này bao gồm tích vô hướng, tích vector, và ánh xạ tuyến tính. Đại lượng vector va vô hướng theo định nghĩa cũng là tensor, có nhiều cách biểu diễn tensor, như mảng giá trị số đa chiều. Bậc của một tensor bằng *số* chiều của mảng cần để biểu diễn nó, hay tương đương với số chỉ số cần để đánh dấu các thành phần của mảng, ví dụ, một ánh xạ tuyến tính biểu diễn dưới dạng ma trận 2 chiều, mảng 2 chiều, do đó nó là tensor bậc 2. Vector có thể coi là mảng 1 chiều và là tensor bậc 1. Đại lượng vô hướng là các giá trị số và là tensor bậc 0.

Thanh tra William M. Moran, đã chết cách đây hai năm, vào lúc điều tra vụ án mạng Giám Mục ông là sĩ quan chỉ huy của Cục Điều tra.

Xì gà loại ở giữa to, hai đầu nhỏ.

10 cm.

Lambda (chữ hoa Λ, chữ thường λ): chữ cái thứ 11 của bảng chữ cái Hy Lạp.

Georg Friedrich Bernhard Riemann (1826 - 1866): nhà toán học người Đức. Ông là người đã có nhiều đóng góp quan trọng trong giải tích và hình học vi phân, xây dựng nền tảng cho việc phát triển lý thuyết tương đối sau này. Năm 1859, ông đã nêu lên giả thuyết Riemann, về sự phân bố các số nguyên tố, vẫn chưa có lời giải sau hơn 150 năm tồn tại.

Elwin Bruno Christoffel (1829 - 1900): nhà toán học và vật lý người Đức. Ông giới thiệu các khái niệm cơ bản của hình học vi phân, mở đường cho sự phát triển phép tính tensor.

Carl Friedrich Gauss (1777 - 1855): nhà toán học và nhà khoa học người Đức. Ông đã có nhiều đóng góp lớn cho các lĩnh vực khoa học như lý thuyết số, giải tích, hình học vi phân, thiên văn học và quang học… Độ cong Gauss là một khái niệm được sử dụng trong hình học vi phân.

Euclid (khoảng 325-265 TCN): nhà toán học người Hy Lạp. Ông được mệnh danh là "cha đẻ của hình học". Hầu hết kiến thức hình học ở cấp trung học cơ sở hiện nay đều đã được đề cập một cách có hệ thống, chính xác trong bộ sách "Cơ sở" gồm 13 cuốn do Euclid viết ra; trong tác phẩm này ông trình bày các khái niệm, các tiên đề, các định lý và chứng minh của chúng.

Biểu thức này thật ra được Christoffel phát triển cho một vấn đề về sự dẫn nhiệt, và được ông xuất bản vào năm 1869 trong "Crelle Journal fur reine und angewandte Mathematik" (tạp chí Crelle về toán học thuần túy và toán học ứng dụng).

Peer Gynt: tác phẩm kịch thơ được Henrik Ibsen viết ở Ý và được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1867 ở Đan Mạch, vở kịch “Peer Gynt” lần đầu tiên được trình diễn vào năm 1876 tại Na Uy, với phần nhạc do Edvard Grieg sáng tác bao gồm một số tác phẩm âm nhạc cổ điển được biết đến nhiều nhất hiện nay.

Henrik Johan Ibsen (1828 - 1906): nhà soạn kịch nổi tiếng người Na Uy. Ông được coi là cha đẻ của kịch nói hiện đại và là nhà văn vĩ đại nhất của Na Uy.

Hermann Klaus Hugo Weyl (1885 - 1955): nhà toán học người Đức. Ông là nhà toán học đã áp dụng không gian vector để xây dựng hình học Euclid mới. Vẫn là loại hình học dùng phương pháp tiên đề, nhưng thay vì xét trên mặt phẳng, loại hình học này xét trong không gian.

Ernst Waldfried Josef Wenzel Mach (1838 - 1916): nhà vật lý và triết gia người Áo. Ông được ghi nhớ bởi những đóng góp cho nền vật lý trong nghiên cứu về sóng xung kích. Số Mach, được đặt theo tên ông, là một đại lượng vật lý biểu hiện tỷ số giữa vận tốc chuyển động của vật thể trong một môi trường nhất định (hoặc vận tốc tương đối của dòng vật chất) đối với vận tốc âm thanh trong môi trường đó. Là một triết gia khoa học, ông là người khai phá và đại diện tiêu biểu cho chủ nghĩa thực chứng logic và thông qua những phê phán về lý thuyết của Newton, đã đóng vai trò người báo trước sự ra đời thuyết tương đối của Albert Einstein.

Nil tam difficile est, quin quaerendo investigari possit (tiếng Latin): không có gì là quá khó khăn đến nỗi không thể điều tra được.

Câu này có thể hiểu theo nghĩa: tôi không thổi phồng đâu. Dogberry là một nhân vật trong tác phẩm hài kịch “Much Ado About Nothing”

của William Shakespeare. Nhân vật này có cái nhìn thổi phồng về tầm quan trọng của chính mình trong vai trò của một người dẫn đầu nhóm lính canh vụng về, hậu đậu, hài hước.

Johannes Kepler (1571 - 1630): nhà toán học, thiên văn học và chiêm tinh học người Đức. Là một trong những đại diện của cuộc cách mạng khoa học thế kỷ 17, Kepler được biết đến nhiều nhất bởi các định luật về chuyển động thiên thể mang tên ông do các nhà thiên văn thiết lập dựa trên những công trình của ông như Astronomia nova, Harmonice Mundi và cuốn Thiên văn học Copernicus giản lược.

Doliometrie (hay còn được biết đến với cái tên Nova stereometria doliorum vinariorum): một bài luận toán học có sức ảnh hưởng lớn của Kepler. Bài luận nói về cách tính thể tích cùa những vật chứa như thùng tô nô, xuất bản vào năm 1615.

Ludwik Silberstein (1872 - 1948): nhà vật lý người Mỹ gốc Ba Lan đã phổ biến thuyết tương đối hẹp và thuyết tương đối tổng quát cho sinh viên đại học. Quyển sách “Thuyết tương đối” do ông viết được xuất bản bởi Macmillan vào năm 1914 và một phiên bản thứ hai được xuất bản bởi Macmillan vào năm 1924.

Luật Sullivan, có hiệu lực từ năm 1911, liên quan đến việc kiểm soát súng ống ở tiểu bang New York. Trong điều khoản đầu tiên, bộ luật này đòi hỏi người dân New York phải được cấp phép mới có thể sở hữu súng đạn. Nếu sở hữu chúng mà không có giấy phép là phạm pháp, mang theo chúng trong người là phạm tội hình sự.

Loại súng lục với ổ đạn 6 viên được thiết kế để sử dụng trong phạm vi ngắn. Loại súng này sử dụng cách nạp đạn kiểu đẩy ổ đạn và nòng

súng lên để nạp đạn từ phía sau và sử dụng loại đạn.32 Smith & Wesson Long.

Bunjinga (chữ Hán được ghi theo chữ cái Latin): tranh thủy mặc.

Causerie (tiếng Pháp): cuộc trò chuyện.

Nỗi kinh hoàng tương tự xảy ra ở Luân Đôn vào năm 1888 khi Jack Đồ Tể thực hiện các vụ án ghê tởm, kinh dị của hắn; và một lần ở Hanover vào năm 1923 khi gã người sói Haarmann, đã thực hiện các vụ ăn thịt người của hắn. Nhưng tôi không nhớ các vụ án khác tương tự gần đây có không khí kinh dị khủng khiếp bao trùm lên New York như trong vụ án mạng Giám Mục.

Chánh thanh tra O'Brien sau là chỉ huy của toàn bộ sở cảnh sát.

Dramatis personae (tiếng Latin): những nhân vật trong vở kịch.

Idée fixe (tiếng Pháp): định kiến.

Trong ngành in ngày nay, sách khổ tám là sách có kích thước trang giấy khoảng 6x9 inch (15 X 23 cm).

Relativitatsprinzip (tiếng Đức): thuyết tương đối.

Hermann Minkowski (1864 - 1909): nhà toán học người Đức. Ông đã phát triển hình học số học và đã sử dụng phương pháp hình học để giải các bài toán khó trong lý thuyết số, vật lý toán và lý thuyết tương đối. Ông là một trong những thầy giáo của Albert Einstein tại Viện Bách khoa Liên bang, nay là Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ (ETH Zurich).

Jules Henri Poincare (1854 - 1912): nhà toán học, nhà vật lý lý thuyết và triết gia người Pháp.

Hypotheses Cosmogoniques (tiếng Pháp): giả thuyết về nguồn gốc vũ trụ.

Loạn dưỡng cơ là thuật ngữ chỉ một nhóm các bệnh cơ có tính chất gia đình, di truyền, đặc trưng bởi yếu cơ tiến triển và teo cơ. Dù cho bệnh xuất hiện ở thời gian nào trong đời thì một số dạng loạn dưỡng cơ gây nên tình trạng cử động yếu hoặc thậm chí là tê liệt.

Harpy: quái vật lai giữa một người phụ nữ và loài chim. Trong thần thoại Hy Lạp, câu chuyện về loài Harpy liên quan đến Phineus, vua của xứ Thrace. Thần Zeus không hài lòng bởi Phineus đã tiết lộ quá nhiều thiên cơ nên đã bày ra một hình phạt đối với vị vua này. Ông giam Phineus trên một hòn đảo với thức ăn ê hề, tuy vậy, mỗi lần Phineus định ăn một thứ gì đó thì lũ Harpy sẽ ngay lập tức nhào xuống cướp đồ ăn khỏi tay Phineus. Đây đúng là một hình phạt khủng khiếp khi có đồ ăn ngay trước mắt mà không thể ăn.

Argonauts, nghĩa là "các thủy thủ của tàu Argo", là một nhóm các anh hùng trong thần thoại Hy Lạp. Trong những năm trước khi cuộc chiến thành Troy diễn ra, vào thời điểm khoảng 1300 TCN, họ đã cùng Jason tới Colchis để tìm kiếm lông cừu vàng. Tên của họ bắt nguồn từ tên chiếc tàu, Argo, được đặt tên theo người chế tạo ra nó, Argus.

"Một bà già sống trong chiếc giày" là một bài đồng dao trong tập "Đồng dao Mẹ Ngỗng".

Trong cờ vua, quân tượng (có nghĩa là voi) trong tiếng Việt tương ứng với quân bishop (có nghĩa là Giám mục) trong tiếng Anh. Đây là cách chơi chữ của tác giả khi dùng từ "bishop" để nói đến Giám mục và quân cờ. Để phù hợp với ngữ cảnh của tác phẩm, bản dịch tiếng Việt này dùng từ "quân (cờ) giám mục" khi nói đến quân cờ này.

Imprimis (tiếng Latin): đầu tiên.

Aubergines à la Turque (tiếng Pháp): món cà tím Thổ Nhĩ Kỳ.

Tiếng Đức: "Sự thật, bà Menzel! Anh ta thức dậy lúc mấy giờ?"

Tiếng Đức: Lạy Chúa!

Tiếng Đức: có, phải, vâng.

Tiếng Đức: bà nội trợ.

Đại úy Hagedorn là chuyên gia về súng ngắn của sở cảnh sát New York. Đó là người, trong vụ án mạng Benson, đã đưa cho Vance dữ liệu xác nhận chiều cao của kẻ sát nhân; và là người thực hiện việc kiểm tra ba đầu đạn được bắn ra từ khẩu súng lục Smith & Wesson cũ trong vụ án mạng Greene.

Tiếng Pháp: người báo tin trước.

Rượu vang port: còn gọi là rượu vang Bồ Đào Nha.

Porto, còn được gọi là Oporto trong tiếng Anh, là thành phố lớn thứ hai của Bồ Đào Nha sau Lisbon và là một trong những vùng đô thị lớn của bán đảo Iberia.

Edvard Hagerup Grieg (1843 - 1907): nhà soạn nhạc, nhạc trưởng, nghệ sĩ piano người Na Uy nổi tiếng nhất, ông là một thiên tài âm nhạc hiếm có của Na Uy. Ông sử dụng và phát triển âm nhạc dân gian Na Uy trong tác phẩm của mình, giúp đưa âm nhạc Na Uy lên bản đồ thế giới. Được công nhận rộng rãi là một nhà soạn nhạc hàng đầu của thời kỳ lãng mạn, các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là hai tổ khúc được chuyển soạn từ những khúc nhạc do ông viết cho vở kịch Peer Gynt, các bản. sonata cho violin và cello, Piano Concerto giọng La thứ.

Rosmersholm: một vở kịch được viết bởi Henrik Ibsen năm 1886.

Walter Hampden Dougherty (1879 - 1955): diễn viên và nhà quản lý rạp hát người Mỹ. Ông là một ngôi sao lớn trên sân khấu Broadway ở New York và là người đã thực hiện nhiều chương trình truyền hình và điện ảnh.

Gerhart Johann Robert Hauptmann (1862 - 1946): nhà văn, nhà viết kịch người Đức đoạt giải Nobel văn học năm 1912.

Akiba Rubinstein sau này, và tận hôm nay, là nhà vô địch cờ vua Ba Lan và là một trong những bậc thầy vĩ đại của thế giới về cờ vua. Ông sinh tại Stavisk, gần Lodz, vào năm 1882, và lần đầu xuất hiện trước công chúng ở giải cờ vua quốc tế tại giải đấu Ostend năm 1906. Chuyến thăm nước Mỹ gần đây của ông là kết quả trong một chuỗi thành công mới.

Alfred Tennyson (1809 - 1892) là một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất của Anh. Ông đạt đến đỉnh cao trong sự nghiệp của mình vào năm 1850 khi xuất bản tập thơ "In Memoriam A.H.H." (Tưởng nhớ A. H. H.). Đây là những bài thơ viết về người bạn của ông, Arthur Henry Hallam, đã qua đời đột ngột ở Vienna năm 1833.

Gendarmerie (tiếng Pháp): hiến binh, cảnh sát.

Peter Piper là nhân vật trong một bài đồng dao in trong tập "Đồng dao Mẹ Ngỗng" giúp tập phát âm, nội dung của nó nói về cậu bé Peter Piper nhặt ớt ngâm chua.

Bức biếm họa nổi tiếng "Dropping the Pilot" (nghĩa đen: bò rơi hoa tiêu, nghĩa bóng: bỏ rơi một cố vấn) của họa sĩ người Anh John Tenniel (1820 - 1914) vẽ năm 1890 mô tả sự kiện Bismarck từ chức. Trong đó vẽ Thủ tướng Otto von Bismarck như một hoa tiêu, đang bước xuống tàu dưới sự quan sát vu vơ và lãnh đạm của hoàng đế Đức Wilhelm II. Bismarck rời khỏi chiếc ghế Thủ tướng dưới lệnh của Wilhelm II do quan điểm chính trị của hai người quá khác biệt.

Otto Eduard Leopold von Bismarck (1815 - 1898): chính khách người Phổ đã chi phối tình hình Đức và châu Âu với chính sách bảo thủ kể

từ thập niên 1860 cho đến năm 1890 khi bị buộc từ chức bởi hoàng đế Đức Wilhelm II.

Pythagoras (khoảng 570 - 495 TCN): nhà triết học, nhà toán học vĩ đại người Hy Lạp. Trong tiếng Việt, tên của ông thường được viết theo tiếng Pháp là Pythagore.

13 cm.

Khi cuộc thảo luận này diễn ra, Giáo sư Pickering đã cho rằng có sự xáo trộn của sao Thiên vương, hai hành tinh khác xa hơn sao Hải vương: P và S.

Đại tá Benjamin Hanlon, sĩ quan chỉ huy của Ban Điều tra thuộc Văn phòng công tố quận.

Geraldine Farrar (1882-1967): nữ ca sĩ opera giọng soprano và diễn viên điện ảnh người Mỹ.

“Louise” là vở opera hiện đại mà Vance yêu thích, nhưng anh thích Mary Garden hơn Farrar trong vai chính.

9m.

Tiếng Pháp: bức thư tình.

Nên nhớ rằng các bài của báo World về vụ án Giám Mục là nỗi ghen tị của những tờ báo khác. Trung sĩ Heath, dù công bằng trong những phát ngôn về những sự kiện với báo giới, tuy nhiên vẫn giữ lại vài phát biểu đặc sắc cho Quinan, và cho anh ta vài điểm nghi vấn, mặc dù không có giá trị tin tức, biến các câu chuyện của báo World thêm phần sắc màu và thú vị.

Công ty bảo hiểm nhân thọ được thành lập vào năm 1845 tại New York.

Guilfoyle, có thể được nhớ lại, là một trong những thám tử đã theo dõi Tony Skeel trong vụ án mạng Chim Hoàng Yến.

12 m đến 15 m.

Tiếng Đức: Chúa ban cho bà ấy sự bình yên vĩnh hằng.

Tiếng Đức: Chúa ơi, chính là nó!

Hennessey từng theo dõi bác sĩ Drumm trong biệt thự nhà Greene từ Narcoss Flats, trong vụ án mạng Greene. Snitkin cũng từng tham gia vào cuộc điều tra Greene, và đóng một vai trò nhỏ trong cả hai vụ Benson và Chim Hoàng Yến. Emery nhanh nhẹn là thám tử đã tìm ra điếu thuốc bị dập tắt từ bên dưới đống gỗ cháy trong phòng khách của Alvin Benson.

Tiếng Latin: Hãy lạc quan lên.

Nữ thần mê cung trong thần thoại Hy Lạp.

Crete: một đảo của Hy Lạp. Theo thần thoại đây là nơi vua Minos, cha của nữ thần mê cung Ariadne, cai trị.

Tiếng Pháp: chuyện trắc trở.

Niels Henrik David Bohr (1885 - 1962): nhà vật lý học người Đan Mạch với những đóng góp nền tảng về lý thuyết cấu trúc nguyên tử và cơ học lượng tử sơ khai, nhờ đó mà ông nhận được giải Nobel vật lý năm 1922. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, nguyên tố Bohri (ký hiệu Bh) được đặt theo tên của ông. Con trai của ông là Aage Niels Bohr (1922 - 2009) được trao gải Nobel Vật lý năm 1975 cùng với Ben Roy Mottelson và Leo James Rainwater.

Một bước quan trọng hướng đến giải pháp cho những vấn đề phức tạp này được thực hiện vài năm sau đó bởi thuyết của de Broglie - Schrodinger như đã được ghi nhận trong quyển sách “Ondes et

Mouvements” (Sóng và chuyển động) của de Broglie và quyển “Abhandlungen zur Wellenmechanlk” (Tiểu luận về sóng cơ) của Schrödinger.

“Sic transit gloria mundi”: câu nói tiếng Latin có nghĩa là “vinh quang của trần gian qua đi như thế” hay “sự vật thế gian chỉ là phù du.”

Alfred Stieglitz (1864 - 1946): nhiếp ảnh gia người Mỹ. Ông là người tiên phong trong việc đưa nhiếp ảnh trở thành một hình thức biểu hiện nghệ thuật như các loại hình nghệ thuật khác.

Georgia Totto O’Keeffe (1887 - 1986): họa sĩ người Mỹ. Bà được biết đến với những bức tranh hoa phóng to, tòa nhà chọc trời New York, và cảnh quan New Mexico.

String quartet: tứ tấu đàn dây, một thể loại sáng tác cho bốn nhạc cụ dây, thường là hai violin, một viola và một cello.

Achille-Claude Debussy (1862 - 1918): nhà soạn nhạc người Pháp nổi tiếng. Ông là tên tuổi lớn trong nền âm nhạc châu Âu vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Ông đã để lại nhiều lác phẩm kinh điển cho âm nhạc Pháp thời kỳ này, chủ yếu là các bản giao hưởng, nhạc thính phòng và các bản solo piano.

Paul Cezanne (1839 - 1906): họa sĩ người Pháp thuộc trường phái hậu ấn tượng. Ông là người được cho là cây cầu nối giữa trường phái ấn tượng thế kỷ 19 với trường phái lập thể thế kỷ 20. Các tác phẩm của Cezanne thể hiện sự sắc sảo trong thiết kế, màu sắc, phá trộn. Những nét vẽ tìm tòi, nhạy cảm của ông mang tính đặc trưng và rất dễ nhận biết.

Paul Charles Morphy (1837 - 1884): thần đồng cờ vua người Mỹ. Ông được coi là bậc thầy cờ vua vĩ đại trong thời đại của mình và là nhà vô địch cờ vua thế giới không chính thức.

Tiếng Pháp: Đi thôi, ông bạn.

Vì lợi ích của kỳ thủ chuyên nghiệp có thể chú ý về mặt lý thuyết, tôi ghi chú thêm vị trí chính xác của trận đấu khi Pardee chấp nhận thua: - Bên Trắng - quân vua ở QKtsq; quân xe ở QB8; các quân tốt ở QR2 và Q2. Bên Đen: quân vua ở Q5; quân mã ở QKt5; quân giám mục ở QR6; các quân tốt ở QKt7 và QB7.

Năm nước cờ cuối chưa đi để quân Đen có thể chiếu bí, mà sau này tôi biết được chúng từ Vance, đó là: 45. RxP; KtxR. 46. KxKt; P-Kt8 (quân Hậu). 47. KxQ; K-Q6 48. K-Rsq; K-B7. 49. P-Q3; B-Kt7 chiếu hết.
(Theo cách ghi thông dụng hiện nay: 45. Rxc2; Nxc2. 46. Kxc2; b1=Q. 47. Kxb1; Kd3. 48. Ka1; Kc2. 49. d3; Bb2#.)

Tiếng Pháp: vật bị ghét cay ghét đắng.

Astraea: nữ thần công lý.

Tôi hiển nhiên không thể ghi lại chính xác những lời của Vance, không thể đầy đủ trong những ghi chép của tôi; nhưng tôi đã gởi cho anh một bản nháp của các đoạn văn sau đây với lời nhờ anh đọc lại và chỉnh sửa chúng; cho nên, như giờ chúng có mặt, chúng đại diện cho một lời giải thích chuẩn xác sự phân tích của anh về các nhân tố tâm lý của vụ án mạng Giám Mục.

Parsec (viết tắt pc): đơn vị đo khoảng cách được dùng trong thiên văn học, là thị sai của một giây cung. Năm ánh sáng (tiếng Anh: light-year; viết tắt: ly) cũng là đơn vị đo khoảng cách được dùng trong thiên văn học, có giá trị bằng quãng đường mà ánh sáng vượt qua được trong chân không sau thời gian một năm Julius, ứng với 365,25 ngày hay 31.557.600 giây.
1 pc - 3,26 ly ~ 3,09 X 1016 m ~ 206.265 AU.

Ernest Rutherford (1871 - 1937): nhà vật lý người New Zealand hoạt động trong lĩnh vực phóng xạ và cấu tạo nguyên tử. Ông được coi là “cha đẻ” của vật lý hạt nhân; sau khi đưa ra mô hình hành tinh nguyên tử để giải thích thí nghiệm trên lá vàng, ông khám phá ra rằng nguyên tử có điện tích dương tập trung trong hạt nhân rất bé, và từ đó đi đầu cho việc phát triển mẫu Rutherford, còn gọi là mẫu hành tinh nguyên tử. Nhờ phát hiện của mình và làm sáng tỏ hiện tượng tán xạ Rutherford trong thí nghiệm với lá vàng mà ông được trao giải Nobel hóa học vào năm 1908.

Arcturus: ngôi sao sáng với cấp sao biểu kiến là -0,04m, cách trái đất 36,7 năm ánh sáng. Đây là ngôi sao sáng nhất trong chòm sao Boötes (Mục Phu) và là ngôi sao sáng thứ tư trên bầu trời đêm.
Cấp sao biểu kiến (m-magnitude) của một thiên thể (ngôi sao, hành tinh,…) là một thang đo về độ sáng của vật thể khi nhìn từ trái đất. Vật thể càng sáng thì m càng có giá trị nhỏ. Sao Vega (Chức Nữ) có cấp sao biểu kiến rất gần với 0 và được các nhà thiên văn học chọn làm mốc chuẩn.

Canopus: ngôi sao sáng nhất trong chòm sao Carina (Thuyền Để). Ngôi sao này có cấp sao biểu kiến là -0,72m và là ngôi sao sáng thứ hai trên bầu trời đêm, sau Sirius. Canopus cách trái đất khoảng 310 năm ánh sáng.

Betelgeuse: ngôi sao sáng thứ hai trong chòm sao Orion (Lạp Hộ), sau ngôi sao Rigel. Betelgeuse có màu đỏ nổi bật và có cấp sao biểu kiến thay đổi từ 0,2m đến l,2m. Ngôi sao này cách trái đất khoảng 643 năm ánh sáng.

Hệ Mặt trời (Thái dương hệ) là một hệ hành tinh có Mặt trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt trời. Đa

phần các thiên thể quay quanh Mặt trời, và khối lượng tập trung chủ yếu vào 8 hành tinh có quỹ đạo gần tròn và mặt phẵng quỹ đạo gần trùng khít với nhau gọi là mặt phẳng hoàng đạo. Hệ Mặt trời nằm trong Ngân hà. Mặt trời nằm ở một trong các nhánh xoắn ốc rìa ngoài của Ngân hà. Mặt trời quay quanh trung tâm của Ngân hà ở khoảng cách khoảng 26 ngàn năm ánh sáng với tốc độ khoảng 217 km/s và hoàn tất một chu kỳ trong khoảng 225 - 250 triệu năm.

Ngân hà là một thiên hà mà Hệ Mặt trời nằm trong đó. Ngân hà là một thiên hà xoắn ốc chặn ngang kiểu SBbc theo phân loại Hubble (dạng thiên hà hình đĩa có các nhánh liên kết không chặt chẽ và có phần gần trung tâm lồi hẳn lên), có khoảng từ 200 tới 400 tỷ ngôi sao. Ngân hà có đường kính khoảng 100.000 năm ánh sáng và có bề dày trung bình khoảng 1.000 năm ánh sáng.

Ở đây, Vance sử dụng nghĩa tiếng Anh rộng của từ “trillion,” là một triệu lũy thừa ba: (1.000.000)3/ điều này trái ngược với hệ thống đọc số của Mỹ và Pháp vốn xem một “trillion” chỉ là một triệu triệu.

Isaac Newton (1642 - 1727): nhà toán học, nhà vật lý, nhà thiên văn học, nhà triết học người Anh. Tác phẩm “Các nguyên lý toán học của triết học tự nhiên” của ông xuất bản năm 1687, viết về 3 định luật về chuyển động của Newton thiết lập nên cơ sở của cơ học cổ điển, và về định luật vạn vật hấp dẫn của Newton.

Gottfried Wilhelm Leibniz (hay Leibnitz) (1646 - 1716): nhà toán học, nhà triết học người Đức. Ông là người khám phá ra hệ thống số nhị phân, nền tảng của hầu hết các cấu trúc máy tính hiện đại.
Leibniz và Newton, một cách độc lập, đã khám phá ra vi phân và tích phân.

Jacob Bernoulli (1654 - 1705): nhà toán học người Thụy Sĩ. Cống hiến chủ yếu của ông là vào hình học giải tích, lý thuyết xác suất, phép tính biến phân. Bernoulli cùng với Newton và Leibniz là những người đầu tiên phát triển phép tính vi phân và tích phân.

Nicolas Camille Flammarion (1842-1925): nhà thiên văn học và tác giả người Pháp. Ông là tác giả của nhiều đầu sách, bao gồm các công trình về thiên văn học, các công trình nghiên cứu tâm lý, tiểu thuyết khoa học viễn tưởng…

Lumen được sáng tạo bởi nhà thiên văn học người Pháp để chứng minh khả năng đảo chiều thời gian, với tốc độ 250 ngàn dặm trên giây, anh ta được tưởng tượng như vút bay vào không gian lúc cuối trận đánh Waterloo, và bắt kịp tất cả tia sáng đã rời khỏi chiến trường. Anh ta đạt tới sự tăng dần đều, cho đến cuối hai ngày anh ta chứng kiến, không phải sự kết thúc, mà là sự bắt đầu của trận chiến; và trong lúc đó anh ta xem sự việc theo thứ tự ngược lại. Anh ta đã thấy đạn pháo rời khỏi đồ vật mà chúng đâm xuyên và trở về trong nòng đại bác; người chết sống dậy và tự xếp thành đội hình chiến đấu. Một cuộc phiêu lưu mang tính giả thuyết khác của Lumen là nhảy lên mặt trăng, quay lại ngay lập tức, và thấy chính mình nhảy từ mặt trăng ngược về trái đất.

Alpha Centauri là hệ sao gần Hệ Mặt trời nhất với khoảng cách 1,34 parsec (4,37 năm ánh sáng). Đối với mắt thường, nó xuất hiện như một ngôi sao duy nhất, với cấp sao biểu kiến là -0,27m, là ngôi sao sáng thứ ba trên bầu trời đêm, chỉ sau Sirius và Canopus.

Sirius, sao Thiên Lang, là ngôi sao sáng nhất trên bầu trời với cấp sao biểu kiến là -l,46m. Ngôi sao này cách trái đất 8,6 năm ánh sáng. Sirius nằm trong chòm sao Canis Major (Đại Khuyển).

Galileo Galilei (1564 - 1642): nhà thiên văn học, vật lý học, toán học và triết học người Ý; người đóng vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng khoa học. Các thành tựu của ông gồm những cải tiến cho kính thiên văn và các quan sát thiên văn sau đó.

Vance đề nghị tôi nhắc đến ở đây công trình học thuật gần đây của A. d'Abro, "Sự tiến triển của tư duy khoa học," trong đó có một cuộc thảo luận xuất sắc về nghịch lý liên quan đến không-thời gian.

Immanuel Kant (1724 - 1804): triết gia người Đức. Ông là một trong những triết gia lớn nhất của thời kỳ cận đại. Học thuyết "Triết học siêu nghiệm" (Transzendentalphilosophie) của Kant đã đưa triết học Đức bước vào một kỷ nguyên mới.

Quy luật lý do đầy đủ nói rằng tất cả mọi thứ phải có một lý do hay một nguyên nhân.

Bài luận văn thạc sĩ của Vance, theo tôi nhớ, trình bày "Ueber die vierfache Wurzel des Satzes vom zureichenden Grunde" (Về bốn nguồn gốc của quy luật lý do đầy đủ) của Schopenhauer.

Arthur Schopenhauer (1788 - 1860): nhà triết học người Đức, nổi tiếng nhất với tác phẩm "The World as Will and Representation" (Thế giới như là ý chí và biểu tường). Schopenhauer là người đã đồng thời phản bác cũng như mở rộng tư duy triết học của Immanuel Kant về cách mà chúng ta trải nghiệm thế giới. Lý thuyết siêu hình của ông chính là nền tảng cho các tác phẩm về đề tài tâm lý học, mỹ học, đạo đức học… Những tác phẩm của ông đã để lại tầm ảnh hưởng tới các danh nhân sau này như Friedrich Nietzsche, Ludwig Wittgenstein, Sigmund Freud và nhiều người khác.

Bertrand Arthur William Russell (1872 - 1970): triết gia, nhà logic học, nhà toán học, nhà văn, nhà phê bình xã hội người Anh. Là một tác

giả có nhiều tác phẩm, ông còn là người mang triết học đến với đại chúng và là một nhà bình luận đối với nhiều chủ đề đa dạng, từ các vấn đề rất nghiêm túc cho đến những điều trần tục. Tác phẩm của ông đã có ảnh hưởng đáng kể đến toán học, lý thuyết tập hợp, ngôn ngữ học, trí tuệ nhân tạo, triết học… Russell nổi bật về hoạt động chống chiến tranh. Năm 1950, ông được trao giải Nobel Văn học, "để ghi nhận các tác phẩm đầy ý nghĩa mà trong đó ông đã đề cao lý tưởng nhân đạo và tự do về tư tưởng".

William Crookes (1832 - 1919): nhà hóa học, nhà vật lý học người Anh. Ông là người tiên phong về ống chân không, ông đã phát minh ra ống Crookes và thiết bị đo bức xạ Crookes.

Oliver Joseph Lodge (1851 - 1940): nhà vật lý và tác giả người Anh. Ông có những bằng sáng chế liên quan đến sóng vô tuyến.

Tiếng Pháp: sự giảm căng thẳng.

'A jests prosperity lies in the ear of him that hears it, never in the tongue' (Tạm dịch: sự thành công của một câu nói đùa nằm ở tai của người nghe nó, chứ không phải ở luỡi.) Đây là câu nói của Rosaline ở màn 5, cảnh 2 trong tác phẩm "Love's Labour's Lost" của William Shakespeare.

Raison d'être (tiếng Pháp): lý do tồn tại.

Percival Lawrence Lowell (1855-1916): tác giả người Mỹ, đồng thời là nhà toán học và nhà thiên văn học luôn tin rằng có kênh rạch trên sao Hỏa. Ông là người sáng lập Đài quan sát Lowell ở Flagstaff, Arizona, và đặt nền móng cho việc khám phá ra sao Diêm vương sau khi ông qua đời 14 năm.

Tôi không biết liệu Vance đang nói đến ở đây là quyển "Sao Hỏa và kênh rạch của nó" hay "Sao Hỏa là nơi tồn tại sự sống".

Tiếng Latin: nơi an nghỉ.

“Ngôi nhà do Jack xây dựng” là tựa của một bài đồng dao phổ biến, cũng được in trong tập đồng dao Mẹ Ngỗng.

Robert Andrews Millikan (1868 - 1953): nhà vật lý thực nghiệm người Mỹ. Ông được trao Giải Nobel vật lý vào năm 1923 nhờ phương pháp đo chính xác điện tích điện tử thông qua thí nghiệm giọt dầu Millikan và nghiên cứu của ông về hiệu ứng quang điện, ông cũng là người nghiên cứu về các bức xạ vũ trụ.

Tiếng Latin: việc tự tử.

Di chúc của Pardee để lại một số tiền lớn cho việc tài trợ môn cờ vua; và vào mùa thu cùng năm đó, giải đấu tưởng nhớ Pardee được tổ chức tại Cambridge Springs.

Trong số những tác phẩm opera của Wagner, đây là tác phẩm mà Vance yêu thích. Anh ta lúc nào cũng khăng khăng rằng nó là tác phẩm opera duy nhất có dạng cấu trúc của một bản giao hưởng; và rất nhiều fan anh ta biểu lộ sự nuối tiếc rằng nó đã không được soạn thành một bản giao hưởng thay vì sự chuyển thể thành kịch vớ vẩn.

Wilhelm Richard Wagner (1813 - 1883): nhà soạn nhạc kiêm nhạc trưởng, đạo diễn kịch và nhà lý luận âm nhạc người Đức nổi tiếng bởi các tác phẩm opera.

Walther và Eva là hai nhân vật chính trong tác phẩm opera “Die Meistersinger von Nuremberg” (Những danh ca Nuremberg) của ông.

Pretenders (Những kẻ giả vờ), tên gốc tiếng Na Uy là *Kongs-Emnerne,* là một vở kịch được viết bởi Henrik Ibsen vào năm 1863 và được trình diễn vào năm 1864. Nội dung vở kịch xoay quanh cuộc xung đột lịch sử giữa vua Na Uy Håkon Håkonsson và cha vợ của ông, Earl Skule Bårdsson.

Johann Wolfgang von Goethe (1749 - 1832) được coi là một trong những vĩ nhân trong nền văn chương thế giới. Ông là một nhà thơ, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia, nhà khoa học, họa sĩ của Đức. Hầu hết các tác phẩm của ông trường tồn với thời gian, một trong số đó là kịch thơ Faust gồm 2 phần, tác phẩm này là một trong những đỉnh cao của nền văn chương thế giới.

Bộ của Vance là ấn bản độc quyền của William Archer, được Charles Scribner's Sons xuất bản.

Tiếng Latin: những nhân vật trong vở kịch.

Håkon Håkonsson (1204 - 1263): vua của Na Uy trong giai đoạn 1217 - 1263, triều đại của ông kéo dài đến 46 năm.

Inga xứ Varteig (khoảng 1185 - 1234): mẹ của vua Håkon. Varteig là một vùng đất thuộc hạt Østfold, Na Uy.

Công tước Skule Bårdsson (1189 - 1240): một nhà quý tộc người Na Uy.

Margrete Skulesdatter (1208 - 1270): con gái của Skule Bårdsson và là vợ của vua Håkon vào năm 1225.

3m.

0,9 m.

Richard August Carl Emil Erlenmeyer (1825 - 1909): nhà hóa học người Đức. Bình Erienmeyer, còn được gọi là bình hình nón hoặc bình tam giác, là loại bình chứa dùng trong phòng thí nghiệm; được đặt theo tên của nhà hóa học Emil Erlenmeyer, người đã sáng tạo ra nó vào năm 1860.

Tôi thú nhận là cái tên Rhazis lạ lẫm với tôi; và khi tra cứu sau đó tôi phát hiện ra điều mà Vance nhắc đến không xuất hiện trong Kinh

Thánh Anh giáo, mà trong quyển thứ hai của bộ sách Maccabees trong thứ kinh.

Vua Saul ra lệnh cho người mang gươm giết chết mình vì không muốn chết dưới tay kẻ thù nhưng người mang gươm của ông không dám ra tay. Cuối cùng ông tự dùng gươm kết liễu mình, cả người mang gươm cũng tự tử theo vua.

Ahithophel là cố vấn của vua David. Lúc Absalom nổi loạn, Ahithophel bỏ rơi David và đi theo Absalom. David nhờ người bạn cũ của mình là Hushai đến bên cạnh Absalom để chống lại Ahithophel. Do tầm ảnh hưởng của Hushai đối với Absalom quá lớn, Ahithophel quay về quê ở Giloh, và sau khi sắp xếp xong mọi việc, ông ta treo cổ tự vẫn.

Samson hay Shimshon, Shamshoun, Sampson là một trong 13 vị quan xét của người Israel cổ đại được đề cập đến trong Kinh Thánh Hebrew. Theo Kinh Thánh thì Samson đước Thiên chúa ban cho sức mạnh siêu nhiên, sức mạnh này ẩn chứa trong mái tóc dài của ông. Samson đã lập nhiều chiến công cho người Israel và đã giết rất nhiều quân Philistine. Người Philistine sử dụng chiến thuật mỹ nhân kế, cho nàng Delilah, một phụ nữ Philistine sống ở thung lũng Sorek quyến rũ Samson và Samson đã gục ngã trước sắc đẹp của Delilah. Delilah đã lừa cắt mất mái tóc của Samson, khiến ông mất hết sức mạnh, bị quân Philistine bắt và chọc mù hai mắt. Trước khi bị đem đi hành quyết, Samson cầu xin Thượng đế ban lại sức mạnh cho mình, ông phá sập đền thờ Dagon, chôn vùi nhiều người Philistine và cả chính mình.

Judas Iscariot, theo Tân Ước, là một trong 12 tông đồ của Chúa Jesus. Sau khi phản bội lại Chúa Jesus, Judas đã treo cổ tự vẫn.

Marcus Junius Brutus (85 - 42 TCN) là một thành viên của Viện nguyên lão La Mã thuộc Cộng hòa La Mã. Vào năm 44 TCN, một nhóm nguyên lão nổi loạn do Brutus cầm đầu đã mưu sát thành công hoàng đế Julius Caesar. Năm 42 TCN, Brutus thất bại ở trận Philippi. Nhận thay việc đầu hàng và bị bắt giữ là không thể tránh khỏi, Brutus đã tự tử.

Marcus Porcius Cato Uticensis (95 - 46 TCN), còn được gọi là Cato xứ Utica, là một chính trị gia trong những năm cuối của nền cộng hòa La Mã. Người ta nhớ đến ông, vì sự ngoan cường và bền chí, đặc biệt là trong cuộc nội chiến lâu dài của ông chống lại Julius Caesar. Sau khi bị Julius Caesar đánh bại hoàn toàn trong trận Thapsus, Cato đã tự sát.

Hannibal Barca (247 - 183 TCN): một tướng lĩnh và nhà chiến thuật quân sự người Carthage. Khi bị phản bội và bị đem nộp cho những người La Mã, Hannibal đã uống thuốc độc tự sát.

Lucretia bị cưỡng hiếp bởi Sextus Tarquinius (con trai của vua Lucius Tarquinius Superbus) nên đã tự tử bằng cách lấy dao găm tự đâm vào người sau khi nói với những người thân về những gì đã xảy ra với mình, cái chết của bà là nguyên nhân cho cuộc nổi loạn lật đổ nền quân chủ La Mã lúc bấy giờ.

Cleopatra VII Philopator (69 - 30 TCN), được sử học thế giới gọi đơn giản là Cleopatra, một trong những nhân vật nổi tiếng nhất lịch sử thế giới, một nữ Pharaoh của Ai Cập cổ đại. Thất bại trong trận Actium trước quân đội của Đế chế La Mã dưới sự lãnh đạo của Octavianus, Marcus Antonius, lúc này là chồng của Cleopatra, đã tự sát. Sau đó, Cleopatra cũng tự sát bằng cách để rắn độc cắn vào người.

Lucius Annaeus Seneca (4 TCN - 65): triết gia người La Mã thuộc trường phái triết học khắc kỷ và là chính khách, nhà biên kịch và là một tên tuổi lớn của nền văn học La Mã. Ông từng là thầy giáo và cố vấn cho hoàng đế Nero. Ông đã bị ép buộc phải tự tử vì bị cho là đồng lõa trong âm mưu ám sát hoàng đế Nero.

Nero Claudius Caesar Augustus Germanicus (37 - 68): vị hoàng đế thứ năm và cũng là cuối cùng của triều đại Julio-Claudian, trị vì từ năm 54 tới 68. Nero được chú ông, hoàng đế Claudius, nhận làm con nuôi và được thừa kế ngai vàng vào năm 54, sau khi Claudius qua đời.

Marcus Salvius Otho Caesar Augustus (32 - 69): hoàng đế của Đế quốc La Mã, trị vì trong vòng ba tháng (từ ngày 15/1 đến 16/4 năm 69). Ông là vị hoàng đế thứ hai trong Nam tứ đế của nền văn minh La Mã cổ đại. Khi đội quân của ông thất bại hoàn toàn tại Cremona năm 69, Otho khuyên gia đình và bạn bè tìm đường thoát thân, còn mình thì tự sát một ngày sau đó. Cái chết của Otho khiến cho La Mã tránh được một cuộc nội chiến.

Demosthenes (384 - 322 TCN): chính khách và nhà hùng biện xuất chúng người Hy Lạp. Ông dành phần lớn cuộc đời sôi nổi của mình nhằm kêu gọi chống lại sự bành trướng của Macedonia. Sau khi vua Philipos II của Macedonia chết, Demosthenes đã đóng một vai trò chủ chốt trong cuộc nổi dậy chống lại tân vương xứ Macedonia, Alexander Đại đế, nhưng đã thất bại và bị đàn áp khốc liệt. Khi Alexander Đại đế qua đời, người kế tục ông ở Hy Lạp, Antipatros, đã cho người truy lùng Demosthenes để đề phòng một cuộc nổi loạn nữa. Demosthenes đã tự sát năm 322 TCN để khỏi bị một tay chân của Antipatros là Archias xứ Thurii bắt giữ.

Empedocles (khoảng 490 - 430 TCN): nhà triết học Hy Lạp tiền Socrates. Empedocles được nhớ đến như là người khởi xướng cho thuyết nguồn gốc vũ trụ tạo bởi bốn nguyên tố cổ điển, có nhiều truyền thuyết khác nhau liên quan đến cái chết của ông. Một truyền thuyết nói rằng ông tự lao vào ngọn núi lửa Etna để chứng minh cho các đệ tử của mình rằng ông đã bất tử; ông tin rằng mình sẽ trở thành một vị thần sau khi bị lửa thiêu.

Aristotle (384 - 322 TCN): nhà triết học và bác học thời Hy Lạp cổ đại, học trò của Plato và thầy dạy của Alexander Đại đế. Di bút của ông bao gồm nhiều lĩnh vực như vật lý học, siêu hình học, thi văn, kịch nghệ, âm nhạc, ngôn ngữ học, kinh tế học, chính trị học, đạo đức học… cùng với Plato và Socrates, Aristotle là một trong ba trụ cột của văn minh Hy Lạp cổ đại.

Alexander Đại đế (356 - 323 TCN), hay Alexandras III của Macedonia, là vị vua vĩ đại của đế chế Macedonia, nhưng ít dành thời gian cho việc trị quốc tại quê nhà Macedonia. Trong suốt triều đại của mình, ông chủ yếu dành thời gian cho các cuộc chinh phạt, và được xem là một trong những chiến lược gia quân sự vĩ đại nhất trong lịch sử. Sau khi thống nhất các thành bang Hy Lạp cổ đại dưới sự cai tri của vua cha Philipos II, Alexander chinh phục đế chế Ba Tư, bao gồm cả Tiểu Á, Syria, Phoenicia, Gaza, Ai cập, Bactria và Lưỡng Hà và mở rộng biên cương đế chế của ông đến xa tận Punjab thuộc Ấn Độ ngày nay.

Nogi Maresuke (1849 - 1912): đại tướng lục quân của Nhật Bản. Ông là một nhân vật nổi bật trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật. Nogi và vợ thực hiện nghi thức mổ bụng tự sát (seppuku) ngay sau khi đám tang của Thiên hoàng Minh Trị rời khỏi cung điện để thể hiện sự trung thành với hoàng đế Nhật Bản.

Cuốn sách về luật quan trọng nhất của Đế quốc La Mã Thần Thánh.

Nhóm dị Thiên Chúa giáo cực đoan ở Bắc Phi vào đầu và giữa thế kỷ thứ 4. Họ đánh giá cao sự tử vì đạo và có một lòng sùng kính đặc biệt đối với những người tử vì đạo. Họ thường tấn công binh lính La Mã và những người có vũ trang với mục đích khiêu khích để bị những người này giết chết và biến họ thành người tử vì đạo.

Từ dùng để chỉ một nhóm tầng lớp thống trị ở thời La Mã cổ đại.

Thomas More (1478 - 1535): luật sư, nhà triết học xã hội, tác giả, chính khách và nhà nhân văn Phục hưng người Anh. *Utopia* là tác phẩm nổi tiếng của Thomas More, được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Latin vào năm 1516 và đến năm 1551 mới được Ralph Robinson dịch sang tiếng Anh và xuất bản; bản tiếng Việt có tựa là 'Utopia - Địa đàng trần gian' được xuất bản năm 2006 bởi Nhã Nam và NXB Hội Nhà văn.

"Little Jack Horner" (Cậu bé Jack Horner): bài đồng dao được in trong tập "Đồng dao Mẹ Ngỗng" nội dung nói về cậu bé Jack Horner ngồi ăn bánh Giáng sinh, cậu cho ngón cai vào trong bánh và móc ra được quả mận.

"Jack Sprat": bài đồng dao được in trong tập "Đồng dao Mẹ Ngỗng" nội dung nói rằng Jack Sprat không ăn béo và vợ anh ta không ăn nạc nên cả hai người ăn hết sạch dĩa thức ăn.

Trong thần thoại Bắc Âu, Loki là một gã khổng lồ đẹp trai nhưng gian ác. Bản tính của Loki là một ác thần, ưa chọc phá người khác, nên đã gây nhiều phen sóng gió cho các vị thần, và cuối cùng gây ra ngày tận thế Ragnarok.

Johann Georg Faust (khoảng 1480 - 1541): nhà giả kim, nhà chiêm tinh, nhà ảo thuật người Đức. Có nhiều giai thoại về cuộc đời ông

thông qua nhân vật tiến sĩ Faust được lưu truyền trong dân gian như một huyền thoại: người bán linh hồn cho quỷ dữ.

Cyanide hay Xyanua là tên gọi các hóa chất cực độc có ion $[C{\equiv}N]^-$

Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844 - 1900): nhà triết học người Phổ. Ông bắt dầu sự nghiệp như là một nhà ngữ văn học và viết nhiều bài phê bình yề tôn giáo, đạo đức, các vấn đề văn hóa đương thời, và triết học. Các tác phẩm của Nietzsche nổi bật với phong cách viết của ông, thường mang tính ẩn dụ và nhiều nghịch lý hơn là mức độ thông thường của các bài luận triết học.

“Götzen - Dammerung oder Wie man mit dem Hammer philosophirt” (Hoàng hôn của những thần tượng, hay, Làm thế nào để triết lý với một cây búa) là một quyển sách của Friedrich Nietzsche, được viết vào năm 1888, và được xuất bản vào năm 1889. Bản tiếng Việt có tựa là “Buổi hoàng hôn của những thần tượng hay Làm cách nào triết lý với cây búa” được xuất bản năm 2006 bởi Nhã Nam và NXB Vănhọc.

Zeno xứ Citium (khoảng 334 - 262 TCN): nhà triết học người Hy Lạp. Ông là người sáng lập ra chủ nghĩa khắc kỷ (stoicism). Trường phái khắc kỷ cho rằng mọi cảm xúc hủy hoại đều bắt nguồn từ những sai lầm trong đánh giá, và một nhà hiền triết, người có “trí tuệ và đạo đức phi phàm” sẽ không phải trải qua những cảm xúc như vậy, bởi họ biết làm chủ cảm xúc và tình cảm của mình.

Publius Cornelius Tacitus (khoảng 56 - 120): sử gia người La Mã. Hai tác phẩm lớn của ông là Annals (Biên niên nử) và Histories (Lịch sử) ghi chép về triều đại của các hoàng đế La Mã Tiberius, Claudius, Nero và những hoàng đế trị vì vào Năm tứ đế.

Epictetus (khoảng 50 - 135): triết gia theo chủ nghĩa khắc kỷ. Ông sinh tại Phrygia (nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ).

Marcus Aurelius Antoninus Augustus (121 - 180): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 đến khi ông mất vào năm 180. Ông là vị hoàng đế cuối cùng trong thời kỳ Ngũ hiền đế, và cũng được xem là một trong những nhà hiền triết kiệt xuất của trường phái khắc kỷ. Tác phẩm "Meditations" (Suy ngẫm), được ông viết bằng tiếng Hy Lạp, là một tác phẩm kinh điển của triết học khắc kỷ.

Johann Gottlieb Fichte (1762 - 1814): triết gia người Đức. Ông là một trong những nhân vật sáng lập của phong trào triết học được biết dưới tên Chủ nghĩa duy tâm Đức, vốn phát triển từ những bài viết về triết lý và đạo đức của Immanuel Kant. Fichte thường được xem là một người mà triết học của ông đã bắc cây cầu giữa các tư tưởng của Kant với nhà duy tâm người Đức Georg Wilhelm Friedrich Hegel.

Denis Diderot (1713 - 1784): nhà văn và nhà triết học người Pháp.

Frangois-Marie Arouet (1694 - 1778), nổi tiếng qua bút danh Voltaire, là một tác giả, bình luận gia, nhà thần luận và triết gia người Pháp.

Jean-Jacques Rousseau (1712 - 1778), sinh tại cộng hòa Geneva, là một nhà triết học thuộc trào lưu Khai sáng có ảnh hưởng lớn tới Cách mạng Pháp 1789, sự phát triển của lý thuyết xã hội và sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc. Rousseau cũng có nhiều đóng góp cho âm nhạc cả trên phương diện lý luận và sáng tác. Ông cũng viết tiểu thuyết và đóng góp quan trọng cho trào lưu lãng mạn trong văn học. Tác phẩm "Khế ước xã hội" của ông đã có nhiều ảnh hưởng tới triết học phương Tây.

Benvenuto Cellini (1500 - 1571): thợ kim hoàn, nhà điêu khắc, nhạc sĩ, nhà văn người Ý.

Louvre: viện bảo tàng nghệ thuật và lịch sử nằm tại Quận 1, thành phố Paris, Pháp.

Objet - d’art (tiếng Pháp): đồ mỹ nghệ.

Phát hiện sau đó là tay cầm vàng khá nặng, dài gần 8 inch (20 cm), khá lỏng lẻo và có thể dễ dàng tháo ra khỏi cây gậy. Tay cầm này nặng gần 2 pound (0,9 kg) và, như Vance đã quan sát, tạo thành một cái “dùi cui” có hiệu quả cao. Dù nó có được mở ra cho mục đích đã được nói đến hay không, thì hoàn toàn chỉ là sự phỏng đoán.

Entr’acte (tiếng Pháp): màn chuyển tiếp.

Tiếng Pháp: đoạn kết.